

ĐỜI SỐNG NỘI TÂM

(THE INNER LIFE)

C. W. LEADBEATER

ĐỜI SỐNG NỘI TÂM

(THE INNER LIFE)

QUYỂN III

Dịch Giả
TÂM THANH

CHI BỘ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ
HỘI THÔNG THIÊN HỌC HOA KỲ

2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I

THẾ GIỚI VÀ CÁC GIỐNG DÂN

Sự Hình Thành Của Một Thái Dương Hệ	7
Các Dây Hành Tinh	19
Các Làn Sóng Sinh Hoạt Liên Tục	28
Các Chân Thần Từ Dây Mặt Trăng	54
Dây Địa Cầu	70
Các Phương Pháp Cá Nhân Hóa	104
Bảy Cung	120

NHỮNG GHI CHÚ RẢI RÁC VỀ CÁC GIỐNG DÂN

Giống Dân Ái-Nhĩ-Lan	124
Giống Dân Tây Ban Nha	131
Giống Dân Do Thái	132
Giống Dân Atlantis	136
Hỏa Tinh Và Cư Dân Của Nó	139

CHƯƠNG II

LUÂN HỒI

Ba Định Luật Của Đời Người	152
Đầu Thai	154
Đặc Điểm Cá Nhân	173
Cầu Nối Với Kiến Thức Xưa	174
Khoảng Cách Giữa Các Kiếp Sống	177

CHƯƠNG III

LUẬT NHÂN QUẢ

Luật Cân Bằng	193
Phương Pháp Của Luật Nhân Quả	209
Nhân Quả Của Cái Chết	215
Nhân Quả Như Một Vị Thầy	221
Các Loại Nghiệp Quả	224
Nhân Quả Của Loài Thú	231

CHƯƠNG IV

HỘI THÔNG THIÊN HỌC

VÀ NGƯỜI SÁNG LẬP RA HỘI

Hội Thông Thiên Học Là Gì?	237
Thông Thiên Học Và Các Nhà Lãnh Đạo Trên Thế Giới	250
Hội Tưởng	261
Trung Thành Cho Đến Chết	274
Khóa Học Thông Thiên Học	283

CHƯƠNG I

THẾ GIỚI VÀ CÁC GIỐNG DÂN

SỰ HÌNH THÀNH CỦA MỘT THÁI DƯƠNG HỆ

Toàn bộ bảy cõi trong Thái dương hệ của chúng ta tạo nên cõi thấp nhất trong các cõi vĩ đại của vũ trụ. Có một thời điểm mà cõi thấp nhất này chỉ có đúng một chất liệu nguyên tử, hay nói một cách khác, các bọt tiên thiên khí. Có thể nói đây là tình trạng khởi đầu của nơi hình thành một Thái dương hệ. Khi Đức Thái Dương Thượng Đế chọn biểu lộ - khi Ngài đi từ cõi vĩnh hằng vào thời gian vì muốn tạo ra hệ thống này, Ngài khởi đầu bằng cách vạch ra một khu vực rõ ràng mà ranh giới của nó có lẽ là vòng hào quang của Ngài.

Trong khu vực đó, Ngài bắt đầu công việc của mình bằng cách sử dụng các bọt tiên thiên khí - có lẽ được tạo ra bởi một vị Thượng Đế thậm chí còn

cao vời hơn Ngài - như vị Thượng Đế đó đã tạo ra các hạt nguyên tử thuộc về cõi cao nhất của chúng ta và tạo ra Thái dương hệ này trong bảy hơi thở. Ví dụ, Ngài không phải làm ra chất liệu của cõi trần trực tiếp từ chất liệu của cõi trung giới mà hít vào trong chính Ngài một số chất liệu trung giới rồi thở chúng ra theo một công thức phối hợp hoàn toàn mới. Do đó, chúng ta có những gì đôi khi được gọi là một *tanmatra* mới, cũng như là một *tattwa* mới cho mỗi cõi.

Tôi đã nghe được định nghĩa ngắn gọn và rõ ràng nhất về những danh từ này từ Ông T. Subba Rao¹ quá cố. Ông đã từng nói rằng:

“*Tanmatra* là sự thay đổi trong tâm thức của Thượng Đế và *tattwa* là kết quả của sự thay đổi đó trong vật chất. Bạn có từng thấy một làn sóng nhỏ lặng lẽ vỗ lên bãi cát rồi rút xuống dưới nhưng để lại đằng sau một lần trên bãi biển để đánh dấu mức giới hạn của nó hay không? Khi ngọn thủy triều dâng lên, ngọn sóng kế tiếp sẽ vỗ xa hơn nữa trên bãi cát, tạo ra một dấu tích rồi lại chuồi xuống dưới. Bạn có thể nghĩ về *tanmatra* như làn sóng đó, một sự thay đổi tạm thời của đại dương, và lần mới được vạch ra trên bãi cát như là biểu tượng của *tattwa*. Ý nghĩa của danh từ *tattwa* có lẽ là “đặc tính đó” hoặc “bản chất sẵn có đó.”

1 T. Subba Rao là một nhà Thông Thiên Học nổi tiếng vào thế kỷ 19.

Khi chúng ta đi xuống các cõi thấp hơn, mặc dù hạt nguyên tử của các cõi đó không phải được tạo ra trực tiếp từ nhau, nhưng nó cũng đúng là hạt nguyên tử của các cõi thấp hơn không thể nào được hình thành nếu các bọt tiên thiên khí tạo ra nó đã không có sẵn kinh nghiệm từ lúc chúng tạo ra các hạt nguyên tử của các cõi bên trên. Hạt nguyên tử của cõi thứ nhì (Đại Niết Bàn) đã sẵn có 49 bọt tiên thiên khí, và hạt nguyên tử của cõi thứ ba (cõi Niết Bàn) có đến 2,401 bọt tiên thiên khí (hoặc 49^2). Tỷ lệ này sẽ được giữ y như vậy cho đến cõi cuối cùng, cho nên cùng một năng lượng tạo ra 49 hạt nguyên tử của cõi trung giới chỉ tạo ra một hạt nguyên tử hồng trần, với các bọt tiên thiên khí được sắp xếp khác nhau.

Nếu chúng ta có thể lấy hạt nguyên tử hồng trần và đặt nó trở lại từng cõi cao hơn cho đến cõi cao nhất, chúng ta sẽ thấy nó chứa đựng khoảng 14 tỷ (49^6) bọt tiên thiên khí. Tuy nhiên, khi Thượng Đế tạo ra các cõi, chất liệu của một cõi được rút vào bên trong Ngài và phân tán thành các bọt tiên thiên khí như lúc ban đầu, rồi sau đó mới được tái phối hợp để tạo ra chất liệu của cõi kế tiếp thấp hơn. Có lẽ thần lực của vị Thượng Đế cao vời hơn nữa được dùng để tạo ra các bọt bong bóng bên trong *koilon*² là cái mà Bà gọi là *fohat*, vì bạn nên nhớ rằng điều

² *Koilon* là chất liệu nguyên thủy của vũ trụ với độ đặc kinh hồn.

này đã được nhắc đến như là khoan các lỗ trong không gian, và các lỗ đó có thể là các bọt cực nhỏ này, thay vì là các thái dương hệ, như chúng ta đã giả định lúc ban đầu.

Tôi không biết là mỗi bọt tiên thiên khí có xoay quanh trục của nó hay không. Hãy nhớ, nó không phải như bọt xà-bông, vốn chỉ là một lớp phim mỏng của nước có bề mặt ở bên trong và bên ngoài để bao bọc không khí bên trong nó. Thật ra, nó giống như bọt sô-đa thì đúng hơn, chỉ có một bề mặt, nơi mà không khí gặp nước. Khi chúng ta sử dụng thị lực cao nhất để nghiên cứu nó, nó hình như hoàn toàn trống rỗng nên chúng ta không thể biết được liệu có bất kỳ một hoạt động nào xảy ra bên trong hay không. Nó dường như không có bất cứ một hoạt động gì của riêng nó, nhưng một bọt hoặc một khối của nó có thể được di chuyển từ bên ngoài bằng nỗ lực của ý chí. Hai bọt tiên thiên khí không thể nào chạm vào nhau trong bất cứ trường hợp nào.

Hình vẽ của hạt nguyên tử hồng trần nằm đối diện với trang tiêu đề của quyển *Minh Triết Cổ Truyền* không phải là hoàn toàn chính xác, nó nhìn quá bằng phẳng như một miếng mề đay nhỏ (locket). Hình vẽ trong cuốn *Hoá Học Huyền Bí* còn chính xác hơn nhiều. Trên thực tế, hạt nguyên tử nhìn gần tròn như một quả cầu, với các điểm nhô ra của nó nằm gần trên bề mặt của quả cầu. Nó nhìn hơi giống như một cái lồng sắt được cấu tạo bằng

mười sợi dây dài vô tận nằm cách nhau và không bao giờ sẽ chạm vào nhau - có nghĩa là, nếu bất cứ một sợi dây nào được tháo ra rồi đặt nằm xuống mặt phẳng, nó sẽ là một vòng tròn. Sự sắp xếp của nó khá phức tạp và cần có một hình vẽ để làm cho nó rõ ràng hơn. Nếu ai có thể nặn ra được một hình mẫu thì tốt hơn, nhưng không ai có đủ kiên nhẫn hoặc thời gian để làm ra nó.

Khi nhìn lại hình vẽ trong quyển *Hoá Học Huyền Bí*, người ta sẽ thấy rằng có ba dây trong mười sợi dây này dày hơn số còn lại, vì trong ba sợi dây này có bảy bộ vòng xoắn không thật sự ăn khớp với nhau như là trong các sợi dây khác, bởi vì cứ 700 vòng xoắn thì lại có thêm bốn hạt nguyên tử. Điều này có nghĩa là có thêm một bọt cứ cách mỗi 175 bọt tiên thiên khí, và đó là nguyên nhân tại sao ba sợi dây này có vẻ to hơn số còn lại. Một nhà khoa học, khi phê bình bài viết *Koilon*, nói rằng một người thật không thể nào đưa ra một con số chính xác khi làm việc với các phân tử nhỏ như vậy, nhưng đó là vì ông ta không hiểu nó chỉ là vấn đề đếm và so sánh các con số với nhau mà thôi.

Hạt nguyên tử có ba cách chuyển động riêng của nó: (1) xoay quanh trục của nó, (2) chạy vòng theo quỹ đạo vì nó luôn chạy quanh một vòng tròn nhỏ, và (3) đập như một trái tim, một sự co giãn liên tục. Ba loại chuyển động này lúc nào cũng diễn ra và không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ lực nào từ bên

ngoài. Một lực từ bên ngoài, chẳng hạn như một tia ánh sáng, sẽ làm cho nguyên cả hạt nguyên tử di động lên xuống một cách dữ dội, giai đoạn chuyển động lâu hay mau này tùy vào cường độ của ánh sáng, và làn sóng (wave-length) của nó được quyết định bởi màu sắc của ánh sáng. Một điều kỳ lạ là khi chuyện này xảy ra, một trong bảy sợi dây nhỏ của hạt nguyên tử bắt đầu phát sáng, sợi nào tương ứng với màu sắc của ánh sáng sẽ là sợi dây làm cho toàn bộ hạt nguyên tử di động.

Nhờ vào thần lực của Thượng Đế tuôn tràn qua nó mà hạt nguyên tử tồn tại, cũng như ở một góc đường, một cơn gió lốc cuốn các chiếc lá và bụi với nhau thành một cột xoắn nhỏ nên nó hiện hữu. Cũng như thế, sự tồn tại của vật chất hoàn toàn lệ thuộc vào ý nghĩ liên tục trong tâm trí của Thượng Đế; nếu Ngài chọn rút thần lực của Ngài ra khỏi cõi trần - không còn suy nghĩ về nó nữa - tất cả các hạt nguyên tử hồng trần sẽ lập tức tan rã, và toàn bộ cõi trần sẽ lập tức biến mất, như ánh sáng của một ngọn nến khi bị thổi tắt.

Ngoài thần lực giữ cho hạt nguyên tử tồn tại trong hình dạng xoắn ốc của nó, Thượng Đế cũng có những lực khác tác động chung quanh các cuộn dây của nó - hay có lẽ nói đúng hơn, một trong các thần lực của Ngài đang tác động lên một số cấp bậc khác nhau. Bảy cấp bậc của thần lực này cuối cùng sẽ tác động lên bảy bộ vòng xoắn ở cuối vòng tuần

hoàn thứ bảy, nhưng tạm thời một số lực vẫn chưa hoạt động vì hiện giờ chỉ mới là vòng tuần hoàn thứ tư.

Có một số lý do để tin rằng cái mà các nhà khoa học gọi là hạt âm điện tử (*electrons*) có thể là thứ mà chúng ta gọi là hạt nguyên tử cõi trung giới, vì họ đã nói rằng hạt nguyên tử hoá học của hydrogen có lẽ chứa được khoảng 700 đến 1,000 hạt âm điện tử. Bây giờ, tình cờ ta thấy rằng trong hạt nguyên tử hoá học của hydrogen chứa được 882 hạt nguyên tử trung giới. Có lẽ đây là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng dường như điều này thật khó xảy ra. Nếu giả thuyết này là đúng, nó có nghĩa là trong một vài thí nghiệm của họ, các nhà khoa học của chúng ta đã thật sự phân tán được chất liệu hồng trần và thấy nó lại cõi trung giới. Trong trường hợp đó, có lẽ họ sẽ phải sớm chấp nhận sự tồn tại của chất liệu trung giới, mặc dù tự nhiên họ sẽ không nghĩ rằng nó là gì cả ngoại trừ nó là một phần nhỏ hơn nữa của chất liệu hồng trần.

Tôi không biết trong các trường hợp như vậy, các hạt nguyên tử hồng trần bị phân tán liệu có tự kết hợp lại với nhau hay không. Tuy nhiên, trong các thí nghiệm của chúng tôi, khi một hạt nguyên tử hồng trần bị phân tán thành các hạt nguyên tử thuộc về cõi trung giới hoặc cõi trí bằng nỗ lực của ý chí, nó chỉ có nghĩa là trong khoảnh khắc đó, ý chí của con người đang kháng cự lại ý chí thiêng liêng tạo

ra hạt nguyên tử đó. Nó đòi hỏi một nỗ lực đặc biệt để giữ hạt nguyên tử tạm thời trong một hình thù khác, và một khi ý chí của con người rút lui thì ý chí thiêng liêng sẽ lập tức tự khẳng định lại và hạt nguyên tử hồng trần sẽ được hình thành một lần nữa. Tuy nhiên, sự kiện này dường như chỉ áp dụng cho sự phân tán của hạt nguyên tử cơ bản của mỗi cõi, vì khi chúng tôi phân tán hạt nguyên tử hoá học thành hạt nguyên tử cơ bản hồng trần, nó vẫn cứ ở trong tình trạng đó chứ không trở lại trạng thái ban đầu của nó.

Chúng tôi được cho biết rằng, trong không gian giữa các vì sao (hay giữa các thái dương hệ), các hạt nguyên tử đều nằm cách nhau đồng đều, và tôi tin rằng đây là trạng thái thông thường của chúng khi không bị quấy nhiễu. Đây là ý nghĩa của các hạt nguyên tử được “*tự do*.” Tuy nhiên, trong bầu khí quyển của một hành tinh, chúng không bao giờ được tìm thấy trong trạng thái này vì thậm chí khi chúng không bị tụ hợp lại thành một nhóm với nhau theo nhiều hình thức, chúng cũng bị ép sát vào nhau do ái lực.

Con người có một nhân thể ở cảnh nguyên tử của cõi trí, nhưng các hạt nguyên tử cõi trí tạo ra nhân thể sẽ bị ép lại với nhau bởi ái lực để tạo ra một hình dáng nhất định và dày đặc, mặc dù bản thân chúng không hề bị thay đổi hoặc tụ lại để trở thành các phân tử (molecules). Một cơ thể như vậy

có thể tồn tại thoải mái ở chính cảnh nguyên tử của nó gần một hành tinh, nơi mà chất liệu nguyên tử tồn tại trong trạng thái bị ép lại. Tuy nhiên, nó không thể nào di chuyển hoặc hoạt động được trong một vùng không gian xa xôi hơn, nơi mà các hạt nguyên tử được hoàn toàn tự do và không bị ép lại với nhau.

Điều kiện trong không gian giữa các hành tinh có lẽ không giống như giữa các vì sao (hay các Thái Dương Hệ) vì nó có quá nhiều sự va chạm từ chất liệu của sao chổi và thiên thạch (comets and meteors), cùng với sức hút mãnh liệt của mặt trời cũng tạo ra một sức ép khá lớn trong phạm vi hệ thống của nó. Thật vậy, vòng xoáy mà Thượng Đế tạo ban đầu dĩ nhiên vẫn còn hoạt động, và một phản tác động của nó là thu hút các chất liệu từ không gian chung quanh để ép chúng lại với nhau. Tôi không có thông tin gì cho câu hỏi liệu các hạt nguyên tử trôi nổi trong ranh giới của một thái dương hệ có nhất thiết phải được làm sinh động bởi loài tinh hoa chất hay không, nhưng theo tôi, dường như khả năng này chỉ có thể xảy ra với các hạt nguyên tử tạo nên thể trí, thể vía và thể xác của mặt trời (thể cuối cùng dĩ nhiên bao gồm bầu khí quyển và các dạng thấp hơn của chất liệu dĩ thái), và một số hành tinh và các sao chổi khác cũng được làm sinh động như thế.

Dù sao đi nữa, như chúng tôi đã nói lúc ban đầu, Thượng Đế chọn một vùng hoạt động của Ngài, một khu vực với diện tích vượt quá tầm hiểu biết của chúng ta. Khoa thiên văn cho chúng ta biết rằng khoảng cách giữa các thái dương hệ xa đến nỗi tỷ lệ của nó so với kích thước của chính các thái dương hệ là khổng lồ. Tuy nhiên, có thể là các vị Thượng Đế của các hệ thống đó vẫn giữ liên lạc với nhau, và mỗi thái dương hệ hiện hữu ở trung tâm của mỗi bầu cực lớn đó đại diện cho phần cô đọng lại của vật liệu ban đầu nằm rải rác khắp toàn bộ khu vực của diện tích bao la đó, trong tình trạng phân tích nhỏ nhất có thể của nó - có lẽ là tình trạng của các bọt tiên thiên khí, hạt nguyên tử ở cõi cao nhất của chúng ta.

Ở một giai đoạn nhất định nào đó trong quá trình đông đặc lại hoặc ép lại của vật chất, một thời điểm khi đường bán kính của quả cầu của Ngài vẫn còn vươn xa khỏi vòng quỹ đạo của hành tinh bên ngoài cùng của hệ thống chúng ta ngày nay, Ngài thiết lập bên trong nó một vòng chuyển động xoay tít kèm theo tác động của một dòng điện cực mạnh, do đó tạo ra một thứ xoáy lốc khổng lồ theo nhiều chiều đo khác nhau. Sức ép của khối vật chất quay cuồng này sẽ diễn ra liên tiếp trong một thời gian dài vô tận đối với chúng ta, và trong quá trình này Ngài sẽ thở ra bảy hơi thở mà chúng ta đã nhắc đến trước đây, do đó kết hợp các bọt tiên thiên khí trở

thành chất liệu nguyên tử của các cỗi khác nhau. Cuối cùng sẽ đến một thời điểm mà Ngài truyền cho nó một loại điện kích động để nó có thể lắng đọng xuống thành một trạng thái (cỗi) vật chất thấp hơn, nên thay vì chỉ là những tập hợp của các hạt nguyên tử, nó trở thành một sự phối hợp chặt chẽ giữa chúng, thường là một khối khí hydrogen phát sáng.

Ở đây, chúng ta có giai đoạn của một khối tinh vân khổng lồ (nebula) mà trong đó có nhiều thái dương hệ khác nhau trong vũ trụ của chúng ta đang thành hình, một dữ kiện có thể được nhìn thấy qua bất kỳ ống kính viễn vọng lớn nào. Khi bầu tinh vân của chúng ta xoay quanh trục của nó dần dần nguội lại, co lại rồi dẹt xuống, nó cuối cùng trở thành một chiếc đĩa quay khổng lồ thay vì một quả cầu. Các đường nứt sẽ nhanh chóng hiện ra trong cái đĩa này, và nó sẽ vỡ ra thành các vòng đai với hình thù hơi giống sao Thổ (Saturn) và các vùng lân cận của nó, nhưng ở một quy mô khổng lồ hơn. Tại một điểm được chọn ở mỗi vòng đai này, một vòng xoáy phụ được thiết lập và dần dần nhiều chất liệu trong vòng đai này sẽ được tụ tập vào trong đó. Sự chấn động gây ra các mảnh vỡ đã tạo ra một sức nóng để biến chúng thành trạng thái khí và do đó tạo ra một quả cầu khí phát sáng khổng lồ mà lúc nguội lại, nó đông đặc trở thành một hành tinh.

Tuy nhiên, hành tinh được hình thành ở vành đai của phần đặc biệt của hệ thống này không phải

là trái đất mà là mặt trăng. Chúng ta thường nghĩ về mặt trăng như là một vệ tinh (satellite) của trái đất, trong tâm trí của chúng ta so sánh nó với vệ tinh của Hỏa Tinh (Mars), Mộc Tinh (Jupiter) hoặc Thổ Tinh, nhưng trên thực tế, sự so sánh này không công bằng, vì mặt trăng là một hành tinh bạn hơn là một vệ tinh. Không có vệ tinh nào trong thái dương hệ này có tỷ lệ của nó tương đương với hành tinh chủ như mặt trăng đối với trái đất, mặc dù hiện giờ nó đã nhỏ hơn nhiều so với khi trước, như sẽ được giải thích sau đây. Nó là một hành tinh thuộc cỏi trần của dãy mặt trăng, và nhân loại hiện nay của chúng ta đã từng cư ngụ ở đó trong quá khứ, mặc dù lúc đó chúng ta thuộc về một giai đoạn tiến hoá thấp hơn thuộc về loài cầm thú.

Trái đất ra đời khi sự sống trên mặt trăng đã kết thúc. Một vòng xoáy mới được thiết lập cách mặt trăng không xa, và phần chất liệu còn lại của vòng đai được dần dần tập hợp vào bên trong nó. Kết quả của các va chạm một lần nữa tạo ra một quả cầu khí phát sáng, bao bọc cơ thể của mặt trăng và rất nhanh giảm nó xuống tình trạng của chất khí tương tự. Khi khối lượng tổng hợp này từ từ nguội lại, sự đông đặc diễn ra chung quanh hai vòng xoáy, nhưng hầu hết phần lớn vật chất được hút theo vòng xoáy mới để trở thành trái đất, bỏ lại mặt trăng với một thể xác nhỏ hơn khi trước và hoàn toàn bị hút hết nước và không khí.

Do sức nóng dữ dội, mặt trăng vẫn còn ở trong trạng thái dẻo như bùn nóng, và trái đất lúc đầu cũng phải chịu nhiều vụ núi lửa nổ tung khủng khiếp. Trong quá trình này, các khối đá khổng lồ với đường kính dài thường cả mấy trăm dặm bị bắn tung lên trong không gian rất xa theo mọi hướng. Phần lớn khối đá này rơi trở lại trên mặt đất, nhưng có một số bắn chạm đến mặt trăng trong khi nó còn trong trạng thái dẻo như nhựa và do đó tạo ra nhiều hố trũng khổng lồ mà hiện nay chúng ta gọi là miệng núi lửa của mặt trăng. Bất cứ ai chịu khó liệng một vài viên sỏi vào bùn đúng lúc ở giai đoạn dẻo của nó sẽ thấy rằng kết quả này sẽ hoàn toàn giống như kết quả mà chúng ta quan sát được trên bề mặt của mặt trăng. Mặt trăng có một số miệng núi lửa thật sự của nó, nhưng không nhiều.

Mặt trăng hiện nay giống như một khối than khổng lồ, cứng nhưng xốp, với độ đặc không khác gì đá bọt (pumice stone), nhưng cứng hơn. Hiện giờ, không có bất cứ một hình thức hoạt động nào đang diễn ra trên bề mặt của mặt trăng. Nó đang từ từ tan rã, và chúng tôi được biết rằng trong vòng tuần hoàn thứ bảy của chúng ta, nó sẽ tan biến mất và vật liệu của nó (và có thể một số từ bầu của chúng ta) sẽ được sử dụng để thiết lập một thế giới mới mà sẽ là bầu hành tinh duy nhất thuộc về cõi trần trong lần đầu thai kế tiếp của dãy chúng ta. Đối với bầu mới

đó, những gì còn lại trên trái đất này sẽ hoạt động như là một vệ tinh.

Mặt trăng thường được mô tả trong văn chương Thông Thiên Học là bầu thứ tám bởi vì nó không phải là một trong bảy bầu hành tinh của dãy Địa Cầu, nơi mà sự tiến hoá đang diễn ra. Do đó, nó được gọi là “ngõ cụt,” nơi mà chỉ có rác rưởi tụ tập, và nó giống như một đồng bụi hoặc một thùng rác của Thái Dương Hệ chúng ta - một bể rác cảm dục của nhiều loại mảnh vụn đang thổi rửa bị ném vào, chẳng hạn như một phàm ngã bị đánh mất vì nó tự xé mình ra khỏi linh hồn đã cho phép nó tuột khỏi tầm tay của y theo cách mà tôi đã giải thích trong quyển đầu tiên của bộ sách này, trong đoạn “Linh Hồn Bị Đánh Mất.”

CÁC DẪY HÀNH TINH

Thái dương hệ của chúng ta hiện có mười dãy, mỗi dãy có bảy bầu, và chúng đang tiến hoá bên cạnh nhau, tuy ở các giai đoạn khác nhau. Trong số này, bảy dãy có một bầu hoặc nhiều hơn đại diện cho chúng ở cõi trần, nhưng ba dãy kia chỉ tồn tại ở những cõi cao hơn. Một dãy có bao nhiêu bầu ở cõi trần và vào thời điểm nào là tùy vào giai đoạn tiến hoá của nó. Các bầu của mỗi dãy trình bày cho chúng ta thấy một chu kỳ tiến hoá nhỏ của việc đi

sâu vào vật chất rồi rút lên ra khỏi nó, và cũng theo cách như vậy, mỗi dây cũng đầu thai liên tục, thâm nhập vào vật chất đặc hơn để rồi rút lên ra khỏi nó. Dây của chúng ta hiện đang ở trong mức độ vật chất đậm đặc nhất, nên ba trong bảy bầu của nó đang ở cõi trần, hai bầu ở cõi trung giới, và hai bầu còn lại ở cõi hạ trí.

Chúng tôi thường dùng chữ trong bảng chữ cái để đánh dấu các bầu này theo thứ tự của chúng; vì thế, chúng tôi nên giới thiệu tình trạng hiện thời bằng cách nói rằng bầu A và G là ở cõi hạ trí, bầu B và F là ở cõi trung giới, và bầu C, D, và E là ở cõi trần, với C và E nhỏ hơn D. Người ta sẽ thấy rằng khi sự sống đi vòng qua một dây, nó đang từ từ đi sâu xuống vào vật chất từ bầu A đến D, nhưng nó sẽ quay ngược trở lên và liên tiếp bỏ xuống những lớp màn che của vật chất khi nó đi lên từ bầu D đến G.

Đây là tình trạng đầu thai lần thứ tư và vật chất (đậm đặc) nhất của mỗi dây. Nhưng trong lần đầu thai thứ ba và thứ năm của nó, mỗi dây đều có bầu hành tinh thứ nhất và thứ bảy ở cõi thượng trí, bầu thứ nhì và thứ sáu ở cõi hạ trí, bầu thứ ba và thứ năm ở cõi trung giới, và chỉ có một bầu hành tinh duy nhất là bầu thứ tư ở cõi trần. Trong lần đầu thai thứ hai và thứ sáu, mỗi dây sẽ ở một tầng cao hơn: bầu hành tinh thứ tư ở cõi trung giới, bầu thứ ba và thứ năm ở cõi hạ trí, bầu thứ nhì và thứ sáu ở cõi thượng trí, và bầu thứ nhất và thứ bảy ở cõi Bồ Đề.

Trong lần đầu thai thứ nhất và thứ bảy của một dãy, nó sẽ ở một cõi thậm chí cao hơn nữa, vì lúc đó bầu hành tinh thấp nhất sẽ ở cõi hạ trí, và bầu thứ nhất và thứ bảy sẽ ở cõi mà chúng ta gọi là cõi Niết Bàn.

Chúng tôi thật khó có thể giải thích được ý nghĩa của một bầu hành tinh ở các cõi siêu việt như cõi Niết Bàn và Bồ Đề, và có lẽ chúng tôi cũng không nên dùng danh từ (*hành tinh*) như vậy để mô tả nó. Thật ra, những gì mà chúng tôi muốn nói chỉ là có một chỗ nhất định trong không gian cho một nhóm Chân Thần đặc biệt để tiến hoá, qua các cơ quan làm việc ở những cõi siêu việt như thế.

Mỗi bầu trong số bảy mươi hành tinh này có thể được coi như là giữ một vị trí đặc biệt trong không gian và nó xoay vòng, hoặc bị bắt buộc theo một cách nào đó, quanh mặt trời của chúng ta. Trong số bảy mươi hành tinh này, chỉ có mười hai hành tinh thuộc về cõi trần, và ngay trong số mười hai hành tinh này, có một hành tinh còn chưa được công nhận bởi khoa học, và hai hành tinh khác chỉ mới vừa được khám phá ra gần đây.

Sự hiện hữu của Vulcan (Hoả Diệm Vương Tinh) đã được công nhận bởi các nhà thiên văn một thế kỷ trước đây, nhưng vì nó không còn được nhìn thấy nữa hiện nay nên các nhà khoa học hiện giờ cho rằng các quan sát trước đó là sai. Không có một nhà thiên văn nào có thể tưởng tượng được có hai hành tinh nằm ngoài vòng quỹ đạo của Hải Vương

Tinh (Neptune) ở thời điểm chúng được đề cập đến lần đầu tiên trong các bài viết của Thông Thiên Học, nhưng hiện giờ sự hiện hữu của chúng đã được chấp nhận do hậu quả của sự phản hồi lệch hướng mà chúng tạo ra trong quỹ đạo của một số sao chổi nhất định.

Bà Blavatsky nói rằng Hải Vương Tinh không phải thuộc Thái dương hệ của chúng ta, nhưng chắc chắn nó xoay vòng quanh mặt trời của chúng ta. Do đó, Bà Blavatsky chắc hẳn đang nói theo một cách thần bí hoặc tượng trưng nào đó khi bà dùng những lời như vậy. Cũng từ góc nhìn huyền bí học, dãy Hải Vương Tinh cũng rõ ràng là một phần của hệ thống chúng ta, một trong mười dãy tạo nên nó, nên chúng tôi tạm thời không thể giải thích được ý nghĩa của lời tuyên bố của Bà Blavatsky. Điều này ít nhất không hàm ý rằng nó thực sự vô nghĩa hoặc không chính xác.

Chúng tôi thường tìm thấy một vài đoạn trong bài viết của Bà mà từ lâu chúng tôi phải đặt chúng qua một bên là khó hiểu hoặc nghịch lại với các sự kiện được biết, nhưng chúng lại mang một ý nghĩa đặc biệt và theo một nghĩa nào đó lại là đúng, mặc dù các điều này chỉ được khám phá ra sau khi một khía cạnh mới về chủ đề đó được đưa ra (bằng cách nhìn thật sâu) về các cõi cao hơn. Chắc chắn ở một thời điểm thích hợp nào đó, lời tuyên bố bí ẩn về

Hải Vương Tinh cũng sẽ được chứng minh là một trường hợp như trên.

Bên cạnh sự tiến hoá diễn ra trên bảy mươi hành tinh mà chúng ta đã nói, còn có những dòng tiến hoá khác đang xảy ra, vì mỗi tác không gian đều được tận dụng. Thậm chí trong chính bọt tiên thiên khí cũng có thể đang có một sự tiến hoá đang diễn ra mà chúng ta không biết đến và cũng không thể tưởng tượng nổi. Chúng ta còn biết rất ít về hệ thống kỳ diệu mà chúng ta thuộc về; tất cả những gì Thông Thiên Học đã dạy, tuy đã làm thay đổi khá nhiều cuộc sống của chúng ta, nhưng nó chỉ vén lên một góc nhỏ của bức màn che. Tất cả không gian đều tràn ngập sự sống, và thậm chí còn có những dòng tiến hóa thấp hơn cõi trần. Đôi khi, con người có tiếp cận với dòng tiến hóa thấp hơn đó, dù việc này không bao giờ là một điều tốt. Tuy nhiên, chúng ta sẽ phạm một sai lầm lớn nếu ta nói về cư dân của thế giới thấp hơn này là xấu xa. Chắc chắn rằng dòng tiến hoá này sẽ gây hại cho chúng ta nếu ta vướng mắc vào nó, nhưng đó chỉ là vì nó không phải dành cho chúng ta.

Trong bảy dãy có các bầu hành tinh ở cõi trần, theo thứ tự từ vị trí của dãy gần mặt trời nhất rồi ra ngoài, chúng ta có trước tiên là Vulcan (Hoả Diệm Vương) với một bầu duy nhất ở cõi trần, nó nhỏ và rất nóng. Dãy Hoả Diệm Vương hiện đang ở lần đầu thai thứ ba của nó, nhưng chúng tôi được cho biết

rằng hệ thống tiến hoá của nó sẽ không mang các thực thể của nó đến trình độ tiến hóa cao như các cư dân của bầu hành tinh chúng ta sẽ đạt được ở thời điểm kết thúc (quả vị Chân Tiên).

Thủy Tinh (Mercury) là hành tinh kế tiếp và thuộc về dãy địa cầu.

Kim Tinh (Venus) là hành tinh duy nhất ở cõi trần thuộc dãy của nó. Nó hiện đang ở vòng tuần hoàn thứ bảy của lần đầu thai thứ năm, và nó đại diện cho dòng tiến hoá cao nhất của nhân loại trong Thái Dương Hệ này. Do sự tiến hoá siêu phàm của nó nên nó có thể giúp đỡ các dãy khác kém tiến hoá hơn. Từ dãy này, như chúng ta đã biết, các vị Hỏa Đức Tinh Quân (Lords of the Flame) đã giáng phàm để đẩy mạnh sự tiến hoá của nhân loại vào giữa chu kỳ của giống dân chính thứ ba của chúng ta.

Có một dữ kiện đáng chú ý là khoảng 150 năm trước đây, qua nhiều lần quan sát, các nhà thiên văn đã ghi lại sự hiện diện của một vệ tinh của Kim Tinh mà hiện nay chắc chắn đã không còn bầu nào như thế nữa. Suy luận thông thường là các nhà thiên văn trước đây đã lầm lẫn. Tuy nhiên, điều này thật là không thể nào đối với con số và nhân phẩm của các nhân chứng, cũng như các cuộc quan sát đã được lập đi, lập lại nhiều lần của họ. Nó đã được nhìn thấy bởi các nhà thiên văn nổi tiếng như Cassini và Short vào năm 1761, không phải chỉ một lần mà nhiều lần như thế, qua các ống kính viễn

vọng khác nhau. Nó cũng được quan sát bởi Scheuten trong toàn bộ đường di chuyển của nó với sao Kim Tinh trong cùng năm đó, và nó được nhìn thấy bốn lần bởi Montaigne và một lần nữa vào năm 1764 bởi Rodkier, Horrebow và Montbaron. Đường kính của nó được ước lượng là khoảng hai ngàn dặm. Chắc hẳn sự quan sát của tất cả các nhà thiên văn này đều đúng vì chúng tôi được cho biết rằng trong vòng tuần hoàn thứ bảy của chúng ta, mặt trăng sẽ tan rã và chúng ta sẽ không còn có một vệ tinh nữa. Có thể đây là một trường hợp ngẫu nhiên vì sao Kim Tinh hiện giờ đang ở trong vòng tuần hoàn thứ bảy, nhưng đó thật là một điều kỳ lạ.

Các hành tinh kế tiếp là Địa cầu (Earth) và Hỏa Tinh (Mars), và hai bầu này cùng với Thủy Tinh là ba hành tinh ở cõi trần của một dãy đang ở trong lần đầu thai thứ tư của nó. Trái đất của chúng ta (hành tinh D) là bầu thấp nhất và vật chất nhất trong dãy của nó, trong khi Hỏa Tinh là hành tinh C và Thủy Tinh là hành tinh E. Nhiều thành viên tiến hoá hơn của nhân loại chúng ta đã không có mặt ở Hỏa Tinh khi làn sóng của sự sống vĩ đại đi qua nó lần cuối, như sẽ được giải thích ở sau, nhưng phần lớn nhân loại chắc chắn đã từng đầu thai nhiều lần trên bầu hành tinh này, và chúng ta đã để lại nhiều thành tích về sự hiện hữu của mình, đương nhiên đang được tận dụng bởi các cư dân hiện nay. Khi thời gian cư ngụ của chúng ta ở trái đất này đã viên mãn, mọi

người chúng ta sẽ đi đến một đời sống ít thiên về vật chất hơn ở sao Thủy Tinh, nơi mà tâm thức bình thường của con người sẽ vươn ra xa hơn so với hiện giờ, vì con người trung bình lúc đó sẽ sở hữu một cái được gọi là thị lực dĩ thái. Theo như tôi biết, không có một căn cứ gì cho lời tuyên bố của một tác giả gần đây nói rằng tên thật của sao Thủy Tinh và Kim Tinh đã được hoán đổi với nhau. Quả thật, vì chúng tôi biết rất nhiều về các hành tinh này nên ý tưởng đó thật không thể tin được.

Kế tiếp là các tiểu hành tinh (asteroids) mà vật liệu của chúng đôi khi sẽ được dùng để tạo ra một thế giới khác, nhưng chúng ta không nên để tâm đến chúng hiện giờ.

Hành tinh khổng lồ của Thái Dương Hệ chúng ta là Mộc Tinh (Jupiter) có một dãy riêng của nó và đang ở giai đoạn đầu của sự tiến hóa. Như chúng tôi được biết hiện nay, khó có sự sống nào tồn tại được trên bề mặt quá nóng của nó, nhưng các vệ tinh của nó đều có cư dân. Trên bề mặt của nó có những biển kim loại nóng chảy, và tình trạng tương tự cũng tồn tại trên tất cả các hành tinh khổng lồ khác bên ngoài. Nó có mật độ tương đương với nước nếu bạn lấy toàn bộ khối lượng của nó; tuy nhiên, những gì chúng ta nhìn thấy được chỉ thực sự là bên ngoài của một đám mây dày cả hàng ngàn dặm, vì vậy nên chúng ta có một ước lượng sai lầm về kích thước thật sự của nó. Hệ thống tiến hóa của Mộc Tinh hiện

giờ đang nằm ở vòng tuần hoàn thứ nhì của lần đầu thai thứ ba của nó. Chúng ta được cho biết hệ thống này sẽ nâng nhân loại của nó đến cấp độ tiến hóa cực cao.

Kế tiếp chúng ta đến Thổ Tinh (Saturn) với hệ thống của các vòng đai và vệ tinh tuyệt vời của nó. Nó là hành tinh duy nhất ở cõi trần trong dãy của nó. Nó cũng đang ở trong vòng tuần hoàn khá sớm của lần đầu thai thứ ba của nó, và chúng tôi được cho biết nó phát triển chậm hơn nhiều so với các hành tinh khác, nhưng cuối cùng nó cũng sẽ đạt tới một cấp độ tiến hóa siêu phàm.

Còn đối với các hệ thống của các hành tinh nằm bên ngoài là Thiên Vương Tinh (Uranus) và Hải Vương Tinh (Neptune), chúng tôi có rất ít thông tin, mặc dù chúng tôi biết rằng hệ thống sau (Neptune) đang ở trong lần đầu thai thứ tư, bởi vì sự thật là nó có thêm hai hành tinh nữa ở cõi trần trong dãy của nó, nhưng quỹ đạo của chúng lại nằm bên ngoài quỹ đạo của chính nó (hành tinh Neptune). Điều kiện tồn tại trên các thành viên khổng lồ nằm ngoài cùng của Thái Dương Hệ chúng ta chắc chắn phải hoàn toàn khác hẳn so với điều kiện ở trên các hành tinh nhỏ hơn ở bên trong, nên chúng ta thật không thể nào hình dung được bất cứ một ý tưởng gì về đời sống của các cư dân trên đó, thậm chí khi các bầu hành tinh đã nguội xuống trong tương lai.

CÁC LÀN SÓNG SINH HOẠT LIÊN TIẾP

Khái niệm về các làn sóng sinh hoạt liên tiếp tuôn ra từ Thượng Đế không phải là một điều khó hiểu, nhưng dường như có vài điều lầm lẫn thường hay nảy sinh trong tâm trí của người học sinh nghiên cứu về nó.

Có lẽ một phần của lỗi lầm này xuất phát từ việc là cụm từ “làn sóng sinh hoạt” (life-wave) được dùng trong văn chương Thông Thiên Học có ba nghĩa khác nhau. Trước nhất, nó được dùng để chỉ về ba làn sóng sinh hoạt (outpourings) của Sự Sống Thiêng Liêng mà nhờ đó Thái Dương Hệ của chúng ta được hình thành và sự tiến hóa của nó được cuu mang. Thứ nhì, nó được dùng để chỉ các thần lực liên tiếp tạo ra làn sóng sinh hoạt thứ hai, và tôi sẽ sử dụng cụm từ này đúng theo ý nghĩa thứ hai của nó hiện bây giờ. Thứ ba, cụm từ này cũng được coi như là sự di chuyển của sự sống từ bầu hành tinh này đến bầu khác trong dãy của chúng ta trong quá trình tiến hóa của nó.

Làn sóng sinh hoạt theo nghĩa thứ ba không đồng nghĩa với làn sóng sinh hoạt theo nghĩa thứ hai, mà bao gồm bảy loại thần lực của làn sóng thứ

hai hoạt động cùng một lúc, được coi như là một biểu hiện chung cho một thực thể đơn độc. Như chúng ta đã biết, hiện giờ chúng ta có tất cả bảy loài đang biểu lộ: loài người, loài thú, loài thảo mộc, loài kim thạch và ba loài tinh hoa chất đi trước loài kim thạch.

Chúng ta phải hiểu rằng tất cả các loài này đều là biểu hiện của cùng một sự sống - sự sống của Thượng Đế biểu lộ qua làn sóng sinh hoạt thứ hai đến từ phương diện thứ nhì của Ngài sau khi vật chất thô thiển đã được chuẩn bị sẵn bởi tác động của làn sóng sinh hoạt thứ nhất từ phương diện thứ ba của Thượng Đế để tiếp nhận nó (xin xem *Tín Điều Thiên Chúa Giáo*, trang 40). Làn sóng sinh hoạt thứ hai đến trong dạng một loạt các làn sóng kế tiếp nhau, làn sóng này theo sau làn sóng kia như các cơn sóng nhỏ của đại dương tiếp theo nhau. Mỗi làn sóng nhỏ này đã đạt đến giai đoạn hiện tại của nó bằng cách đi qua tất cả các giai đoạn đầu tiên, và trong mỗi giai đoạn này nó đã bỏ ra một khoảng thời gian tương xứng với sự sống của bảy thế giới (một vòng tuần hoàn), đôi khi được gọi là một chu kỳ khai nguyên (*manvantara*).

Nghĩa đen của chữ tiếng Phạn *manvantara* có nghĩa là một chu kỳ giữa hai vị Bàn Cổ, do đó nó có thể được áp dụng cho nhiều tầng cấp khác nhau. Chúng ta đã thấy từ quyển *Giáo Lý Bí Truyền* là mỗi giống dân đều có một vị Bàn Cổ, Ngài là một vị

Chân Tiên cao cấp chịu trách nhiệm và giám sát sự cấu tạo và phát triển của nó. Tuy nhiên, cũng có một vị Bàn Cổ cho mỗi chu kỳ của một thế giới của bảy giống dân; lại nữa, cũng có một vị Bàn Cổ cao cấp hơn giám sát sự phát triển của làn sóng sinh hoạt (theo ý nghĩa thứ ba của nó) qua bảy bầu hành tinh của một dãy; và vì toàn bộ quá trình qua bảy bầu được gọi là một vòng tuần hoàn, Ngài được gọi là Đức Bàn Cổ của một Vòng (the Round-Manu).

Bảy Vòng như vậy hoàn tất một chu kỳ sinh hoạt cho một dãy hành tinh - thật ra là một lần đầu thai của một dãy, và trong suốt chu kỳ dài đẳng đẳng này cũng có một vị Cao Cả chủ trì và Ngài cũng được tôn là Đức Bàn Cổ. Tuy nhiên, còn có Một Vị cao hơn nữa chủ trì luôn cả bảy dãy liên tiếp, có thể được coi như là bảy lần đầu thai của một dãy, và nó hoàn tất nguyên cả một hệ thống tiến hóa, nhưng Ngài không được gọi là Đức Bàn Cổ mà là vị Thượng Đế của bảy dãy, hoặc đôi khi được tôn là Đức Hành Tinh Thượng Đế. Do đó, chúng ta có một hệ thống cấp bậc trật tự của các vị Chân Tiên oai hùng cho đến chính bản thân Thượng Đế.

Vì vậy, rõ ràng là danh từ *manvantara* có thể được sử dụng để chỉ về các chu kỳ khác nhau, tùy theo nó được dùng cho định nghĩa nào vào lúc đó, nhưng trong các tài liệu Thông Thiên Học, nó thường được dùng để chỉ về chu kỳ của một dãy tiến hóa, khoảng thời gian cho một làn sóng sinh hoạt

hoàn tất bảy vòng tuần hoàn. Đối với một chu kỳ lớn hơn của bảy lần đầu thai liên tiếp của một dãy, danh hiệu *mahamanvantara* (đại chu kỳ khai nguyên) có nghĩa là một *manvantara* thật lớn, đôi khi cũng được sử dụng.

Bản đồ dưới đây có thể hữu ích cho các môn đồ của chúng ta vì nó tóm tắt một hệ thống tiến hóa:

7 Nhánh dân làm nên...	Một Giống dân phụ.
7 Giống dân phụ làm nên...	Một Giống dân chính.
7 Giống dân chính làm nên...	Một Thế giới.
7 Thế giới làm nên...	Một Vòng tuần hoàn.
7 Vòng tuần hoàn làm nên...	Một Dãy.
7 Dãy làm nên...	Một Hệ Hành tinh.
10 Hệ Hành tinh làm nên...	Một Thái dương hệ.

Hiện tại, thật không thực tế nếu chúng tôi cố gắng tìm ra số năm chính xác của những chu kỳ khổng lồ này. Các cuốn sách công truyền (exoteric) của Ấn độ giáo có đưa ra một con số nhất định, nhưng Bà Blavatsky nói với chúng tôi rằng chúng ta không thể tin tưởng hoàn toàn vào các con số này, vì có những yếu tố khác và những điều huyền bí liên quan đến chúng mà tác giả chưa cân nhắc. Chúng tôi không có thông tin trực tiếp gì về các điểm này, nhưng có một số nguyên do để nghi ngờ rằng thời gian của các vòng tuần hoàn không phải là cố định, mà có một số chu kỳ ngắn hơn các chu kỳ khác. Có người đưa ra ý kiến rằng các chu kỳ trước mắt chúng ta có lẽ sẽ không dài như những chu kỳ mà

chúng ta đã đi qua, nhưng một lần nữa, chúng tôi không có tin tức gì chắc chắn, và dường như thật vô ích để chúng ta suy đoán.

Trong tất cả các giai đoạn này, bảy làn sóng sinh hoạt đều cùng hoạt động. Mỗi một dãy đều có loài người và loài huỳnh đệ của họ: đó là loài thú, loài thảo mộc và loài kim thạch. Tuy nhiên, mỗi dãy này đều tiến hoá một cách từ tốn, nên làn sóng sinh hoạt hiện đang làm sinh động loài thú sẽ đi vào cấp bậc loài người ở dãy kế tiếp và cung cấp nhân thể (causal bodies) cho loài người ở dãy đó. Cũng vậy, làn sóng sinh hoạt hiện đang làm sinh động loài thảo mộc ở dãy chúng ta lúc đó sẽ làm sinh động loài thú ở dãy kế tiếp, và cứ như thế.

Từ việc này, nó đương nhiên có nghĩa là chúng ta đã từng là loài thú của dãy mặt trăng và loài thảo mộc của dãy trước đó. Đây không phải là một cách mô tả chính xác vì lúc đó chúng ta chưa phải là những linh hồn cá biệt, nhưng tinh hoa của làn sóng đó từng làm sinh động loài kim thạch ở dãy thứ nhất, loài thảo mộc ở dãy thứ nhì, và loài thú ở dãy thứ ba, giờ được sử dụng để tạo ra các nhân thể mà chúng ta hiện đang cư ngụ.

Vậy làn sóng đó sẽ phát triển ra sao trong tương lai và nó sẽ biểu hiện như thế nào trong dãy kế tiếp? Nó sẽ không xuất hiện ở đó nữa, vì chúng ta phải nhớ rằng khi sự tiến hóa của loài người đã kết thúc, bảy con đường tiến hóa kế tiếp sẽ trải ra trước mặt

họ. Tôi đã cố giải thích các điều này đến mức rõ nhất có thể trong chương cuối cùng của *Những Người Cứu Trọ Vô Hình*.

Tôi không cần phải nhắc lại ở đây những gì tôi đã viết, nhưng tôi có thể thêm vào một mảnh thông tin mà tôi đã nhận được sau đó. Một trong bảy con đường tiến hóa của siêu nhân loại mà khi đó chúng tôi phải bỏ trống là con đường dẫn đến công việc mà chúng tôi phải gọi là chức vụ phụ tá. Mỗi đại tướng đều có một số sĩ quan đặc biệt để tạo thành một ban phụ tá, ngoài các sĩ quan bình thường đang nắm các chức vụ dưới trướng của ông, và trách nhiệm của họ là kề cận bên ông để sẵn sàng nhận lấy các nhiệm vụ mà ông cần phải giao phó vào bất cứ lúc nào hoặc lấp vào những vị trí trống có thể xảy ra. Đức Thái Dương Thượng Đế cũng có một ban phụ tá, một số Chân Tiên không phục vụ cho bất cứ dãy tiến hóa nào, nhưng lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ khi cần thiết. Để tham gia vào bộ phận này là một trong những khả năng được mở ra trước mặt người “đã cập bến bờ xa đó.”

Khi dãy tiến hoá của chúng ta đã đến thời điểm phải tan rã và chuyển sự sống của nó qua dãy thứ năm, chúng ta lúc đó cũng đã tiến đến trình độ của bậc siêu nhân để theo đuổi một trong bảy con đường nào đó. Vì vậy, loài người bán khai mở đầu dãy thứ năm sẽ không phải là chúng ta mà là làn sóng tiếp

theo chúng ta, hiện giờ đang làm sinh động loài thú của dãy chúng ta.

Cũng theo cách như vậy, Chân Thân của loài thảo mộc (vegetable monad) cũng sẽ tiến đến một cấp độ cao hơn và làm sinh động loài thú của dãy mới đó, trong khi làn sóng sinh hoạt hiện giờ đang làm sinh động loài kim thạch sẽ đi lên trình độ của loài thảo mộc. Do đó, chúng ta thấy rằng trong bảy làn sóng sinh hoạt mà chúng ta biết đến hiện nay, sáu sẽ hiện diện ở dãy thứ năm, nhưng mỗi làn sóng sẽ tăng lên một bậc trong quá trình tiến hoá của nó.

Sau khi đã hoàn tất mục tiêu của quá trình học hỏi trong vật chất, làn sóng sinh hoạt của loài người chúng ta hiện nay sẽ rời khỏi cả lô dãy này, mặc dù một số người từng là thành viên của nó có thể chọn tiếp tục giữ liên hệ với nó với mục đích giúp cho nó tiến hóa. Nhưng sau khi mỗi làn sóng đã tăng lên một nấc, vị trí sau chót của nó sẽ được chuẩn bị như thế nào? Chúng ta có nên cho rằng như vậy loài tinh hoa chất thứ nhất sẽ không được đại diện trong dãy kế tiếp hay sao? Tất nhiên là không, vì chúng ta sẽ thấy một làn sóng sinh hoạt mới từ Thượng Đế theo sát tiếp theo những làn sóng khác; vì vậy, làn sóng mới vào này sẽ hoàn tất một bộ bảy các làn sóng sinh hoạt của Thượng Đế trong một dãy.

Quá trình này sẽ diễn ra giống y như vậy ở mỗi dãy kế tiếp. Mỗi làn sóng sinh hoạt của mỗi dãy sẽ hoàn tất mục đích của nó và đi qua bảy con kênh

(hay bảy loài) để tiến đến một hình thức biểu lộ cao hơn, và mỗi làn sóng phía sau sẽ tiến lên một bậc, chỗ sau chót của mỗi dãy sẽ được lấp vào bởi một luồng sinh khí mới đến từ Thượng Đế.

Mỗi làn sóng này sẽ đi vào loài thấp nhất trong chu kỳ của mỗi một dãy tiến hoá và đi ra khỏi loài đó ở điểm cao nhất của nó. Một luồng sinh khí tươi mát mới đến từ Thượng Đế sẽ gia nhập vào loài tinh hoa chất thứ nhất của mỗi dãy, và như vậy sẽ có sáu luồng sinh khí mới trong một hệ thống tiến hóa nên chúng ta có tổng cộng là 13 làn sóng sinh hoạt làm việc liên tiếp trong một hệ thống của 7 dãy, mặc dù chúng ta không thể có nhiều hơn bảy làn sóng hoạt động cùng một lúc. Tất cả các làn sóng đều tiến đều đặn về phía trước, nhưng chúng luôn giữ y khoảng cách giữa nhau, nên chúng ta có thể tìm thấy bất cứ làn sóng đặc biệt nào ở bất cứ thời điểm nào trong quá trình tiến hoá của nó, và dò ngược về quá khứ hoặc tiến về tương lai của nó tùy theo ý muốn.

Hãy lấy làn sóng thứ bảy làm ví dụ: nó đã đi vào làn đầu thai đầu tiên của một dãy với tư cách là *loài tinh hoa chất thứ nhất*; đến dãy thứ nhì nó đã đạt đến trình độ của *loài tinh hoa chất thứ hai*; và ở dãy mặt trăng nó đã làm sinh động *loài tinh hoa chất thứ ba*. Ở dãy hiện tại của chúng ta, nó đang làm sinh động *loài kim thạch*, và đến dãy thứ năm và thứ sáu thì nó sẽ làm sinh động theo thứ tự *loài thảo mộc* và *loài thú*. Ở dãy thứ bảy, nó sẽ đạt đến

trình độ *loài người* và sẽ đi ra khỏi dãy này qua bảy con đường tiến hóa như các nhân loại khác đã làm. Vì vậy, chúng ta có nguyên một lịch sử của làn sóng sinh hoạt này ngay trước mắt, từ thời điểm nó bắt đầu biểu lộ trong loài tinh hoa chất thứ nhất cho đến lúc nó đạt được trình độ siêu nhân loại vào cuối quá trình tiến hoá đã được vạch sẵn cho nó.

Trước mặt chúng ta không có một kế hoạch tiến hoá nào hoàn chỉnh như làn sóng sinh hoạt này. Chẳng hạn, nếu chúng ta theo dõi chính làn sóng sinh hoạt của mình, chúng ta thấy là nó đã làm sinh động loài thú ở dãy mặt trăng, loài thảo mộc ở dãy thứ nhì và loài kim thạch ở dãy thứ nhất. Vậy nó đã đạt được sự tiến hoá của ba loài tinh hoa chất ở đâu? Vì rõ ràng nó phải phát triển qua các giai đoạn này trước khi nó biểu lộ trong loài kim thạch; nó đã trải qua chúng ở một hệ thống nào khác trước đó, tuy rằng chúng ta không biết được ở đâu và vào lúc nào. Rõ ràng là trong dãy thứ nhất của chúng ta, làn sóng sinh hoạt thứ bảy là làn sóng duy nhất hoàn toàn mới mẻ vì tất cả những làn sóng khác (tạo thành một phần của dãy thứ nhất) đã đi qua vài giai đoạn tiến hoá khác ở các hệ thống thế giới khác trước đó. Làn sóng nhân loại của dãy thứ nhất đương nhiên đã trải qua sáu giai đoạn học hỏi trước đó ở một nơi bí mật nào đó, và nó chỉ đến đây để hoàn tất quá trình tiến hóa để chuẩn bị bước lên bảy con đường sẽ trải ra trước mắt nó.

Tuy nhiên, làn sóng sinh hoạt của chúng ta cũng có kéo dài đến tương lai cũng như lùi lại về quá khứ. Làn sóng thứ tám, chẳng hạn, trước tiên đã đi vào dãy thứ hai như một luồng sinh khí mới đến từ Sự Sống Thiên Liêng, tuy nó sẽ không có đủ thời gian để đạt đến trình độ loài người trong hệ thống tiến hoá của chúng ta. Ở dãy hiện tại của chúng ta, nó đang làm sinh động loài tinh hoa chất thứ ba và gây ra nhiều khó khăn cho chúng ta trong hình dạng của loài tinh hoa chất cảm dục. Ở dãy thứ bảy, làn sóng đó sẽ làm sinh động loài thú và vì vậy, nó sẽ đạt đến trình độ loài người ở dãy thứ nhất của một hệ thống tiến hoá khác của các bầu hiện còn đang ẩn mình trong bào thai của vị lai.

Dĩ nhiên, các làn sóng còn lại, từ thứ chín đến thứ mười ba, cũng chưa học hỏi xong, nên trong số các làn sóng sinh hoạt sử dụng hệ thống chúng ta như là một sân trường tiến hoá của chúng, chỉ có một làn sóng duy nhất có đủ thời gian để hoàn tất tất cả các giai đoạn học hỏi của nó, một thực tế mà nếu chúng ta có thể nhận thức được tất cả những gì nó đòi hỏi, sẽ cho chúng ta một ấn tượng rất sâu sắc về nguồn tài nguyên phong phú của thiên nhiên, một cái nhìn thoáng qua về sự sống vĩnh hằng, tuy không bao giờ hấp tấp nhưng cũng không bao giờ ngừng nghĩ, đang hé mở với một độ chính xác tuyệt vời.

Bây giờ, sau khi chúng ta đã có một khái niệm rõ ràng trong tâm trí của chúng ta về sự diễn tiến đều đặn của các làn sóng sinh hoạt, chúng ta phải lập tức điều chỉnh lại quan niệm của mình bằng cách đưa vào đó một yếu tố quan trọng khác. Trong mỗi một trường hợp tiến hoá từ loài này đến loài khác, lúc nào cũng có một phần nào đó của các làn sóng sinh hoạt không vượt qua được và do đó bị bỏ lại phía sau. Có lẽ chúng ta sẽ hiểu vấn đề này một cách dễ dàng hơn nếu chúng ta bắt đầu bằng cách suy nghĩ về tương lai của nhân loại chúng ta.

Chúng ta biết rằng mục tiêu trước mắt là chúng ta phải đạt được trình độ điểm đạo từng được gọi là quả vị Chân Sư, hay Chân Tiên (asekha), “người không còn gì để học hỏi” đối với dãy hành tinh này nữa. Nhưng chúng ta cũng biết rằng không phải toàn bộ nhân loại sẽ thành công trong việc đạt được mục tiêu cao cả này, mà chỉ có một phần nhất định. Chúng tôi được biết ở giữa vòng tuần hoàn kế tiếp, một sự phân tách sẽ xảy ra giữa các linh hồn đủ sức để tiếp nhận các giai đoạn tiến hoá cao hơn và những linh hồn không đủ sức.

Sự phân tách này đã được hình dung trước đây trong các truyền thuyết về “*ngày phán xét cuối cùng*,” khi tương lai của các linh hồn thuộc về chu kỳ dài đằng đằng này sẽ được quyết định. Trong trí tưởng tượng quái gở của các tu sĩ thời trung cổ Âu Châu, họ lúc nào cũng tìm cơ hội đưa vào các tín

điều của họ những điều ghê sợ đã được phóng đại quá trớn để hù dọa tầng lớp nông dân ngu dốt khiến họ đóng góp nhiều hơn cho Nhà Thờ Công Giáo. Họ đã biến một ý tưởng đơn giản của một khoảng thời gian “bị đình chỉ rất lâu” thành một “sự đày đoạ vĩnh viễn.”

Những người bị bỏ lại đằng sau trong chu kỳ này đôi khi được mô tả là “những trường hợp thất bại của vòng tuần hoàn thứ năm,” mặc dù thuật ngữ này có lẽ cũng hơi khắc khe. Thật ra, có một vài người trong số này có thể vượt qua được nếu họ chịu khó cùn cù thêm một chút nữa, nên họ đáng được coi là những trường hợp thất bại, nhưng phần lớn sẽ bị bỏ lại phía sau chỉ vì họ còn quá trẻ để đi tiếp tục và do đó chưa đủ sức để làm các công việc cực nhọc hơn.

Sự kiện của trường hợp này có thể được trình bày rất đơn giản. Những Chân Thần thuộc tầng lớp thấp hơn chỉ vừa mới gia nhập từ loài thú vào loài người lần đầu ở nửa vòng đầu của dãy tiến hóa hiện nay của chúng ta. Vì vậy, một vài người trong số này vẫn còn ở giai đoạn người bán khai và do đó khó có khả năng theo kịp các lớp quá xa ở trước họ. Chúng tôi được cho biết rằng ngay cả người dã man thấp nhất cũng có cơ hội theo kịp trước giữa vòng tuần hoàn thứ năm để đi tiếp tục, nhưng để làm được điều này, y không thể nào bỏ qua bất cứ một cơ hội nào được đưa đến cho y, và con số có thể làm

được điều này sẽ là rất nhỏ. Tỷ lệ số người sẵn sàng tiếp tục tiến hóa được ước đoán là khoảng $\frac{3}{5}$ dân số của trái đất (không phải là tổng dân số ở cõi trần mà là tổng số linh hồn của làn sóng sinh hoạt loài người thuộc dãy này), trong khi $\frac{2}{5}$ còn lại sẽ bị bỏ rơi lại đằng sau!

Hoàn cảnh của thế giới lúc đó sẽ được đặc biệt điều chỉnh lại để giúp các linh hồn tiến hoá phát triển thật nhanh và do đó sẽ không phù hợp cho các thực thể thuộc giai đoạn tiến hoá thấp hơn, vì các rung động thô kệch của những thú đam mê mãnh liệt và cảm xúc thô bạo cần thiết để kích thích một thể cảm dục bất động và vừa mới nửa tỉnh của người đã man sẽ không còn tồn tại. Chúng ta có thể tưởng tượng được sự bất đồng này sẽ diễn ra như thế nào. Trong một thế giới tâm linh và trí tuệ cao cả, nơi mà chiến tranh và lò mổ súc sanh đã là chuyện trong quá khứ, sự tồn tại của các giống dân đã man đầy rẫy những thú đam mê không được kiềm chế và bản tính hiếu chiến của họ đương nhiên sẽ gây ra nhiều khó khăn và rắc rối đáng kể, và mặc dù chắc chắn có những biện pháp có thể được đưa ra để áp đảo họ, nhưng chính sự đè nén đó sẽ ngăn cản các hoạt động cần thiết cho giai đoạn tiến hoá ban đầu của họ.

Do đó, đương nhiên điều nhân từ và tốt nhất đối với những linh hồn quá chậm này là loại trừ họ ra khỏi dòng tiến hoá này và chuẩn bị chỗ ở lớp sau

cho họ trong dãy hành tinh kế tiếp. Những thực thể như vậy sẽ không phải chịu đau khổ về bất cứ hình thức gì; họ chỉ đơn giản có một thời gian nghỉ ngơi rất lâu ở cõi thiên đàng ở mức độ mà họ có thể tiếp nhận được, và mặc dù tâm thức của họ trong thời gian này có lẽ chỉ tỉnh thức một phần, nhưng chắc chắn bên trong một phần tiến bộ sẽ xảy ra.

Từ tình trạng đó họ sẽ đi vào các giai đoạn đầu tiên của dòng tiến hoá trong dãy kế tiếp, và họ sẽ là các lãnh tụ của đoàn người sơ khai nơi đó. Chúng ta không nên nghĩ về họ như là bị bỏ lại lớp trong bất cứ hình thức nào, mà chỉ là họ được sắp xếp vào vị trí thật sự thích hợp với họ, nơi mà sự tiến bộ của họ sẽ xảy ra một cách dễ dàng và chắc chắn. Đây là tầng lớp mà Bà Blavatsky đề cập đến khi bà nói về một số lớn “*các linh hồn bị đánh mất*,” mặc dù khi thuật ngữ này được sử dụng theo cách này đôi khi có làm cho các học sinh bị nhầm lẫn vì họ chưa hoàn toàn nắm được toàn bộ sự huy hoàng và chắc chắn của kế hoạch tiến hoá.

Vậy chúng ta có thể nghĩ về quá trình của mỗi một làn sóng sinh hoạt xuyên qua một dãy tiến hoá như là bị vỡ ra thành từng làn sóng nhỏ. Hãy xem thử làn sóng sinh hoạt của chúng ta sẽ thu hoạch được những tiến bộ gì? Nói chung, nó đại diện cho loài thú ở dãy mặt trăng, mặc dù những trường hợp của loài người bị thất bại ở dãy mặt trăng đương

nhiên cũng gia nhập vào nó, và họ có thể nằm trong số những nhà lãnh đạo của nó.

Toàn bộ làn sóng sinh hoạt làm sinh động loài thú ở dãy mặt trăng trên nguyên tắc phải nhập vào loài người ở phần đầu của dãy tiến hoá hiện nay và phải đạt được mục tiêu đã được vạch sẵn cho nó vào cuối vòng tuần hoàn thứ bảy.

Trên nguyên tắc, tất cả loài người chúng ta thuộc dãy này phải đạt được quả vị Chân Tiên và rời khỏi hệ thống này qua một trong bảy con đường mở ra trước mặt một vị Chân Tiên, trong khi loài thú hiện nay của chúng ta lý ra phải cá nhân hóa ở phần kết thúc của dãy này và sẵn sàng làm loài người ở dãy kế tiếp, dãy thứ năm của hệ thống tiến hoá.

Tuy nhiên, chúng ta biết rằng $\frac{2}{5}$ nhân loại của chúng ta sẽ bị loại ra ở giữa vòng tuần hoàn thứ năm, vì chắc chắn họ sẽ bị thua kém quá xa so với phần còn lại để có thể đạt được mục tiêu vạch ra cho dãy này, thậm chí với nỗ lực lớn nhất. Hai phần năm nhân loại này sẽ gia nhập vào dãy kế tiếp cùng với các thành viên của loài thú hiện giờ và do đó sẽ hình thành một phần của nhân loại tương lai.

Một trong những nguyên do chính tại sao sự phân chia giữa các người tiến hoá hơn và kém hơn phải được thực hiện là vì các giống dân sau này sẽ được gần gũi với các vị Chân Tiên và các vị Đại Thiên Thần nhiều hơn so với chúng ta trong hiện tại. Do đó, họ cần phải gìn giữ bản thân luôn ở một tình

trạng dễ có thể dễ được gây ấn tượng, sẵn sàng đón nhận và đáp ứng với mọi ảnh hưởng được ban ra. Điều này có nghĩa là họ phải sống một cuộc đời trầm tư và tĩnh lặng, một điều không thể đạt được nếu trên thế giới còn sót lại những giống dân man rợ thích tấn công và tàn sát một người khi họ đang ở trong trạng thái thiền định. Những rung động mạnh hơn ở thời điểm đó sẽ không đánh thức được bản chất cao thượng của con người dã man mà chỉ kích thích và tăng cường thêm những thú đam mê thấp hèn của y, nên lúc đó y sẽ chẳng đạt được gì khi hiện hữu trên trái đất này mà còn làm cản trở sự tiến bộ của những người tiến hoá hơn.

Tuy nhiên, $\frac{3}{5}$ còn lại của nhân loại chúng ta, tuy có thể được mô tả là thành công vì họ không bị loại ra khỏi vòng tuần hoàn thứ năm trong ngày phán xét, cũng không phải đều hoàn toàn thành công trong việc đạt được quả vị Chân Tiên. Người ta cho rằng chỉ khoảng $\frac{1}{5}$ của tổng số (có nghĩa là, $\frac{1}{3}$ của số không bị đánh rớt) sẽ hoàn tất mọi điều kiện, nhưng điều này có nghĩa là ở cuối dãy thế giới chúng ta, $\frac{2}{3}$ con số được cho là thành công vẫn còn có nhiều chuyện phải làm trước khi họ đạt đến trình độ đã được vạch sẵn cho họ. Họ sẽ phải bước vào dãy kế tiếp, mặc dù họ không cần phải nhập vào các giai đoạn đầu của dãy đó; vì vậy, họ sẽ có thể xuất hiện ở khoảng giữa, cũng như tầng lớp cao hơn của các Chân Thần (monads) từ dãy mặt trăng đã gia

nhập vào dòng tiến hoá của chúng ta ở khúc giữa. Tuy nhiên, việc này sẽ bị phức tạp thêm bởi một yếu tố khác là vì tiêu chuẩn được đặt ra cho dãy hiện tại của chúng ta là cao hơn so với dãy mặt trăng, nên cũng thế, mức thành tựu của dãy thứ năm sẽ còn cao hơn so với dãy của chúng ta, nhưng chúng ta không cần phải lo nghĩ quá nhiều về điều đó trong lúc này.

Khi dãy hành tinh của chúng ta kết thúc, có lẽ chúng ta sẽ có nhiều nhóm được phân chia rõ rệt như sau, mặc dù dĩ nhiên họ có thể được chia ra thêm thành nhiều nhóm phụ:

- (1) *Những người đã đạt được quả vị chân tiên ở các vòng tuần hoàn trước đó* vì họ đã học tập một cách thông minh và quyết chí chọn con đường ngắn hơn và dốc hơn để đạt được mục tiêu.
- (2) *Những người đạt được quả vị Chân Tiên ở vòng tuần hoàn thứ bảy.* Họ là những người giỏi nhất trong nhóm người bơi theo dòng tiến hóa bình thường, đội ngũ dẫn đầu của những người theo con đường tiến hoá thông thường. Ở dãy địa cầu chúng ta, họ có thể được coi như là tương đương với nhóm người hạng nhất của dãy mặt trăng.
- (3) *Những người tuy không đạt được tiêu chuẩn hoàn hảo nhưng đã đạt đến trình độ La Hán ở vòng tuần hoàn thứ bảy.* Họ được coi như là tương xứng với nhóm người hạng nhì của

dây mặt trắng và sẽ cần một vài kiếp đầu thai trong dãy kế tiếp trước khi họ đạt đến trình độ được giải thoát.

- (4) Những người tuy đã vượt qua khỏi cuộc phán xét ở giữa vòng tuần hoàn thứ năm nhưng *chưa* thành công vượt qua khỏi ba bậc thấp hơn (*ba lần điểm đạo*) của con đường Thánh Đạo. Có lẽ nhóm người này của dãy địa cầu được coi như là tương đương với nhóm người dã man của dãy mặt trắng, chỉ vừa mới tách mình khỏi loài thú và do đó còn rất nhiều công việc phải chuẩn bị làm ở dãy mới.
- (5) *Những người* dù đã bước vào hàng ngũ nhân loại ở dãy địa cầu chúng ta nhưng đã *thất bại ở giữa vòng tuần hoàn thứ năm* để được tiếp tục học hỏi. Chắc chắn nhóm này sẽ được phân chia thành nhiều nhóm phụ hoặc các tầng lớp khác nhau.
- (6) *Những thực thể* còn *chưa bước vào hàng ngũ nhân loại*. Họ là những tầng lớp thấp nhất trong các Chân Thần, vừa mới trở thành loài thú ở dãy mặt trắng và đang dần dần học hỏi ở dãy địa cầu nhưng vẫn chưa đạt được trình độ cá nhân hoá.

Không phải chỉ trong hàng ngũ nhân loại mà chúng ta mới tìm thấy sự thất bại trong việc đạt đến

mục tiêu đã được định sẵn. Điều tương tự như vậy cũng xảy ra trong mỗi loài trong suốt quá trình tiến hoá của nó. Trong khi phần lớn của mỗi làn sóng Chân Thần đều hoàn thành sứ mệnh của chúng, mỗi làn sóng đều có một số nhỏ bị rút lại đằng sau, và một số nhỏ hơn nữa có khả năng tiến xa hơn định mệnh đã an bài. Ví dụ, giống như có vài người hiện giờ đã vượt rất xa khỏi đồng loại và đạt được quả vị Chân Tiên, cũng có một số nhỏ loài thú hiện giờ đang rời khỏi hòn khóm của chúng và cá nhân hoá, mặc dù phần lớn làn sóng sinh hoạt của loài thú sẽ cá nhân hóa ở cuối vòng tuần hoàn thứ bảy và trở thành loài người của dãy thứ năm. Những người đang tiến gần đến quả vị Chân Tiên luôn là những người được gán gũ các vị Chân Sư với tư cách là đệ tử của Họ, cũng như các con thú đang tiến gần đến trình độ loài người cũng thường là các con thú được gán gũ loài người, như các con thú cưng hiện đang phát triển đặc biệt về tình cảm và trí khôn.

Vào buổi học hỏi ban đầu của Thông Thiên Học, chúng tôi thường cho rằng dù một con thú có phát triển nhanh đến mức nó có thể cá nhân hóa ngay vào lúc này và ở đây, nó vẫn phải đợi đến dãy kế tiếp trước khi nó lấy được một thân xác của con người. Tuy nhiên, các cuộc điều tra sau này cho chúng tôi thấy rằng vẫn có những ngoại lệ đối với quy tắc này ở giai đoạn hiện nay, và các con thú may mắn cá nhân hoá trong thời kỳ thế giới hiện tại

vẫn có thể thích nghi với cơ thể của người dã man khi làn sóng sinh hoạt của chúng ta chuyển qua bầu hành tinh kế tiếp trong dãy chúng ta. Rõ ràng con só thú vật sẵn sàng tận dụng cơ hội này sẽ là rất nhỏ (trên thực tế, đây có lẽ là cơ hội cuối cùng của chúng để gia nhập vào đời sống của loài người ở dãy hiện tại), nhưng nó vẫn là một khả năng mà chúng ta phải cân nhắc nếu chúng ta muốn có cái nhìn hoàn chỉnh về cơ tiến hoá.

Tôi đã từng chứng kiến một trường hợp có nhiều điểm đặc biệt khiến việc đầu thai sớm hơn có thể xảy ra - một trường hợp của một con thú không chỉ biểu hiện một trí khôn vượt bậc trong kiếp sống hồng trần của nó mà còn có một lòng sùng tín mãnh liệt đối với người chủ của nó, một tình thương tận tụy đương nhiên vẫn tiếp tục trong cuộc sống ở cõi trung giới và thậm chí còn mạnh mẽ ở đó hơn bao giờ hết. Lực tư tưởng của con thú đó mạnh đến nỗi khi ngủ, nó thường di chuyển thật xa trong thể vía của nó để đi thăm chủ nhân của nó trong những chuyến du hành ở cõi mộng. Trong trường hợp này, một sự tiến bộ rõ ràng đã được thực hiện trong đời sống của con thú ở cõi trung giới sau khi chết, và sự đáp ứng của nó đối với các nỗ lực của chúng tôi còn nhiều hơn những gì chúng tôi mơ ước, vì đời sống trung giới cho chúng tôi một cơ hội tốt hơn cõi trần để thấy được sự giới hạn của các dòng tư tưởng của con thú. Chúng rất ít ỏi, hạn hẹp và bị giới hạn một

cách kỳ lạ, nhưng chúng có thể vươn ra xa hơn theo dòng tư tưởng của chúng hơn chúng tôi giả sử.

Nhiều cách suy nghĩ mới lạ đã được mở ra trong đời sống trung giới và sự phát triển của chúng cũng rất là thú vị. Sự đầu thai lại lập tức ở cõi trần rõ ràng có thể xảy ra, nhưng có một vài sự phối hợp hơi kỳ quặc đã khiến sự kiện này khó được dàn xếp. Con thú có thể là một người hoang dã theo nhiều cách sắp đặt, nhưng nó chỉ có thể đầu thai trong sự liên hệ mật thiết với chủ nhân của nó vì sự ràng buộc quá chặt chẽ với người chủ khiến không có gì có thể cản trở được nó đến với người chủ. Điều này gây ra nhiều khó khăn trầm trọng, nhưng chúng vẫn có thể được dàn xếp, chỉ là khó thể bảo đảm được giới tính của người man rợ!

Dĩ nhiên, trong số các con thú thành công ở dãy tiến hóa này sẽ có nhiều tầng lớp tương xứng với các tầng lớp khác nhau ở dãy mặt trăng, và một số Chân Thần trong loài thú hiện nay đang làm sinh động những hình thể thấp nhất ở dãy này chắc chắn sẽ thất bại trong việc thăng cấp lên thành loài người, và do đó sẽ tương ứng với loài thú “bị đánh rớt trong cuộc tuần hoàn thứ năm.” Còn việc những hình thể này có biến mất luôn khỏi trái đất này vào lúc đó ở cuộc tuần hoàn thứ năm hay không thì chúng tôi không có thông tin gì trực tiếp, nhưng có lẽ nó phải là như vậy bằng cách suy luận tương tự. Cũng như vậy, việc phân chia tầng lớp tùy theo mức

độ thành công cũng được tìm thấy trong các loài thấp hơn, nên thực tế mỗi làn sóng sinh hoạt là một biểu tượng của một làn sóng bị vỡ ra thành từng gợn sóng hoặc làn sóng nhỏ hơn, theo thời gian một số sẽ hòa chung lại với làn sóng đi trước hoặc theo sau nó, mặc dù phần lớn vẫn di chuyển đều đặn theo lộ trình đã được chỉ định.

Bảy làn sóng sinh hoạt hiện đang làm sinh động bảy loài của chúng ta luôn có một môi trường hoạt động chính của chúng, đó là hành tinh hiện đang được sự chú ý của Thượng Đế, mặc dù một phần nhỏ hoạt động của chúng cũng đang luôn luôn biểu lộ ở các thế giới khác thuộc dãy này. Vì thế, mặc dù sự chú ý của Thượng Đế hiện đang nhắm vào trái đất của chúng ta, những đại diện của các loài đều đang đồng thời hiện diện ở mỗi bầu trong dãy của chúng ta. Chúng thường được mô tả là các hạt mầm mà từ đó các hình thể sẽ phát triển khi làn sóng sinh hoạt đi đến hành tinh đó - có nghĩa là, khi sự chú ý của Thượng Đế đặc biệt chuyển đến nó một lần nữa.

Những hình thể này vẫn còn tồn tại trên các hành tinh tương xứng của chúng từ lúc chúng được bắt đầu sử dụng bởi người-thú của dãy mặt trăng trong vòng tuần hoàn thứ nhất, và như thế chúng ta tránh được việc phiền toái phải làm thêm một công việc nữa là tạo ra các hình thể mới cho mỗi bầu của mỗi vòng. Sự sống làm sinh động các hình thể trong thời gian tương đối u tối của các hành tinh này vẫn

là một phần của làn sóng vĩ đại, và nó vẫn tiếp tục tiến về phía trước liên quan với làn sóng đó. Nó cũng hoạt động trong các chức năng khác ngoài việc cung cấp hạt mầm cho làn sóng kế tiếp, bởi vì nó cũng được sử dụng như là một phương tiện cho sự tiến hóa nhanh hơn của một số lớp Chân Thần đặc biệt.

Nhờ có sự xử lý đặc biệt này mà những Chân Thần thuộc hạng thứ hai có thể đuổi kịp hạng thứ nhất và trở thành một trong những thành viên của nó. Dưới hoàn cảnh đặc biệt của sự khao khát mãnh liệt muốn tiến bộ, một người có thể được tách ra khỏi số đông đồng loại trên hành tinh này nếu y được nhận xét là đang cố gắng hết sức để hoàn thiện bản thân và được chuyển vào một nơi được gọi là “Vòng Bên Trong” do các vị có thẩm quyền, và y có thể được đầu thai kế tiếp trong số dân giới hạn của bầu Thủy Tinh. Trong trường hợp đó, y sẽ dành một khoảng thời gian ở đó bằng với thời gian y sẽ dành cho các kiếp luân hồi của một giống dân chính, rồi sau đó y sẽ được chuyển đến bầu F ở cõi trung giới. Sau một thời gian tương tự ở nơi đó, y sẽ được chuyển qua bầu G, A và B theo thứ tự, rồi đến Hỏa Tinh (bầu C) và đến Địa Cầu (bầu D).

Vì trong mỗi bầu này y sẽ dành một khoảng thời gian tương đương với giai đoạn của một giống dân chính, nên làn sóng sinh hoạt sẽ rời khỏi trái đất này trước khi y quay trở lại, nhưng y sẽ đuổi kịp nó

ở bầu Thủy Tinh và sau đó sẽ gia nhập vào hàng ngũ của các Chân Thần hạng nhất và hòa nhập vào phần còn lại của quá trình tiến hoá của họ và có cơ hội để phát triển nhanh hơn. Các thực thể tham gia vào dòng tiến hoá đặc biệt này tạo ra phần lớn của số dân ít ỏi của bầu Thủy Tinh và Hỏa Tinh hiện nay. Ở Hỏa Tinh cũng còn tàn dư của loại người sơ khai chưa sẵn sàng tiếp tục khi làn sóng sinh hoạt rời khỏi nó qua Địa Cầu, một giống dân đại diện cho một giai đoạn của loại người thấp hơn bất kỳ giai đoạn tiến hóa nào hiện tại trong sự hiểu biết của chúng ta. Nó sẽ bị tuyệt chủng rất lâu trước khi chúng ta quay lại Hỏa Tinh trong vòng tuần hoàn thứ năm, bởi vì dường như không có một linh hồn nào cần biểu lộ ở mức độ đó vào thời điểm ấy.

Cũng theo cách tương tự, chúng ta sẽ thấy là tất cả các loài đều được đại diện trên các bầu thuộc về cõi trung giới và thượng giới. Với tâm thức hồng trần, chúng ta khó có thể nắm bắt được hoàn cảnh của đời sống của các loài thấp hơn ở các cõi cao hơn; ý tưởng về sự tiến hoá của một khoáng chất (mineral) ở cõi trí, chẳng hạn, không gợi lên một ý tưởng gì mà một tâm trí bình thường có thể hiểu được. Có lẽ chúng ta có thể tự giúp bản thân mình hiểu nó bằng cách nhớ rằng mỗi khoáng chất đều phải có đối phần của nó ở cõi trung giới và thượng giới, và những vật liệu đặc biệt tạo ra chúng ở các cõi tương xứng đó là biểu lộ của một Chân Thần

khoáng chất, và chúng ta có thể giả định rằng qua sự biểu lộ như vậy mà một Chân Thần đang tiến hóa trong thời gian nó tồn tại ở các cõi cao hơn này.

Hồn khóm phải luôn có sẵn trong nó khả năng tiềm ẩn liên quan đến các cõi cao hơn mà nó đi xuống từ nơi đó, và có thể là trong các giai đoạn tiến hoá đó, những khả năng này đang được phát triển theo một cách nào đó khác với những gì mà chúng ta quen biết. Nếu chưa mở được các quyền năng tâm linh, chúng ta không thể nào hiểu được chi tiết về sự phát triển tiềm ẩn ở các bầu cao hơn được làm bằng chất liệu thanh nhẹ hơn; điều quan trọng mà chúng ta phải nhận ra được là mặc dù làn sóng sinh hoạt vĩ đại chỉ ngự trong một bầu của dãy chúng ta ở một thời điểm nào đó, các bầu hành tinh còn lại không phải là đang yên nghỉ mà sự tiến bộ hữu ích vẫn tiếp tục xảy ra ở mọi nơi trong dãy Địa Cầu này.

Tôi đã cố gắng mô tả ở trên càng rõ càng tốt về các làn sóng sinh hoạt liên tiếp, nhưng nếu chúng vẫn còn khó hiểu đối với tâm trí của độc giả chưa quen thuộc về sự thành hình của nguyên một hệ thống vũ trụ, tôi có đính kèm theo đây một sơ đồ nhỏ mà tôi nghĩ rằng có thể giúp ích. Các cột thẳng đứng chỉ về các kiếp luân hồi liên tiếp của một dãy, các cột ngang đại diện cho các loài trong thiên nhiên, và các mũi tên chéo là các làn sóng sinh hoạt liên tiếp phát ra từ Thượng Đế. Con số Á-rập đính

vào mỗi mũi tên chỉ áp dụng cho các mũi tên đó, chứ không phải cho các ô vuông mà chúng nằm bên trong. Bạn sẽ thấy có tất cả là mười ba mũi tên. Chiều dài của chúng có vẻ như khác nhau, nhưng đó chỉ là vì chúng ta chỉ nhìn chúng từ quan điểm của hệ thống tiến hoá của chính chúng ta.

Trong giới hạn của hệ thống đó, mũi tên #1 được vẽ chỉ đi qua một loài mà thôi - loài người. Điều này không có nghĩa là làn sóng đại diện mũi tên đó chưa có trải qua sáu giai đoạn tiến hóa trước đó, mà chỉ có nghĩa là sáu giai đoạn này đã được trải qua ở một hệ thống khác nào đó. Điều này cũng đúng cho góc đối diện của nó trong sơ đồ. Mũi tên #13 chỉ đi qua một loài - loài tinh hoa chất thứ nhất; nó đương nhiên sẽ đi qua hết các loài khác theo đúng quá trình của nó, nhưng nó không thể nào làm được như vậy trong hệ thống tiến hoá này bởi vì nó đã ở phần kết thúc. Do đó, đối với sơ đồ của chúng ta mà nói, nó chỉ hiện diện trong một loài mà thôi.

Loài	Dãy 1	Dãy 2	Dãy 3	Dãy 4	Dãy 5	Dãy 6	Dãy 7
Người	1						
Thú	2						
Thảo mộc	3						
Kim thạch	4						
THC III	5						
THC II	6						
THC I	7	8	9	10	11	12	13

Sơ đồ của các làn sóng sinh hoạt

Nếu chúng ta lấy một cột dọc làm đại diện cho bất kỳ một dãy nào - hãy lấy cột thứ tư, đại diện cho giai đoạn tiến hoá hiện nay của chúng ta, chúng ta sẽ thấy là khi chúng ta đưa mắt nhìn xuống, có bảy mũi tên đi xuyên qua nó, chỉ về bảy loài đang tồn tại xung quanh chúng ta. Chúng ta có thể dò theo bất cứ mũi tên nào trong số các mũi tên đó, hoặc tiến hoặc lùi, và do đó có thể theo dõi quá khứ hoặc tương lai của bất cứ loài nào của dãy chúng ta. Chúng ta nên lưu ý là làn sóng từ #1 đến #6 đến dãy chúng ta từ một số hệ thống tiến hoá khác, trong khi làn sóng từ #7 đến #13 là luồng sinh khí mới phát ra từ Thượng Đế.

CÁC CHÂN THÂN TỪ DÂY MẶT TRĂNG

Những người từng học về các hệ thống tiến hóa trong Thông Thiên Học đều biết rằng chúng ta phân tách nhân loại thành các tầng lớp khác nhau dựa trên số tuổi và mức độ phát triển của linh hồn. Tờ báo “*Công Vụ*” (*Transaction*) số 26 của Chi bộ London đã trình bày sự sắp xếp này rất rõ ràng, và nó cũng được tìm thấy trong Chương 12 của *Minh Triết Cổ Truyền*, nhưng các học sinh của chúng ta sẽ thấy rằng tác giả của tác phẩm cuối này đã thay đổi cách

sắp xếp của các tầng lớp để cho nó giống hơn với cách được sử dụng trong *Giáo Lý Bí Truyền*.

Bà A. Besant đã phân tách phần còn lại của các thực thể mà Chi bộ London đã mệnh danh là tầng lớp hạng nhất và hạng nhì và gọi họ là những Chân Thần mặt trời (solar monads), nên bà bắt đầu danh sách của mình về các Chân Thần mặt trăng bằng các thực thể mà từ *Công Vụ* đã gọi là tầng lớp hạng ba, và bà xếp họ vào tầng lớp hạng nhất. Do đó, trong quyển *Minh Triết Cổ Truyền*, tầng lớp hạng tư trong từ *Công Vụ* được gọi là tầng lớp hạng nhì, và tầng lớp hạng năm trở thành tầng lớp hạng ba. Tầng lớp hạng tư của Bà Blavatsky bao gồm tầng lớp hạng sáu và hạng bảy của Ông Sinnett,³ trong khi phần còn lại các tầng lớp của bà lại bao gồm những thực thể mà ông không tính đến. Cách phân loại của ông chỉ tính các thành viên loài thú của dãy mặt trăng nay đã trở thành loài người ở dãy địa cầu chúng ta, còn cách phân loại của Bà thì tính hết tất cả các loài từ dãy mặt trăng chuyển qua dãy địa cầu. Tầng lớp hạng năm của Bà đại diện cho loài thảo mộc ở dãy mặt trăng, và tầng lớp hạng sáu cho loài kim thạch, trong khi tầng lớp hạng bảy bao gồm cả ba loài tinh hoa chất.

Từ khi viết tác phẩm *Minh Triết Cổ Truyền* và *Gia Phả Loài Người*, Bà Besant nghĩ rằng tốt hơn

³ Alfred Percy Sinnett (1840-1921) - Nhà Thông Thiên Học người Anh nổi tiếng vào thời Bà Blavatsky.

hết là nên sử dụng các tên tiếng Anh có ý nghĩa rõ ràng để thay vào cho các tên gọi trước đó. Đối với những người đã thành công trên dãy mặt trăng và đạt đến trình độ La Hán như đã được chỉ định, bà đặt cho họ danh hiệu các vị Chúa Tể của Mặt Trăng (Lords of the Moon). Những người mà bà từng gọi là Chân Thần Mặt Trời (Ông Sinnett đã từng diễn tả họ là *pitris* hạng nhất và hạng nhì) giờ được gọi là loại người hạng nhất và hạng nhì của dãy mặt trăng theo thứ tự của họ. Loại người hạng nhất của dãy mặt trăng cũng có rất nhiều lớp phụ, như chúng ta sẽ thấy ngay sau đây. Cái mà bà gọi là chân thần hạng nhất (loại người hạng ba theo Ông Sinnett) hiện được mô tả là người-thú của dãy mặt trăng. Loại người hạng nhì, hạng ba và hạng tư (tương xứng với loại người hạng tư, năm, sáu và bảy của Ông Sinnett) giờ được mô tả là loại người hạng nhất, hạng nhì và hạng ba của loài thú ở dãy mặt trăng. Đây là danh sách đầy đủ của các thực thể tạo ra loài người của chúng ta hiện nay, vì những tầng lớp thấp hơn (mà Ông Sinnett đã không tính đến) theo bà Blavatsky sẽ không đạt được trình độ loài người trong dãy hiện tại.

Các tầng lớp này được sắp xếp theo thứ tự của sự tiến hoá của chúng, và chúng không chỉ khác nhau về hình dạng mà còn ở cách chúng đạt được sự tiến bộ đó. Trong các điểm khác nhau, có một sự khác biệt rất lớn về khoảng cách giữa các kiếp đầu

thai kế tiếp và cách khoảng thời gian này được sử dụng như thế nào, nhưng chủ đề này sẽ được trình bày ở chương luân hồi.

SƠ ĐỒ TIẾN HÓA CỦA NHỮNG CHÂN THẦN TỪ DÂY MẶT TRẮNG

	Mặt Trắng (7 Con đường của siêu nhân)	Đĩa Cầu (Lớp Dây Mặt Trắng trở thành trên Trái Đất)	Cả tính khi rời khỏi Mặt Trắng	Tầng Lớp		Nhập vào dây Đĩa Cầu ở Vòng tuần hoàn	Trở thành trên Trái Đất	
				H.P.B.	A.P.S.			
Nhóm I (Loại người)	Chủ Tể Mặt Trắng Người (Hạng 1)	Đức Bản Cổ Con Người	La Hán Nhân thể hoàn chỉnh Nhân thể như cái rỗng	Bắc Giác Ngộ, Chân thân Mặt trời hay Nguyệt Đệ Tinh Quần	Người hạng 1	Vòng 4, giống dân #4	Gióng dân 4 & 5	
	Người (Hạng 2)				Người hạng 2	Vòng 3	Gióng dân 3, 4, & 5 ở vòng 4	
Nhóm II	Người man rợ	Con Người	Biết kết nối liên hệ	Người hạng 1	Người hạng 3	Vòng 1	Hoàn toàn thành con người ở vòng 1	
	Loại thú	Con Người	Dục tính, lý trí hé mở	Người hạng 2	Người hạng 4	Vòng 1	Hoàn toàn thành con người ở vòng 2	
			Dục tính, bản năng sinh tồn	Người hạng 3	Người hạng 5	Vòng 1	Hoàn toàn thành con người ở vòng 3	
			Hạt mầm dục tính	Người hạng 4	Người hạng 6 & 7	Vòng 1	Hoàn toàn thành con người ở vòng 4	
Nhóm III	Thảo mộc	Loại thú	Cả nhân hoá	Người hạng 5	Không được phân hạng	Đóng cửa	Vòng tuần hoàn #4	
	Kim thạch	Thảo mộc	Sức hút hoá học	Người hạng 6		Vòng 1	Con thú hoàn toàn	
	THC III	Kim thạch	Khuyếch trởng trở nên đậm đặc hơn	Người hạng 7		Vòng 1	Thảo mộc hoàn toàn	
	THC II	THC III				Vòng 1	Kim thạch hoàn toàn	
	THC I	THC II				Vòng 1		
		THC I (từ bên ngoài)				Vòng 1		
						Vòng 1		

Để hiểu rõ được cách phân biệt giữa các tầng lớp này, chúng ta phải nhớ rằng một tiêu chuẩn nhất định đã được vạch sẵn cho mỗi dãy thế giới và đạt được nó là một sự thành công mỹ mãn. Ở dãy thế giới của chúng ta, trình độ được chỉ định hiện giờ là quả vị Chân Tiên, nhưng ở dãy mặt trắng nó là quả vị La Hán, bước thứ tư trên đường Đạo. Những người đã đạt được quả vị này trên dãy mặt trắng đã hoàn tất tiêu chuẩn tiên quyết của Thượng Đế và do đó có quyền tự do quyết định một trong bảy con

đường tiến hóa mà lúc nào cũng được mở ra trước mắt loài siêu nhân của mỗi dãy.

Bên dưới họ là những người đứng ở các giai đoạn khác nhau trên đường Đạo mà chúng ta phải cố phân loại ở một mức độ nào đó. Nói chung, loài thú của một dãy tạo nên loài người ở dãy tiếp theo. Nhân loại hiện thời của chúng ta đã được tạo ra từ thành viên loài thú đã thành công ở dãy mặt trăng, cộng thêm các thành viên thất bại của loài người ở dãy mặt trăng đã không đạt được trình độ yêu cầu.

Chúng tôi đã cố gắng trình bày các tầng lớp nhân loại phải bị phân tách ở cuối dãy tiến hoá của chúng ta. Một sắp xếp tương tự như vậy cũng đã được thực hiện ở cuối dãy mặt trăng.

Những người đạt được quả vị La Hán đã thành công hoàn toàn và họ đã theo đuổi một trong bảy con đường tiến hóa của siêu nhân loại. Chúng tôi không biết rằng chúng có giống y như bảy con đường được mở ra trước mặt các vị Chân Tiên của chúng ta hay không, nhưng ít nhất một trong các con đường đó có một điểm rất giống như của chúng ta, vì cũng có một vài vị Chân Tiên sẽ chọn có liên hệ mật thiết với dãy kế tiếp và đầu thai ở đó để giúp đỡ cư dân nơi đó tiến hoá; cũng như vậy, một trong bảy loại Chúa Tể Mặt Trăng đã chọn đến giúp đỡ chúng ta trong dãy này. Các thành viên của tầng lớp này là những vị được gọi là Đức Bàn Cổ (Barhishads) trong quyển *Giáo Lý Bí Truyền*.

Dưới tầng lớp này (tầng lớp *Đức Bàn Cổ*) là một nhóm lớn và đa dạng mà chúng ta gọi là *những người hạng nhất của dãy mặt trắng*, mặc dù để thuận tiện cho việc theo dõi số phận của các nhánh phụ của nó, có lẽ chúng ta cần nên đặt cho họ những cái tên khác nhau. Mặc dù họ chưa đạt được quả vị La Hán, nhóm này bao gồm:

- Một số người đang ở trên các nấc thang thấp của Thánh Đạo.
- Một số người khác tuy chưa đặt chân lên Thánh Đạo nhưng đang tiến gần đến nó.
- Những trường hợp thất bại của nhân loại thuộc dãy mặt trắng (tương xứng với $\frac{2}{5}$ nhân loại chúng ta sẽ bị đánh rớt khỏi vòng tuần hoàn thứ năm).
- Những đại diện tiến hoá nhất của loài thú ở dãy mặt trắng, những thực thể đã thành công trong việc thành lập nhân thể. Chúng tôi sẽ đặt tên gọi đặc biệt riêng cho những nhánh phụ này sau đây, nhưng hiện giờ chúng tôi chỉ đánh con số cho chúng.

Những người hạng nhất của dãy mặt trắng:

1. Những người này, mặc dù họ chưa đạt đến quả vị La Hán, đã đặt chân lên một trong những nấc thang trên đường Đạo. Hiện giờ, họ cũng như các vị Chúa Tể của Mặt Trắng,

đã đắc quả Chân Tiên từ lâu và đã rời khỏi lĩnh vực khảo cứu của chúng ta.

2. Những người thuộc loài thú của dãy mặt trăng đã cá nhân hoá trong *vòng tuần hoàn thứ tư* của dãy mặt trăng. Hiện nay, tất cả những người này cũng đã đắc quả Chân Tiên. Những Chân Sư được chúng ta biết đến nhiều nhất có liên quan đến các công việc của Hội Thông Thiên Học cũng thuộc về tầng lớp này, và chúng ta có thể bao gồm luôn trong đó phần lớn các vị đã đắc quả La Hán dưới ảnh hưởng của sự giảng dạy của Đức Phật.
3. Những người đã cá nhân hoá trong *vòng tuần hoàn thứ năm* của dãy mặt trăng. Những người này hiện giờ là những người nổi tiếng trên thế giới, đương nhiên không phải chỉ là những người mà thế giới cho là nổi bật, mà còn luôn cả những người, theo cách này hoặc cách kia, đã tiến hoá khá xa so với đồng loại của họ. Trong hàng ngũ Thông Thiên Học của chúng ta, điều này có nghĩa là họ là những người đã đặt chân lên đường Đạo hoặc đang tiến gần đến nó; đối với thế giới bên ngoài, họ có nghĩa là các thánh nhân hoặc những người có trình độ phát triển trí tuệ hoặc nghệ thuật cao siêu.
4. Những người đã cá nhân hóa ở *vòng tuần hoàn thứ sáu* của dãy mặt trăng. Ở đây chúng

ta có tầng lớp một số người khá lớn, những người lịch sự, tao nhã với tinh thần danh dự khá cao và tốt bụng, thông minh và sùng đạo trên trung bình. Ví dụ tiêu biểu của tầng lớp này là các ông quý phái và những nhà chuyên gia, những giáo sĩ và sĩ quan trong quân đội hoặc thủy quân. Họ có quyền lực và vẫn có thể lạm dụng nó. Họ có thể không làm những gì những người chung quanh cho rằng họ nên làm và do đó họ thường ít được tôn kính, nhưng ít nhất họ sẽ không làm điều gì bần tiện hoặc thô bỉ.

5. Những linh hồn đã cá nhân hoá ở *vòng tuần hoàn thứ bảy* của dãy mặt trăng. Các thành viên của tầng lớp này thật không có khác nhiều lắm so với nhóm vừa rồi, ngoại trừ lòng tốt bụng, trí tuệ hoặc niềm tin tôn giáo của họ ở gần mức độ trung bình hơn. Trí khôn của họ được dùng nhiều hơn vào những mục tiêu vật chất, chẳng hạn như các nhà doanh nhân. Họ đại diện cho phần lớn những nhóm người mà chúng ta gọi là tầng lớp trung lưu cao đẳng (upper middle-class) - vẫn là những người lịch sự nhưng với một cuộc sống trí tuệ hoặc tinh thần thấp hơn một chút so với các chuyên gia.

Tất cả các tầng lớp được đề cập ở trên thực sự chỉ là những nhóm phụ của lớp hạng nhất của những người ở dãy mặt trăng, nhưng trong suốt quá trình tiến hoá họ hoà lẫn với nhau thành những hạng người khó phân biệt được, cho nên linh hồn cao nhất ở bất kỳ tầng lớp nào chẳng khác bao nhiêu so với linh hồn thấp nhất của tầng lớp cao hơn kế tiếp. Không chỉ ranh giới giữa họ không được phân biệt rõ ràng mà thậm chí còn có nhiều sự hòa trộn lẫn nhau. Các linh hồn lý ra thuộc tầng cấp thương mại đôi khi lại xen kẽ vào các nhà chuyên gia, trong khi những linh hồn của loại cao hơn lại thấy mình bị đặt vào tầng cấp thương mại. Như họ thường nói ở Ấn độ: “Trong thời đại này, mọi giai cấp đều trộn lẫn với nhau.”

Tôi đã phân chia họ dựa theo vòng tuần hoàn mà họ trở thành con người trên dãy mặt trăng. Khi việc này xảy ra ở bất cứ vòng tuần hoàn nào sớm hơn thì nó thường có nghĩa là linh hồn vừa mới được hình thành sẽ tiếp tục đầu thai làm người vào vòng kế tiếp. Ví dụ, những linh hồn vừa cá nhân hoá ở vòng tuần hoàn thứ tư của dãy mặt trăng sẽ đầu thai làm người ở giữa vòng thứ năm và tiếp tục luân hồi trong thời gian còn lại của vòng thứ năm, nguyên vòng thứ sáu, và nửa phần đầu của vòng thứ bảy. Cũng vậy, những linh hồn cá nhân hoá ở vòng thứ năm sẽ đầu thai liên tiếp làm con người ở giữa vòng tuần hoàn thứ sáu, và những linh hồn cá nhân

hoá ở vòng thứ sáu sẽ đầu thai vào vòng thứ bảy. Những người cá nhân hoá ở vòng thứ bảy sẽ trải nghiệm đời sống con người trên dãy địa cầu, và dĩ nhiên họ phải ứng vào hình thể những người man dã khi đến nơi đây.

Những người hạng nhì của dãy mặt trăng.

Bên dưới tầng lớp không lồ này là những người hạng nhì của dãy mặt trăng, những thành viên tuy đã cá nhân hoá ở một giai đoạn sớm hơn trong kiếp thú nhưng vẫn chưa phát triển xong nhân thể, mặc dù họ đã có một nhân thể có thể được mô tả là một bộ xương cho một dẫn thể như vậy: họ có một nhân thể được hình thành từ một số dòng lực đan kẽ vào nhau cho thấy đường nét của một hình bầu dục sẽ xuất hiện nay mai. Do đó, những linh hồn này có một hình dáng khá kỳ lạ, gần như thể họ được bao bọc trong một cái vỏ được đan bằng chất liệu thượng trí.

Hiện nay, những người này được đại diện bởi phần đông giai cấp tư sản (*bourgeoisie*), thường được gọi là tầng lớp trung lưu hạ đẳng (lower middle class). Một ví dụ điển hình trong số họ là các chủ tiệm nhỏ hoặc phụ tá của họ. Nói chung, tầng lớp này có thể được mô tả là tốt bụng nhưng thường nông cạn, bảo thủ và chán ngắt. Họ thường tôn sùng cái mà họ gọi là danh tiếng. Một người quá quan tâm về tiếng tăm của mình sẽ không bao giờ làm được một điều gì đáng kể, dù tốt hay xấu. Y có thể

tiếp tục đi theo con đường chán ngắt như vậy qua bao nhiêu kiếp, chỉ nam của cuộc sống của y đều lệ thuộc vào những gì y cho rằng người khác sẽ nghĩ thế nào về y.

Đôi khi, chúng ta có thể thấy một linh hồn thuộc giai cấp *tư sản* thậm chí ở những địa vị cao hơn trong xã hội, và khi những linh hồn như thế đạt được quyền lực trong bất cứ quốc gia nào, nó có nghĩa là quốc gia đó đang tiêu trừ nghiệp ác của nó. Triều đại như của Vua George III⁴ ở nước Anh là một nghiệp chương từ vụ sát hại vua Charles I và những thảm họa kinh hoàng khác của Thanh Giáo (Puritanism), và hậu quả của nó là sự chia rẽ giữa nước Anh và châu Mỹ mà đến bây giờ mới được hàn gắn lại. Vì những người thuộc trình độ này không thể nào học được bài học của bất cứ giống dân phụ nào nhanh chóng bằng những người thuộc cấp độ cao hơn, họ thường phải đầu thai nhiều lần trong mỗi giống dân phụ trước khi chuyển qua giống dân phụ kế tiếp⁵.

Người-thú (Animal-men) của dãy mặt trăng.

Chúng ta gọi nhóm kế tiếp là người-thú của dãy mặt trăng, những linh hồn đã cá nhân hoá từ giai đoạn

4 Tương đồn George III là một vị vua bị điên vì một bệnh bẩm sinh.

5 Xin lưu ý một Giống dân chính có đến 7 giống dân phụ, mỗi giống dân phụ có những bài học khác nhau mà một linh hồn cần phải học hỏi.

sớm nhất của loài thú ở thời điểm mà sự kiện cá nhân hoá vẫn còn có thể xảy ra. Sau đó, họ bắt đầu đời sống con người bằng một cái mà không thể nào được gọi cho đúng là một nhân thể, mà là một Chân Thân lơ lửng trên một phạm ngã và được liên kết với nó qua vài sợi dây làm bằng chất liệu của cõi niết bàn. Trong vòng tuần hoàn thứ nhất, họ chính là những linh hồn nhập vào các hình thể được thiết kế bởi các vị Chúa Tể của dãy Mặt Trăng và do đó đã làm hết tất cả các công việc tiên phong cho mọi loài.

Khi nghiên cứu về họ, chúng ta cuối cùng cũng đến tầng lớp được gọi là giai cấp lao động, họ tạo ra phần đông dân số trong mỗi nước. Tại sao chỉ mình họ lại được tặng danh hiệu cao quý *người lao động* thì thật là không rõ, vì họ chắc chắn sẽ lập tức phản đối một cách mạnh mẽ nếu họ bị kêu gọi làm việc nhiều tiếng trong một ngày như bất cứ một người thành công nào thuộc tầng lớp cao hơn, nhưng danh hiệu này thường chỉ về những người làm việc bằng thể lực nhiều hơn là bộ não. Loại người đặc biệt này mà chúng ta đang nhắc đến, những người từng là những kẻ man rợ của dãy mặt trăng, có thể được cho là làm cả hai công việc, bởi vì họ là cũng là những người thợ khéo tay nhất trên thế giới - họ thuộc về giai cấp vô sản nhưng đại diện cho thành phần tốt nhất của nó, những người có sức chịu đựng và nhân phẩm tốt, biết tự trọng và đáng tin cậy.

Dưới tầng lớp này còn có ba tầng lớp của những thành viên còn chưa thành công rời khỏi hóm nhóm của chúng và do đó chưa cá nhân hoá, mặc dù chúng sẽ có khả năng này ở đây địa cầu của chúng ta hiện nay. Chúng vẫn còn mang danh hiệu loài thú.

Loài thú hạng nhất của dãy Mặt Trăng.

Những con thú này đã đạt đến trình độ loài người ở vòng tuần hoàn thứ nhì của dãy địa cầu và hiện đang được đại diện bởi một số rất lớn những người còn yếu tay nghề, nói chung họ cũng tốt bụng nhưng thường bất cẩn và tiêu xài hoang phí. Chúng ta cũng nên gom vào nhóm bọn họ những người man rợ cao cấp hơn, những người Zulus và một số thổ dân da đỏ và da đen giỏi hơn của nước Mỹ.

Loài thú hạng nhì của dãy Mặt Trăng.

Đây là loài thú kém hơn, chúng chỉ mới cá nhân hoá ở vòng tuần hoàn thứ ba của dãy địa cầu. Chúng ta thấy họ được đại diện trong những kẻ man rợ có tính tình tương đối ôn hoà trong một số bộ lạc đồi núi ở Ấn độ và trong số những người truy lạc, bị thất nghiệp, say rượu đang sống giữa chúng ta và trong nhiều cư dân ổ chuột của đô thị.

Loài thú hạng ba của dãy Mặt Trăng.

Đây là hạng người thấp nhất của nhân loại, thậm chí chỉ hơn loài thú một chút vì họ chỉ vừa mới rời khỏi nó vào thời điểm sơ khai của các bầu thế giới thuộc *vòng tuần hoàn thứ tư* hiện nay, hoặc thậm chí vào thời điểm của các giống dân cũ hơn trên địa cầu chúng ta trong vòng tuần hoàn này. Nó được đại diện bởi những kẻ man rợ thấp nhất và hung bạo nhất, những kẻ thường xuyên phạm tội, những kẻ quăng bom nổ và những người hay đánh đập vợ con đang sống chung quanh chúng ta. Trong nhóm này có thể thêm vào một vài người ở các giai đoạn khác đã cá nhân hoá bằng sự thù hận hoặc sợ hãi.

Dưới các hạng người này có ba tầng lớp hiện đang tạo nên các loài thấp hơn của chúng ta; loài thảo mộc của dãy mặt trăng hiện là loài thú của chúng ta; loài kim thạch của dãy mặt trăng hiện là loài thảo mộc của chúng ta; và loài tinh hoa chất của dãy mặt trăng mà loài tiến hoá nhất trong số chúng hiện giờ đã trở thành loài kim thạch của chúng ta.

Những người mà chúng ta gọi là kẻ man rợ của dãy mặt trăng đã được giao phó nhiệm vụ làm tiên phong cho dãy địa cầu. Mặc dù họ đã rời bỏ loài thú ở dãy mặt trăng và do đó phải được coi như thể là loài người, họ nhập vào dòng tiến hóa ở bầu thứ nhất của vòng tuần hoàn đầu tiên ở dãy địa cầu chúng ta không phải ở trình độ loài người mà là ở trình độ loài tinh hoa chất thứ nhất. Họ chuyển qua

loài tinh hoa chất thứ hai và thứ ba rất nhanh, và sau đó đi liên tiếp qua loài kim thạch, thảo mộc và thú cầm cho đến khi họ đạt được hình thể loài người.

Trong mỗi loài này, họ tạo ra các hình thể của chúng, lấy ý tưởng về hình thể của chúng từ tâm trí của các vị Chúa Tể Mặt Trăng, người thay mặt cho Thượng Đế để hướng dẫn quá trình tiến hoá của bầu đó. Có lẽ chúng ta nên nói rằng các thực thể man rợ này chảy vào những cái khuôn được hình thành bởi các Vị hướng dẫn và dùng những cái khuôn này để tạo ra những hình thể cho những thực thể theo sau chúng, vì theo sát đằng sau chúng luôn là các lớp Chân Thần kế tiếp, những Chân Thần tiến hoá cao nhất của số chưa rời khỏi hồn khóm ở dãy mặt trăng, và tiếp theo chúng là tất cả những Chân Thần còn lại.

Khi lớp người man rợ của chúng ta đã hoàn thành công việc trên bầu thứ nhất của vòng tuần hoàn thứ nhất, họ chuyển đến bầu thứ hai và lập lại y quá trình này ở đó trong chất liệu đậm đặc hơn; khi việc này đã được hoàn tất thì họ lại qua bầu thứ ba, thứ tư rồi cứ như vậy, trải qua dòng tiến hoá tẻ nhạt từ loài tinh hoa chất thứ nhất cho đến loài người trong mỗi bầu, hầu các hình thể có thể được chuẩn bị cho những lớp theo sau. Ở cuối vòng tuần hoàn thứ nhất, nhiệm vụ của họ đã được hoàn tất và họ đi vào bầu thứ nhất của vòng thứ nhì ở trình độ

của người bán khai, mặc dù họ man rợ đến mức thật khó nhận ra được một lợi ích gì đáng kể từ điều này.

Trong quá trình của vòng tuần hoàn thứ nhì đó (ở đây địa cầu của chúng ta), loài thú hạng nhất của dãy mặt trăng đã đạt được trình độ loài người, và điều tương tự như vậy cũng xảy ra ở trong vòng thứ ba đối với loài thú hạng nhì của dãy mặt trăng. Tuy nhiên, sự gia nhập của những người hạng nhì của dãy mặt trăng vào giữa vòng thứ ba gây ra một rắc rối mới, vì những người đã thành công thiết lập một cái khung cho nhân thể ở dãy mặt trăng. Nhập vào ở giai đoạn này, họ nhanh chóng tiến về phía trước và trở thành những người lãnh đạo.

Các học sinh sẽ nhớ rằng chu kỳ của bầu thể giới thứ tư ở vòng tuần hoàn thứ tư sẽ khác với tất cả chu kỳ khác, vì ở một mức độ nào đó nó là sự tóm tắt lại của các giai đoạn tiến hoá sớm hơn. Một phần lớn thực thể loài thú dường như đang tiến gần đến giai đoạn cá nhân hoá, nhưng chúng không thể đạt được nó trong diễn tiến bình thường của sự tiến hoá trước thời điểm của giữa vòng tuần hoàn thứ tư, khi cánh cửa giữa loài người và loài thú sẽ bị đóng lại. Do đó, một cơ hội đặc biệt đã được tạo ra cho chúng, và hoàn cảnh của vòng tuần hoàn thứ nhất, thứ nhì và thứ ba đã được tái tạo trong những hình thể nhỏ hơn của giống dân thứ nhất, thứ nhì và thứ ba của chu kỳ của bầu thể giới hiện nay.

Nếu chúng ta nhìn lại nhân loại như họ đã xuất hiện trên Hỏa Tinh (bầu thứ ba) trong vòng tuần hoàn thứ tư này, chúng ta sẽ thấy rằng về hình dáng, họ không khác nhiều lắm so với bây giờ, và điều này là đúng cho tất cả các giống dân của bầu Hỏa Tinh từ một cho đến bảy. Tuy nhiên, nếu chúng ta nhìn lại nhân loại của chúng ta từ giống dân chính thứ nhất trên bầu của chúng ta (bầu thứ tư) trong vòng tuần hoàn hiện nay, chúng ta sẽ thấy rằng các thành viên của nó không giống như bất cứ nhân loại nào mà chúng ta biết. Họ chỉ là những đám mây lơ lửng - giống như loài người của vòng tuần hoàn thứ nhất một lần nữa. Cũng như vậy, những người thuộc giống dân chính thứ nhì của chúng ta cũng có những hình dáng vô định kỳ lạ như các túi kem nhào (pudding-bag), một hình dạng chưa bao giờ được nhìn thấy ở bất cứ bầu thế giới nào khác của dãy chúng ta kể từ vòng thứ hai. Trong giống dân chính thứ ba cũng xảy ra sự kiện của việc đi sâu vào vật chất đậm đặc hơn một lần nữa và sự phân chia giới phái - vốn là đặc điểm của giữa vòng tuần hoàn thứ ba.

Tất cả những điều kiện này đã được thực hiện chỉ vì lợi ích cho các thực thể chậm tiến, và ta đừng quên rằng chỉ có họ mới tham gia trong đó - nên nó giải thích các tội ác được gây ra bởi những kẻ vô tri, sự xuống cấp tột độ của các hình thể, và còn những sự kiện khác. Không có nhân loại nào của các vòng

tuần hoàn khác trước đây (và của những bầu trước đây của vòng tuần hoàn này) xuất hiện trong khoảng thời gian đó. Tất cả những thành viên của nó chỉ tham gia khi những thay đổi trong hình thể ở giữa giống dân chính thứ ba đã đưa nó trở về lại những hình thể tiến hóa giống như những gì mà họ đã quen trước đó, mặc dù lúc đó những hình thể ở cõi trần vẫn còn thấp kém đến nỗi có vài số linh hồn trong các làn sóng tiếp theo từ chối chiếm lấy chúng. Trên thực tế, toàn bộ kế hoạch của các giống dân trước đây trên quả địa cầu này là một cơ hội cuối cùng cho những linh hồn chậm tiến, và nó đã thành công ở một mức độ đáng kể. Nhiều thực thể không thể tận dụng được các điều kiện ở các vòng trước đây, giờ đã có thể làm được một điều gì với chúng, nhất là với sự hỗ trợ của một lực thúc đẩy tiến hoá lớn đến từ sự giáng phạm của các vị Hoả Đức Tinh Quân từ dãy Kim Tinh.

Ở vòng tuần hoàn thứ tư, các loài thú hạng ba của dãy mặt trăng đã đạt đến trình độ cá nhân hoá, và ở giữa thời điểm của giống dân chính thứ ba của bầu này (địa cầu), những người kém tiến hoá hơn của hạng người thứ nhất của dãy mặt trăng cũng bắt đầu trở lại đầu thai. Từ thời điểm đó cho đến giữa chu kỳ của giống dân Atlantis, và thậm chí có thể còn xa hơn nữa, những Chân Thần của hạng người thứ nhất của dãy mặt trăng cũng nhanh chóng quay

lại đầu thai, và dĩ nhiên họ đã chiếm ngay vị trí hàng đầu của loài người đang phát triển trong lúc đó.

Hy vọng rằng nỗ lực giải thích này sẽ giúp cho những người nghiên cứu về chủ đề rất thú vị này dễ hiểu hơn. Đúng là nó có rất nhiều chi tiết phức tạp, nhưng các nguyên tắc chung thì rất rõ ràng, và một học sinh ghi nhớ được các nguyên tắc này sẽ nhanh chóng nắm được toàn bộ kế hoạch của cơ tiến hoá.

DÂY ĐỊA CẦU

Chúng ta đã đi qua điểm giữa của dòng tiến hoá của dây thế giới chúng ta. Có tất cả bảy vòng tuần hoàn, bảy cuộc hành trình qua bảy bầu. Ba trong bảy số cuộc hành trình này đã được hoàn tất, và chúng ta hiện đang ở bầu thứ tư (bầu giữa) của vòng tuần hoàn thứ tư. Điểm giữa của chu kỳ thế giới chúng ta phải là thời cao điểm của giống dân thứ tư, giống dân Atlantis, và vì chúng ta hiện đang ở trong thời kỳ tương đối ban đầu của lịch sử giống dân chính thứ năm, nên rõ ràng là chúng ta chỉ vừa mới vượt qua được phân nửa chu kỳ. Tuy nhiên, chúng ta không biết được rằng liệu điểm giữa của dòng tiến hoá có phải tương xứng với điểm giữa của dòng thời gian hay không, bởi vì chúng ta không biết

được liệu mọi vòng tuần hoàn hoặc chu kỳ của mọi giống dân đều dài bằng nhau hay không. Như tôi đã có nhắc đến trước đây, có lẽ chúng có khả năng dài ngắn khác nhau, thậm chí có thể rất lớn, và chúng ta có lý do để hy vọng rằng những người ở trước mặt chúng ta có thể sẽ có những chu kỳ ngắn hơn so với những người ở đằng sau chúng ta.

Như tôi đã nói, để suy đoán xem những chu kỳ không lồ này thật sự dài bao nhiêu là một điều vô bổ. Vài năm trước đây, chúng tôi đã bỏ ra rất nhiều công sức để xác minh một trong những niên đại xa xôi được đưa ra trong quyển *Giáo Lý Bí Truyền*, tức là 16.5 triệu năm kể từ sự phân chia giới tính xảy ra ở giữa giống dân chính thứ ba. Chúng tôi đã khám phá ra rằng sự phân chia đó là một quá trình kéo dài hơn cả một triệu năm vào nhiều thời điểm khác nhau ở khắp mọi nơi khác nhau trên thế giới. Sau khi chọn ra một thời điểm mà dường như việc này đã được hoàn tất một cách khá tốt, chúng tôi đã tính từ thời điểm đó cho đến nay bằng cách quan sát các sự thay đổi cụ thể trong thiên văn, và kết quả của chúng tôi khác con số của Bà Blavatsky khoảng 100,000 năm. Vì sự quan sát này được thực hiện nhiều năm sau cái chết của Bà và bằng những phương pháp hoàn toàn khác với bất cứ cách nào mà tôi biết Bà đã từng dùng, nên tôi cho rằng chúng ta có thể chấp nhận nó như là một bằng chứng xác minh rất tốt.

Từ những gì chúng tôi đã thấy trong quá trình điều tra đó, chúng tôi đã đi đến kết luận rằng tất cả những thay đổi căn bản trước đó trong việc cấu tạo cơ thể con người đã đi qua một khoảng thời gian thực sự rất lâu, trong khi các thay đổi sau đó liên quan đến sự phát triển của các nền văn minh con người lại trôi qua rất nhanh, nên các thời đại này có thể được đếm trong vòng vài nghìn năm, trong khi những thời kỳ trước đó phải cần đến cả hàng triệu năm. Vì vậy, dù không bảo đảm được ngày tháng chính xác liên quan đến phần trước của quá trình tiến hoá kỳ diệu này, chúng ta hãy liếc qua thật nhanh những kỳ công đã được thực hiện cho đến ngày nay trên dãy địa cầu.

Trước khi thái dương hệ này biểu lộ, Thượng Đế đã tạo ra toàn bộ kế hoạch này trong tâm trí của Ngài và như thế ban cho nó sự sống hiện hữu ở cõi trí của Ngài. Cõi này ngự trị ở tầng cấp nào thì chúng tôi không thể biết được, có thể nó là nơi mà chúng ta gọi là cõi trí của vũ trụ, hoặc có thể còn cao hơn nữa. Đối với nó và mối liên hệ của nó với thái dương hệ của chúng ta, Bà Blavatsky đã tặng cho nó cái tên “thế giới của khuôn mẫu,” và người Hy-Lạp dường như đã từng gọi nó là “thế giới của tư tưởng.” Tất cả những gì chúng ta nghe hoặc đọc được về sự thành hình tức thì của một thái dương hệ từ cái không có gì cả ám chỉ về sự hình thành của các hình tư tưởng vũ trụ này.

Thật vậy, từ một góc nhìn nào đó, dường như chúng ta chỉ là một biểu lộ của chính Hành Tinh Thượng Đế và cơ tiến hoá đang diễn ra trong chính cơ thể của Ngài, như thể các bầu hành tinh là các trung tâm lực trong cơ thể đó, hay đúng hơn, là linh hồn của chúng, các nguyên lý cao hơn, thay vì là các bầu hành tinh vật lý như chúng ta có thể nhìn thấy. Từ quan điểm này, bầu A chính là biểu hiện cho bộ não hoặc thể trí của Ngài và tất cả các hình thể này đều tồn tại trong tâm trí của Ngài, vì cõi trí của chúng ta không chỉ là cõi phụ thứ ba của cõi thấp nhất của vũ trụ, đồng thời nó cũng là cõi phụ thấp nhất của một phương diện hoặc biểu lộ của Thượng Đế. Chúng ta có thể hiểu rằng Ngài tự biểu lộ qua bảy cách hay bảy phương diện, và mỗi một cá tánh mà chúng ta gọi là một cõi thật ra là hình thức thấp nhất của một trong những phương diện này, nên cảnh nguyên tử của cõi trí chúng ta thật sự là cảnh thấp nhất của thể trí của vị Hành Tinh Thượng Đế.

Trước khi Đức Bàn Cổ của một dãy hoặc của một vòng tuần hoàn bắt đầu nhiệm vụ được uỷ thác cho Ngài, Ngài sẽ kiểm tra phần nào của hình tư tưởng vĩ đại đó có liên quan đến công việc của Ngài và đem nó xuống ở gần tầm tay để Ngài có thể tham khảo liên tục. Điều tương tự như vậy cũng được thực hiện ở một tầng cấp thấp hơn do Đức Bàn Cổ của mỗi bầu thế giới và của mỗi giống dân chính. Ở

cấp độ của họ, mỗi vị Bàn Cổ đều có một hình mẫu mà Ngài cần phải xây dựng ở ngay trước mặt và tùy theo trường hợp, Ngài sẽ cố gắng tạo ra một giống dân hoặc một bầu thể giới của Ngài càng giống như ý định của Thượng Đế thì càng tốt. Vì Ngài phải làm việc với những chất liệu hiện đã có sẵn nên Ngài chỉ có thể tiến đến sự chân thiện mỹ được đòi hỏi theo từng bước nhỏ, do đó những nỗ lực trước đây để tạo ra một giống dân thường chỉ thành công có một phần.

Trong vòng tuần hoàn đầu tiên của dãy địa cầu, Đức Bàn Cổ nhận lãnh trọng trách này đã đem xuống hết các hình mẫu cho nguyên một dãy. Mặc dù có nhiều mô hình sẽ không được hoàn hảo cho đến vòng thứ bảy, mầm giống của chúng đã xuất hiện ngay ở dưới đây trong vòng đầu tiên. Ngài chọn ra một số hình thể nhất định cho mỗi loài mà Ngài muốn làm sinh động trong vòng đầu tiên với ý định sẽ phát triển từ chúng tất cả những gì mà Thượng Đế muốn cho dãy Địa Cầu này trong các giai đoạn về sau. Kế hoạch của các hình thể này, được vật chất hoá ở cấp độ mà họ có thể dùng được, đã được giao cho một trong các vị Chúa Tể Mặt Trăng, người được uỷ thác nhiệm vụ thiết lập các hoạt động cho dãy đầu tiên. Họ tạo ra các hình thể này trên mỗi bầu của bảy bầu thể giới trong vòng tuần hoàn đầu tiên đó, và khi họ vừa hoàn tất xong các hình thể thì người man rợ của dãy mặt trăng liền

nhập vào chúng, làm cho chúng rắn lại và sử dụng chúng, rồi từ chúng sanh ra các hình thể khác có thể được dùng bởi loài thú của dãy mặt trăng thuộc tầng lớp thấp hơn họ.

Trên mỗi hành tinh, những người man rợ của dãy mặt trăng bắt đầu từ loài thấp nhất với các hình thể cần thiết cho loài tinh hoa chất thứ nhất. Sau đó, họ lần lượt nhanh chóng đi qua loài tinh hoa chất thứ hai và thứ ba, kể đến là loài kim thạch, thảo mộc và thú cầm cho đến loài người. Sau khi họ đã hoàn tất công việc này trên mỗi hành tinh, họ đã đi đến tầng cấp của loài người lần cuối ở hành tinh thứ bảy của dãy Địa Cầu. Từ lúc đó, họ đã nghỉ làm công việc đặc biệt này, vì ở vòng thứ nhì và sau đó họ đã là con người ngay từ lúc đầu.

Tình trạng ở vòng tuần hoàn thứ nhất khác với bất kỳ những gì xảy ra sau đó. Trước tiên, sự sống trong mọi trường hợp đều thuộc về một tầng lớp cao hơn, vì khi các bầu hành tinh được biểu hiện thì chúng đã ở trình độ ngang hàng với các bầu của dãy mặt trăng. Ví dụ, bầu A và G hiện đang ở cõi hạ trí lúc đó cũng từng là sân trường cho sự sống thuộc về tầng lớp cao hơn. Chính các bầu hành tinh lúc đó cũng được hình thành bằng chất liệu của cõi hạ trí, nhưng nó chưa đủ thích hợp cho các thực thể thuộc tầng lớp của nó cư ngụ vì nó chưa đủ đậm đặc hoặc yên tĩnh. Bầu B và F, mặc dù được làm bằng chất

liệu của cõi trung giới, lúc đó lại chỉ được sử dụng cho các hình thể thuộc cõi hạ trí.

Phần lớn Hỏa Tinh và Thủy Tinh lúc đó vẫn còn ở trong trạng thái của chất khí (gas) và chất dĩ thái, và các thực thể sống trên hai hành tinh này chỉ có thể sử dụng thể vía của họ. Chính hành tinh D của chúng ta (trái đất) lúc đó tuy đã chứa rất nhiều chất liệu hồng trần nhưng vẫn còn ở trong tình trạng quá nóng đến nỗi nó có rất nhiều sông và hồ, thậm chí còn có những trận mưa rào kim loại nóng chảy, nên lúc đó những người có cơ thể chỉ giống như chúng ta một chút cũng không sao tồn tại được. Tuy nhiên, những cư dân lúc đó chỉ sử dụng các dẫn thể thuộc chất liệu dĩ thái và do đó không bị làm khó chịu bởi các hoàn cảnh này. Trong khoảng thời gian giữa vòng tuần hoàn thứ nhất và thứ nhì, vật liệu của một số bầu đã có thì giờ ổn định lại trong một trạng thái trật tự hơn để mỗi bầu có thể được dùng làm nơi sinh sống cho các thực thể sử dụng các dẫn thể có đồng chất liệu với nó.

Thật khó tưởng tượng được quá trình tiến hoá của dãy thứ nhất đã diễn ra như thế nào, thậm chí những người trong số chúng tôi đã từng chứng kiến nó cũng khó tường thuật lại bằng ngôn ngữ hồng trần. Tình trạng hiện giờ trên bầu A không phải là dễ hiểu. Chúng ta có thể hiểu rằng loài người ở bầu đó đang sống trong thể trí của họ, và chúng ta cũng có thể tưởng tượng được hồn khóm của loài thú và

loài thảo mộc ở một mức nào đó cũng có thể tồn tại ở nơi đó bằng một cách này hoặc cách khác, nhưng còn loài kim thạch thì sẽ sống như thế nào ở cõi trí? Nó sẽ tương xứng với *tư tưởng* của chúng ta về một khoáng chất. Tuy nhiên, chúng ta sẽ lầm to khi cho rằng như vậy hình tư tưởng mà chúng ta có thể tạo ra về vàng sẽ là đại diện duy nhất của vàng ở cõi đó; hình tư tưởng tồn tại nơi đó là của Đức Bàn Cổ, và nó được uốn nắn bởi một quyền năng vượt ngoài khả năng suy nghĩ của chúng ta.

Mỗi vật tồn tại ở cõi Trần phải hiện hữu theo một cách nào đó ở tất cả các cõi bên trên của nó, vì nó là một biểu hiện của sự sống thiêng liêng và do đó phải có một đường dây liên hệ thông qua các cõi. Chắc chắn phải có một số ảnh hưởng nào đó tác động lên các đối phần cao hơn của loài kim thạch để biểu thị cho sự tiến hoá của chúng ở các bầu thanh nhẹ hơn, nhưng ý tưởng này không phải dễ được giải thích hoặc dễ phù hợp với các quan niệm của bộ não thể xác. Nó là việc đem xuống các năng lượng trí tuệ tuôn ra từ Thượng Đế - từ cõi trí vũ trụ của Ngài vào chất liệu trí nguyên thủy (*prakritic mental*), vốn là cõi trí của chúng ta. Đó là tư tưởng của Ngài về một khoáng chất, được vật chất hoá ở một mức độ thấp nhất, giống như tư tưởng của chúng ta về thể phách của một khoáng chất.

Khi toàn bộ hình tư tưởng này được đem xuống bầu D ở vòng tuần hoàn thứ nhất, thể phách của một

khoảng chất đã được hình thành, nhưng ngay cả lúc đó nó cũng không phải là một thể phách toàn vẹn vì ở giai đoạn trước đó, chỉ có một số cõi phụ được làm sinh động hoàn toàn. Ngay cả hạt nguyên tử hồng trần cũng vẫn còn lơ dờ, chậm chạp vì nó chỉ có một bộ vòng xoắn hoạt động. Cứ trong mỗi vòng tuần hoàn, một thần lực được tuôn thêm vào các hạt nguyên tử và việc này đẩy thêm một bộ vòng xoắn vào vùng hoạt động để đến bây giờ, chúng ta đang ở vòng tuần hoàn thứ tư nên các hạt nguyên tử có bốn bộ vòng xoắn đang hoạt động; tuy nhiên, hạt nguyên tử hiện giờ của chúng ta thậm chí vẫn không là gì cả so với hạt nguyên tử sẽ hiện diện ở vòng thứ bảy, khi tất cả các bộ vòng xoắn đều hoạt động đầy đủ và nguyên cả hạt nguyên tử sẽ giống như là Thượng Đế đã chỉ định cho nó lúc khai nguyên.

Con người ở bầu A trong vòng tuần hoàn thứ nhất thật sự không thể được gọi là con người - y là một tư tưởng. Một ngày nào đó y sẽ là một thể trí (mind-body), một mầm giống trí tuệ có liên hệ với các thể tương lai của nó giống như một bào thai của một đứa bé tháng đầu tiên có liên hệ với một cơ thể hoàn chỉnh của con người. Y không có ý thức gì nhiều ở giai đoạn sớm này.

Như chúng tôi đã nói, trong vòng tuần hoàn thứ nhất ở bầu B trên cõi trung giới, mọi thứ đều đã được đem xuống cõi hạ trí và trụ vững vàng ở đó với một chút xíu phát triển về thể vía. Ở Hỏa Tinh,

con người đã có các thể vĩa rõ ràng nhưng chúng vẫn chưa được hoàn hảo bởi vì khi đó chỉ có một số vật liệu nhất định của vài cảnh trung giới là có thể được sử dụng. Một chút xíu chất dĩ thái cũng được đưa vào đó mặc dù bầu đó cũng chỉ có sẵn một vài loại vật liệu dĩ thái có thể được dùng. Trong vòng tuần hoàn đầu tiên của quả địa cầu này, con người có các thể dĩ thái nhưng chúng chỉ là những đám mây vô định, mặc dù đến cuối thời kỳ của bầu thể giới này chúng bắt đầu tụ tập chất hơi cũng như chất dĩ thái xung quanh chúng. Chúng có vẻ hấp thụ được các dinh dưỡng cần thiết từ bầu khí quyển nóng bỏng xung quanh chúng.

Dường như chúng có một lô các biểu hiện liên tiếp mà tôi cho rằng chúng ta phải coi chúng như là tương ứng với các giống dân, nhưng chỉ có giống dân chính, bởi vì chỉ có bảy loại giống dân chính, và một kiếp đầu thai (nếu chúng ta có thể gọi nó là một kiếp đầu thai) của mỗi cá nhân kéo dài đến cả một chu kỳ của một giống dân. Tuy nhiên, dường như chu kỳ của các bầu thể giới đó còn dài hơn rất nhiều so với hiện giờ, và với quan niệm nhân sinh quan của chúng ta, chúng ta khó có thể hiểu được làm thế nào thủy tổ xưa nhất của loài người có thể xoay sở để tiến hoá. Tình trạng của bầu thể giới này (bầu B) đã được mô tả, nhưng chúng ta nên lưu ý rằng có một số nguyên tố hóa học đã bắt đầu kết hợp. Đến cuối thời kỳ của bầu thể giới này, nhiệt độ đã giảm

xuống đáng kể, có lẽ trung bình khoảng 1000°F, mặc dù nó vẫn còn rất nóng ở một số khu vực và ở những chỗ khác, nó đã giảm xuống đến mức độ của nước sôi.

Ở bầu E (Thủy Tinh) chúng (các dẫn thể) chỉ có ba loại dĩ thái chứ không phải là bốn như ở trên quả địa cầu, nhưng rõ ràng chúng đã tiến bộ và có vẻ sống động hơn so với trước đây, mặc dù ngay cả hiện giờ tâm thức của chúng cũng dường như giống như con a-míp (amoeba). Tuy nhiên, rõ ràng là con người đã bắt đầu làm việc một cách mù mờ trong lúc đi lên và đi xuống - đi xuống để làm đậm đặc lại các dẫn thể thấp hơn và đi lên để làm cho chúng có ý thức hơn. Mặc dù mọi thứ đều ở giai đoạn sơ khai, nhưng rõ ràng là mỗi bầu là một bước tiến bộ so với bầu trước đó. Tuy nhiên trong mọi trường hợp, dường như con người thậm chí còn chưa ý thức được một cách đầy đủ về bất cứ phần nhỏ nhoi nào của vật liệu mà y đang sử dụng. Người ta có một ấn tượng là mỗi phần phụ lại được chia thành những phần phụ nhỏ hơn, và y chỉ có khả năng dùng được một phần của một phần phụ nhỏ đó.

Chúng tôi dường như có ít điều để nói về quá trình tiến hoá trên bầu F và G, ngoài việc đây là lần đầu tiên chúng tôi bắt đầu để ý đến hiện tượng kỳ lạ của sự thất bại. Từ lúc bắt đầu, trên mỗi bầu đều có một phần nhỏ của mỗi loài cố tình bị bỏ rơi lại đằng sau để trở thành mầm giống cho lần định cư kế tiếp

ở tại hành tinh đó trong vòng tuần hoàn kế tiếp. Nếu điều này không được thực hiện thì tất cả công việc phiền phức liên quan đến việc tạo ra các hình thể mới phải được thực hiện một lần nữa trên mỗi bầu trong mỗi vòng tuần hoàn, trong khi với kế hoạch hiện tại, lúc nào cũng có một số cư dân ở lại trên mỗi hành tinh để có thể tạo lại các giống dân trong vòng tuần hoàn kế tiếp khi cần thiết. Làn sóng vĩ đại của sự sống di chuyển từ hành tinh này đến hành tinh khác tùy theo ý muốn của Thượng Đế. Khi Ngài tập trung sự chú ý của Ngài vào một bầu, sự sống bùng lên và quá trình tiến hoá được đẩy mạnh về phía trước. Khi mắt Ngài rời khỏi nó thì sự sống sẽ tàn lụi dần, bánh xe tiến bộ cũng chùng lại và làn sóng sẽ chuyển đến bầu thu hút được sự chú ý của Ngài. Tuy nhiên, sự sống không phải hoàn toàn tắt lịm (trên bầu cũ).

Một con số nhỏ của loài người, thú cầm, thảo mộc vẫn còn ở đó nhưng không gia tăng. Dân số này thường được duy trì như vậy qua hàng triệu năm dài không kể xiết cho đến khi sự sống nhập lại trên hành tinh đó một lần nữa. Khi làn sóng sinh hoạt đi vào nó một lần nữa, khi vô số linh hồn sẵn sàng đầu thai vào nơi đó, giống dân tri trệ này đột nhiên sinh sôi nảy nở rất nhanh và các sự thay đổi lớn và nhiều loại cải thiện vượt bậc sẽ được nhanh chóng đưa vào các dân thể để chúng có thể sớm tiến bộ hầu thích hợp với đoàn người với trình độ tiến

hoá hơn rất nhiều đang ồ ạt đi vào. Trong khi đó, một giống dân nhỏ và tương đối chậm chạp hơn sẽ lo toan cho những linh hồn còn đang tham gia ở vòng bên trong như tôi đã nhắc đến. Như tôi đã nói, hạt giống này đã cố tình bị bỏ lại đằng sau trên các bầu của vòng tuần hoàn thứ nhất, vì vào cuối vòng đó vẫn còn có những linh hồn chưa đạt được tiêu chuẩn được yêu cầu đối với họ, những người không đủ sức để đi đến bầu G ở thời điểm khi chu kỳ tiến hoá bình thường của bầu F đã kết thúc.

Những thực thể như vậy đã bị bỏ lại đằng sau và như vậy sẽ tiếp tục làm việc đều đặn với phần còn lại ở bầu F, có lẽ sau một thời gian họ cũng sẽ chuyển qua để gia nhập với tàn dư của bầu G; cũng có thể, do một sự thúc đẩy phi thường nào đó, đôi khi họ có thể đuổi theo kịp làn sóng sinh hoạt cũ của họ, nhưng thông thường họ vẫn tiếp tục thụt lại ở phía sau cho đến khi làn sóng sinh hoạt đuổi kịp họ trong vòng tuần hoàn kế tiếp của nó qua các bầu. Trong trường hợp sau này, họ thường tự thấy mình ở trong một lớp Chân Thần thấp kém hơn là tầng lớp mà họ đã từng thuộc về. Quy trình này là một kiểu đảo ngược quy trình của vòng bên trong. Ở vòng bên trong, linh hồn chạy trước làn sóng sinh hoạt, và bằng cách thực hiện thêm một cuộc hành trình vòng quanh các bầu, y tự nâng mình lên một cấp bậc cao hơn. Những kẻ lười biếng bị rơi lại đằng sau làn sóng sinh hoạt và rớt xuống một lớp

thấp hơn vì họ bị mất đi một vòng tuần hoàn để tiến hóa. Một tỷ lệ nhất định của những người thất bại này xuất hiện trên mỗi hành tinh và trong mỗi loài - những thực thể khoáng chất lẽ ra phải tiến đến tầng lớp thảo mộc, loài thảo mộc lẽ ra phải tiến đến loài thú, và loài thú lẽ ra đã phải cá nhân hoá.

Vật liệu của các cõi thấp hơn không thể nào được chuyển từ hành tinh này đến hành tinh khác. Ví dụ, khi chúng ta rời khỏi hành tinh này để đầu thai ở bầu Thuỷ Tinh, chỉ có các linh hồn được chuyển qua. Những linh hồn đó sẽ rút chung quanh họ chất liệu cõi trí và cõi trung giới thuộc về hành tinh mới, và họ sẽ chiếm lấy thể xác bằng cách nhập vào các dẫn thể sơ sinh được cung cấp bởi một số người đang sống tại Thuỷ Tinh.

Chắc chắn là lúc ban đầu các dẫn thể sẽ kém về mặt phẩm chất, nhưng các Chân Thần hạng nhất sẽ không dùng chúng bởi vì theo quy luật của cơ tiến hoá, những người đã đạt đến trình độ cao nhất của một hành tinh sẽ không bao giờ đầu thai lại vào các giống dân bán khai của hành tinh kế tiếp. Họ không cần phải trải qua quá trình tiến hóa bán khai mà các giống dân đầu cung cấp, và do đó họ chỉ gia nhập vào dòng tiến hoá của hành tinh mới khi một tỷ lệ cụ thể của cư dân ở đó đã tiến hoá đến mức độ gần với trình độ của họ và có thể cung cấp cho họ những dẫn thể thích hợp hơn.

Điều tương tự y như vậy cũng xảy ra khi các linh hồn chuyển từ dãy này đến dãy khác. Các cư dân tiến hoá nhất của dãy mặt trăng không xuất hiện trong vòng tuần hoàn thứ nhất của dãy địa cầu mà chỉ đi vào ở giữa vòng tuần hoàn thứ tư. Những linh hồn đầu thai vào giống dân chính thứ nhất ở bất cứ hành tinh nào đều là những người vẫn chưa vượt qua được điểm giữa của chu kỳ tiến hoá của hành tinh trước đó, như những người man rợ của dãy mặt trăng là những người đã làm hết các công việc của vòng tuần hoàn thứ nhất ở dãy địa cầu mà chúng ta vừa nói.

Đối với vòng tuần hoàn thứ nhất, tốt nhất là chúng tôi nên giải thích về sự khác biệt hiển nhiên giữa giáo lý Thông Thiên Học và lý thuyết của ông Darwin. Trong vòng tuần hoàn thứ nhất, khi hình thể xuất hiện lần đầu tiên trên dãy địa cầu của chúng ta, hình thể của con người quả thật đã tiến hoá từ loài thú giống như Darwin đã thuyết, mặc dù nó cũng đúng là quá trình này đã bị đảo ngược lại trong vòng tuần hoàn thứ tư hiện thời, và hình thể của con người trên bầu trái đất này đã hiện hữu *trước* hình thể của bất cứ loài động vật có vú nào mà chúng ta đã biết.

Đối với quá trình dài đằng đẳng của sự sần lọc tự nhiên từ những sự biến hóa tình cờ của thiên nhiên, chúng tôi thay vào đó một hướng đi khôn ngoan cho cả quá trình sần lọc và sự biến đổi, vì

chúng tôi đề nghị rằng hình thể chỉ biến hoá hầu chúng là một biểu lộ thích nghi của sự sống đang phát triển bên trong. Thái độ của chúng tôi đối với học thuyết Darwin là chúng tôi đồng ý với những khám phá của nó trên đại cương, nhưng chúng tôi đưa chúng đi xa hơn nữa vì chúng tôi đề xuất rằng còn có một sự tiến hoá về mặt tinh thần lẫn vật chất.

Trong vòng tuần hoàn thứ nhì, các hình thể được thành lập từ vòng thứ nhất đã có sẵn ở đó nên quá trình tái tạo nó không cần phải được lập lại nữa. Mỗi cảnh của một cõi được chia ra làm bảy cho nên trong mỗi cõi có đến 49 cảnh phụ. Trong vòng tuần hoàn thứ nhì, con người đang làm việc với và thông qua cảnh phụ thứ nhất và thứ nhì của mỗi cảnh, nên dù y đã có đầy đủ vật liệu của mọi cõi trong y, chỉ có hai cảnh phụ của hai cảnh thấp hơn là đang hoạt động.⁶ Có thể nói là con người đang bắt đầu từ từ xây dựng bốn nguyên lý⁷ thấp trong nửa giai đoạn đầu của sự tiến hoá của y.

Trong vòng tuần hoàn thứ nhì, hình dạng của các giống dân đã khá rõ nét hơn và có thể được phân biệt giữa nhau. Con người đã không còn là những đám mây lơ lửng của chất dĩ thái hoặc chất hơi mà đã tiến hoá ở một mức độ khá rắn chắc, tuy

6 Một nguyên tắc đáng được lưu ý là sự hoạt động của các vật liệu thuộc các cảnh phụ sẽ tương ứng với con số của vòng tuần hoàn, nên vòng tuần hoàn thứ *ba* sẽ có *ba* cảnh phụ hoạt động thay vì là hai như trong vòng tuần hoàn thứ hai.

7 Bốn nguyên lý thấp là thể xác, thể phách, thể vía, và thể trí.

họ vẫn là một khối thạch nhũ chưa có hình thù xác định lắm. Bà Blavatsky so sánh họ với các túi kem nhũ (pudding-bags) bởi vì họ có những chỗ lồi ra kỳ quái không rõ ràng thay vì là đôi cánh tay hoặc đôi chân. Ở đầu vòng tuần hoàn này, những chỗ lồi ra trên cơ thể của họ tạm thời giống như một con a-míp, nhưng sự lập đi lập lại quá trình này cuối cùng đã biến chúng thành vĩnh viễn và uốn nắn chúng theo một hình dạng gần giống như cái cuối cùng được chỉ định cho chúng. Nhiều người có thân hình nhẹ và dẻo đến nỗi họ có thể bay lơ lửng trong bầu khí quyển nặng nề lúc đó. Các người khác lặn thay vì bò, nhưng không ai có thể tự đứng thẳng mà không cần sự giúp đỡ.

Đáng tiếc, con người lúc đó vẫn còn chưa phát triển đầy đủ các dẫn thể cao hơn của y. Y có một thứ mà có thể được xem là cái trí và một thứ khác có thể thay thế cho một thể vía yếu ớt, nhưng tâm thức của y vẫn còn lờ mờ và không rõ ràng, và y có rất ít khả năng suy nghĩ, y chỉ sống dựa vào bản năng sinh tồn và gần như không có lý trí.

Trong vòng tuần hoàn này, người-thú duy trì và cải thiện vị trí con người của mình, trong khi loài thú hạng nhất đã đạt đến trình độ loài người ở cuối vòng tuần hoàn này. Cũng giống như tất cả các mô hình của loài kim thạch đã được đem xuống trong vòng tuần hoàn thứ nhất mặc dù chúng chưa được thiết lập đầy đủ, các mô hình của loài thảo mộc

cũng đã được đem xuống trong vòng tuần hoàn thứ nhì mặc dù chúng phải đợi rất lâu sau đó để được hoàn tất. Có lẽ các mô than của chúng ta xuất phát từ loài thảo mộc trong thời kỳ này.

Trong quá trình của vòng tuần hoàn thứ ba, chúng ta đi đến những tình trạng dễ hiểu hơn. Ngay ở các bầu đầu tiên, hình dáng con người đã bắt đầu giống như con người (hiện nay) hơn so với trước đó, mặc dù y vẫn còn là một lùm mây khổng lồ và xấu xí. Ở vòng tuần hoàn thứ ba trên bầu Hỏa tinh, con người lần đầu tiên có được một thứ có thể được gọi là cơ thể con người, mặc dù thoát đầu nó chỉ là một thể dĩ thái và nhìn giống như một loại khí bò sát hơn là hình thể con người mà chúng ta biết đến hiện nay. Y vẫn còn giống như một khối thạch nhào, và nếu một người dùng ngón tay ấn vào lớp da của y, một lỗ lõm sẽ hiện ra ở đó rất lâu trước khi nó được lấp đầy trở lại. Y có một bộ xương thô sơ, có lẽ sụn nhiều hơn xương, nhưng không đủ cứng để y đứng thẳng, và do đó y nằm lăn lóc và vùi mình trong lớp bùn mềm mại, ẩm áp bên cạnh các bờ sông.

Lúc đó, Hỏa Tinh có nhiều nước hơn so với bây giờ và phần lớn xứ sở đó rất đẹp, mặc dù loài thảo mộc của nó rất là kỳ lạ. Bầu không khí của nó đối với chúng ta có thể được coi là không thể thở được – nó có nhiều chất chlorine và rất ngộp thở. Tất cả mô hình của loài thú đã được đem xuống trong vòng tuần hoàn này, mặc dù rất nhiều trong số mô hình

đó chưa được thiết lập cho đến giữa vòng tuần hoàn hiện tại của chúng ta.

Trên trái đất ở vòng tuần hoàn thứ ba, có nhiều sự thay đổi lớn đã xảy ra. Ngay từ lúc đầu, con người đã rắn chắc hơn và bắt đầu cố gắng tự đứng thẳng lên, mặc dù họ vẫn còn run rẩy và đứng không vững, luôn té ngã lại đằng sau trên tứ chi khi họ bị rượt hoặc sợ hãi. Họ bắt đầu có tóc và lông trên thân thể, nhưng họ vẫn còn lỏng lẻo và mềm nhũn. Da của họ tối và khuôn mặt của họ thật không giống con người; nó dẹt một cách lạ lùng, với đôi mắt nhỏ và cách nhau rất xa nên họ có thể nhìn qua một bên cũng như ở đằng trước. Họ có hàm dưới phát triển rất lớn và gần như không có trán, nó chỉ là một cuộn bắp thịt giống như miếng xúc xích ở nơi mà cái trán phải hiện diện, toàn bộ cái sọ xệ xuống ở phía đằng sau một cách rất kỳ cục.

Cánh tay của họ dài hơn rất nhiều so với chúng ta và họ không thể duỗi tay thẳng ra ở khuỷu tay, đầu gối cũng vậy. Tay chân của họ to không lồ và méo sẹo, với gót chân dài ra đằng sau gần bằng các ngón chân ở phía trước, nên con người có thể lùi lại thật nhanh và vững vàng như đi về phía trước. Sự phát triển lạ lùng này được thuận lợi nhờ sự hiện diện của con mắt thứ ba ở đằng sau đầu, vẫn còn hiện hữu trong chúng ta dưới hình dạng thô sơ là tuyến tùng (pineal gland).

Thậm chí lúc này họ vẫn không biết dùng lý trí, chỉ sống với khát vọng và bản năng sinh tồn. Họ không biết gì về lửa và không biết đếm. Món ăn chính của họ là những sinh vật nhầy nhụa thuộc loại bò sát, nhưng họ cũng đào lên và ăn một vài loại nấm cục cổ xưa, và tôi từng thấy họ vặt đầu các cây dương xỉ (ferns) khổng lồ để ăn hạt của chúng.

Gần đến giữa chu kỳ phát triển của hành tinh này, sự phân tách giới tính xảy ra và rất nhanh sau đó, những người hạng nhì của dãy mặt trăng bắt đầu đi xuống đầu thai. Trước tiên họ được sanh vào mẫu người đang sinh sống lúc đó, nhưng họ nhanh chóng thành lập một mẫu người mới cho bản thân họ sau đó, trở nên nhỏ hơn, chắc hơn, sáng sủa hơn và nói chung, giống con người nhiều hơn về mặt ngoại hình.

Chiến tranh luôn xảy ra giữa họ và các cư dân khổng lồ hơn trước đó, lúc nào cũng đến bắt và ăn thịt họ khi có cơ hội, nhưng những người đến sau, do khôn ngoan hơn, đã sớm thống trị đồng loại khổng lồ của mình và giữ họ phục tùng theo một quy chế nào đó. Thật vậy, toàn bộ thế giới trên thực tế nhanh chóng rơi vào quyền cai trị của họ, và những giống dân trước đó buộc phải thích nghi với một đời sống văn minh hơn, hoặc bị xua đuổi vào những vùng xấu xa hơn của quốc gia.

Thế giới lúc đó vẫn còn rất xa trạng thái yên tĩnh như bây giờ. Những cơn động đất và núi lửa nổ

tung đáng sợ vẫn thường xảy ra và đời sống của họ rất bất bình. Địa hình của trái đất lúc đó hoàn toàn khác hẳn với bây giờ, các ngọn núi dường như đạt đến các độ cao vút trời mà chúng ta chưa bao giờ từng thấy. Có những thác nước khổng lồ và rất nhiều hồ nước xoáy lớn.

Khi giống dân này chuyển qua bầu Thủy Tinh thì chúng ta thấy cả nhân loại nói chung đã tiến bộ rất khá. Tình thương xuất hiện nhiều hơn và loài người đã biểu hiện các dấu hiệu của lòng vị tha, biết chia sẻ thức ăn của họ thay vì gặm gù với nhau như họ thường làm ở các giai đoạn trước đó. Sự hiện diện của những người thuộc dãy mặt trăng đã tạo ra một động lực lớn cho sự tiến hoá, và mặc dù phần lớn nhân loại vẫn còn nhiều thú tính và chưa tiến bộ, dấu vết của sự cộng tác và nền văn minh thô thiển đã bắt đầu xuất hiện. Vì không có nhiều điều đáng nói về hành tinh thứ sáu và thứ bảy nên chúng tôi sẽ chuyển qua mô tả về vòng tuần hoàn thứ tư hiện tại của chúng ta.

Trên bầu A của vòng thứ tư này, thể trí trở nên rõ ràng hơn trên cõi hạ trí và như vậy chúng ta có thể nói rằng trong vòng tuần hoàn này, con người thật sự bắt đầu biết suy nghĩ. Kết quả đầu tiên không phải là tốt. Trong các vòng trước đó, ý chưa phát triển đầy đủ để tạo ra các hình tư tưởng ở bất cứ mức độ nào, và do đó loài tinh hoa chất của các bầu chỉ bị ảnh hưởng bởi các tư tưởng của các đại

thiên thần khiến mọi vật đều sống hài hòa và bình yên. Giờ đây, khi con người bắt đầu xen vào với những tư tưởng ích kỷ và khó chịu của y, trạng thái thoải mái này đã bị làm rối lên rất nhiều. Gây gổ, bất an và bất hoà được đưa vào đó, và loài thú dữt khoát rút lui khỏi con người và bắt đầu cảm thấy sợ hãi và căm thù đối với họ.

Từ lúc vòng tuần hoàn này bắt đầu, tất cả các mô hình của loài người cùng với những thứ khác đã được đem xuống, những mô hình của các giống dân còn chưa được sinh ra. Bằng cách nghiên cứu chúng, chúng ta có thể thấy được con người sẽ nhìn ra sao trong tương lai. Họ sẽ có những dẫn thể tốt hơn về mọi mặt và sẽ đẹp hơn về ngoại hình, với sức mạnh tinh thần được biểu lộ rõ ràng qua hình dáng của họ.

Khi làn sóng sinh hoạt đến bầu Hoả Tinh trong vòng tuần hoàn thứ tư này, ngoài mầm giống thông thường của loài người, trên hành tinh này cũng có một chủng tộc khác khó ưa nhất được nhắc đến trong quyển *Giáo Lý Bí Truyền* là những “thủy dân ác độc và xấu xa.” Họ là hậu duệ của một chủng tộc đã bị bỏ lại đằng sau trong vòng tuần hoàn trước đó vì họ không đủ sức để tiến hoá, và kể từ đó họ đã tham gia vào việc phát triển mặt xấu thay vì mặt tốt trong bản chất của họ. Họ là loại người tầm thường nửa bò sát, nửa vượn nhưng có đôi mắt khủng khiếp của một con nhện độc và một sở thích đáng sợ về

việc hành hung và tra tấn. Dường như họ cũng sở hữu một quyền năng tâm linh bậc thấp về thôi miên và là một phiên bản sơ khai của người Malakurumbas như đã được mô tả bởi Bà Blavatsky trong phần tường thuật của Bà về các bộ lạc trên đồi của người Nilgiris (ở Ấn độ).

Khi làn sóng sinh hoạt trở lại nơi đây, đoàn người gia nhập đã nhanh chóng biết tự bảo vệ mình để không còn phải bị sợ những kẻ dã man quái dị này. Họ đã xây cất những thành lũy đầu tiên của con người để chống lại các cuộc tấn công có thể xảy ra và để đánh bại sự hung tàn của chúng, họ cũng đã xây cất các thành phố ban sơ đầu tiên và cùng sống với nhau khá đông. Lúc đầu, họ xây dựng các thành lũy chủ yếu bằng gỗ và bùn, nhưng đôi khi cũng bằng những đồng đá chưa được đục đẽo.

Vào thời kỳ này, một vài vị Chúa Tể Mặt Trăng đã đầu thai vào trong số người này và dạy họ nhiều thứ, trong số đó là cách sử dụng lửa mà họ vẫn chưa biết cách để tạo ra cho bản thân mình. Các Vị Cao Cả đã thắp lửa cho họ, và sau đó họ giữ chúng cháy không ngừng. Rất sớm, một đạo luật nghiêm ngặt đã được ban bố rằng một ngọn lửa công cộng lúc nào cũng phải được giữ cháy sáng trong một toà nhà đặc biệt dành riêng cho nó, và những cô gái trẻ chưa có thể làm việc hoặc chiến đấu thường được để lại để trông chừng nó. Chắc là từ sự kiện này đã nảy sinh ý tưởng đầu tiên về một ngọn lửa thiêng luôn phải

được đốt sáng như là một nghĩa vụ tôn giáo và việc chỉ định các trinh nữ hiến mình cho đạo để canh giữ nó.

Tuy nhiên, đôi khi việc xảy ra là vì một trận lụt hoặc bão lớn hay vì một thảm hoạ nào đó, nguyên cả một vùng có thể bị thiếu lửa trong một khoảng thời gian nào đó, và như vậy người ta thường phải đi tìm lửa ở những nơi rất xa và đem nhu cầu thiết yếu này về lại khu vực của họ. Nhiều linh hồn liễu lĩnh đã nảy ra ý kiến lấy lửa từ miệng núi lửa trong những trường hợp khẩn cấp như vậy, và nhiều sinh mạng đã bị hy sinh cho nỗ lực này. Chuyện này đã xảy ra trong giống dân chính thứ tư ở Hòa Tinh.

Giống dân chính thứ năm tương đối tiến hoá hơn vì họ xây nhà của họ từ những khối đá được đục đẽo, mặc dù họ không có trét hồ. Họ là những con người kiêu hãnh và hiếu chiến, nhưng họ có một số quan niệm lạ lùng. Họ ít có sáng kiến và dường như rất sợ những điều gì mới lạ, coi chúng là vô đạo đức và đáng ghê tởm. Họ không có kiên nhẫn và thậm chí có rất ít khả năng lý luận. Mọi việc đều được hành động một cách bốc đồng và không có thứ gì nằm trong tầm kiểm soát của họ, miễn sao là mọi tư tưởng của họ không mang một điều gì mới lạ. Tuy nhiên về nhiều mặt, họ có thể được so sánh khá tốt với một vài giống dân đang tồn tại hiện nay trên mặt đất của chúng ta.

Giống dân thứ sáu là một nhóm người mạnh mẽ hơn nhiều, với ý chí và quyết tâm đáng kể. Họ nhanh chóng cai trị giống dân thứ năm và cầm đầu nền văn minh, đưa nó đi xa hơn nữa. Họ đã thành công chinh phục toàn bộ hành tinh và đưa nó vào dưới một nguồn máy cai trị duy nhất, mặc dù hầu hết cư dân của nó thuộc về giống dân thứ năm. Họ khôn ngoan hơn giống dân khác và có một số là thiên tài biết phát minh, nhưng xu hướng làm việc của họ vẫn là tùy hứng, và họ không làm được một công việc gì từ đầu đến cuối một cách trọn vẹn. Một số người có phát triển được khả năng tâm linh nhưng nó thường không được kiểm soát. Trên thực tế, thiếu tự chủ là một cá tính thường trực của nền văn minh Hỏa Tinh. Mọi thứ đều thất thường, mặc dù họ có khả năng trên nhiều phương diện nhất định.

Đến lượt người giống dân thứ bảy nắm quyền, không phải do vũ lực mà do trí khôn ngoan hơn và sự tinh ranh. Họ không hiếu chiến như giống dân thứ sáu và dân số họ lúc nào cũng nhỏ hơn, nhưng họ biết được nhiều việc hơn so với giống dân thứ sáu. Họ có những quan niệm gần gũi hơn với hiện đại, họ biết phân biệt giữa đúng và sai, không hung dữ và biết tuân theo luật pháp, và họ có một chính sách rõ ràng và sống theo nó.

Quyền lực của họ đến hoàn toàn từ trí tuệ, và họ biết cách kết hợp mọi thứ rất giỏi. Chính sách xã

hội của họ giống như tổ chức của một loài kiến hoặc loài ong, và họ có thể được so sánh rất tốt đối với nhiều giống dân hiện nay về vài phương diện. Đây là lần đầu tiên trong một giống dân mà chúng tôi thấy khả năng biết viết là một thành tựu khá phổ biến trong dân số. Họ biết đôi chút về nghệ thuật vì họ có những bức tượng và tranh vẽ, nhưng chúng hoàn toàn khác hẳn với nghệ thuật chúng ta trên nhiều phương diện. Họ cũng là giống dân đầu tiên chịu bỏ công ra xây đường xá cho tốt.

Tôi tin rằng tôi đã giải thích tại sao những giống dân trước đây thuộc về bầu chu kỳ thế giới hiện nay của chúng ta khác với tất cả các giống dân còn lại. Trên thực tế, chúng ta đang ôn lại vòng thứ nhất, thứ nhì và thứ ba vì lợi ích của những chân thần chậm tiến, mặc dù có bị thua xa so với phần còn lại, vẫn có thể dễ được giúp đỡ rượt theo kịp chúng bạn bằng một nỗ lực như thế. Trong thời điểm của giống dân thứ ba, mọi thứ ở giữa vòng tuần hoàn thứ ba đều được lập lại – nhất là sự xuất hiện của con người và sự phân tách giới tính. Sau khi việc này đã được hoàn tất và một số hình hài liên tục đã được thành lập, các vị cai quản quá trình tiến hóa đã thực hiện một số nỗ lực đặc biệt để củng cố loài người và đặt họ vững chãi lên con đường phát triển tinh thần cao hơn nằm trước mặt họ, trên vòng cung hướng thượng của dãy tiến hóa.

Bước đầu tiên là sự giáng phạm của bảy vị Chúa Tể Mặt Trăng ưu tú nhất để cung cấp các dẫn thể cho bảy cung chính hoặc bảy loại người. Trong quyển *Giáo Lý Bí Truyền*, chúng tôi được cho biết làm thế nào mỗi vị này *đứng ở lĩnh vực của mình và soi bóng cho những người của các giống dân thấp hơn trú ngụ*. Lời tuyên bố huyền bí này chỉ có nghĩa là các vị cao cả này đã dùng ý chí để tạo ra một bản sao của thể phách của họ; thật ra, họ tạo ra thêm một thể phách nữa chung quanh họ, làm cho nó vĩnh hằng, rồi bước ra khỏi nó.

Các thực thể của giống dân thấp hơn vừa được đưa xuống cõi trần liền háo hức chiếm lấy các bản sao này, nhập vào chúng và cố gắng sử dụng chúng. Tuy nhiên, vì họ chưa hoàn toàn thích nghi được với các dẫn thể này nên họ cảm thấy khó trụ được vững vàng và liên tục bị trượt ra ngoài. Khi việc này xảy ra thì một thực thể khác sẽ chiếm ngay lấy thể phách đó và trườn vào nó giống như họ thử mặc lên một chiếc áo khoác, chỉ để khám phá ra rằng đến lượt họ, nó lại tuột ra khỏi và phải nhìn thấy một người khác chiếm lấy nó. Thể phách này có rất nhiều bản sao đã được thực hiện, và từ từ những người kém tiến hóa hơn cũng học được cách trụ vĩnh viễn trong chúng để quá trình vật chất hóa xa hơn có thể diễn tiến, và như vậy các cơ thể đã được từ từ tạo ra để cung cấp cho sự biểu hiện của bảy cung chính và các cung phụ của chúng.

Thân xác hậu duệ của các thực thể này dĩ nhiên không bằng được như tổ tiên, nhưng một số loại hình thể vẫn được thiết lập, và cho dù hình hài chúng có suy đồi đến cỡ nào đi nữa, chúng vẫn có thể được sử dụng. Ngay vừa khi dòng cơ thể này đã được ổn định thì các tầng lớp chân thần từ dãy mặt trăng, những người đã cá nhân hóa ở một giai đoạn trước đó cho chính mục đích này, đã được đưa xuống để chiếm hữu chúng. Đây là ba tầng lớp đã cá nhân hóa ở bầu A, B và C của dãy mặt trăng, và tôi đã tường thuật là làm thế nào tầng lớp hạng nhất của họ, nhóm màu cam, đã không chịu nhận lãnh chức trách của mình chỉ vì các hình thể vẫn còn ở trong tình trạng quá kém cỏi. Do sự phản kháng này nên các hình thể đã được định sẵn cho họ giờ phải được sử dụng bởi một tầng lớp thật sự kém hơn, và hậu quả là thay vì các hình thể đó được giữ ở mức tiến bộ đã được thu hoạch qua bao nhiêu nỗ lực, giờ chúng lại được cho phép rơi vào tình trạng còn tệ hơn trước đó. Những chủ nhân chưa tiến hóa của chúng thậm chí còn giao hợp với một số hình thể loài thú. Đây là cái mà Bà Blavatsky gọi là “*tội lỗi của những kẻ vô tri*,” và kết quả của nó là mang cho chúng ta một vài biến thể khác nhau của loài khỉ gần giống con người.

Giống dân phụ thứ năm, thứ sáu và thứ bảy của giống dân chính thứ ba có lẽ giống như cái mà chúng ta phải gọi con người nhiều hơn là tiên nhân

của họ. Sự mô tả trước đó về loài người của vòng tuần hoàn thứ ba có thể phù hợp với giống dân phụ thứ năm của người Lemurian hơn. Họ thường được đề cập đến là những người đầu trứng vì sọ của họ giống như quả trứng với đầu nhỏ ở bên trên. Họ chỉ có một cái trán nhỏ và đôi mắt được sắp xếp gần trên đầu của quả trứng.

Điểm đặc biệt nhất của giống dân phụ thứ sáu là màu da của họ. Họ đã không còn mang nước da màu đen hay màu nâu-đen giống như giống dân phụ thứ năm, mà nó là màu xanh-đen biến thành màu xanh nhạt rõ rệt vào cuối thời kỳ của giống dân của họ.

Giống dân phụ thứ bảy bắt đầu với màu da xanh-xám rồi chuyển qua một số tông màu xám khác nhau cho đến một thứ màu xám-trắng. Một khái niệm gần giống với khuôn mặt của họ có thể được tìm thấy trong các bức tượng do chính họ xây lên, một số ít vẫn còn tồn tại ở trên đảo Easter (Chile). Họ có một khuôn mặt dài như mặt ngựa, sống mũi nằm ở nửa phần trên lúc đầu và đến cuối thời kỳ của giống dân đó thì nó nằm ngay chính giữa con đường chạy từ đỉnh đầu xuống dưới cằm. Trán của họ vẫn là một khúc xương tròn, mặc dù nó có nhô lên cao hơn một chút vào cuối thời kỳ của giống dân phụ này. Họ có cặp môi dày và thô với mũi to và dẹt, các đặc điểm này vẫn còn tồn tại ở một mức nào đó bớt trầm trọng hơn trong những

người da đen Phi Châu, hiện giờ có lẽ là người đại diện gần nhất của họ.

Hiện nay, không có giống dân nào thuộc giống dân Lemurian nguyên thủy còn tồn tại, mặc dù những chú lùn ở trung tâm Phi Châu dường như là đại diện cho một mảnh bị cô lập từ lâu của giống dân phụ thứ tư, chiều cao của họ bị giảm dần qua hàng triệu năm cho đến tầm vóc hiện tại vì phải tuân theo một quy luật kỳ lạ, nó dường như áp buộc các di tích cuối cùng của một giống dân đang suy tàn phải bị giảm chiều cao. Hầu hết các bộ lạc người da đen đều mang trong người khá nhiều dòng máu của người Atlantis bị trộn lẫn vào; chẳng hạn, trong trường hợp của người Zulus, chúng ta có một tầm vóc nói chung là một đại diện rất gần với giống dân phụ Tlavatli của người Atlantis, mặc dù màu da và một số khuôn mặt của họ là của giống dân Lemurian. Những người thuộc giống dân phụ thứ bảy này là những kiến trúc sư tài ba theo kiểu thô kệch của người *cyclops* (người khổng lồ một mắt), và họ cũng có một kiến thức thô sơ về nghệ thuật.

Vào thời điểm của giống dân chính thứ ba này đã xảy ra một trong những sự kiện lịch sử quan trọng nhất liên quan đến sự tiến hoá của loài người: đó là sự giáng phạm của các vị Hoả Đức Tinh Quân từ Kim Tinh Hệ (Venus). Dây Kim Tinh đã được nhắc đến là đã tiến hoá xa hơn rất nhiều so với dây Địa Cầu của chúng ta, và kết quả của sự kiện đó là

nhiều vị Chân Tiên của dãy này có thể di chuyển tự do trong Thái Dương Hệ của chúng ta và đi đến bất kỳ nơi đâu để đưa ra sự giúp đỡ khi cần thiết.

Một nỗ lực dứt khoát để giúp đỡ cho các thành viên lạc hậu của chúng ta tiến bộ đã được thực hiện bằng cách cho họ một cơ hội để đi qua thêm một lần nữa quá trình tiến hoá giống như vòng thứ nhất, thứ nhì và thứ ba có thể cung cấp; khi việc này đã kết thúc, sự kích thích to tát từ sự giáng phạm của các Vị Cao Cả đã được áp dụng như là một nỗ lực cuối cùng để giúp các thực thể còn kém cỏi cá nhân hoá càng nhiều càng tốt trước khi sự kiện được gọi là sự “đóng cửa” xảy ra, thời điểm mà vì lợi ích của sự tiến hoá tiếp theo, không có thực thể nào từ vương quốc loài thú sẽ được chấp nhận vào vương quốc loài người.

Vì vậy, nhóm người Cao Cả đến từ Kim Tinh lập tức nhận lãnh vai trò cai quản quá trình tiến hoá. Vị Lãnh Đạo của họ được gọi trong các sách Ấn độ giáo là Sanat Kumara, và đi cùng với Ngài có ba vị phụ tá (thuộc cấp Độc Giác Phật) và gần 25 vị Chân Tiên để phụ giúp Ngài. Cũng có gần 100 người bình thường có liên hệ một cách nào đó với các vị Cao Cả này, có lẽ họ đã từng được cá nhân hoá bởi Họ, cũng được đưa đến từ Kim Tinh và hòa nhập với nhân loại bình thường của dãy Địa Cầu.

Quyển *Giáo Lý Bí Truyền* có nhắc đến là chính các vị Cao Cả này đã phóng tia lửa vào những kẻ vô

tri và đánh thức trí tuệ bên trong họ. Chúng ta không nên để cách diễn tả khá lạ lùng này làm cho ta lầm tưởng rằng các vị Chúa Tể này ném một phần cơ thể của họ vào cơ thể của con người. Thật ra, Họ làm việc theo cách kích thích của điện nam châm; Họ tỏa sáng lên loài người như thể mặt trời chiếu lên các bông hoa và nâng họ lên đến với Họ, do đó giúp họ phát triển tia lửa ngậm thiêng liêng đó và trở thành những cá thể riêng biệt.

Một điểm khác đáng được lưu ý là không có một vị Chúa Tể nào từ dãy Kim Tinh đầu thai vào nhân loại chúng ta. Họ không có (và quả thật không thể) lấy cơ thể con người; thay vào đó, Họ tự xây dựng cho mình các dẫn thể được coi như là các mô hình lý tưởng nhất về hình dạng của con người, nhưng tuyệt đối không giống như vậy ở điểm chúng không hề bị ảnh hưởng bởi thời gian và không thể bị thay đổi hoặc hư hoại. Chính bản thân tôi đã từng thấy vài dẫn thể tuyệt vời như thế, và mặc dù chúng đã được Họ mặc lên trên trái đất này cả 16 triệu năm, chúng vẫn còn y nguyên như ngày đầu tiên chúng được tạo ra. Thật ra, chúng nên được coi là một loại hiện hình vĩnh viễn, các cơ thể được xây dựng giống như các bức tượng, nhưng sờ và thấy giống như hình dạng của những người bình thường.

Tôi biết là trong quyển *Giáo Lý Bí Truyền*, Bà Blavatsky có nhắc đến “*những người con của trí tuệ*” (*sons of mind*), những người đến trái đất này để

giúp đỡ loài người bằng cách đầu thai vào họ để mang lại lợi ích cho họ, nhưng Bà cũng áp dụng luôn danh hiệu này cho các vị Chúa Tể Mặt Trăng cũng như các vị Hoả Đức Tinh Quân, và chỉ có các vị thứ nhất là sanh vào cơ thể của những người tâm thường và do đó đã trở thành một phần tử của một giống dân trong khoảng thời gian đó. Các vị Hoả Đức Tinh Quân đã hoàn tất công việc của Họ từ lâu và phần đông đã rời bỏ chúng ta để nhận lãnh trách nhiệm ở nơi khác. Chỉ có một số nhỏ vẫn còn ở lại với chúng ta, Họ nắm giữ các chức vụ cao nhất trong Thiên Đoàn để làm việc vì lợi ích của nhân loại.

Nếu không phải nhờ vào sự giúp đỡ từ bi của các vị Lãnh Đạo cao cả này, thế giới sẽ là một nơi rất khác so với ngày hôm nay. Nếu không có Họ, không chỉ cả hàng triệu linh hồn (đã trở thành con người dưới lực kích thích của Họ) vẫn còn bị kẹt lại trong loài thú, mà cả phần còn lại của nhân loại cũng còn ở một vị trí thua xa với hiện tại. Vòng tuần hoàn thứ tư này là một vòng đặc biệt dành cho sự phát triển của nguyên lý dục vọng trong con người, và chỉ ở vòng kế tiếp (vòng thứ năm) con người mới được chỉ định sẽ cống hiến hết mình cho sự phát triển của trí tuệ. Tuy nhiên, nhờ vào sự kích thích của các vị Hoả Đức Tinh Quân mà trí tuệ con người đã phát triển một cách đáng kể, và vì vậy chúng ta đã đi trước cả một vòng tuần hoàn so với vị trí lẽ ra

chúng ta phải nên đứng nếu không nhờ vào sự giúp đỡ của Họ. Đồng thời, chúng tôi cần phải nên nói rằng trình độ trí tuệ mà chúng ta hiện giờ cảm thấy rất tự hào chỉ là một phần cực nhỏ so với cái mà một người bình thường sẽ sở hữu vào cao đỉnh của vòng kế tiếp, hoặc vòng tuần hoàn thứ năm.

Trong số các kế hoạch khác để đẩy mạnh sự tiến hoá, các vị Hoả Đức Tinh Quân đã đem một vài thứ từ hành tinh của Họ để bổ sung vào các loài của chúng ta. Họ đã nhập khẩu lúa mì, một loại thực phẩm đặc biệt bổ ích cho loài người, cũng như đem theo cả ong và kiến vào, loài thứ nhất để điều chỉnh lại loài thảo mộc và giúp đỡ chúng trong việc thụ tinh các bông hoa và cung cấp thêm một loại thực phẩm bổ và ngon (mật ong). Chúng ta cần phải lưu ý rằng cả hai loài ong và kiến sống theo một cách hoàn toàn khác hẳn với các sinh vật thuần túy trên trái đất, bởi vì đối với chúng, một hỗn hợp sẽ làm kích động toàn bộ cộng đồng ong hay kiến, nên toàn bộ cộng đồng sẽ hành động theo một ý chí duy nhất, và các đơn vị khác nhau của nó trên thực tế là các thành viên của một cơ thể, theo nghĩa tay và chân là các thành phần cấu trúc của một cơ thể. Quả thật, chúng ta có thể mô tả chúng không chỉ là một hỗn-hợp, mà còn là một cơ thể-hỗn.

Dòng tiến hóa của chúng ta đã cố gắng bắt chước các loại nhập khẩu này nhưng với một kết quả tạm tạm. Trong việc bắt chước con ong, chúng

ta đã sản xuất ra con ong vò (wasps), và trong việc bắt chước kiến chúng ta đã sản xuất ra cái thường được gọi là “kiến trắng” (con mối) và một loại ruồi nhỏ rất khó được phân biệt với chúng. Cái gần nhất với lúa mì mà chúng ta có thể làm ra được là lúa mạch đen (rye), nhưng khi chúng ta pha giống lúa mì với những loại cỏ bản địa thì chúng ta có yến mạch (oat) và lúa mạch (barley).

Sau sự kiện này thì đến lịch sử của giống dân Atlantis hùng mạnh mà ngay nay thậm chí đại đa số cư dân trên trái đất là thuộc về giống dân đó. Vào giữa thời kỳ của giống dân này đã xuất hiện những người hạng nhất của dãy mặt trăng, nguyên cả một chiến hạm từ chuyển này sang chuyển khác đầy ắp những người như vậy, mỗi người chiếm lấy vị trí của mình ở những nơi mà họ có thể phát triển và phụng sự tốt nhất cho phần còn lại của nhân loại đang tiến hoá, và họ đương nhiên dẫn đầu nhân loại.

Sau thời đại của giống dân Atlantis hùng mạnh thì đến lịch sử tuyệt vời của giống dân Aryan - một nền văn minh huy hoàng được xây dựng bởi Đức Bàn Cổ Vaivasvata vĩ đại. Mặc dù vẫn còn trong thời kỳ niên thiếu nhưng nó đã thống trị cả thế giới, tuy ngày tháng huy hoàng nhất của nó vẫn còn nằm trước mặt chúng ta. Không bao lâu nữa, dưới sự lãnh đạo của một vị Bàn Cổ khác rất quen thuộc với chúng ta (Đức Morya), giống dân chính thứ sáu sẽ được ra đời. Tuy nhiên, câu chuyện về mọi điều này

sẽ được tìm thấy trong tác phẩm mới của Bà Besant *Con Người: Từ Đâu Đến, Làm Cách Nào và Sẽ Đi Về Đâu*, một cuốn sách với đầy đủ chi tiết về kết quả của các cuộc điều tra gần đây về chủ đề này.

CÁC PHƯƠNG PHÁP CÁ NHÂN HOÁ

Những người đã từng theo dõi các khám phá và các cuộc điều tra gần đây sẽ nhớ rằng trong một bài báo cách đây không lâu, tôi có nhắc đến sự hiện hữu của hai loại người thuộc về một trong những lớp chân thần vĩ đại, tuy ngang hàng với nhau về trình độ tiến hóa nhưng lại rất khác nhau về khoảng cách giữa hai kiếp sống, một loại người có đời sống ở cõi thiên đàng dài hơn gấp hai lần loại người kia. Vì số lực lượng tinh thần được tạo ra gần bằng nhau trong cả hai trường hợp, nên nó có nghĩa là một loại người phải tiêu hao số năng lượng đó nhanh hơn loại người kia. Trong cùng một khoảng thời gian mà chúng tôi có thể đo lường được, y tận hưởng nồng độ hạnh phúc gấp đôi nên y hoạt động giống như là y đang ở một sức ép cao hơn và do đó phải dồn ép kinh nghiệm của mình và nhân nó lên gần như gấp đôi vào bất cứ thời điểm nào; do đó, 700 năm của y

được coi là hoàn toàn tương xứng với 1200 năm của loại người kia.

Sự khác biệt căn bản giữa hai loại người này phụ thuộc vào phương pháp mà họ đã cá nhân hóa. Chúng ta biết rằng Chân Thân tự biểu lộ là Tam Nguyên Tinh Thần ở cõi Niết Bàn, và khi một linh hồn được hình thành như là một biểu hiện của nó, sự biểu lộ đó được sắp xếp qua một hình thức rất quen thuộc đã được giải thích trong văn học chúng ta. Trong ba phương diện, chính tinh thần (spirit) vẫn ở lại tại cõi của nó, còn phương diện thứ nhì, trực giác (mà Bà Hội Trường chúng ta đã quyết định gọi nó là minh triết hiện giờ) tự đặt mình xuống một cõi thấp hơn và tự biểu hiện qua chất liệu cõi Bồ Đề, hay là cõi của lý trí thuần khiết;⁸ và phương diện thứ ba, trí khôn, tự đặt mình xuống hai cõi thấp hơn và tự biểu lộ qua vật liệu của phần cao hơn của cõi trí.

Phàm ngã cũng có ba phương diện trong sự biểu lộ của nó và là một phản ảnh trung thực của sự sắp xếp của linh hồn, nhưng cũng như tất cả các phản ảnh, nó bị đảo ngược lại. Trí khôn tự phản ảnh trong thể hạ trí ở cảnh thấp hơn của cùng một cõi trí, minh triết phản chiếu chính nó trong thể vía, và theo

⁸ Bà Hội Trường của chúng ta gần đây đã quyết định sẽ cố thay thế các chữ tiếng Phạn trong văn học của chúng ta bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt; vì vậy, từ đây trở đi, tôi sẽ dùng danh từ “minh triết” thay cho “buddhi” và “cõi trí tuệ” thay cho “cõi Bồ Đề.”

một cách khó hiểu hơn, đến lượt tinh thần tự phản chiếu trên cõi trần.

Khi một linh hồn được thành hình, rõ ràng là cả ba phương diện này của tinh thần đều phải hoạt động, nhưng sự kết nối đầu tiên có thể được thành hình qua bất cứ một trong ba phương diện nào. Trước đây, nó đã được giải thích rằng việc cá nhân hoá của loài thú thường diễn ra qua mối liên hệ với con người trong thời kỳ đó. Chúng ta có thể lấy các trường hợp mà đôi khi ta thấy xảy ra chung quanh chúng ta làm ví dụ. Một con thú đặc biệt được nuôi trong nhà, khi được đối xử thật tốt bởi các huynh đệ loài người của nó, sẽ được kích thích bởi sự tiếp xúc thường xuyên với họ đến mức nó sẽ tách rời khỏi hồn khóm của nó. Quá trình này đã được mô tả rất đầy đủ trong quyển *Người Hữu Hình và Vô Hình* và cuốn *Tín Điều Thiên Chúa Giáo*, và tôi không cần phải lập lại nó ở nơi đây. Nhưng có một điểm mà không được nhắc đến trong các tác phẩm trước đó là khả năng kết nối đầu tiên có thể được thực hiện qua nhiều cách khác nhau: giữa hạ trí và thượng trí, giữa thể vía và minh triết, hoặc giữa thể xác và chính tinh thần.

Một con thú được nuôi trong nhà (khi được đối xử tốt) thường phát sinh một tình cảm mãnh liệt với người chủ của nó và khao khát muốn tìm hiểu y để làm hài lòng y và để dự đoán trước y sẽ làm gì. Đôi khi trong một vài phút, người chủ có thể truyền một

tư tưởng yêu thương đến con thú hoặc thực hiện một nỗ lực rõ ràng để dạy nó một điều gì. Trong các trường hợp này, một tác động trực tiếp và cố ý được truyền từ thể trí hoặc thể vía của người chủ đến các dẫn thể tương tự của con thú, nhưng điều này tương đối hiếm và phần lớn công việc được thực hiện với sự vô tư từ cả hai bên, nó chỉ đơn giản là do tác động liên tiếp và không thể tránh khỏi do sự gần gũi giữa hai thực thể có liên quan với nhau. Sự rung động của thể vía và thể trí của con người mạnh mẽ và phức tạp hơn con thú rất nhiều, và do đó chúng luôn tạo ra một áp lực không ngừng lên trên con thú.

Vì vậy, chúng ta có thể thấy rằng cá tính của người chủ nhân con thú sẽ có ảnh hưởng lớn đối với vận mệnh của nó. Nếu người chủ thuộc loại người tình cảm, có đầy tình thương bao la, có khả năng là bất cứ con thú nào y nuôi cũng sẽ tiến hóa qua thể vía của nó, và sự cắt đứt mối liên hệ cuối cùng với hồn khóm sẽ do sự bộc phát một tình thương mãnh liệt đột xuất khi đó sẽ với tới được phương diện minh triết của Chân Thần lơ lửng bên trên thuộc về nó, và do đó sẽ tạo ra một linh hồn. Mặt khác, nếu người chủ không phải là hạng người tình cảm mà các hoạt động chủ yếu của y thuộc về trí tuệ, cái trí non nớt của con thú sẽ được kích thích và có khả năng là nó sẽ đạt được cá nhân tính qua sự phát triển của trí khôn, điều này sẽ nâng nó lên một cấp độ quá cao không còn cho phép sự bao bọc tiếp tục trong

hồn khóm của nó. Ở một trường hợp khác, nếu người chủ là một con người có đời sống tinh thần rất cao hoặc sở hữu một ý chí rất mạnh, trong khi con thú sẽ phát triển một tình thương và lòng ngưỡng mộ đối với y, nhưng vẫn là ý chí bên trong con thú sẽ được kích thích nhiều nhất. Điều này sẽ được biểu hiện qua thể xác của nó bằng sự hoạt động mãnh liệt và một quyết tâm bất khuất để đạt được những gì nó muốn, nhất là trong việc phụng sự chủ nhân của nó.

Thật khó bỏ đi quan niệm là khoảng cách giữa tinh thần và thể xác phải lớn hơn so với khoảng cách giữa thể hạ trí và thượng trí (hoặc trí trù tượng), hoặc giữa thể vía và thể minh triết. Nhưng thực tế vốn không phải là như vậy, vì quả thật vấn đề không phải là khoảng cách giữa không gian mà là việc truyền đi một rung động giao cảm từ bản sao (phản ảnh) đến nguyên bản. Khi chúng ta nghĩ về nó theo cách này, rõ ràng là mỗi một cái bóng (hay phản ảnh) phải có liên hệ trực tiếp với nguồn gốc của nó, bất kể khoảng cách giữa chúng là bao xa - nó phải gần bản gốc của nó hơn so với bất cứ vật thể nào nằm ngoài đường dây trực tiếp này, cho dù trong không gian vật thể đó có thể nằm gần hơn.

Khát vọng vươn lên của một con thú đại diện cho một áp lực hướng thượng vững vàng dọc theo mọi đường dây, và điểm mà áp lực phá vỡ các giới hạn và tạo ra sự kết nối cần thiết giữa Chân Thần và

phạm ngã quyết định đặc tính cụ thể của một linh hồn vừa mới được ra đời. Đường dây kết nối trên thực tế thường diễn ra ngay lập tức nếu mối liên hệ đầu tiên được thực hiện qua tình thương hoặc ý chí, nhưng nó sẽ diễn ra từ từ nếu đó là trường hợp của sự phát triển về trí tuệ, và điều này cũng gây ra một sự khác biệt đáng kể trong quá trình tiến hoá của thực thể đó trong tương lai.

Trong quá trình của các cuộc điều tra gần đây, chúng tôi đã khám phá ra rằng, trong con số khổng lồ của các linh hồn đã cá nhân hoá cùng một lúc với nhau ở một thời điểm nhất định ở dãy mặt trăng, những người đã đạt được cá nhân tính chậm chạp do sự phát triển của trí tuệ đã đầu thai trên trái đất khoảng một triệu năm về trước, và từ lúc đó họ đã lấy trung bình khoảng 1200 năm giữa bất kỳ hai kiếp sống nào; trong khi đó, những người đã cá nhân hoá do sự bộc phát tức thời của tình thương hoặc ý chí vẫn chưa đầu thai trên trái đất cho đến khoảng 400,000 năm sau, mặc dù từ lúc đó họ đã lấy khoảng 700 năm giữa hai kiếp, nên trình độ của hai loại người này hiện giờ là tương đương với nhau.

Tôi không thể nhấn mạnh đủ rằng sự khác biệt về khoảng cách giữa hai kiếp sống ít nhất không có nghĩa là những người đi xuống đầu thai trễ hơn không tạo ra đủ sức mạnh tinh thần trong đời sống trần thế của họ. Nếu như có một sự khác biệt nào

đó, dường như nó thiên vị những người có khoảng cách ngắn hơn, vì trên lý thuyết họ có lòng sùng tín mạnh hơn nên họ có khả năng tạo ra nhiều sức mạnh *hơn* trong một khoảng thời gian nhất định. Có lẽ sự thật của các dữ kiện này được miêu tả tốt hơn nếu chúng ta nói rằng họ tạo ra một *loại* sức mạnh khác nhau; có lẽ cả hai đều cần thiết vì cái này bổ sung cho cái kia. Sự khác biệt về khoảng thời gian giữa các kiếp sống chỉ có nghĩa là họ hưởng thụ hạnh phúc một cách mãnh liệt hơn và do đó tiêu hao năng lượng nhanh chóng hơn trong một khoảng thời gian ngắn hơn. Quả thật là thời điểm họ đi xuống đầu thai trên trái đất này dường như đã được sắp xếp một cách khéo léo để sau khi họ trải qua một số kiếp đầu thai ngang nhau, họ có thể cùng đi đến một điểm để hợp tác với nhau.

Những cuộc điều tra sau này đã thuyết phục chúng tôi rằng khoảng thời gian giữa các kiếp sống có uyển chuyển hơn nhiều so với những gì chúng tôi đã giả định trước đây. Đúng là số năng lượng một người phải tiêu xài, trước nhất ở cõi trung giới rồi sau đó ở cõi trời chân phúc, phải bằng số năng lượng mà y đã phát triển trong đời sống ở cõi trần – dĩ nhiên *cộng thêm* số năng lượng cùng một loại như vậy mà y có thể tạo ra trong đời sống trung giới và ở cõi trời chân phúc. Tuy nhiên, nó cũng rõ ràng là tốc độ mà số năng lượng này bị tiêu xài không phải lúc nào cũng giống nhau. Điều cần thiết là việc

đưa các nhóm người này vào đầu thai đồng thời với nhau để họ không chỉ có thể trả được các nghiệp quả có liên hệ với nhau mà còn có thể học làm việc chung với nhau vì mục đích tối thượng là yếu tố chính trong việc điều khiển mức độ chi tiêu của năng lượng.

Cuộc điều tra về các kiếp sống của Alcyone⁹ sẽ cho chúng ta thấy tại sao điều này phải là như vậy, vì mỗi người đều phải sống cuộc sống của riêng mình nên chắc chắn họ phải tạo ra nhiều khả năng năng lượng tinh thần khác nhau; thế nhưng trong mẫu chuyện hấp dẫn đó, từ kiếp này qua kiếp khác, các người này đã được sắp xếp để quay trở lại đầu thai với nhau để họ có thể cùng trải qua những kinh nghiệm dự bị tương tự hầu mỗi dây tình cảm giữa họ được kết chặt đến nỗi họ không thể có một hiểu lầm hoặc mất tin tưởng ở nhau khi áp lực của công việc thực sự đến với họ trong tương lai.

Ngoài các phương pháp cá nhân hóa khác nhau mà tôi vừa nhắc đến ở trên, cũng có những *mức độ* cá nhân hoá khác nhau tương xứng với giai đoạn phát triển đang xảy ra lúc đó. Nó đã được giải thích trong văn chương Thông Thiên Học rằng khi một hồn khóm từ từ tiến hóa trong bọc (hay vương quốc) của nó, nó tách ra thành từng nhóm nhỏ và nhỏ hơn nữa. Một tỷ con ruồi hoặc con muỗi được gom vào

9 Biệt hiệu của Đức Krishnamurti.

một hòn khóm, cũng giống như một triệu con chuột cống hay con chuột nhỏ, hoặc một trăm ngàn con thỏ hoặc con chim. Nhưng khi chúng ta nói đến những con thú như con sư tử, cọp, báo, nai, chó sói hoặc lợn rừng, chỉ có vài ngàn con thuộc về một hòn khóm, trong khi đối với các con thú được nuôi trong nhà như con cừu và con trâu, con số thú vật thuộc về hòn khóm bị giảm xuống rất nhiều.

Chỉ có bảy loại thú vật mới có thể cá nhân hóa, mỗi con thú thuộc về một trong bảy dòng tiến hóa chính hoặc bảy loại. Chúng tôi biết chắc chắn rằng con voi, con khỉ, con chó và con mèo nằm trong số đó, có thể con ngựa là con thứ năm. Đằng sau các con thú đứng đầu các loại này là một hàng dài các con thú hoang dã vẫn chưa được điều tra đầy đủ, nhưng chúng tôi biết rằng con sói, con chồn, chó rừng và những con thú tương tự như vậy sẽ đạt đến điểm cao nhất của chúng trong con chó, trong khi con sư tử, cọp, báo, báo đốm và mèo rừng sẽ quy tụ vào con mèo nuôi ở trong nhà. Khi chúng ta đi đến bảy loài thú có thể cá nhân hóa, chúng ta thường thấy rằng chỉ còn có vài trăm con thuộc về một hòn khóm, và khi chúng tiếp tục phát triển thì các linh hồn tách rời nhau rất nhanh. Con chó hoang (pariah dog) ở Ấn độ hoặc ở Constantinople vốn là một con chó sói mới chỉ được thuần hóa nửa vờ, và cả ngàn con như thế có thể đại diện cho một linh hồn duy nhất; nhưng trong trường hợp của một con chó hay

con mèo cưng rất thông minh, chỉ có một linh hồn lơ lửng trên mười hoặc tối đa mười hai con mèo mà thôi.

Bây giờ, có một sự khác biệt rất lớn vào giai đoạn nào con thú cá nhân hóa trong đời sống của con thú cao hơn này, và điều này phụ thuộc phần lớn vào những cơ hội được mang đến cho nó. Ngay cả một con chó hoang cũng có thể cá nhân hóa, nhưng nó chỉ có thể cá nhân hóa theo dạng thấp nhất. Những con thú của dây mặt trăng không phải giống như những con thú hiện nay nên chúng ta không thể dùng chúng để chỉ ra các điểm tương đồng, nhưng chắc chắn một con chó hoang chỉ có thể cá nhân hóa tối đa từ một mảnh hồn khóm riêng biệt được kết nối với Chân Thần lơ lửng bên trên bằng một hoặc hai đường dây làm bằng chất liệu tinh thần và do đó tương xứng với những người-thú của dây mặt trăng, những người đã dẫn đầu để chiếm lấy các hình thể ở vòng tuần hoàn thứ nhất. Mặt khác, một con chó hoặc con mèo cưng rất thông minh, được người chủ chăm sóc thật đàng hoàng và coi nó như một người bạn, chắc chắn sẽ lấy được một nhân thể ít nhất ngang hàng với những người hạng nhất của dây mặt trăng khi nó cá nhân hoá, trong khi các con thú trung bình khác được nuôi trong nhà sẽ tạo ra một nhân thể hình rõ đần, giống như thú được chiếm bởi những người hạng nhì của dây mặt trăng.

Do đó, chúng ta có thể thấy rằng số lượng bài học thật sự phải được hoàn tất để đạt đến một trình độ nào đó trên thực tế luôn luôn giống nhau, mặc dù trong một vài trường hợp, số lượng đó đã được hoàn tất nhiều hơn trong một loài và ít hơn trong một loài khác. Rõ ràng trong quá trình nghiên cứu của chúng tôi, những thực thể đã đạt đến đỉnh cao tốt độ của một loài sẽ không đi vào những hạng thấp hơn của loài cao hơn kế tiếp. Sự sống làm sinh động một cây sồi, cây đa, hoặc một bụi hoa sẽ chuyển thẳng vào loài động vật có vú khi nó gia nhập vào loài thú, trong khi sự sống rời bỏ loài thảo mộc ở dạng thấp hơn có thể sẽ đi vào giai đoạn phát triển của loài côn trùng hay bò sát.

Cũng như vậy, một sinh vật đạt đã đến đỉnh cao của trí khôn và tình cảm trong loài thú sẽ nhảy qua giai đoạn bán khai của loài người và sẽ tự thể hiện là một cá nhân hạng nhất ngay từ khi y bắt đầu sự nghiệp loài người của mình, trong khi một thực thể rời khỏi loài thú ở cấp độ thấp hơn sẽ phải bắt đầu ở trình độ tương xứng thấp hơn trong hàng ngũ nhân loại. Đây là lời giải thích cho một nhận xét của một trong các Chân sư của chúng ta khi Ngài nhắc đến sự tàn bạo và mê tín dị đoan được thể hiện bởi phần đông nhân loại: “Họ đã cá nhân hóa quá sớm, họ chưa xứng đáng với hình thể con người.”

Ba phương pháp cá nhân hoá mà tôi đã nhắc đến thông qua sự phát triển của tình thương, trí

khôn, và ý chí là những con đường bình thường mà chúng ta có thể cho rằng đã được dự định trong kế hoạch của mọi thứ. Tuy nhiên, cá nhân hóa đôi khi cũng có thể xảy ra bằng những phương pháp khác mà chúng ta có thể gọi là bất bình thường, vì dường như chúng không thể nào là một phần của kế hoạch ban đầu.

Ví dụ, ở phần đầu của vòng tuần hoàn thứ bảy ở dãy mặt trăng, có một nhóm thực thể đang ở điểm có thể cá nhân hoá và đã được thúc đẩy đến gần nó qua sự tiếp xúc với một số cư dân hoàn hảo mà chúng ta gọi là các vị Chúa Tể Mặt Trăng. Tuy nhiên trong quá trình phát triển của chúng, một sự éo le đáng tiếc đã xảy ra và bọn chúng đã bắt đầu cảm thấy rất tự hào về trí khôn của mình, điều này trở thành một nét đặc biệt nổi bật trong cá tính của chúng, nên chúng cố gắng làm việc không phải để lấy lòng chủ nhân để được thương yêu hơn mà là để khoe khoang ưu điểm của chúng với đồng loại và để kích thích sự ganh tị. Chính động cơ sau này đã thúc đẩy chúng đưa ra các nỗ lực dẫn đến sự kiện cá nhân hoá và do đó nhân thể được cấu tạo gần như không có màu nào khác hơn là màu cam. Tuy nhiên, những vị có thẩm quyền quyết định ở giai đoạn tiến hoá đó vẫn cho phép chúng cá nhân hoá bởi vì nếu chúng được cho phép tiếp tục phát triển trong loài thú như thế, rõ ràng chúng chỉ trở nên xấu tính hơn mà thôi. Vì vậy, chúng ta có một sự kiện rất đặc biệt

của một sự tách ly (mà gần đây chúng tôi từng gọi là nguyên cả một chuyến tàu) của gần hai triệu linh hồn đã được cá nhân hoá hoàn toàn do niềm kiêu hãnh, những linh hồn tuy đã đủ khôn ngoan theo đường lối của họ nhưng lại sở hữu rất ít những đức hạnh nào khác.

Kết quả gặt hái của bầu thứ nhất, thứ nhì và thứ ba trong vòng tuần hoàn thứ bảy của dãy mặt trăng đã được dự định đóng một phần quan trọng trong sự phát triển của loài người trên trái đất. Vào một thời điểm đặc biệt trong quá trình phát triển của trái đất, chúng tôi được biết là bảy vị Chúa Tể Mặt Trăng - mỗi người thuộc một Cung vĩ đại - đã đi xuống trái đất và bắt đầu bỏ xuống những thể phách để tạo ra một giống dân mới. Các thực thể chiếm lấy những dẫn thể này đã kết hôn với nhau, và khi hậu duệ của họ đã trở nên đông đủ, ba chuyến tàu đầy ắp những linh hồn được kê xuống để chiếm giữ các dẫn thể đó và từ đó thành lập một loại người của nhân loại tương lai. “Một phần ba từ khước, hai phần ba tuân lời.” Các thành viên màu cam của chuyến tàu từ hành tinh A của dãy mặt trăng đã từ khước nhận lấy các dẫn thể thấp kém này, trong khi các linh hồn màu vàng kim từ bầu B và nhóm màu hồng từ bầu C đã chấp nhận các điều kiện, và họ đi vào trong các dẫn thể và hoàn thành sứ mệnh của họ.

Sự nghiệp tương lai của những linh hồn màu cam này cho thấy rõ ràng họ đã đến từ một đường

lỗi (cá nhân hoá) không tốt, vì họ không chỉ từ chối các cơ thể bán khai đã được chỉ định cho họ (nên họ dễ chúng bị chiếm đóng bởi các loài thú thấp kém hơn và do đó dẫn đến “*tội lỗi của những kẻ vô tri*”), mà trong suốt quá trình lịch sử phát triển của họ, sự kiêu căng và ương ngạnh của họ đã luôn tạo ra rất nhiều phiền phức cho chính họ và những người khác bị lây nhiễm bởi sự ngu dốt của họ. Cuối cùng, luật tiến hoá cũng buộc họ chiếm lấy các cơ thể mà theo nhiều khía cạnh còn tệ hơn những dẫn thể ban đầu đã được cung cấp cho họ; và mặc dù bài học đó đã dạy cho họ một điều gì đó và họ dường như đã nhận ra rằng mình đã phạm sai lầm, ngay cả khi họ hoà nhập với người bình thường, chúng ta vẫn thấy họ luôn đối nghịch và liên tục gây ra những rắc rối vì thái độ kiêu căng, trịch thượng ở những thời điểm không thích hợp. Qua sự va chạm liên tục với các định luật thiên nhiên, phần lớn bọn họ ở mức độ không ít thì nhiều cũng được đẩy vào hàng ngũ chính tề với phần còn lại của nhân loại, nhưng thậm chí bây giờ đôi khi chúng ta vẫn có thể phân biệt được một vài người trong số họ qua sự tái xuất hiện của một vài cá tính đáng ghét khi xưa của họ, họ vẫn còn “náo loạn và hiếu chiến, độc lập và chia rẽ, dễ bất mãn và hay háo hức thích thay đổi,” như Bà Hội Trưởng đã từng mô tả về họ.

Một số ít người thông minh nhất trong bọn họ đã để lại những dấu ấn đáng sợ trong lịch sử loài

người, vì họ trở thành những “Vị Thần Mặt Đen” trong thời đại Atlantis, những kẻ mà chúng ta đã đọc được rất nhiều về họ trong quyển *Giáo Lý Bí Truyền*; sau đó, những trường hợp biến dạng đặc biệt như vậy đã trở thành những kẻ chinh phục thế giới đáng sợ vì họ không bao giờ quan tâm đến hàng ngàn sinh linh bị giết hoặc bỏ đói trong quá trình thoả mãn tham vọng điên cuồng của họ, hoặc (sau đó nữa) là các nhà triệu phú nước Mỹ vô đạo đức không kém, được mệnh danh rất chuẩn là các nhà “Napoleons tài chính” bởi những kẻ ăn bám theo họ.

Một phương pháp bất thường khác để cá nhân hoá là qua sự sợ hãi. Trong trường hợp của các con thú bị đối xử tàn nhẫn bởi con người, có những trường hợp mà sự khôn ranh gian xảo đã được phát triển thông qua các nỗ lực gian nan để tìm hiểu và tránh né sự ngược đãi khiến nó rời khỏi hồn khóm và tạo ra một linh hồn chỉ sở hữu được một loại trí khôn rất thấp - một linh hồn mà khi y tự đặt mình xuống các cõi thấp hơn, vì bản chất của các hạt nguyên tử trường tồn của y, chắc chắn phải tạo ra chung quanh y một thể trí và thể vía chỉ có khả năng biểu lộ những tham vọng không tốt lắm.

Một biến dạng khác của trường hợp này là một loại linh hồn với thái độ căm thù khốc liệt thay vì sự sợ hãi do bị ngược đãi. Lực này cũng đủ mạnh để phát triển cái trí khôn cần thiết để làm tổn thương kẻ áp bức, và theo đường lối này, một con thú cũng có

thể cá nhân hoá. Chúng ta có thể dễ tưởng tượng ra được loại người được cấu tạo theo đường lối như vậy, và điều này giải thích được sự hiện hữu của những kẻ khát máu dã man như các nhà thẩm phán thời Trung Cổ Âu Châu mà đôi khi chúng ta được nghe qua, và những kẻ thích hành hạ trẻ em trong thời đại ngày nay. Quả thật, họ đã gia nhập vào loài người “*quá sớm*” và đang biểu lộ dưới lớp áo con người một số thú tính tồi tệ nhất được phóng đại từ những con thú khó ưa nhất.

Lại nữa, một biến dạng khác là một thực thể đã cá nhân hóa bằng sự khát vọng mãnh liệt về quyền lực đối với kẻ khác, như đôi khi được biểu hiện bởi một con bò đực chúa của một đàn. Một linh hồn phát triển theo đường lối này thường biểu lộ một sự tàn ác khủng khiếp và tỏ ra rất thích thú với bạo lực, có lẽ vì tra tấn người khác là một biểu hiện của quyền lực của y đối với họ.

Mặt khác, những người được cá nhân hoá ở hạng thấp hơn theo một trong những con đường bình thường (như tình thương) cung cấp cho chúng ta một loại người tuy bán khai nhưng vui vẻ và dễ tính, những người man di nhưng trên thực tế vốn không phải là man rợ mà là tử tế, giống như trong nhiều bộ lạc được tìm thấy ở một vài hải đảo ở Nam Thái Bình Dương.

Khi chúng ta nhìn lại các giai đoạn ban đầu của sự tiến hoá của chúng ta trên dãy mặt trăng, nó

thường có vẻ như là phương pháp cá nhân hoá của một linh hồn chỉ dựa trên cơ may – thậm chí dựa trên “một sự ngẫu nhiên của môi trường.” Tuy nhiên, tôi không tin rằng điều này là như vậy; thậm chí đối với loài thú, môi trường cũng không phải là *ngẫu nhiên*, và không có một nơi nào là tình cờ trong một vũ trụ hoàn toàn có trật tự. Tôi sẽ không tỏ ra ngạc nhiên nếu các cuộc điều tra sâu hơn nữa sẽ cho chúng ta thấy rằng ngay cả phương pháp cá nhân hoá cũng đã được định sẵn trước đó theo một cách nào đó, hoặc do chính Chân Thần với quan niệm để chuẩn bị cho một phần nào đó của công việc vĩ đại mà y sẽ đảm nhận trong tương lai. Thời điểm sẽ đến khi chúng ta sẽ là một phần của một “Thiên Nhân Vĩ Đại” - ít nhất nó không phải là một huyền thoại hay một biểu tượng thơ mộng, mà là một sự thật hắc hời và linh động như chúng ta đã thấy. Thiên thể đó có nhiều bộ phận, mỗi một bộ phận có một chức năng riêng để hoàn tất, và các tế bào sống tạo thành một phần của chúng cũng cần nhiều kinh nghiệm rộng rãi khác nhau để chuẩn bị cho chúng. Có thể là từ lúc khởi đầu của cơ tiến hoá, mỗi bộ phận đã được chọn ra, mỗi Chân Thần đã có một dòng tiến hóa riêng đã được vạch sẵn, và quyền tự do hoạt động chỉ liên quan đến tốc độ mà y sẽ đi trên con đường đó. Dù sao đi nữa, trách nhiệm của chúng ta đã rõ – hãy tiến lên phía trước càng nhanh càng tốt, luôn để tâm quan sát để nhận rõ

được mục đích của Thượng Đế, sống chỉ để hoàn thành nó, và luôn cố gắng đẩy mạnh kế hoạch vĩ đại của Thượng Đế bằng cách giúp đỡ các đồng loại của chúng ta.

BẢY CUNG

Bảy loại lớn hoặc bảy cung không tương xứng với các cõi vì mỗi cung đều hiện diện ở các cõi. Ta có thể hình dung các cõi là bề ngang như chúng thường được đại diện trong các biểu đồ của Thông Thiên Học; sau đó, nếu chúng ta vẽ tiếp bảy cột ở góc thẳng với bảy đường ngang của các cõi, các cột đó sẽ biểu tượng cho các cung. Việc này sẽ cắt biểu đồ của chúng ta thành 49 ô vuông, và trên thực tế mỗi ô bên trong 49 ô cũng có 49 ô vuông nhỏ hơn theo một cách tương tự, bởi vì mỗi cõi có bảy cảnh, và mỗi cung có bảy cung phụ được hình thành bởi ảnh hưởng lần lượt của mỗi một cung khác lên trên nó. Một biểu đồ giải thích rõ ràng điều này được tìm thấy trong quyển *Giáo Lý Bí Truyền*, Vol. 3, p. 483.

Có bảy loại người vĩ đại đi ra từ bảy vị Hành Tinh Thượng Đế. Mỗi người chúng ta thuộc về một trong bảy loại người hay cung này, nhưng mỗi người chúng ta cũng có một cung phụ đi từ một trong bảy cung đó.

Nếu một người thuộc loại màu xanh là cung sùng tín và có cung phụ là cung minh triết, y sẽ biết khôn ngoan trong sự sùng tín của y, nhưng nếu cung phụ của y cũng thuộc về cung sùng tín, y có thể sùng tín một cách mù quáng mà không biết phân biệt và do đó không thể nhìn thấy được bất cứ khuyết điểm nào trong đối tượng sùng tín của y.

Như đã được nói, mỗi người chúng ta đi ra từ một trong bảy vị Hành Tinh Thượng Đế, nhưng nó không có nghĩa là ta sẽ quay về thông qua vị Thượng Đế đó. Mỗi một giống dân chính vĩ đại sẽ sản xuất (như bông hoa và kết quả của nó) cái được gọi trong thánh kinh là một Thiên Nhân Tuyệt Vời (Heavenly Man), một thực thể siêu phàm trên thực tế chứa đựng bên trong bản thân Y tất cả những thành viên của giống dân chính đã tự làm cho mình xứng đáng với một tập đoàn như vậy – gồm họ lại giống như thể xác của chúng ta là tập hợp của hàng triệu tế bào. Đúng vậy, chúng ta đều đã từng đầu thai vào các giống dân chính khác nhau, nhưng chúng ta thuộc về một giống dân chính vĩ đại mà thông qua nó cuối cùng chúng ta sẽ đạt được quả vị Chân Tiên, và chúng ta sẽ là một phần của Thiên Nhân Tuyệt Vời, người đại diện cho giống dân vĩ đại đó.

Mỗi giống dân chính đều có một Đức Bàn Cổ và một vị Bồ Tát, và các vị này đại diện theo thứ tự cho bộ não và trái tim của Thiên Nhân Tuyệt Vời

của một giống dân chính. Những người như chúng tôi làm việc trong Hội Thông Thiên Học hầu hết thuộc về một trong hai dòng (cung), và vì vậy chúng tôi sẽ thấy mình tụ tập chung quanh một trung tâm lực này hay kia trong viễn ảnh huy hoàng đó. Tuy nhiên, cũng như con người ở cõi trần, Thiên Nhân Tuyệt Vời cũng có bảy trung tâm lực và mỗi trung tâm lực được đại diện bởi một vị quan chức trong Thiên Đoàn Huyền Bí. Một số người sẽ bị thu hút đến một trong các trung tâm lực này hay trung tâm lực kia, nên tất cả mọi cung và mọi cá tính khác nhau đều có cơ hội để phát triển hoàn toàn.

Những Thiên Nhân Tuyệt Vời được hình thành như thế sẽ là các cư dân thật sự của một thái dương hệ, sản phẩm từ tư tưởng của các vị Hành Tinh Thượng Đế, và số mệnh của họ là sẽ trở thành các vị Hành Tinh Thượng Đế trong tương lai, nên chúng ta sẽ là những thành phần sinh động có ý thức trong cơ thể của họ, mặc dù đồng thời mỗi người chúng ta vẫn giữ được quyền tự do lựa chọn và hoạt động linh hoạt nhất có thể. Dĩ nhiên, điều này hiện giờ rất khó hiểu đối với khả năng tư duy của chúng ta, nhưng nó vẫn là chân lý. Quả thật là tốt nếu chúng ta có thể đạt đến trình độ này và nhận lãnh phần trách nhiệm của chúng ta cùng với các vị Chân Sư, những người lãnh đạo Hội của chúng ta. Nhưng nếu điều đó hiện giờ là quá sức đối với chúng ta, chúng ta sẽ có những cơ hội khác trong tương lai, những

dịp khác và nhiều dịp khác nữa, trải dài trong viễn ảnh vĩnh cửu đó. Tuy nhiên, những ai là học sinh chân thành của Hội chúng ta hiện đang có một cơ hội tuyệt vời mà họ nên tiếp nhận toàn vẹn lợi thế của nó, vì nếu không, không biết chúng ta phải trải qua bao nhiêu kiếp cực khổ để có lại một cơ hội tuyệt vời như vậy nữa. Bậc Thầy của loài Thiên Thần và loài người sẽ nhanh chóng xuất hiện trên trái đất này một lần nữa; hạnh phúc biết bao nếu chúng ta được cho phép giúp đỡ chuẩn bị (mặc dù nó có thể chỉ là một phần rất nhỏ) cho sự Xuất Hiện của Ngài; hạnh phúc hơn nữa cho những ai trong chúng ta được giáp mặt với Ngài, được vinh dự làm việc dưới Ngài để phụng sự cho nhân loại khi ngày đó Đức Chúa sẽ giáng lâm!

NHỮNG GHI CHÚ RẢI RÁC VỀ CÁC GIỐNG DÂN

Giống dân Ái Nhĩ Lan

Người dân Ái Nhĩ Lan không phải thuộc giống dân Atlantis mà thuộc về giống dân phụ thứ tư của giống dân chính thứ năm. Đúng là Ái Nhĩ Lan đã từng là một phần của Châu Atlantis, và những cư

dân sớm nhất là người Rmoahal - giống dân phụ thứ nhất của giống dân chính thứ tư, nhưng chúng ta đã không còn một dấu vết gì của giống dân bán khai này nữa, những người nhỏ và đen giống như người Laplanders hiện nay. Chúng ta cũng không còn di tích của một chứng nhân nào nữa từ sự xâm lược của đoàn người Phi Châu lần đầu tiên dưới sự chỉ huy của vị hoàng hậu nước Ethiopia, nhưng vẫn còn một vài di tích của làn sóng tiếp theo – một giống dân được gọi là người Furbolgs, những người đàn ông to lớn, râu ria dường như đã di tản xuống từ Iceland, có lẽ cùng một nguồn gốc với người Ainus của Nhật Bản. Đa số người Ái Nhĩ Lan (không tính người di cư từ Scotland của Ulster) được hình thành từ hậu duệ của hai giống dân, người Tuatha-de-Danaan và người Milesian. Người Tuatha-de-Danaan từng là người da trắng, trên thực tế giống như người Hy Lạp trước đây, và họ đến Ái Nhĩ Lan qua một con đường quanh co từ phía bắc, đi vòng lên qua nước Nga rồi dần dần qua Thụy Điển (Sweden) và Na Uy (Norway), theo cách di tản chậm chạp của các thời đại trước đây. Họ là một giống dân đẹp trai với khuôn mặt hình bầu dục, sáng sủa, hầu hết có tóc đen với đôi mắt màu xanh thẫm hoặc gần giống như màu tím. Đôi khi, họ có màu tóc nhạt hơn và đôi mắt màu xám, nhưng kiểu trên là thông thường hơn, và người ta thường có thể nhìn

thấy được bản sao chính gốc của nó ở những người nông dân Ái Nhĩ Lan ngày nay.

Người Tuatha-de-Danaan không chỉ đẹp hơn mà họ còn thông minh và tiến hóa nhiều hơn về mặt tinh thần so với giống dân ở Ái Nhĩ Lan, vì vậy họ được tôn sùng bởi giống dân sau là có nguồn gốc thần thánh và cho đến bây giờ, truyền thuyết vẫn ca ngợi họ như là một giống dân thần thánh cai trị Ái Nhĩ Lan trong thời đại hoàng kim của nó, tuy điều này không có nghĩa là nó thật sự huy hoàng như các lịch sử gia từng giả sử. Ái Nhĩ Lan từng là cái nôi của một nền văn minh cao điểm và trung tâm của triết học và trí thức, trong khi thời đó hải đảo nước Anh lân cận chỉ có đầy rừng rậm và bị đóng chiếm bởi những kẻ man rợ trần truồng, tự sơn thân mình thành màu xanh.

Người Tuatha-de-Danaan đã cai trị ở Ái Nhĩ Lan qua nhiều thời đại với quyền lực và vinh quang tột đỉnh, nhưng rồi nền văn minh của họ cũng suy tàn như các nền văn minh khác, đến cuối cùng họ bị xâm lược và chinh phục bởi người Milesians đến từ Tây Ban Nha, một giống dân thấp kém hơn họ rất nhiều về mặt văn hóa, tinh thần và trình độ tiến hóa nói chung, nhưng họ có một thể lực sung mãn của người trẻ tuổi và rất nhiều kiến thức về ma thuật. Họ là những người đầu nhọn, khuôn mặt thô kệch và xấu xí với tóc màu đỏ nhạt hoặc đỏ rực, một kiểu người đôi khi vẫn còn được nhìn thấy trong tầng lớp

nông dân của miền nam nước này, với hình dáng gần giống như bản gốc nguyên thủy của họ. Mặc dù họ thật sự thua xa người Tuatha-de-Danaan, người Milesians vẫn là một biến thể khác của cùng một giống dân phụ thứ tư của người Aryans, và vì hai loại người này là phần tử chính của nó nên chúng ta phải sắp người Ái Nhĩ Lan hiện tại vào trong giống dân phụ đó. Người Ái Nhĩ Lan vốn là người Celts, có họ hàng với người Highlander của Scotland, người Welsh của xứ Wales, Cornish hoặc Breton.

Đáng tiếc là nước Ái Nhĩ Lan hiện đang rơi vào một hoàn cảnh nghèo đói và thiếu thốn đầy rẫy ở bản địa Erin của nó – một tình huống mà người Ái Nhĩ Lan thường quy lỗi cho kẻ chinh phục người Anh vì sự đàn áp của họ. Sự “đàn áp” này, cho dù nó là một sự thật và không phải là vu khống, đến từ sự khác biệt căn bản giữa hai giống dân khiến nó đã gây ra một sự thiếu thông cảm trầm trọng giữa đôi bên. Một người cứng rắn rất thực tế như người Anh (Anglo-Saxon) không thể nào hiểu nổi quan niệm của một người Ái Nhĩ Lan giàu sức tưởng tượng và thơ mộng, động cơ của giống dân sau luôn là một cuốn sách bị niêm phong lại đối với giống dân trước. Cuộc sống của một nông dân bình thường người Anh gần như hoàn toàn tập trung vào cõi trần, và suy nghĩ của y tự nhiên chạy dọc theo các đường lối liên hệ với các sở thích và kinh nghiệm hàng ngày của y. Mặc khác, người nông dân Ái Nhĩ Lan

của miền nam và miền tây sống phần lớn trong cối cảm dục và ít khi quan tâm đến hoàn cảnh vật chất hàng ngày, miễn sao y có bầu không khí quen thuộc của cối cảm dục xung quanh y. Tư tưởng của y thường rất xa vời với các hoạt động máy móc hàng ngày và chỉ bận rộn với các mẫu chuyện huyền thoại thời xưa, hoặc với các câu chuyện về thánh nhân, thiên thần và các nàng tiên.

Tôi nhớ rõ sự ngạc nhiên tốt độ của một chủ đất người Anh vì bị một cú sốc khi thấy được hoàn cảnh của một số ca-bin trên đất đai của ông, nên ông đã cho xây cất những căn nhà nhỏ sạch sẽ bằng gạch vuông với tất cả tiện nghi mới nhất gần đây cho các người công nhân của ông. Ông phải rất khó khăn mới thuyết phục được một vài người nông dân đến thử chỗ ở mới mà họ đã nhìn với một thái độ không ưa, nhưng sau một hoặc hai ngày, tất cả bọn họ đều quay trở về các ca-bin cũ với sàn đất đầy bùn và nóc nhà dột, tuyên bố rằng không có căn nhà nào có thể sánh được với căn nhà cũ của họ với tất cả những bất tiện của nó. Sự thật là họ vốn không quan tâm nhiều đến cối trần nên họ chẳng cảm nhận được các sự bất tiện này, và chúng không thể nào so sánh bằng với cảm giác ấm cúng gia đình từ các bức xạ trung giới (tình cảm) phát ra từ các bức tường cũ họ đã quen thuộc từ thời thơ ấu. Nhưng người Anh không biết gì về các rung động của cối trung giới, và chỉ có thể tỏ ra ngạc nhiên đối với sự ngu ngốc

và cố chấp của những người thật sự thích một cái ổ cũ khôn khổ và chắc chắn dơ bẩn này, thay vì một căn nhà mới và sạch sẽ hơn.

Tình trạng say rượu đáng buồn phổ biến trong tầng lớp nông dân cũng có liên hệ đến một nguyên do tương tự, không phải là vì họ tìm kiếm cảm giác say rượu ở cõi trần mà chính là cảm xúc trung giới có thể đạt được đến một mức độ nào đó bằng cách uống rượu. Một người nông dân Ái Nhĩ Lan trung bình có lẽ uống rượu nhiều hơn tầng lớp người Anh tương xứng với họ, nhưng nói chung tư tưởng của họ thanh khiết và cao cả hơn nhiều. Tất cả những người phụ nữ đều đáng được tôn kính đối với họ chỉ vì họ đồng phái với Đức Mẹ Đồng Trinh mà họ hằng cầu nguyện, và các thống kê cho thấy sự bạo động đối với phái yếu là ít hơn rất nhiều ở Erin so với Albion. Người Anh chỉ cố gắng làm việc sao cho chính xác; người Ái Nhĩ Lan ít quan tâm đến mức độ chính xác, nhưng thích nói sao cho nhã nhặn hoặc những gì y cho là tử tế. Nói chung, bọn họ đại diện cho hai giống dân phụ, sự phát triển của họ chạy theo hai đường lối rất khác nhau, và chỉ có những người thông minh và phóng khoáng nhất trong hai nhóm họ mới có thể thông cảm và bao dung cho sự kỳ quặc của người nhóm kia.

Có lẽ có nhiều nguyên nhân phối hợp để dẫn đến tình trạng nghèo nàn và thiếu phồn thịnh của người Ái Nhĩ Lan. Để tránh nêu ra bất cứ câu hỏi

nào có thể dẫn đến tranh cãi vì các quan niệm bất đồng giữa các phe đảng, nhà huyền bí học ít nhất có thể xét lại một lý do khá thú vị mà chưa bao giờ từng bị nghi ngờ bởi những người thảo luận về chủ đề này ở một thế kỷ thứ hai mươi quá thực tế, đó là lời nguyên rửa được tuyên bố với giống dân này (hay có lẽ chúng ta nên nói rằng họ đã bị ém bùa), vào khoảng hai ngàn năm trước đây ở thời kỳ xâm lược của người Milesian. Môn sinh học về lịch sử trước đây của nước Ái Nhĩ Lan hẳn sẽ nhớ rằng lý do bọn người xâm lấn Milesian có thể chinh phục được một giống dân vốn tiến bộ hơn họ rất nhiều là bởi vì họ đã làm bùa phép để tạo ra một ảo ảnh mê hồn rất lớn trên giống dân đó. Huyền thoại này đã được dựa trên một sự kiện có thật. Những tu sĩ của giáo pháp Milesian rất quen thuộc với một số bùa phép, và khi đất nước này bị chinh phục, họ đã chiếm đóng nó bằng cách đặt ra những trung tâm từ lực rất mạnh. Họ thành lập mỗi một trung tâm từ lực như vậy cách nhau một vài dặm cho đến khi họ có nguyên cả một mạng lưới của chúng bao trùm hết miền nam và miền tây của đất nước này, và thậm chí hiện giờ sau hai ngàn năm, một từ trường mạnh mẽ vẫn được tỏa ra từ chúng.

Nhiều đám đông tinh linh thiên nhiên thuộc một loại đặc biệt vẫn còn bị thu hút vào các trung tâm này, chúng đùa giỡn chung quanh chúng, thấm nhuần từ trường của chúng và vô tình trở thành trợ

thủ của chúng, đem ảnh hưởng của chúng lan tràn khắp nước khi họ đi đến bất cứ nơi nào.

Bùa ngải mà những người tu sĩ Milesian bỏ lên các người dân này có hai phần: lời nguyện về sự bất hòa và lười biếng khiến họ không bao giờ có thể hợp tác với nhau một cách chặt chẽ, lúc nào cũng phải luôn tranh cãi với nhau khiến họ phải chịu khuất phục dưới ách cai trị của bất cứ người nào biết làm bùa phép hoặc thừa hưởng khả năng này. Nếu bất cứ lãnh tụ người Anh nào thạo biết bùa phép để hiểu được và sử dụng gia sản này từ các tu sĩ Milesian, lịch sử của nước Ái Nhĩ Lan có thể đã khác hẳn đi rất nhiều. Nhưng vì người Anglo-Saxon thường không hiểu gì và hoàn toàn không chịu tin vào khía cạnh này của thiên nhiên, một điều lạ lùng đã xảy ra. Nhà Thờ Công Giáo đã thừa hưởng gia tài này một cách ý thức hoặc vô ý thức và đã gặt hái được nhiều lợi ích từ quyền lực của bùa ngải cổ xưa đó. Sự cai trị tuyệt đối của Nhà Thờ Công Giáo đã được thiết lập trên tất cả các khu vực mà xưa kia các tu sĩ của một tín ngưỡng cổ xưa hơn đã thành lập ra các trung tâm từ lực của họ.

Giống Dân Tây Ban Nha

*T*oàn bộ câu hỏi về công nghiệp của một giống dân là một nan đề mà tôi nghĩ rằng chúng tôi không có đủ dữ kiện trong tay để có thể nói về chủ đề này một cách tường tận. Có một điều chắc chắn là bất cứ khi nào chúng ta thấy có những hoàn cảnh rõ ràng bất bình thường chung quanh một giống dân, chúng ta có thể kết luận rằng Đức Bàn Cổ phụ trách phần cơ tiến hóa đó đang nắm trong tay một số lớn các linh hồn cần phải có những điều kiện đặc biệt như thế để tiến bộ. Luật nhân quả đương nhiên phải cai quản nghiệp lực của một quốc gia cũng như một cá nhân, mặc dù hoạt động của nó có bị rắc rối bởi thực tế là khi nghiệp quả rớt xuống, những linh hồn hình thành một giống dân thường không phải là những linh hồn đã từng ở đó khi nguyên nhân của nó được thành lập.

Ví dụ, có thể không phải phi lý khi người ta cho rằng Tây Ban Nha đã mất đi Nam Mỹ và Mễ Tây Cơ một cách nhục nhã vì nghiệp quả liên quan đến sự tàn bạo khủng khiếp và háms lợi đã được thể hiện trong quá trình chinh phục các nước đó của họ. Tuy nhiên, chúng ta có thể suy được rằng những người Tây Ban Nha chịu tổn thất trong thời gian các quốc gia này được giải phóng không nhất thiết trong mọi trường hợp đều là sự tái sinh của những người đã từng gây ra các đau khổ tang thương dưới quyền của Cortes và Pizarro. Mặt khác, có lẽ là một số trong

bọn họ đã là những người đó, bởi vì chúng ta biết rằng những người hạng thấp hơn thường hay quay lại nhanh hơn so với những người hạng nhất, và họ thường phải đầu thai một vài lần vào cùng một nhánh dân cho đến khi họ đã học hết các bài học của nó.

Giống Dân Do Thái

Hoàn cảnh kỳ lạ của người Do Thái xảy ra chính vì ở giai đoạn đặc biệt này, Đức Bàn Cổ cần họ để đào tạo một số linh hồn đặc biệt dưới sự chăm sóc của Ngài. Chúng ta chỉ có thể đoán được công nghiệp của một giống dân đã gây ra nhiều nghịch cảnh như vậy. Có lẽ một lời giải thích được tìm thấy ở thực tế là giống dân Do Thái xuất phát từ người Semites Atlantis - họ đã được Đức Bàn Cổ của giống dân chính thứ năm dẫn đi rời xa đồng loại đến Ả-rập khi Ngài thực hiện sự phân tách đầu tiên. Nỗ lực đầu tiên đó đã không hoàn toàn thành công và một nỗ lực phân tách thứ nhì đã xảy ra ở khu vực Gobi, từ đó cho đến thời điểm thích hợp, giống dân phụ thứ nhất của một giống dân mới đã được hình thành. Khi cần có giống dân phụ thứ hai, Đức Bàn Cổ gửi các sứ giả đến hậu duệ của những người đã bị bỏ lại ở Ả-rập với hy vọng là có thể hòa nhập dòng máu của họ với giống dân mới. Tuy nhiên, họ

đã mang một ấn tượng quá sâu sắc với ý tưởng (do chính Ngài đã gieo mầm trong họ) rằng họ là một giống dân đã được Thượng Đế chọn lọc để tách rời khỏi nhân loại còn lại và bị cấm không được kết hôn với các giống dân khác, nên nhân danh giáo điều của Ngài mà họ từ chối lời mời của Ngài, và Ngài phải đi tìm một nơi khác để thực hiện ý muốn của mình.

Giống dân phụ đặc biệt mà từ đó hậu duệ của họ thành lập ra nước Do Thái sau này đã rời khỏi Ả-rập đến bờ biển Somali để tránh bị chinh phục bởi những người đã tuân theo lời dạy dỗ mới của Đức Bàn Cổ. Sau đó, họ thậm chí còn tách rời khỏi đoàn người không tuân lời đó rồi đi dọc theo vịnh Aden và Hồng Hải cho đến khi họ đi vào khu vực của nước Ai Cập. Vị vua Pha-rô thời đó tiếp đón họ rất nồng hậu và ban cho họ một mảnh đất để cư ngụ, và họ đã định cư ở đó trong vài thế kỷ, nhưng vị Pha-rô sau này đã tìm cách thu một số thuế má mà họ phản đối và đồng thời cũng buộc họ phải làm việc cho y miễn phí như những con dân khác của y. Để phản đối các yêu sách này, họ đã tiếp tục cuộc hành trình của mình bằng cách vượt qua bãi sa mạc Sinaitic và định cư ở miền nam Syria, rồi sau nhiều cuộc giao tranh, họ đã đuổi đi các bộ lạc trộm cắp khác cùng huyết thống với họ.

Nghiệp quả của sự từ chối đó đã khiến họ trở thành một giống dân bị cô lập, những linh hồn phản

lớn chỉ đầu thai hết lần này đến lần khác vào dòng giống đó thay vì chuyển từ giống dân này đến giống dân khác theo đường lối thông thường. Liệu một vài nhận thức mù quáng về sự khác biệt này có thể giúp giải thích về sự bạc đãi họ đã nhận được dưới tay của những giống dân khác hay không thì tôi không thể nói, nhưng cũng có thể một phần nào đó đã xuất phát từ sự kiện truyền thống chọn lọc lúc ban đầu của Đức Bàn Cổ khiến họ luôn có một cảm giác hơi giống người Bà-la-môn, tự cho rằng mình cao quý hơn tất cả phần còn lại của thế giới, nhưng phần còn lại của thế giới không phải lúc nào cũng chấp nhận thái độ đó của họ từ hậu quả của niềm tin đó.

Thoạt đầu, họ là một bộ lạc du mục như bộ lạc Ả-rập Bedouin, sinh sống phần lớn do cướp giết. Vị thần linh (tinh linh) của họ thật ra chỉ là một vị thần linh của một bộ lạc độc lập đã từng chiến đấu với những vị thần linh của các quốc gia khác và luôn tự ca tụng mình là giỏi hơn họ, mặc dù chúng ta phải nhớ rằng có một trường hợp mà y không thể chiến thắng được những giống dân khác “*bởi vì họ có những cỗ xe sắt*” (*Quan Tòa*, i.19). Cũng như các vị thần linh của các bộ lạc nhỏ khác, y luôn đòi hỏi những buổi tế lễ bằng máu, và để có thể nhận được nhiều tế lễ như vậy, y luôn ích kỷ giữ chặt các tín đồ của mình vì sợ rằng họ sẽ bỏ rơi y và dâng tế lễ cho các vị thần linh khác. Sự đòi đòi tế lễ bằng máu là một điều kiện bất biến cho địa vị của một vị thần

linh, nhưng không có thực thể nào xứng đáng được tôn thờ lại đưa ra một đòi hỏi bất nhân như vậy. Người ta sẽ thấy rằng y thường gợi ý về những kế hoạch độc ác và bất nghĩa, vốn là một điều rất thông thường cho một vị thần linh của một bộ lạc, nhưng đương nhiên điều này không thể xảy ra với bất cứ một thực thể nào cao hơn.

Một số người trong đám dân huyền ảo này đã bị đưa đến Babylon để làm nô lệ, và đây là điều tốt nhất có thể xảy ra đối với họ. Đây là lần đầu tiên họ được tiếp xúc với một giống dân rất văn minh và biết được về một vị Thượng Đế tối cao mà tất cả đều là một phần của Ngài. Sau đó, họ cố gắng làm cho vị thần linh của họ đồng hóa với Thực Thể Tối Cao này theo đường lối đặc thù của họ và do đó tạo ra nhiều sự hiểu lầm. Khi họ trở về từ gông cùm nô lệ, họ soạn lại các bản thảo thánh kinh từ trí nhớ của các vị bô lão và sau đó pha trộn vào đó một số ý tưởng cao siêu về một Đấng Thượng Đế tối cao.

Người Sáng Lập ra Thiên Chúa Giáo đã lấy cơ thể của người Do Thái. Tất cả những vị thầy giảng đạo trước đó của tôn giáo này cũng làm như vậy, vì vậy thật không may là họ lại đưa vào trong giáo lý Thiên Chúa Giáo một quan niệm hỗn độn về một vị Thượng Đế có đầy đầy những cá tính mâu thuẫn, vừa đố kỵ, tàn ác và thù hận, vừa toàn giác, toàn hiện và từ bi. Thậm chí bây giờ ngay trong những buổi nghi lễ cao nhất, Nhà thờ Công Giáo vẫn còn

đọc những điều răn đe cũ nực cười của người Do Thái và kết hợp chúng với lời tuyên bố ghen tị của một vị thần linh, trong khi ở trong một phần khác của buổi nghi lễ, nhà thờ lại ca ngợi Ngài là “vị Thần của các vị Thần, Ánh Sáng của các Ánh Sáng, Thượng Đế tối cao của các Đấng Thần Thánh tối cao.” Nếu người đạo Chúa có thể bỏ đi những quan niệm cổ xưa man di của người Do Thái và dùng các bài giảng của Vị Sáng Lập ra tôn giáo của họ về Thượng Đế, lúc nào cũng được mô tả là Đức Chúa Cha trên Trời, thì Nhà thờ Công Giáo đã có thể tránh khỏi rất nhiều phiền phức.

Giống Dân Atlantis

Giống dân Atlantis nói chung không biết suy nghĩ một cách trừu tượng và không thể suy diễn rộng ra thêm. Ví dụ, họ không có bảng cửu chương, toán số học đối với họ là một hệ thống phép thuật và một đứa trẻ phải học các quy tắc phức tạp mà không hề hiểu được lý do của chúng. Ví dụ, đứa trẻ được dạy là nếu 8 nằm dưới 8 theo một quy tắc phép thuật mà bây giờ chúng ta gọi là bài toán cộng, hình số 6 phải được ghi lại là kết quả của nó, và số bên trái cạnh nó phải được tăng lên thành 1 trong kết quả đó. Tuy nhiên, nếu phép thuật đặc biệt đó lại là bài toán

trừ, một dấu hiệu mật mã là kết quả; nếu nó là bài toán chia, hình số 1 xuất hiện; và nếu nó là bài toán nhân, hình số 4 là kết quả, và hình ngay bên trái phải được sửa thành 6. Tuy nhiên, y không bao giờ biết là 8 cộng 8 là 16, hoặc là 8 nhân 8 bằng 64! Một bộ quy tắc phức tạp như thế phải được học thuộc lòng cho tất cả các vị trí có thể xảy ra của tất cả các con số cho đến số 10. Bốn bộ hoặc bốn loại phép thuật toán học phải được học giống như thế chúng là bốn cách chia động từ. Tuy nhiên, hầu hết tất cả những phép tính này đều được làm bằng máy móc – một loại máy như một bàn tính hoặc một cấu trúc hiện đang được sử dụng bởi người Tàu và người Nhật Bản, thậm chí có thể được dùng để thực hiện những bài toán rất phức tạp hiện giờ, chẳng hạn như lấy lũy thừa của bất cứ con số nào.

Người Atlantis rất giỏi về việc thu thập các dữ kiện và có một trí nhớ phi thường. Họ cũng phát minh ra nhiều loại máy móc khá phức tạp, mặc dù đối với chúng ta ngày nay, hầu hết những thứ này có vẻ làm việc rất vụng về. Chúng ta cũng tìm thấy vết tích thú vị về một giới hạn khác của họ trong vấn đề tôn giáo mà người Ai-Cập đã thừa hưởng từ họ. Họ đã quan sát và ghi chép lại hầu hết tất cả các loại tinh hoa chất và các tinh linh thiên nhiên và đặt tên cho chúng, cũng như tạo ra các câu thần chú đặc biệt cho mỗi thứ để có thể điều khiển được chúng, rồi họ tiếp tục học tất cả những thứ này với niềm tin

rằng trừ phi đúng câu thần chú được sử dụng cho mỗi loại tinh linh đặc biệt, còn không nó sẽ có khả năng phá hoại rất lớn. Nhưng họ không bao giờ biết rằng sức mạnh đằng sau các câu thần chú đó trong mỗi một trường hợp chính là ý chí của con người và lòng quyết tâm sử dụng sức mạnh đó; thậm chí cho dù chẳng có câu thần chú nào hết thì nó cũng cho ra hiệu quả như vậy ở khắp mọi nơi. Quyển *Tử Thư* có ghi chép rất nhiều câu thần chú, và chỉ có phần nào trong cuốn sách được cho rằng cần thiết đối với người chết mới được đặt trong mộ phần cùng với xác của y.

Giống dân phụ Turan của người Atlantis đã từng làm nhiều thí nghiệm với cái mà hiện giờ được gọi là chế độ dân chủ, và họ đã đưa chế độ đó đến tình huống thậm chí còn hoang đàng hơn những gì đã được đề xuất hiện nay bởi những người đi theo chủ nghĩa này một cách điên rồ. Hậu quả của nó tệ hại đến nỗi nguyên cả một giống dân phụ đó đã đổ vỡ trong một tình trạng rất hỗn loạn, không còn một chính phủ nào để cai trị; Trung Quốc hiện nay còn mang di tích của sự phản ứng mãnh liệt đó khiến nó sau đó đi theo đường lối cai trị của giai cấp quý tộc tiếp theo. Người Turans có rất nhiều thú tính đã được phát triển mạnh mẽ, và họ không phải là những người mà chúng ta gọi là dễ chịu theo nhiều khía cạnh.

HỎA TINH VÀ CƯ DÂN CỦA NÓ

Tình trạng hiện tại của bầu Hỏa Tinh (Mars) thật sự không phải là khó ở. Nó là một bầu hành tinh nhỏ hơn Địa Cầu và tiến bộ hơn về tuổi tác. Tôi không có ý nói rằng nó thật sự lớn tuổi hơn vì nguyên cả một dãy đều xuất hiện trong một khoảng thời gian nhất định gần nhau, mặc dù quả thật không phải là cùng một lúc. Tuy nhiên, vì nhỏ hơn, nó trải qua đời sống hành tinh của nó nhanh hơn. Nó nguội xuống nhanh hơn từ trạng thái tinh vân và đã nhanh chóng trải qua những giai đoạn phát triển khác nhau của nó. Khi loài người đến chiếm đóng nó ở vòng tuần hoàn thứ ba, tình trạng của nó cũng giống như bây giờ trên quả địa cầu, có nghĩa là, nó có nhiều nước hơn là đất trên bình diện mặt phẳng của nó. Hiện giờ, nó đã đi vào tuổi tương đối khá già và nước của nó cũng ít hơn nhiều so với mặt đất. Phần lớn diện tích của nó bây giờ là sa mạc được bao phủ bởi một bãi cát màu cam rực rỡ, mang cho hành tinh đó một màu sắc đặc thù dễ cho chúng ta nhận ra. Cũng giống như nhiều sa mạc khác của chúng ta, đất của nó có lẽ đủ màu mỡ để trồng trọt nếu hệ

thống thủy lợi vĩ đại được kéo đến đó, đây là một điều chắc chắn nếu nhân loại vẫn còn sống ở nơi đó cho đến nay.

Dân số hiện tại của nó rất ít, bao gồm hầu hết các thành viên của vòng bên trong, và họ có đủ chỗ để sống ở các vùng xích đạo mà không cần phải bỏ ra nhiều nỗ lực, nơi có nhiệt độ cao nhất và nước không phải là một vấn đề. Các nhà thiên văn của chúng ta có quan sát được một hệ thống dẫn nước lớn đã từng được xây cất bởi người hạng nhì của dãy mặt trăng khi họ đến định cư ở đó trong chu kỳ vừa qua, và hệ thống kênh nước của họ nói chung là đã kế hoạch hóa để lợi dụng lợi điểm khi những tảng băng khổng lồ ở rìa bên ngoài của chóp núi phủ tuyết tan xuống hàng năm. Người ta đã quan sát được một số con kênh cặp đôi nhưng chúng chỉ đôi khi xuất hiện, đó là do tầm nhìn xa của những kỹ sư cầu cống ở Hỏa Tinh. Đất nước này nói chung là bằng phẳng và họ rất sợ lụt, nên bất cứ khi nào họ nghĩ rằng có lý do gì để sợ một cơn nước lụt tràn xuống trong bất kỳ một tình huống bất bình thường nào, một con kênh thứ hai song song được xây cất để tiếp nhận những lũ nước dư thừa này và dẫn nó đến một chỗ an toàn.

Các ống kính viễn vọng trên trái đất không thể nào nhìn thấy được các con kênh thật sự, cái mà chúng nhìn thấy được là những vòng đai cỏ cây xanh mướt xuất hiện ở vùng đất hai bên con kênh

vào thời điểm có nước tràn vào. Cũng như Ai-Cập sống nhờ dòng sông Nile, các vùng đất lớn ở Hỏa Tinh cũng sống nhờ các con kênh này. Mỗi bên con kênh tỏa ra các nhánh nước nhỏ cách nhau ở một khoảng cách nhất định, chạy dài khoảng vài dặm vào vùng đất xung quanh và sau đó được chia ra thành hàng ngàn dòng suối nhỏ, nên cứ mỗi một khu vực một trăm dặm bề ngang đều được tưới nước đầy đủ. Trong diện tích này là các khu rừng và các cánh đồng được canh tác, và rau cỏ của các loại thảo mộc khác nhau bắt đầu sinh sôi nảy nở rất nhiều khiến bề mặt của bầu hành tinh này nhìn giống như một vành đai đen mà thậm chí chúng ta có thể nhìn thấy được ở khoảng cách 40 triệu dặm khi nó nằm ở vị trí gần nhất và thuận lợi nhất đối với chúng ta.

Bầu Hỏa Tinh nằm xa hơn trung tâm thái dương hệ so với chúng ta và do đó người Hỏa Tinh chỉ nhìn thấy mặt trời bằng phân nửa kích thước của nó so với chúng ta. Tuy nhiên, khí hậu hành tinh này ở nơi người dân cư ngụ thật là tốt, nhiệt độ ban ngày ở vùng nhiệt đới thông thường là khoảng 70⁰ F, mặc dù một năm không có nhiều ban đêm khi nó không có tuyết. Nó gần như là không có mây, bầu trời phần lớn đều trong suốt nguyên năm. Đất nước này do đó ít có mưa hoặc tuyết. Ngày ở Hỏa Tinh dài hơn ngày của chúng ta vài phút và một năm của họ gần như dài gấp đôi năm của chúng ta, và ở nơi có người dân cư ngụ, có rất ít mùa khác nhau.

Về ngoại hình, người Hỏa Tinh không khác gì chúng ta, chỉ là họ khá nhỏ con hơn. Người cao nhất không hơn năm feet, và đa số là khoảng hai hoặc ba tấc thấp hơn. Theo quan niệm của chúng ta, họ có bề ngang to hơn và một lồng ngực rất lớn - một thực tế có lẽ là vì hiếm không khí nên họ cần phải hít thật sâu để có thể lấy đủ oxy cho máu. Nguyên một nền văn minh ở Hỏa Tinh chỉ có một giống dân, và họ không có bất kỳ sự khác biệt nào giữa nhau về nét mặt cũng như màu da, ngoại trừ như chúng ta họ cũng có những người tóc vàng hoặc tóc nâu, vài người có màu da hơi vàng và tóc đen, trong khi phần lớn có tóc vàng và mắt xanh hoặc tím - hơi giống người Na Uy. Phần lớn thường ăn mặc với màu sắc rực rỡ, và cả hai giới phái đều mặc một loại quần áo không có hình thù rõ ràng, được làm bằng một loại chất liệu mềm mại rủ thẳng xuống từ vai đến chân. Họ thường đi chân đất, mặc dù đôi khi họ có dùng một loại dép bằng kim loại, với một dây thừng vòng qua cổ chân.

Họ rất thích hoa và trồng nhiều loại bông khác nhau, thị trấn của họ được xây cất dựa trên bản vẽ của một thành phố có vườn hoa. Căn nhà thông thường chỉ có một tầng nhưng được xây chung quanh một cái sân bên trong và trải rộng trên một miếng đất lớn. Các căn nhà này nhìn từ bên ngoài như được làm bằng một loại kính thủy tinh nhuộm màu, và quả thật chất liệu của nó rất trong suốt,

nhưng miếng kính được uốn lượn theo một cách nào đó cho nên trong khi người ở trong nhà có thể nhìn ra vườn của họ một cách thoải mái, không ai bên ngoài có thể nhìn thấy được chuyện gì đang xảy ra ở trong nhà.

Các căn nhà không phải được xây lên từ các khối gạch mà bằng chất liệu được nấu chảy ra rồi đổ vào khuôn. Nếu một căn nhà cần phải được xây cất, trước tiên một cặp khuôn kép sẽ được làm bằng kim loại phủ xi-măng, rồi sau đó một chất giống như thủy tinh được nấu chảy ra rồi đổ vào khuôn này; khi nó nguội và cứng lại thì các khuôn được lấy ra, và ngôi nhà đã được hoàn tất trừ việc phải đánh bóng bề mặt của nó. Các cánh cửa cũng không giống như cửa chúng ta vì chúng không có bản lề và bu lông, mà chúng được mở ra và đóng lại bằng cách giẫm lên trên những chỗ nhất định trên mặt đất ở bên trong lẫn bên ngoài. Chúng không có xoay trên bản lề mà thụt vào bên trong tường ở hai bên. Tất cả các cánh cửa này và các đồ nội thất và phụ tùng đều được làm bằng kim loại. Gỗ dường như rất ít được sử dụng.

Chỉ có một ngôn ngữ duy nhất được sử dụng trên toàn cầu, ngoại trừ trong một số ít bộ lạc man rợ, và giống như mọi thứ khác trên thế giới của họ, ngôn ngữ này không phải đã phát triển như ngôn ngữ của chúng ta mà đã được sáng chế để tiết kiệm thời gian và bớt phiền phức. Nó đã được đơn giản

hóa tuyệt đối đến mức có thể và không có một ngoại lệ (phân từ) bất bình thường nào. Họ có hai phương pháp để ghi lại suy nghĩ của họ. Một là nói vào một cái hộp nhỏ với ống nói chuyện đặt ở một bên, giống như điện thoại. Mỗi từ được nói ra trên quy tắc được chuyển thành một loại ký hiệu rất phức tạp trên một tấm thiếc nhỏ, và khi thông điệp đã được nói xong, tấm thiếc này sẽ rơi ra và được đánh dấu bằng các ký hiệu màu đỏ sẫm, có thể được đọc dễ dàng bởi những người quen thuộc với hệ thống ký hiệu đó. Phương pháp thứ hai là tự viết bằng tay, nhưng đây là một khả năng làm việc khó hơn rất nhiều, bởi vì nó là một phương pháp tốc ký rất phức tạp mà có thể được viết nhanh như nói chuyện. Mọi cuốn sách của họ được ấn hành theo bản chữ tốc ký này, và các cuốn sách của họ thường là một cuộn thiếc dẻo rất mỏng. Những chữ khắc trên chúng là cực nhỏ, và thông thường được chúng được đọc bằng một kính lúp được đặt ngay trên cái giá nằm ở bên cạnh. Ở trên cái giá, có một cái máy để mở cuộn sách này ra trước kính lúp ở bất kỳ tốc độ nào theo ý muốn, nên một người có thể đọc mà không cần phải chạm vào sách.

Người ta có thể nhìn thấy dấu hiệu của một nền văn minh lâu đời trên mọi phương diện, vì các cư dân đã bảo tồn văn hóa của mọi thứ mà họ biết từ khi làn sóng sinh hoạt vĩ đại của loài người đến chiếm đóng hành tinh đó, và kể từ đó họ đã thêm

vào những phát minh mới lạ khác. Điện có vẻ như là loại lực làm việc duy nhất, và tất cả các loại máy móc để tiết kiệm sức lao động con người đều được sử dụng một cách phổ biến.

Nói chung, nguyên một dân tộc của họ rất ít hoạt động, nhất là khi họ đã vượt qua thời niên thiếu, nhưng vì dân số của họ khá nhỏ nên họ có thể sống biếng nhác như vậy. Họ có huấn luyện một vài loại thú nhà khác nhau để làm việc trong nhà với một trình độ khôn ngoan biết hợp tác giỏi hơn là những loại thú thông minh nhất hiện nay trên trái đất; vì vậy, phần lớn các công việc trong nhà và ngoài vườn đều được các con thú này thực hiện mà ít khi đòi hỏi sự hướng dẫn từ con người.

Vua của họ có độc quyền cai trị toàn bộ hành tinh, nhưng chế độ quân chủ này không được cha truyền con nối. Họ theo chế độ đa thê nhưng lại có phong tục giao các đứa bé cho chính phủ ở độ tuổi rất sớm để được chăm sóc và giáo dục, nên hầu hết mọi người không có một truyền thống gia đình nào cả, và cũng không ai biết được cha mẹ mình là ai. Không có một luật lệ nào ép buộc điều này, nhưng nó được coi là đúng và tốt nhất cho quyền lợi của đứa trẻ nên ít gia đình nào chọn sống như chúng ta và giáo dục con cái tại gia, vì điều này thường được coi là ích kỷ và làm hại triển vọng của chúng chỉ vì một gút mắc được coi là tình cảm của loài thú.

Do đó, chính phủ nhận lãnh vai trò của người giám hộ và giáo dục phổ thông, và bộ giáo dục của từng tỉnh được hướng dẫn phải làm thế nào để phân loại các đứa trẻ này cẩn thận dựa trên năng khiếu chúng biểu lộ để quyết định lối sống của chúng sau này, mặc dù mỗi đứa trẻ đều có quyền tự do chọn lựa nghề nghiệp của mình trên một phạm vi rất rộng lớn khi y đến tuổi biết chọn lựa. Tuy nhiên, những đứa trẻ thể hiện một trí tuệ tuyệt vời đồng với nhiều khả năng khác nói chung sẽ được tách riêng ra từ những đứa trẻ còn lại và được đào tạo với mục đích trở thành thành viên của giai cấp cai trị sau này.

Nhà vua có dưới quyền ngài nhiều vị phụ tá được gọi là thống đốc của các tỉnh lớn, và đến phiên họ cũng có dưới quyền mình những vị tỉnh trưởng của các tỉnh nhỏ hơn, và cứ như vậy cho đến chức vị tương đương với người trưởng làng. Tất cả những quan viên chính phủ này đều được nhà vua lựa chọn từ nhóm trẻ được giáo dục đặc biệt, và khi cái chết cận kề, ngài sẽ chọn ra người kế vị từ nhóm quan viên đã được bổ nhiệm.

Y thuật của họ đã đạt đến mức hoàn hảo nên bệnh tật không còn tồn tại, và ngay cả những dấu hiệu thông thường của lão hóa cũng gần như được xóa sạch. Trên thực tế, không ai nhìn già cả và có lẽ họ cũng không cảm thấy già, nhưng sau một đời sống có lẽ lâu hơn chúng ta, lực ham sống dần dần hao mòn và con người sẽ chết. Có một phong tục

khá phổ biến là khi một người đã mất hết hứng thú về cuộc sống và cảm thấy cái chết đang tiến đến cận kề (điều này thường tương ứng với những người mà chúng ta gọi là trăm tuổi), họ sẽ nộp đơn cho bộ y tế mà chúng ta nên gọi là trường đại học phẫu thuật và yêu cầu được chết một cách nhẹ nhàng - một đơn cầu tử lúc nào cũng được chấp thuận.

Tất cả những người cầm quyền đều có độc quyền trong phạm vi của họ, nhưng đơn xin được tái thẩm bởi một vị quan chức cao hơn lúc nào cũng có thể được thực hiện, mặc dù quyền lợi này ít khi được sử dụng vì người dân thường chịu nhượng bộ theo bất cứ một phán xét nào khá hợp lý còn hơn là bỏ công ra để kiện được tái thẩm. Nói chung, những người cai trị đều thực hành tốt nhiệm vụ của mình, nhưng chúng tôi có một ấn tượng là họ làm như vậy không phải từ một quan điểm chính trực về quyền lợi của người dân hoặc công lý, mà chỉ để tránh khỏi bị phiền hà sau này, một điều chắc chắn sẽ xảy ra từ một phán xét quá bất công.

Một trong những điều đáng chú ý nhất về cư dân Hỏa Tinh là họ không có bất cứ một tôn giáo nào cả. Họ không có một nhà thờ, đền thờ, hoặc một nơi thờ phụng dưới bất cứ hình thức nào, cũng không có tu sĩ hoặc bất cứ một quyền lực tôn giáo nào hiện hữu. Niềm tin được chấp nhận bởi người dân là cái mà chúng ta gọi là chủ nghĩa khoa học duy vật. Không có điều gì là sự thật trừ phi nó được

chứng minh một cách khoa học, và để tin vào những thứ gì không thể được chứng minh không chỉ được coi là một sự ngu xuẩn tột độ mà còn là một tội ác, bởi vì nó được coi là một mối hiểm họa phá sự bình yên của dân chúng.

Lịch sử của người Hỏa Tinh trong quá khứ xa xôi cũng không khác gì hơn chúng ta, họ cũng có các mẩu chuyện về sự đàn áp khốc liệt của tôn giáo và những người cuồng tín đến mức độ họ không chỉ làm cho chính mình bị kích động quá mức mà còn liên tục xen vào quyền tự do suy nghĩ của người khác. Dư luận quần chúng của Hỏa Tinh đã nhất quyết không bao giờ cho phép các yếu tố nhiễu loạn như vậy có cơ hội ra đời một lần nữa, và thuyết duy vật và lý trí cụ thể ngự trị trên hết, tuy rằng nơi đó cũng như ở nơi đây có những sự kiện mà khoa học cụ thể không cách nào giải thích được, nên họ cho rằng tốt nhất là không nên nhắc gì hết đến chúng.

Tuy nhiên, ở Hỏa Tinh cũng như ở những nơi khác, có một số người hiểu biết nhiều hơn và nhiều thế kỷ trước đây, một vài người trong số này đã cùng nhau thành lập một hội huynh đệ bí mật để cùng nhau gặp gỡ và thảo luận về những vấn đề này. Dần dần và với sự cẩn mật tối đa, họ đã nhận thêm những thành viên khác vào vòng thân mật đó, và như vậy trong một thế giới duy vật nhất, một hội tâm linh huyền bí ra đời; họ không chỉ tin vào thế giới siêu hình mà thậm chí còn về sự tồn tại của

chúng, bởi vì các thành viên này đã nghiên cứu trực tiếp về thôi miên và thuyết duy linh (spiritualism), và nhiều người trong số họ đã phát triển được rất nhiều quyền năng tâm linh.

Hiện nay, hội bí mật này đã lan truyền rộng rãi và người đứng đầu nó lúc này là một đệ tử của một trong các vị Chân Sư của chúng ta. Ngay cả bây giờ sau ngàn ấy thế kỷ, sự tồn tại của nó vẫn chưa được các nhà chức trách chính thức công nhận, mặc dù trên thực tế họ đã có khá nhiều sự nghi ngờ về sự hiện hữu của nó và biết sợ nó. Không có thành viên nào được công khai biết đến, nhưng có rất nhiều người bị nghi ngờ; tuy nhiên, nó được quan sát là dường như trong quá khứ, khi bất cứ một nghi phạm nào bị đã thương hoặc tử nạn chết oan, những người có dính líu đến vụ án này đều bị chết bất ngờ một cách rất thần bí, mặc dù chưa có một trường hợp nào mà cái chết của họ được khám phá ra là có liên quan đến bất cứ hoạt động nào trên cõi trần của các viên bị tình nghi. Vì vậy, mặc dù một niềm tin như vậy chắc chắn là một hành vi vi phạm nguyên tắc lý thuyết duy vật tuyệt đối mà dựa trên đó mọi thứ đều được cai quản, nhưng nói chung nó được hiểu rằng tốt nhất là không nên tìm hiểu quá sâu về niềm tin của những người có vẻ khác biệt với phần đông quần chúng ở một mức độ nào đó, miễn là họ không công khai phát biểu một ý kiến gì được coi là phá hoại đạo đức tốt đẹp của chủ nghĩa duy vật.

Những người bị đuổi ra khỏi vùng nhiệt đới dễ chịu này vào những vùng đất khắc nghiệt và rừng rậm khó phát triển được là tàn dư của các bộ lạc dã man, hậu duệ của những người bị bỏ lại đằng sau khi làn sóng sinh hoạt vĩ đại rời khỏi Hỏa Tinh đến Địa Cầu. Đây là những người man rợ thuộc tầng lớp thấp hơn bất cứ người nào hiện sinh sống trên trái đất của chúng ta, mặc dù họ có vài nét giống như một trong những dòng tiến hoá bên trong của chúng ta.

Ít nhất, một vài thành viên của Hội bí mật này đã học được cách lướt qua không gian giữa bầu Hỏa Tinh và quả Địa Cầu của chúng ta một cách dễ dàng, và đôi khi họ đã cố gắng tự thể hiện mình qua trung gian (đồng bóng) của các buổi cầu hồn, và họ cũng có thể tạo ra một ấn tượng về các ý kiến của họ lên các nhà thi sĩ và văn sĩ qua các phương pháp mà họ đã nghiên cứu được.

Thông tin mà tôi đã đưa ra ở trên là dựa trên sự quan sát và tìm hiểu trong các chuyến thăm viếng nhiều lần ở hành tinh này. Tuy nhiên, hầu hết các thông tin này có thể được tìm thấy trong tác phẩm của nhiều nhà văn khác nhau trong vòng 30 hoặc 40 năm gần đây, và trong mọi trường hợp như vậy, chúng đã được tường thuật lại hoặc được gây ấn tượng bởi một người nào đó từ Hỏa Tinh, mặc dù sự kiện của một ấn tượng được tạo ra như vậy (ít nhất

trong một vài trường hợp) hoàn toàn không được tác giả biết đến.

Đối với nơi trú ngụ tương lai của chúng ta, bầu Thủy Tinh, chúng tôi biết về nó ít hơn rất nhiều so với Hỏa Tinh bởi vì các chuyến đi thăm nó thường là vội vã và không được thường xuyên. Nhiều người cho rằng thật khó tin là chúng ta có thể tồn tại được trên bầu Thủy Tinh với mặt trời ở đó nhìn ít nhất bảy lần lớn hơn so với ở đây. Tuy nhiên, nhiệt độ của nó không phải là nóng dữ dội như người ta tưởng tượng. Tôi được cho biết rằng điều này là như vậy vì sự hiện diện của một lớp vỏ khí bên ngoài bầu khí quyển của Thủy Tinh - nó có thể ngăn ngừa được gần hết sức nóng của mặt trời khiến nó không thâm nhập được. Chúng tôi cũng được cho biết rằng cơn bão có sức phá hủy mãnh liệt nhất trong tất cả các cơn bão có thể xảy ra trên Thủy Tinh là loại có thể làm xáo trộn lớp vỏ khí này khiến cho nó mất đi sự quân bình dù chỉ trong chốc lát. Khi điều này xảy ra, một loại vòng xoáy được hình thành bên trong đó và trong chốc lát, một luồng ánh sáng trực tiếp từ mặt trời sẽ đi xuyên qua vòng xoáy của nó. Một luồng ánh sáng như vậy sẽ lập tức phá hủy bất cứ sự sống nào nằm trên đường của nó và đốt cháy hết tất cả những gì có thể bị đốt. May thay, những loại bão như vậy rất là hiếm. Người dân mà tôi đã nhìn thấy được cũng rất giống chúng ta, tuy một lần nữa họ có phần nhỏ con hơn.

Ảnh hưởng của lực hấp dẫn (gravity) trên Hỏa Tinh và Thủy Tinh chỉ bằng phân nửa trên trái đất, nhưng khi ở Hỏa Tinh, tôi không nhận thấy người ta đạt được bất cứ lợi điểm gì từ sự kiện này. Trên Thủy Tinh, tôi thấy những cánh cửa của các ngôi nhà đều có một chiều cao đáng kể từ mặt đất, và chúng ta cần phải có một thành quả thể dục khá tốt để có thể với đến chốt cửa, nhưng cư dân trên Thủy Tinh chỉ cần nhảy lên một cách rất nhẹ nhàng. Tất cả các cư dân trên hành tinh đó từ lúc sơ sinh đã sở hữu thị lực dĩ thái. Tôi còn nhớ rằng sự thực này đã chợt đến với tôi khi quan sát một đứa trẻ đang theo dõi một sinh vật đang bò, và tôi thấy rằng khi nó đã bò vào ổ của nó, đứa bé đó vẫn có thể theo dõi các cử động của nó, ngay cả khi nó đã bò xuống rất sâu trong lòng đất.

CHƯƠNG II

LUÂN HỒI

BA ĐỊNH LUẬT CỦA ĐỜI NGƯỜI

Một linh hồn bình thường chưa đủ sức để tự chọn cho mình một cơ thể. Nơi sinh sống của y thường được quyết định bởi ba yếu tố, hoặc có lẽ tốt hơn nên nói là do tác động của ba lực kết hợp lại. Đầu tiên phải kể là luật tiến hoá, khiến linh hồn được sinh ra dưới các điều kiện sẽ cho y cơ hội để phát triển những đức tính mà y cần nhất. Tuy nhiên, tác động của lực này bị giới hạn bởi yếu tố thứ hai, luật nhân quả. Linh hồn có thể không xứng đáng với một cơ hội tốt nhất có thể, và do đó y phải chấp nhận những cơ hội tệ hơn thuộc hạng thứ nhì hoặc hạng thứ ba. Thậm chí, y có thể không xứng đáng với bất cứ một cơ hội tuyệt vời nào, và do đó một cuộc đời sóng gió với ít tiến bộ có thể là định mệnh của y.

Yếu tố thứ ba cũng phát huy ảnh hưởng của nó, sức mạnh của sự ràng buộc cá nhân về tình thương hoặc thù hận mà linh hồn đã tạo ra trước đây. Điều này có thể điều chỉnh tác động của lực thứ nhất và lực thứ nhì, vì đôi khi do nó mà y được đưa vào một vị trí mà y có thể được nói là không xứng đáng theo bất cứ một điều kiện nào ngoại trừ tình thương mãnh liệt mà y đã dành cho một người tiến hóa hơn y.

Một người đã tiến bộ nhiều hơn mức bình thường, một người đã đặt chân lên đường Đạo dẫn đến quả vị Chân Tiên, có thể thực hiện một số lựa chọn nhất định về quốc gia và gia đình nơi y sinh ra, nhưng một người như vậy sẽ là người đầu tiên gạt bỏ mọi tham vọng cá nhân qua một bên trong vấn đề này và tuyệt đối giao định mệnh của mình vào tay của thiên luật vĩnh cửu tối cao với niềm tin vững chắc rằng bất cứ những gì nó đem đến cho y phải tốt hơn nhiều so với bất cứ lựa chọn nào từ bản thân y.

Cha mẹ không thể chọn linh hồn nào sẽ nhập vào cơ thể mà họ sinh ra, nhưng họ có thể thu hút một linh hồn rất tiến hóa đến với họ bằng cách sống thật tốt để cho y có nhiều cơ hội để tiến bộ.

ĐẦU THAI

*T*oàn bộ thái dương hệ của chúng ta là một biểu lộ của Đức Thái Dương Thượng Đế, và mỗi phân tử (particle) trong đó chắc chắn là một phần của các dẫn thể của Ngài. Toàn bộ chất liệu hồng trần trong một thái dương hệ nói chung tạo ra thể xác của Ngài, tất cả các chất liệu cõi trung giới tạo ra thể vía của Ngài, tất cả các chất liệu cõi trí là thể trí của Ngài, và cứ như thế. Bên trên và bên ngoài thái dương hệ của Ngài, Ngài còn có một sự sống rộng rãi và vĩ đại hơn của chính Ngài, nhưng ít nhất điều đó không ảnh hưởng gì đến sự thật về câu tuyên bố vừa rồi của chúng ta.

Vị Thái Dương Thượng Đế này có bên trong Ngài bảy vị Hành Tinh Thượng Đế, được coi như là những trung tâm lực nằm bên trong Ngài, những con kênh mà qua đó lực của Ngài tuôn tràn. Vật liệu hình thành các dẫn thể của Ngài mà chúng ta vừa mới mô tả đồng thời cũng tạo ra các dẫn thể của các Đức Hành Tinh Thượng Đế, bởi vì không có một phân tử (particles) của vật chất nào trong hệ thống này mà không phải là một phần của Vị này hay Vị kia trong số Họ. Tất cả điều này đều đúng cho mỗi một cõi, nhưng tạm thời chúng ta hãy lấy cõi trung giới làm ví dụ, bởi vì vật liệu của nó đủ lỏng lẻo để

dùng cho mục đích nghiên cứu của chúng ta, và đồng thời nó cũng đủ gần với cõi trần để không đến nỗi phải vượt quá tầm hiểu biết giới hạn của chúng ta.

Mỗi phân tử của chất liệu trung giới thuộc về hệ thống này là một phần của thể vía của Đức Thái Dương Thượng Đế, nhưng nó cũng là một phần của thể vía của một trong bảy vị Hành Tinh Thượng Đế. Hãy nhớ rằng nó cũng bao gồm chất liệu trung giới mà thể vía của bạn và của tôi được hình thành. Chúng ta không có một phân tử nào riêng của chúng ta. Mỗi thể vía đều có các phân tử thuộc về một trong bảy vị Hành Tinh Thượng Đế, nhưng tỷ lệ của chúng (trong mỗi thể vía) thay đổi vô hạn. Cơ thể của các Chân Thần xuất phát từ một vị Hành Tinh Thượng Đế sẽ tiếp tục tiến hoá trong quá trình của chúng để nhận các phân tử từ vị Thượng Đế đó *nhều hơn* là từ các Vị khác, và bằng cách này, mỗi người có thể được phân biệt là họ chính yếu thuộc về Cung nào trong bảy Cung Thần Lục Vĩ Đại này.

Bảy vị Hành Tinh Thượng Đế có một số thay đổi tâm linh nhất định theo chu kỳ, có lẽ chúng tương xứng với việc hít vào và thở ra hoặc là với nhịp đập của trái tim chúng ta ở cõi trần.

Dù sao đi nữa, dường như những sự chuyển biến và kết hợp giữa chúng là vô hạn. Hiện giờ, bởi vì thể vía của chúng ta được xây dựng từ chính chất liệu thể vía của Họ, đương nhiên là sẽ không có bất

cứ vị Hành Tinh Thượng Đế nào có thể thay đổi tính tình mà không ảnh hưởng đến thể vía của mỗi người trên thế gian này, mặc dù đương nhiên nó sẽ đặc biệt ảnh hưởng nhiều hơn đối với những người có biểu lộ nhiều chất liệu của vị Thượng Đế đó hơn; hãy nhớ rằng chúng ta chỉ dùng cõi trung giới làm ví dụ và chính điều này cũng đúng đối với các cõi khác, nên chúng ta sẽ bắt đầu có một khái niệm về tầm quan trọng của sự di chuyển¹⁰ của các bầu hành tinh đại diện cho các vị Hành Tinh Thượng Đế này đối với chúng ta.

Bà Blavatsky có viết về những Thực Thể cao cả đặc biệt mà bà gọi là các Đấng Lipika, hay các vị Thần Nhân Quả. Chúng tôi được cho biết rằng những người đại diện trong cơ quan điều hành nghiệp quả là bốn vị (thật sự là bảy vị) chủ quản vĩ đại được gọi là Devarajas hoặc là các vị Đại Thiên Vương (Nhiếp Chính Vương) của Địa cầu. Mỗi người trong số Họ đứng đầu một nhóm lớn các vị đại thiên thần và tinh linh thiên nhiên và thậm chí cả loài tinh hoa chất. Một lần nữa, vì mục đích giải thích cho dễ hiểu nên chúng ta chỉ giới hạn nó trong phạm vi cõi trung giới, nhưng trong tâm trí của chúng ta nên luôn ghi nhớ rằng điều tương tự cũng áp dụng luôn cho mọi cõi khác. Toàn bộ chất liệu trung giới nói chung đều nằm dưới sự kiểm soát của

¹⁰ Trong thiên văn, sự di chuyển của các hành tinh có liên quan đến tâm lý và sức khỏe của con người.

một trong các Đại Thiên Vương, nhưng đồng thời chính Vị đó cũng cai quản luôn cõi phụ thứ nhì của *mỗi cõi* ở một mức độ nào đó, vì cõi phụ đó có cùng một mối liên hệ với cõi trung giới mà nó là một thành phần, cũng như cõi trung giới là một phần của toàn bộ các cõi. Vì vậy, có hai ảnh hưởng trong mỗi cõi phụ: (1) ảnh hưởng của vị cai quản nguyên một cõi đó nói chung và (2) ảnh hưởng phụ của vị cai quản cõi phụ đó.

Bây giờ, thể vía của chúng ta được hình thành từ chất liệu trung giới; hãy hiểu rằng mỗi phân tử của nó đều thuộc về dẫn thể của một trong bảy vị Hành Tinh Thượng Đế, và đồng thời nó cũng nằm dưới sự ảnh hưởng chính của vị Đại Thiên Vương của cõi trung giới và dưới sự ảnh hưởng phụ của một vị Đại Thiên Vương khác quản lý gián tiếp cõi phụ của nó. Để chúng ta có thể hiểu thấu vấn đề này tường tận hơn, hãy nghĩ về các cõi phụ của cõi trung giới như là các hàng ngang, và những loại vật liệu thuộc về bảy vị Hành Tinh Thượng Đế cao cả như là các cột đứng cắt thẳng góc với các hàng ngang. (Chúng vẫn còn được phân chia tiếp tục, nhưng hiện thời chúng ta sẽ không đề cập đến chúng hầu ý tưởng đại cương có thể được diễn tả rõ ràng hơn). Như thế chúng ta có 49 loại vật liệu trung giới khác nhau được đánh dấu rõ ràng, bởi vì trong mỗi cõi phụ chúng ta đều có chất liệu của mỗi vị Hành Tinh Thượng Đế.

Mặc dù không tính thêm về các phần phân chia phụ tiếp theo, chúng ta cũng có gần như vô số các phối hợp của những vật liệu, nên bất cứ linh hồn nào có đặc tính gì đi nữa thì y vẫn có thể tìm thấy đủ vật liệu để biểu lộ.

Chúng ta hãy xem xét trường hợp của một linh hồn sắp sửa đi xuống đầu thai. Chúng ta nên nghĩ như y đang nghỉ ngơi trong nhân thể của mình ở một cảnh cao hơn của cõi trí và không có dẫn thể nào thấp hơn nó. Sau khi đã bỏ lại thể xác trong kiếp sống vừa qua, y đã từ từ rút tâm thức vào bên trong, trước nhất vào thể vía rồi vào thể trí, và cuối cùng ở cõi trời chân phúc, y thậm chí cũng cởi bỏ luôn lớp áo cuối cùng này. Sau đó, y sẽ nghỉ ngơi ở chính cõi của mình, cảnh thứ ba của cõi trí, trong một khoảng thời gian nhất định - khoảng thời gian này dài hay ngắn tùy vào giai đoạn tiến hoá của y, từ hai ngày, ba ngày một cách vô ý thức trong trường hợp của một người bình thường chưa tiến hoá, cho đến một thời gian dài nhiều năm trong một đời sống huy hoàng đầy ý thức trong trường hợp của những người đã tiến hoá rất cao. Sau đó, y lại bắt đầu chuyển sự chú ý của mình xuống dưới và ra ngoài. Trong quá trình hướng thượng, vì y đã rút sự chú ý của mình lần lượt ra khỏi cõi trần và cõi trung giới, các hạt nguyên tử trường tồn đã đi vào trạng thái ngủ yên và ngừng rung động mạnh mẽ theo đường lối thông thường của chúng. Điều tương tự

này cũng xảy ra đối với đơn vị hạ trí ở cuối đời sống ở cõi trời chân phúc, và trong lúc nghỉ ngơi ở chính cõi của y, linh hồn có ba hạt phụ tùng này nằm yên nghỉ trong y.

Khi y chuyển sự chú ý của mình đến cõi trí một lần nữa, đơn vị hạ trí sẽ lập tức bắt đầu rung động và do đó thu hút chung quanh nó các chất liệu cần thiết để biểu lộ sự hoạt động đó. Điều y như vậy sẽ xảy ra khi y chuyển sự chú ý của mình đến hạt nguyên tử trường tồn thể vía và đặt thêm ý chí của y vào đó. Nó sẽ thu hút chung quanh nó các chất liệu có khả năng cung cấp cho y một thể vía y như cái mà y đã có ở cuối cuộc sống vừa qua ở cõi trung giới. Chúng ta cần phải hình dung được sự kiện này rõ ràng trong trí của chúng ta là khi một linh hồn đi xuống đầu thai, cái mà y có không phải là một thể vía được làm sẵn mà là một tập thể các vật liệu được tụ hợp lại để tạo ra một thể vía mới trong hành trình của một kiếp sống mới tiếp theo.

Trong trường hợp của những tầng lớp Chân Thần thấp hơn với thể vía còn quá thô bạo, họ thường đầu thai sau một thời gian nghỉ ngơi rất ngắn; đôi khi, nó xảy ra là bóng dáng (shade) hoặc lớp vỏ cũ của thể vía từ kiếp trước vẫn còn tồn tại ở cõi trung giới, và trong trường hợp đó nó có thể sẽ bị phạm ngã mới thu hút. Khi điều này xảy ra, nó sẽ đem theo những thói quen và thành kiến cũ, đôi khi thậm chí cả ký ức của kiếp sống vừa qua.

Chất liệu trung giới trước nhất sẽ được phân phối đồng đều trên khắp hình bầu dục; chỉ khi nào thể xác xuất hiện ở ngay giữa hình bầu dục thì chất liệu trung giới và của cõi trí mới bị thu hút đến nó và bắt đầu uốn nắn theo hình thù của thể xác, rồi sau đó phát triển đều đặn theo nó. Đồng thời với sự thay đổi này, chất liệu thể trí và thể vía cũng trở nên sinh động, và tình cảm cũng như tư tưởng sẽ xuất hiện.

Hào quang của một đứa bé sơ sinh gần như không có màu sắc gì cả, và chỉ khi nào nó phát triển những cá tính đặc thù thì màu sắc mới bắt đầu biểu lộ. Đây là từ những chất liệu được cung cấp cho y để xây dựng thể vía - chất liệu mà y đã thu hoạch được từ kiếp trước qua những ham muốn và tình cảm y đã cho phép biểu lộ trong bản thân y; tuy nhiên, y không nhất thiết phải sử dụng hết tất cả các chất liệu mà y đã lấy được trong kiếp trước khi xây dựng một dẫn thể mới cho mình. Nếu y được để yên, hạt nguyên tử trường tồn thể vía sẽ tự nhiên sản xuất cho y từ chất liệu được cung cấp một thể vía giống y như thể vía mà y đã có trong kiếp trước; nhưng không có một lý do gì mà tất cả chất liệu này phải được sử dụng, và nếu một đứa trẻ được đối xử tốt đẹp và hướng dẫn khôn khéo, nó sẽ được khuyến khích để phát triển tối đa các hạt giống tốt mà nó đã đem theo từ kiếp trước, trong khi các hạt giống xấu sẽ được để ngủ yên. Nếu điều này được thực hiện, các hạt giống xấu sẽ từ từ teo lại và rút khỏi thể vía

của y, và những đức tính tốt ngược lại sẽ được phát triển trong linh hồn, và như vậy y sẽ được giải thoát khỏi những tính xấu mà các hạt giống này chuyên chở trong các kiếp tương lai. Cha mẹ và thầy giáo có thể giúp y đạt được kết quả lý tưởng này, không phải bằng cách dạy cho y những kiến thức như vậy, mà qua sự khuyến khích, đối xử tử tế và công bằng, và trên hết là tình thương vô bờ bến đối với y.

Chúng ta phải nhớ rằng trong khi các dẫn thể cao hơn, thể trí và thể vía, là biểu lộ trung thực của trình độ tiến hóa của con người (như có thể được biểu hiện qua chất liệu thuộc các cõi tương xứng của chúng), thể xác là một dẫn thể hoặc là một giới hạn bị áp đặt lên con người từ bên ngoài và do đó chính là một công cụ của nghiệp quả. Lực tiến hoá đóng một vai trò trong việc chọn lựa các chất liệu cho thể xác, nhưng thậm chí trong việc này mỗi bước đi của nó đều bị hạn chế và cản trở bởi nhân quả của quá khứ. Cha mẹ được chọn bởi vì họ phù hợp để sinh ra một cơ thể thích hợp với sự phát triển của một linh hồn đã được giao phó cho họ, nhưng mỗi cặp cha mẹ đều có rất nhiều tiềm năng khác nhau. Mỗi người trong cặp họ đại diện cho một dòng dõi huyết thống lâu đời, và thông thường một phụ huynh đặc biệt được chọn không phải vì bản thân họ là ai hoặc sở hữu được cái gì ở cõi trần, mà bởi vì một phẩm tính nào đó đã từng biểu lộ ở mức độ đặc sắc trong một trong các tổ tiên của họ - bởi

vì họ sở hữu một quyền năng tiềm ẩn nào đó mà họ chưa sử dụng mặc dù nó nằm trong thể xác của họ do di truyền của tổ tiên. Trong huyết thống của người cha hay mẹ và nhiều thế hệ trước đó, tiềm năng này có thể nằm yên không hoạt động, nhưng khi một linh hồn có đặc tánh đó sinh vào trong dòng dõi đó, khả năng biểu lộ của nó sẽ chuyển từ trạng thái ẩn đến hiện, và chúng ta có một trường hợp của một sự kiện được gọi là sự tái sinh của một kiểu người xa xưa.

Có ba lực chính tác động lên sự cấu tạo của thể xác: (1) ảnh hưởng của chính linh hồn khi muốn lấy một hình thể mới, (2) việc thiết lập một tinh linh nhân tạo do các vị Thần Nhân Quả, và (3) tư tưởng của người mẹ. Bây giờ, hãy giả định một thể phách đang sắp sửa được tạo ra cho một linh hồn đang đi xuống đầu thai. Bản thân linh hồn này thuộc về một cung chính và một cung phụ, và các đặc tính này sẽ tạo ra một ấn tượng trên hạt nguyên tử trường tồn thể xác của y, và nó sẽ quyết định cột¹¹ nào của các khu vực chất liệu dĩ thái sẽ đi vào cấu trúc của thể phách và tỷ lệ của chúng sẽ ra sao. Tuy nhiên, đặc tính này không quyết định được hàng¹² nào trong số các hàng ngang của khu chất liệu dĩ thái sẽ được sử

11 Cột đại diện cho chất liệu của bảy Cung, hay bảy cá tính khác nhau.

12 Hàng ngang đại diện cho phẩm chất, hay 7 cảnh của một cõi. Càng lên cao thì chất liệu càng thanh bai và tốt đẹp hơn.

dụng và tỷ lệ của chúng, việc đó nằm trong thẩm quyền của các Tứ Đại Thiên Vương và sẽ được quyết định dựa trên nhân quả của y. Mỗi vị Đại Thiên Vương đều có rất đông các phụ tá dưới tay, nên không có bất cứ một sự chào đời nào đang xảy ra trên cõi trần mà bị bỏ sót. Các Ngài tạo ra một hình tư tưởng, một tinh linh nhân tạo như đã được đề cập ở trên, và nó được giao nhiệm vụ duy nhất là sản xuất một thể xác thích hợp nhất cho linh hồn đó. Để tiện cho việc tiến hoá, con người cần phải có một cơ thể với một số khả năng nhất định; vì mục đích đó, y có thể được sinh ra từ một phụ huynh có khả năng đó và do đó có thể di trực tiếp di truyền nó; hoặc y có thể được sinh ra từ một phụ huynh có tổ tiên, bên ngoại hay nội, có khả năng đó hầu hạt chủng tiềm ẩn có thể đáp ứng được với khả năng của y; nhờ vậy nó có thể được di truyền từ người phụ huynh đó đến đứa con của họ.

Hãy nhớ rằng *tinh linh* được giao trách nhiệm phát triển thể xác là một hình tư tưởng được tạo ra bởi Tứ Đại Thiên Vương, và mục đích chính của nó là hình thành một cái khuôn dĩ thái mà từ đó các phần tử vật lý của cơ thể một em bé được hình thành. Trong quá trình xây dựng một thể phách mới, nó có thể sử dụng bốn loại chất liệu dĩ thái¹³ (bốn

13 Bốn loại chất liệu dĩ thái là: (1) *Chất dĩ thái nguyên tử* – chuyên chở tư tưởng; (2) *Chất dĩ thái á nguyên tử* – chuyên chở loại điện tinh vi nhất (có lẽ là điện của giây hệ thần kinh); (3) *Chất siêu dĩ thái* – chuyên

loại được chủ trì bởi Các Vị Sáng Tạo ra nó), và thể dĩ thái được hình thành thuộc hạng nào sẽ dựa trên tỷ lệ của các loại chất liệu dĩ thái được sử dụng. Hãy nhớ rằng tinh linh nhân tạo không có quyền lựa chọn các chất liệu được phân chia theo cột dọc, nhưng nó lại có nhiều tự do chọn lựa đối với các loại chất liệu thuộc hàng ngang.

Với trình độ hiểu biết hiện thời, chúng ta không thể nào hiểu nổi hoạt động của một tâm thức mạnh mẽ như của các vị Đại Thiên Vương, nên chúng tôi chỉ có thể ghi chép ở đây một sự thật (mà không có ý định giải thích nó) là con tinh linh làm công việc này dường như không phải hoàn toàn bị tách rời khỏi tâm trí đã phóng ra nó. Theo một cách nào đó mà chúng tôi không thể giải thích được, nó vẫn còn là một phần nào đó trong tâm thức của Họ, và trong vài trường hợp rất hiếm, khi một linh hồn tiến hoá bắt đầu chủ động chiếm lấy cơ thể của mình (ngay cả khi còn nhỏ), dường như y có thể tiếp xúc trực tiếp với Họ và với sự chấp thuận của Họ, thọ lãnh thêm nhiều nghiệp quả hơn là Họ đã định đoạt ban đầu cho y.

Một người có thể làm được điều này khi con *tinh linh* còn làm công việc của nó cũng có thể giữ mãi mối liên lạc với các vị thần nhân quả trong suốt kiếp sống sau này của y và do đó có khả năng cầu

chờ ánh sáng; và (4) *Chất dĩ thái* – chuyên chờ điện thô thiên và âm thanh.

xin Họ sửa đổi thêm. Tuy nhiên, theo những gì chúng tôi đã biết cho đến nay, sự sửa đổi này chỉ có thể đi theo đường hướng gia tăng nghiệp quả cần phải giải quyết chứ không phải giảm bớt nó. Sự tỉnh thức của tâm thức, khiến linh hồn có thể tiếp xúc với các vị Đại Thiên Vương và sẵn sàng hợp tác với Họ trong công việc của Họ liên quan đến bản thân y, có thể bắt đầu từ bất cứ lúc nào, nên một linh hồn chưa tiếp xúc được với Họ trong thời gian tỉnh linh tạo ra thể xác của y có thể bằng một nỗ lực phi thường để phát triển bản thân và giúp thể nhân, thu hút được sự chú ý của Họ sau này trong kiếp sống của y và chiêu cảm được một sự hồi đáp nhất định từ Họ.

Hạt thai chủng này nở thành thể xác con người có hai thành phần với hai tiềm năng khác nhau. (Môn sinh phải cẩn thận đừng lầm lẫn hạt thai chủng vật lý đến từ cha mẹ với hạt nguyên tử trường tồn thể xác mà linh hồn luôn mang theo với y). Nó căn bản là một noãn trứng, bên trong nó có tất cả tiềm năng của tổ tiên bên ngoài, nhưng nó đã bị đâm thủng bởi tinh trùng mang theo bên trong nó tất cả tiềm năng từ tổ tiên bên nội.

Hai bộ khả năng (di truyền) này rất phì nhiêu, như chúng ta có thể hiểu được một cách dễ dàng nếu chúng ta nghĩ về số lượng tổ tiên mà bất cứ một ai trong chúng ta phải có, chẳng hạn như khoảng một ngàn năm về trước. Tuy nhiên, cho dù có nhiều đến

mức nào, chúng cũng có giới hạn của chúng. Chẳng hạn, hãy lấy trường hợp của một trong những người làm vườn tại Adyar - một người được gọi là cu-li hoặc thuộc tầng lớp lao động phổ thông (những người còn kém tay nghề). Quay ngược lại về một ngàn năm trước, người này phải có đến cả hàng triệu tổ tiên, nhưng tất cả hàng triệu tổ tiên đó phải thuộc giai cấp cu-li. Họ phải bao gồm tất cả các hạng người cu-li khác nhau: tốt và xấu, thông minh và khờ khạo, tử tế và độc ác; nhưng họ đều là cu-li và do đó có các giới hạn về trí óc và phẩm tính thuộc về giai cấp đó.

Từ trong số các khả năng này, con tinh linh phải chọn lựa. Vì mục đích của nó, nó có hai câu hỏi cần phải cân nhắc: phẩm chất và hình dáng. Trong số này, yếu tố trước quan trọng hơn rất nhiều. Loại thứ hai chủ yếu chỉ quan tâm đến vật liệu của các cõi phụ thấp hơn. Tuy nhiên, phẩm chất của chất liệu dĩ thái được chọn trong việc xây dựng phần cao hơn của thể xác (thể phách) sẽ quyết định phần lớn khả năng của cơ thể đó trong kiếp đầu thai đó - liệu y sẽ khôn ngoan hay khù khờ, điềm đạm hay cáu kỉnh, năng động hay ù lì, nhạy cảm hoặc vô cảm.

Do đó, việc làm đầu tiên của hình tư tưởng, hoặc con tinh linh của các vị Đại Thiên Vương, là chọn ra trong số khả năng này cái gì sẽ nổi bật trong cấu trúc của một cơ thể mới - đặc biệt là cấu trúc của bộ não. Hình dáng bên ngoài chỉ là vấn đề nhỏ,

mặc dù nó cũng quan trọng, nhưng điều này cũng là một phần của công việc của con tinh linh. Nếu một người đáng phải bị một sự tàn tật nào đó trong thể xác, hoặc phải bị yếu đi trong vài bộ phận của y như tim, phổi, bao tử, chính là qua con tinh linh này mà nghiệp quả của y sẽ được điều chỉnh. Chỉ thị của nó (nếu chúng ta có thể dùng danh từ như thế) là xây dựng một cơ thể thuộc một loại và một trình độ thể lực với một số đặc tính nổi bật. Tuy nhiên, đây không phải là các chỉ thị để nó ghi sâu vào tâm trí của nó bởi vì nó vốn không có trí óc, mà thật ra Họ chính là nó, là sự sống của nó, vì khi các chỉ thị này đã được thực hiện thì nó biến mất, bởi vì lý do mà nó được hình thành ra đã được hoàn tất.

Một sự kiện mà các sinh viên khoa phôi sinh đều biết đến là trong các giai đoạn đầu tiên của bào thai, mầm thai chủng của con cá, con chó và con người trên thực tế đều không thể phân biệt được. Chúng đều phát triển theo một đường lối tương tự, nhưng sự khác biệt giữa chúng là một số dừng lại ở một giai đoạn phát triển nào đó, trong khi một số khác tiếp tục đi xa hơn. Nguyên nhân của sự thật hiển nhiên này lại không rõ đối với những người chỉ tin vào chủ nghĩa duy vật. Họ phải giả định rằng tuy một vật đến từ một nguồn gốc nhất định có nhìn giống hệt như một vật đến từ một nguồn gốc hoàn toàn khác hẳn, nhưng nó phải sở hữu bên trong nó

một số phẩm chất tự nhiên khiến nó có thể tạo lại hình dáng mà từ đó nó xuất phát.

Lực ép buộc không phải là một đặc tính sẵn có trong vật chất, chúng (vật chất) vốn giống y như nhau và được tạo ra từ những yếu tố hoá học giống nhau; nhưng chính sự sống thiêng liêng là mãnh lực dồn về phía trước, đi vào làm sinh động vật chất, uốn nắn nó theo một hình thể thích hợp cho sự sống bên trong đang ở một giai đoạn tiến hóa đặc biệt nào của nó. Khi một thực thể vừa mới cá nhân hoá và do đó bắt đầu tạo ra nhân quả/ảnh hưởng của riêng mình, hình tư tưởng của các vị thần nhân quả là yếu tố uốn nắn khác tác động thêm vào đó, và nó chiếm lấy hạt thai chủng đang phát triển thậm chí còn trước khi cả linh hồn có thể xuống nắm lấy nó.

Hình dáng và màu sắc của con tinh linh thay đổi theo nhiều trường hợp khác nhau. Lúc đầu, nó biểu lộ chính xác hình hài và kích thước của cơ thể em bé mà nó phải xây dựng, chẳng hạn như cơ thể đó phải nhìn như thế nào (chỉ liên quan đến công việc của tinh linh) khi nó được sinh ra. Những nhà thông nhãn, khi nhìn thấy hình dáng nhỏ bé giống như một con búp bê lơ lửng chung quanh (và sau đó bên trong) cơ thể người mẹ, đôi khi đã nhầm lẫn nó với linh hồn của đứa bé sắp chào đời thay vì là cái khuôn của thể xác của nó. Khi bào thai đã lớn bằng kích thước của cái khuôn, phần lớn công việc của con tinh linh đã được hoàn tất, và nó tự lột ra lớp vỏ

bên ngoài của nó và phát triển hình dáng của cơ thể ở giai đoạn tiếp theo mà nó phải nhắm đến - kích thước, hình dáng và tình trạng của cơ thể đó phải ra sao (chỉ tính đến công việc của tinh linh) ở thời điểm mà con tinh linh dự định sẽ rời khỏi nó¹⁴. Tất cả những sự phát triển xa hơn nữa của thể xác sau khi con tinh linh rút lui sẽ nằm dưới sự điều khiển của chủ thể linh hồn.

Trong cả hai trường hợp này, con tinh linh chỉ dùng bản thân nó làm cái khuôn cho thể xác. Màu sắc của nó phần lớn đại diện cho các đặc điểm đã được tính toán để tạo ra một cơ thể mà nó phải xây dựng, và hình dáng của nó cũng đã được định sẵn cho linh hồn. Nó chỉ tồn tại cho nhiệm vụ của nó, và khi số năng lượng mà nó được cung cấp ban đầu (để giữ lấy hình thể của nó) đã cạn kiệt, nó sẽ không còn một sinh lực nào khác để kết nối các phân tử với nhau, và nó lập tức tan rã.

Con tinh linh này phải phụ trách lo cho cơ thể ngay từ ban đầu, nhưng đôi khi trước lúc chào đời, linh hồn cũng được cho phép tiếp xúc với nơi trú ngụ tương lai của y, và từ lúc đó trở đi, hai lực này làm việc song song với nhau. Đôi khi, con tinh linh được chỉ thị phải áp đặt một ít số đặc tính lên cơ thể rồi sau đó có thể rút lui ở tuổi khá trẻ và giao lại toàn quyền kiểm soát cơ thể cho linh hồn. Trong

14 Thời điểm này là ở khoảng từ 3 đến 7 tuổi cho một linh hồn thông thường, nhưng có thể sớm hơn cho các linh hồn tiến hóa hơn.

những trường hợp khác, khi có những giới hạn thuộc loại cần nhiều thời gian hơn cho sự phát triển của chúng, con tinh linh có thể giữ vị trí của mình cho đến khi cơ thể được bảy tuổi. Các linh hồn đều khác nhau rất lớn về sự quan tâm mà họ dành cho thể xác của mình, vì có một số thì lo lắng bay lượn chung quanh chúng ngay từ lúc đầu và bỏ ra rất nhiều công phu về chúng, trong khi một số khác hầu như bỏ mặc chuyện này.

Khi bào thai bị sảy, thông thường đó là vì không có một linh hồn nào đứng đằng sau nó và do đó không có con tinh linh. Có rất nhiều linh hồn muốn đầu thai và nhiều người trong số họ vẫn còn ở giai đoạn tiến hoá rất phôi thai nên họ có thể phù hợp với bất cứ môi trường nào. Họ có quá nhiều bài để học hỏi nên nó không quan trọng lắm là họ bắt đầu với bài học nào, và gần như bất cứ môi trường nào cũng có thể dạy cho họ một điều gì mà họ cần biết. Tuy nhiên ở một thời điểm nào đó, đôi khi cũng không có một linh hồn nào có thể lợi dụng được cơ hội đầu thai đặc biệt đó, và trong trường hợp đó, mặc dù cơ thể đã được hình thành đến một mức độ nào đó do tư tưởng của người mẹ, nhưng vì không có một linh hồn nào đến chiếm hữu nó, nó chưa bao giờ thực sự tồn tại.

Trong việc thiết lập một hình hài, con tinh linh lấy chất liệu dĩ thái mà nó cần từ bên trong cơ thể của người mẹ. Đó là một nguyên nhân tại sao người

mẹ phải thật cẩn thận trong thời gian cơ thể thai nhi đang được hình thành. Nếu bà mẹ chỉ cung cấp được những chất liệu tốt nhất và thanh khiết nhất có thể, con tinh linh sẽ bắt buộc chọn một trong các vật liệu đó. Một yếu tố khác có ảnh hưởng rất lớn đến bào thai là tư tưởng của người mẹ trong thời gian này, vì nó cũng có thể uốn nắn hình thù đang chậm chạp phát triển trong bà ta. Một lần nữa, điều này cho chúng ta thấy tại sao tư tưởng của người mẹ trong thời gian này phải đặc biệt thanh khiết và cao cả, tại sao bà phải tránh khỏi tất cả các ảnh hưởng thô鄙 hoặc phiến toái, tại sao bà chỉ nên vây quanh mình với những hình thể và màu sắc đẹp nhất và các hoàn cảnh hài hòa nhất.

Nếu con tinh linh không nhận được một chỉ thị nào về việc phát triển một vài cá tính đặc biệt trên đường nét của cơ thể, như một nét đẹp hoặc nét xấu bất bình thường, tư tưởng của người mẹ và những hình tư tưởng luôn bay lượn chung quanh bà mới có thể uốn nắn hình dáng của cơ thể đang phát triển. Nếu bà thường suy nghĩ về người chồng với một tình yêu nồng thắm, đứa bé sẽ có khả năng rất giống cha nó; ngược lại, nếu bà thường hay nhìn hình bóng của mình trong gương và nghĩ về bản thân mình nhiều hơn, có lẽ đứa bé đó sẽ nhìn giống bà nhiều hơn. Cũng như thế, nếu trường hợp xảy ra là bà luôn suy nghĩ với một lòng sùng tín và ngưỡng mộ đối với một người thứ ba nào đó, có lẽ đứa bé sẽ

giống người đó - lúc nào cũng giả định rằng con tinh linh không nhận được một chỉ thị nào đặc biệt về vấn đề này. Khi các đứa trẻ lớn lên, cơ thể của chúng sẽ bị ảnh hưởng phần lớn bởi tư tưởng của chúng, và nếu chúng khác rất nhiều với người mẹ, chúng ta thường thấy nhiều sự thay đổi khá lớn về ngoại hình, như một đứa trẻ lớn lên lại càng xinh đẹp trong một vài trường hợp và lại xấu đi trong những trường hợp khác theo thời gian. Châm ngôn “Nghĩ sao, ra vậy” rất đúng với cõi trần cũng như các cõi khác, và nếu tư tưởng của một người lúc nào cũng trầm tĩnh và điềm đạm, khuôn mặt của họ nhất định sẽ biểu lộ trạng thái đó.

Đối với một linh hồn rất tiến hoá, các giai đoạn ấu thơ đương nhiên rất buồn chán. Tôi nhớ rằng ông T. Subba Rao quá cố¹⁵ đã từng than phiền rất nhiều về nó khi ông lấy một cơ thể mới. Ông tuyên bố rằng, dù cho ông có làm gì đi nữa, ông cũng không thể nào bắt cơ thể nhỏ bé đó ngủ hơn 20 tiếng một ngày, và phần còn lại của thời gian, ông phải ngồi bên cạnh nó và nhìn nó cựa quậy và nghe những tiếng kêu la ú ớ của nó, và phải bị đút ăn qua nó bằng những loại đồ ăn nhão nhẹt và vô vị khác nhau! Đôi khi một người thật tiến hoá có thể quyết định tránh khỏi các điều này bằng cách hỏi một người khác nhường cho họ một cơ thể đã trưởng

15 Một nhà Thông Thiên Học nổi tiếng đồng thời với Bà Blavatsky

thành, một sự hy sinh mà bất cứ một đệ tử nào của Chân Sư cũng hoan hỷ làm cho Họ.

Tuy nhiên, phương pháp này có khuyết điểm của nó. Dù thời thơ ấu có nhằm chán bao nhiêu đi nữa, ít nhất theo cách này một người có thể tự lớn lên theo cơ thể của mình, vì nó gần như là một biểu lộ của y và hoà hợp với tất cả những cá tính riêng biệt nhỏ nhất của y; nhưng nếu y lấy một cơ thể trưởng thành, y sẽ thấy rằng nó có những tính chất khác biệt của nó, đã được hằn lên thành những thói quen khó thay đổi được. Ở một mức độ nào đó, nó sẽ là một lớp áo không vừa vặn và đòi hỏi một thời gian rất lâu để làm cho những rung động của nó hoà hợp với rung động của y. Một linh hồn xuống đầu thai phải luôn thích nghi với một lô hoàn cảnh mới, nhưng khi y được sinh ra theo cách bình thường thì ít nhất điều này có thể được thực hiện từ từ khi đứa trẻ lớn lên; nhưng khi một người lấy một cơ thể trưởng thành thì y phải lập tức thích nghi với tất cả các điều kiện mới này, thường là một việc rất khó khăn. Trong trường hợp này, y vẫn còn giữ thể vía và thể trí cũ của mình, nhưng dĩ nhiên vì chúng là đối phần của thể xác cũ của y, chúng phải học thích nghi với một dẫn thể mới. Một lần nữa, nếu hình hài đó là một đứa bé thì nó có thể được thực hiện từ từ, nhưng nếu đó là một hình thể của người lớn, nó phải lập tức được thi hành, có nghĩa đó là một sự căng thẳng lớn rất khó chịu.

ĐẶC ĐIỂM CÁ NHÂN

Tôi đã nghiên cứu nhiều trường hợp, và tôi nhận thấy rằng đối với một người bình thường, dường như có ít sự giống nhau liên tục về ngoại hình của một cá nhân từ kiếp này sang kiếp khác; tuy nhiên, tôi cũng biết vài trường hợp có một sự giống nhau cũng như có sự khác nhau rất lớn. Vì thể xác ở một mức độ nào đó là biểu lộ của linh hồn, và nó (linh hồn) vẫn là như thế, phải có một vài trường hợp mà nó sẽ biểu lộ dưới các hình thù tương tự; tuy nhiên, các đặc điểm về chủng tộc, gia đình và các phẩm tính khác thường vượt xa xu hướng này. Khi một cá nhân đã tiến hoá đến trình độ dẫn đến sự hợp nhất giữa phàm ngã và chân ngã, phàm ngã sẽ có xu hướng nhận được mọi ấn tượng về các đặc điểm của hình thể lỏng lẻo bên trong nhân thể, một dẫn thể tương đối là vĩnh hằng.

Khi một người đã là một vị Chân Tiên và tất cả nhân quả của ngài đã được giải quyết, thể xác là thể đại diện gần gũi nhất của hình dáng huy hoàng đó. Do đó, các vị Chân Sư lúc nào cũng dễ được nhận ra qua bao kiếp đầu thai. Tôi có đề ý rằng một trong số các vị Chân Sư vừa mới đạt được quả vị Chân Tiên nhìn không giống như các Vị khác, Ngài vẫn còn

giữ một vài nét thô kệch. Tôi chắc chắn rằng nó sẽ thay đổi trong lần đầu thai kế tiếp. Tôi nghĩ rằng cơ thể của các vị Chân Sư sẽ không thay đổi nhiều, thậm chí khi Họ chọn lấy một cơ thể khác và ngay cả một giống dân khác. Tôi đã từng nhìn thấy các mô hình của giống dân thứ bảy, chúng thật sự là đẹp lộng lẫy.

Hình dáng huy hoàng của nhân thể là một bước đến gần với mẫu hình của Thượng Đế, và con người sẽ đến gần hơn nữa khi y tiến hoá. Hình thể loài người có lẽ là mô hình của loài tiến hoá cao nhất trong thái dương hệ này. Nó có thay đổi đôi chút trên các bầu hành tinh khác, nhưng nói chung là hình thể loài người giống nhau trên đường nét đại cương. Các hình thể thuộc về các thái dương hệ khác có thể không giống nó, nhưng chúng tôi không có thông tin gì về điểm này.

CẦU NỐI VỚI KIẾN THỨC XƯA

Chúng tôi vẫn chưa biết điều gì chắc chắn về các định luật cai quản khả năng ghi lại các ấn tượng về chi tiết của các kiến thức từ kiếp trước lên bộ óc xác thịt của kiếp sau. Những bằng chứng hiện giờ trước mặt chúng ta dường như cho ta thấy rằng

những chi tiết nhỏ thường bị lãng quên, nhưng các nguyên tắc lớn lại có vẻ xuất hiện như là một điều hiển nhiên trong tâm trí. Có nhiều người trong số chúng tôi, khi đọc qua một cuốn sách Thông Thiên Học trong kiếp này, đã từng thốt lên rằng: “Đây đúng là những gì tôi luôn cảm thấy, nhưng tôi không biết làm sao diễn tả bằng lời!”. Trong một vài trường hợp, gần như họ có rất ít ký ức về quá khứ, nhưng khi giáo lý này vừa mới được trình bày thì nó lập tức được công nhận là đúng. Bà Besant với thân phận Hypatia chắc chắn đã biết rất nhiều về giáo lý Thông Thiên Học, mặc dù nó không hiện ra rõ ràng trong tâm trí của Bà trong thời kỳ bà đang theo đuổi lối suy nghĩ truyền thống hoặc quyền tự do suy luận trong kiếp này.

Nếu các truyền thuyết công khai trong nhân gian đáng được tin tưởng, thậm chí bản thân Đức Phật, người đã giáng phàm từ các cõi cao hơn với ý định rõ ràng để cứu nhân độ thế, cũng không biết gì về nhiệm vụ của Ngài sau khi Ngài nhập vào cơ thể mới của mình, và chỉ hồi phục lại tất cả các kiến thức này sau nhiều năm tìm kiếm chúng. Chắc chắn là Ngài có thể biết từ sớm nếu Ngài chọn như vậy, nhưng Ngài lại không chọn, Ngài chịu phục tùng quy tắc điều khiển chung cho mọi người.

Có lẽ có một cách giải thích khác trong trường hợp của Ngài. Cơ thể được sinh ra bởi Vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Maya có thể không được trú

ngụ bởi Đức Phật trong những năm đầu tiên. Ngài có thể làm việc như Đức Chúa đã làm: Ngài có thể hỏi một trong các vị đồ đệ của Ngài chăm sóc cơ thể đó thể cho Ngài cho đến khi Ngài cần nó, và có thể Ngài chỉ nhập vào nó ở giây phút mà nó ngất xỉu sau sáu năm khổ hạnh đi tìm chân lý. Nếu điều này đúng là như vậy, lý do Thái Tử Tất-Đạt-Đa không nhớ gì về tất cả những điều Đức Phật biết trước đó là bởi vì họ vốn không phải là cùng chung một người. Nhưng trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta có thể chắc chắn rằng linh hồn, vốn dĩ là con người *thật*, luôn nhớ những gì y đã học, nhưng không phải lúc nào y cũng có thể gây ấn tượng trên bộ não xác thịt mới mà không có sự trợ giúp gợi ý từ bên ngoài vào.

May mắn thay cho các môn đồ của chúng ta, dường như nó là một định luật bất biến khi một người đã chấp nhận sự thật về giáo lý huyền bí trong một kiếp thì họ sẽ luôn được tiếp xúc với nó trong kiếp sau và như vậy hồi sinh ký ức đang ngủ yên của mình. Tôi cho rằng chúng ta có thể nói là cơ hội tìm lại được chân lý là nhân quả của việc chấp nhận nó và thành khẩn cố gắng sống theo nó trong kiếp trước. Tuy nhiên, có khả năng là phần lớn những gì chúng ta hiện thời gọi là niềm tin đặc thù của giáo lý Thông Thiên Học sẽ là một kiến thức phổ thông được chấp nhận vào thời điểm khi chúng ta quay lại để tiếp tục công việc của mình ở cõi trần, nên chúng

ta có thể sẽ được giáo dục về nó như là một lẽ đương nhiên. Nếu là như vậy, sự khác biệt giữa những người đã học qua nó và những người chưa học sẽ là người đã học qua nó sẽ tiếp nhận nó một cách nhiệt tình và tiến bộ nhanh hơn, trong khi đối với người thứ hai, nó chỉ một môn khoa học hiện đại đối với một trí óc hoàn toàn chưa biết gì về môn học đó. Trong bất kỳ trường hợp nào, đừng ai cho rằng tất cả những lợi ích của sự học hỏi và công việc nặng nhọc của chúng ta, dù chỉ trong một lúc, có thể bị đánh mất đi.

KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC KIẾP SỐNG

Các môn sinh có một số hiểu lầm cụ thể về khoảng cách trung bình trôi qua giữa hai kiếp sống. Dường như chúng tôi đã hiểu lầm về thông tin được đưa ra về chủ đề này trong những ngày đầu tiên của Hội Thông Thiên Học, và những lời tuyên bố đó thậm chí đã được sao chép lại mà không được giải thích cặn kẽ trong những cuốn sách sau đó. Hầu hết các học sinh gần đây đã hiểu rõ không ít thì nhiều về sự thật của vấn đề này, nhưng theo tôi biết cho đến nay, không có gì giống như một bản liệt kê về

khoảng cách trung bình giữa hai kiếp sống đã được xuất bản cho các tầng lớp linh hồn khác nhau.

Ở cuối chương về cõi trời chân phúc (lúc đó được gọi là *devachan*) trong tác phẩm đồ sộ *Phật Giáo Bí Truyền* của ông Sinnett, có một câu tuyên bố là khoảng thời gian giữa cái chết và lần tái sinh kế tiếp khác nhau rất nhiều trong mỗi một trường hợp cá nhân, nhưng việc tái sinh dưới 1500 năm được coi gần như không thể xảy ra, trong khi thời gian nghỉ ngơi ở Devachan để thưởng cho một đời sống tốt lành đôi khi có thể kéo dài rất lâu. Tuyên bố này được đưa ra dựa trên các đoạn từ cùng một số lá thư mà phần còn lại của cuốn sách rất thú vị này đã được viết ra, và không ai có nghi ngờ gì về việc ông Sinnett đã tường trình lại rất chính xác những gì đã được tuyên bố cho ông biết. Một ý kiến tương tự như vậy cũng được đề xuất bởi Bà Blavatsky trong quyển *Giáo Lý Bí Truyền* (ii 317): “Hãy nhớ rằng, trừ trường hợp của các đứa trẻ và những người mà đời sống bị cắt đứt đột ngột do tai nạn, không có một *thực thể tinh thần* nào có thể đầu thai trước thời gian của nhiều thế kỷ đã trôi qua.”

Trước đây, chúng tôi đều cho rằng 1500 năm là khoảng cách trung bình giữa hai kiếp sống của nhân loại, nhưng các cuộc điều tra sau này đã cho chúng tôi thấy rõ rằng nó không phải chính xác là như vậy. Để cho lời tuyên bố này phù hợp với các dữ kiện được quan sát, nó phải có những giới hạn rất lớn

hoặc các điều kiện được mở ra để bao gồm rất rộng. Nếu chỉ giới hạn vào một nhóm nhỏ của những người tiến hóa nhất của nhân loại thì điều đó gần như là đúng; mặt khác, nếu nó được mở ra để bao gồm không chỉ loài người mà nguyên cả một khối đông thực thể của loài thiên thần, một lần nữa nó có thể đến khá gần với sự thật. Trong trường hợp của một đoạn được trích dẫn từ *Giáo Lý Bí Truyền*, danh từ *thực thể tinh thần* có thể được coi như là Bà Blavatsky đang nói về những người rất tiến hoá; nhưng đoạn văn từ *Phật Giáo Bí Truyền* lại cho chúng ta thấy con số 1500 năm gần như là tối thiểu.

Chúng tôi được cho biết là các lá thư mà dựa trên đó quyển *Phật Giáo Bí Truyền* được thực hiện đã được viết ra bởi một số các vị đệ tử khác nhau của các Chân Sư dưới sự chỉ đạo chung của Họ; do đó, trong khi nó sẽ có nhiều chỗ để cho những sai sót lên vào (như chúng ta biết là chúng đã xảy ra), thật khó giả định rằng người viết không biết gì về các dữ kiện mà có thể được nhìn thấy bởi bất cứ ai có thể nhãn thông để nhìn thấy được quá trình luân hồi. Chúng ta phải nhớ rằng các lá thư đó được viết không phải cho thế giới nói chung mà chỉ cho ông Sinnett và một vài người khác đang học hỏi với ông. Để tuyên bố rằng đó là con số trung bình *đối với họ* (ông Sinnett và bạn hữu) là khá chính xác và hợp lý, và có lẽ đó là việc đã xảy ra, nhưng chúng ta chắc

chấn không thể nào chấp nhận nó là một con số trung bình cho toàn thể nhân loại hiện thời.

Có lẽ chúng ta không thể nào đạt đến một con số trung bình chính xác thật sự bởi vì để làm được điều này, ít nhất ta phải cần biết con số trong mỗi một trường hợp của các tầng lớp khác nhau của Chân Thần. Chúng ta có thể đưa ra một con số đại khái cho mỗi một tầng lớp, tuy chúng ta phải nhớ rằng thậm chí sẽ có những khác biệt khá lớn đối với cá nhân ở mỗi tầng lớp.

Có ba yếu tố chính cần phải được cân nhắc: (1) tầng lớp mà linh hồn thuộc về, (2) phương pháp mà y đã đạt được cá nhân tính, và (3) tuổi thọ và bản chất của đời sống vừa qua của y. Chúng ta hãy nghiên cứu các tầng lớp khác nhau của nhân loại theo thứ tự của nó, sử dụng danh pháp của Bà Besant trong sơ đồ cho các Chân Thần của Dây Mặt Trăng trước đây.

Các Vị Chúa Tể Mặt Trăng. Đứng đầu trong danh sách này là những vị Chúa Tể Mặt Trăng - những người đã đạt được trình độ La-Hán ở một thời điểm nào đó trong quá trình tiến hoá của Dây Mặt Trăng. Đối với nhân loại đó, cũng như với các nhân loại khác, bảy con đường sẽ được mở ra trước mặt họ khi họ đạt được trình độ đã được chỉ định cho dây của họ, và trong trường hợp này, một trong những con đường đó đã đưa một số các vị Chúa Tể

Mặt Trăng đến Dây Địa Cầu để chỉ đạo trong những giai đoạn đầu của quá trình tiến hoá của nó. Tuy nhiên, tất cả các vị này đã sớm đạt được quả vị Chân Tiên từ lúc đó, và vì vậy chúng ta không cần tính đến họ khi xem xét chủ đề hiện tại của chúng ta.

Những người hạng nhất của dãy Mặt Trăng.

Tầng lớp kế tiếp là những người hạng nhất của dãy Mặt Trăng, và đây là một tầng lớp rất đông đảo và đa dạng nên chúng ta cần phải thảo luận về họ theo từng tầng lớp phụ như đã được thực hiện trong chương về các Chân Thần từ dãy Mặt Trăng.

Tầng lớp (phụ) thứ nhất và thứ nhì (1&2). Tầng lớp phụ thứ nhất, như đã được liệt kê, bao gồm những người ngay từ lúc ở dãy mặt trăng đã đặt chân lên đường Đạo. Tầng lớp thứ nhì bao gồm những người đã cá nhân hoá ở vòng tuần hoàn thứ tư của dãy mặt trăng. Trong chương này, chúng ta không cần phải cứu xét lại một trong hai tầng lớp này bởi vì thành viên của họ đã đạt được quả vị Chân Tiên từ lâu và do đó, câu hỏi về luân hồi và các khoảng cách giữa các kiếp đã không còn quan trọng đối với họ nữa.

Những người đã cá nhân hoá ở vòng tuần hoàn thứ năm của dãy Mặt Trăng. Trong số này, những người đã đi trên đường Đạo thường trải qua một chuỗi các kiếp sống liên tục sát nhau nên do đó đối

với họ, câu hỏi về khoảng cách giữa các kiếp sống không cần được nêu ra. Tuy nhiên, nếu vì một lý do nào đó mà họ chưa trải qua một chuỗi những kiếp đầu thai liên tục như vậy, như thường xảy ra sau cuộc điếm đạo, khoảng cách giữa 2 kiếp sống của họ có lẽ là rất lâu - ít nhất khoảng 1500 năm đến 2000 năm, hoặc thậm chí lâu hơn. Mặc dù điều này ít khi xảy ra hơn là các chuỗi đầu thai liên tục, nhưng đôi khi nó có xảy ra, vì trong các trường hợp mà chúng tôi biết về những người đã vượt qua lần điếm đạo đầu tiên khá lâu trước đây, có một linh hồn đã đầu thai liên tục ở cõi trần gần như không ngừng nghỉ từ lúc đó; trong khi một linh hồn khác đã xa lánh đời sống trần tục đến 2300 năm, nhưng thành quả tiên bộ của họ trên đường Đạo dường như vẫn ngang nhau.

Sự phân chia các giai đoạn của kiếp sống trong một khoảng cách dài như vậy hẳn khác nhau đáng kể trong nhiều trường hợp. Thời gian lưu lại trên cõi trung giới là ngắn, thậm chí linh hồn có thể lướt qua nó một cách rất nhanh và không có ý thức. Hầu hết khoảng thời gian sẽ trôi qua ở cảnh cao nhất của cõi trời chân phúc, và sau khi nó chấm dứt, y sẽ có một phần của đời sống tỉnh thức trong nhân thể trước khi đi xuống đầu thai. Giai đoạn của đời sống linh hồn ở chính cõi của nó chỉ chiếm 1/10 toàn bộ thời gian giữa hai kiếp sống. Tuy nhiên một lần nữa, đây là

một vấn đề mà không có hai trường hợp nào giống nhau.

Trong trường hợp của những người đang tiến gần đến đường Đạo, khoảng cách giữa hai kiếp sống của họ nói chung không dài hơn 1200 năm nếu linh hồn đã cá nhân hoá từ từ bằng sự phát triển trí tuệ và do đó sẽ trải nghiệm hạnh phúc ở tốc độ bình thường. Tuy nhiên, nếu một linh hồn đã cá nhân hoá đột ngột bằng một cảm xúc vỡ bờ hoặc bằng một ý chí phi thường, y sẽ hưởng thụ niềm phúc lạc đó ở một cường độ mãnh liệt hơn, và khoảng cách giữa hai kiếp sống của y sẽ là khoảng 700 năm. Cả hai loại linh hồn này ít có xu hướng ở lại cõi trung giới lâu, đối với họ có lẽ 5 năm là đại diện cho một đời sống tương đối trung bình ở cõi trung giới. Ở cuối đời sống ở cõi trời chân phúc, linh hồn sẽ có một giai đoạn sống có ý thức ở chính cõi của y, nhưng khoảng thời gian này sẽ không vượt quá nửa thế kỷ tối đa.

Trong những kiếp sống gần đây hơn của họ, chúng tôi khám phá ra rằng họ có khuynh hướng lấy khoảng cách trung bình 1200 năm để đầu thai kế tiếp trong các giống dân phụ khác nhau. Thông thường, chúng ta sẽ thấy họ trải qua hai kiếp sống trong cùng một giống dân phụ, trước nhất là đàn ông và sau đó là đàn bà, hoặc ngược lại.

Định mệnh của mỗi người khác nhau rất nhiều. Một số sẽ trải qua kiếp này đến kiếp khác một cách

đều đặn, nhưng không có điều gì đặc biệt xảy ra đối với họ. Một số khác lúc nào cũng gặp nhiều rắc rối, hết cú sốc này đến cú sốc khác, nhưng cả hai đều tiến bộ theo đường lối tốt nhất cho họ. Điều thường xảy ra là nếu một người chết sớm, y sẽ tái sinh trong cùng một giống dân phụ, và khi y đã đi qua hai vòng trong cùng một giống dân phụ, y thường lấy một giới tính khác trong lần hành trình thứ hai. Nói chung, người Ấn độ đại diện cho giống dân phụ đầu tiên của giống dân chính Aryans, người Á-rập giống dân phụ thứ hai, người Parsis (người Ba-tư) giống dân phụ thứ ba, các quốc gia Romance (vùng Nam Mỹ) giống dân phụ thứ tư, và người Teutons (người Âu Châu) giống dân phụ thứ năm. Nếu một người sinh ra ở Pháp, y không cần phải sinh ra ở Ý hoặc Tây Ban Nha, và điều này cũng đúng cho Đức và Anh quốc.

Các học sinh lấy khoảng cách 700 năm để tái sinh dường như có thói quen gắn bó với một giống dân phụ và thường quay lại nó bất cứ lúc nào khi có thể, và họ chỉ thỉnh thoảng đi vào một giống dân phụ khác để phát triển những phẩm tính đặc biệt. Theo quy tắc chung thì các kiếp đầu thai liên tục vào cùng một giống dân sẽ tăng cường các đặc điểm của nó, nên trạng thái cân bằng được thực hiện bằng cách đầu thai trong nhiều giống dân khác nhau hoặc bằng cách du lịch và sống giữa các giống dân khác nhau. Trong vấn đề này, sở thích riêng của mỗi linh

hồn đóng một vai trò khá quan trọng. Tôi đã từng đề cập ở một chỗ khác là vì trong tâm của người Do Thái chấp rằng họ là một chủng tộc ưu tú được Thượng Đế chọn lựa nên họ thường quay lại trong cùng một giống dân, và niềm tự hào về chủng tộc, nếu nó mãnh liệt theo một cách bất bình thường, có thể hướng dẫn linh hồn tái sinh theo đường lối như thế.

Ngay cả niềm tự hào về gia tộc cũng không phải là không có hậu quả, và tôi đã từng biết về nhiều trường hợp mà khi nó được phát triển một cách bất bình thường, nó đã đưa linh hồn quay lại dòng dõi hậu duệ của y hai hoặc ba lần trước khi y được phóng thích. Khi bắt đầu các cuộc điều tra này, chúng tôi được cho biết rằng có một quy luật chung là một con người thông thường không lấy ít hơn ba và không nhiều hơn là bảy kiếp đầu thai trong cùng một giới phái trước khi chuyển qua một giới phái khác. Mặc dù những cuộc nghiên cứu của chúng tôi đã chứng minh quy tắc chung này một cách khá tốt, chúng cũng cho chúng tôi thấy một số trường hợp ngoại lệ. Có một số người đã từng lấy một loạt kiếp đầu thai rất lâu trong một giới phái trước khi chuyển qua giới phái kia, và một số khác trong một khoảng thời gian lại luân phiên thay đổi cơ thể đàn ông và đàn bà với nhau; nhưng hầu hết số này là các linh hồn này đã tiến bộ hơn trung bình và do đó có lẽ được đối đãi đặc biệt.

Đương nhiên không có một sự chần chừ nào trong việc thay đổi quy tắc chung để cho hợp lý với một số trường hợp đặc biệt, khi nó được thấy là tốt vì bất cứ lý do gì. Mặc dù các định luật cai quản sự luân hồi được cho phép hoạt động một cách máy móc với phần đông các linh hồn còn kém tiến hoá, nhưng có vẻ rõ ràng từ các trường hợp được quan sát là ngay khi một linh hồn đã đạt được một chút tiến bộ về bất cứ điều gì và do đó có nhiều triển vọng để tiến hoá, một sự uyển chuyển đáng kể được đưa vào trong sự sắp xếp và trong các giới hạn nhất định nào đó, y được sinh ra trong một giới tính, một giống dân và các điều kiện thích hợp tốt nhất hầu mang lại cho y một cơ hội cải thiện những khuyết điểm trong cá tính của y.

Trong trường hợp của những người đã phát triển rất cao về nghệ thuật, khoa học hoặc tôn giáo, khoảng cách giữa hai kiếp sống thông thường cũng giống nhau, mặc dù cách phân chia các giai đoạn có thể khác nhau một chút. Xu hướng nói chung là thời gian cư ngụ ở cõi hạ trí sẽ lâu hơn và một đời sống trong nhân thể ngắn hơn, nhất là trong trường hợp của những người thiên về tôn giáo và nghệ thuật. Một nhà hiền triết vĩ đại đôi khi sẽ kéo dài cuộc sống của y ở cõi trời chân phúc rất lâu. Tôi nhớ rằng Bà Blavatsky ở đâu đó đã từng tuyên bố rằng ông Pluto sẽ có thể xa lánh cõi trần ít nhất mười

ngàn năm, mặc dù tôi cho rằng đây là một trường hợp hoàn toàn ngoại lệ.

Những người đã cá nhân hoá ở vòng tuần hoàn thứ sáu của dãy mặt trăng - (ví dụ tiêu biểu là các nhà quý tộc miền quê và các nhà chuyên gia).

Khoảng cách của họ khác nhau rất nhiều, từ 600 năm cho đến 1,000 năm, trong đó có lẽ 20 - 25 năm có thể được trải qua ở cõi trung giới và phần còn lại ở các giai đoạn khác nhau ở cõi thượng giới. Có lẽ linh hồn họ có một chút ý thức ở cõi của nó, nhưng chỉ là một chút.

Những người đã cá nhân hoá ở vòng tuần hoàn thứ bảy của dãy mặt trăng - Tầng lớp trung lưu cao cấp.

Tầng lớp này nói chung có một khoảng cách giữa các kiếp sống có lẽ khoảng 500 năm, trong đó khoảng 25 năm được sống ở cõi trung giới và phần còn lại ở cõi thượng giới. Trong trường hợp của họ thì không có một đời sống tỉnh thức nào trong nhân thể, mặc dù dĩ nhiên cũng như mọi người khác, họ cũng có một chớp loé lên về ký ức và một cái nhìn tiên tri lúc nào cũng được ban cho mỗi linh hồn khi y chạm đến chính cõi của mình giữa hai kiếp sống.

Hạng người thứ nhì của dãy Mặt Trăng -
Tầng lớp tư sản

Khoảng cách giữa hai kiếp sống thông thường là 200 đến 300 năm, trong đó khoảng 40 năm được trải qua ở cõi trung giới và phần còn lại ở những cảnh thấp hơn của cõi thượng giới.

Trong tầng lớp này cũng như mọi tầng lớp khác, họ có thể cá nhân hoá qua đường lối trí tuệ hoặc tình cảm, và họ cũng có một khoảng cách tương xứng khác nhau giữa hai kiếp đầu thai liên tiếp, nhưng trong tất cả các tầng lớp thấp hơn này, sự khác biệt về khoảng cách giữa các kiếp sống dựa trên phương pháp cá nhân hoá là ít hơn nhiều trên tỷ lệ so với các tầng lớp cao hơn.

Người - Thú của dãy Mặt Trăng

Những người tiên phong của vòng tuần hoàn thứ nhất của dãy địa cầu hiện thời được đại diện bởi các nghệ nhân (công nhân có tay nghề giỏi) của thế giới. Những người như vậy thường có một khoảng cách giữa các kiếp sống từ 100 năm đến 200 năm, trong đó khoảng 40 năm được sống ở tầng giữa của cõi trung giới, và phần còn lại ở một vài cảnh thấp hơn của cõi thượng giới.

Con thú hạng nhất của dãy mặt trăng - Tầng lớp lao động kém tay nghề hiện nay

Khoảng cách giữa kiếp sống của họ thay đổi từ 60 đến 100 năm, trong đó từ 40 đến 45 năm được trải qua ở cảnh thấp hơn của cõi trung giới, và phần còn lại ở cảnh thấp nhất của cõi thượng giới.

Con thú hạng nhì của dãy mặt trăng - Những kẻ bợm rượu và thất nghiệp.

Những người như vậy thường vắng bóng trên cõi Trần khoảng 40 đến 50 năm, khi họ dùng toàn bộ thời gian đó ở cõi trung giới, thường là ở cảnh kế cảnh thấp nhất.

Con thú hạng ba của dãy mặt trăng - Căn bã của nhân loại.

Khoảng cách giữa các kiếp của họ thông thường là khoảng 5 năm ở cảnh thấp nhất của cõi trung giới, trừ khi họ bị trói buộc vào cõi trần vì trọng tội, một việc cũng thường hay xảy ra.

Trong tất cả các trường hợp được nhắc đến bên trên, có một sự khác biệt cụ thể được tạo ra giữa các phương pháp cá nhân hoá, nhưng tỷ lệ khác nhau của nó ít hơn nhiều trong các tầng lớp thấp hơn. Tuy nhiên, nói chung những người đã cá nhân hoá qua trí khôn luôn có khuynh hướng lấy một khoảng thời

gian lâu hơn giữa hai khoảng cách đã được nhắc đến, trong khi những người cá nhân hoá theo đường lối khác thường lấy một khoảng cách ngắn hơn.

Yếu tố thứ ba có ảnh hưởng lớn trên khoảng cách giải lao là tuổi thọ và bản chất của đời sống cá nhân. Đương nhiên một linh hồn khi lìa bỏ thể xác vào tuổi thơ ấu chưa có cơ hội để tạo ra một lực tinh thần đủ mạnh để giữ y ở các cõi cao hơn trong khoảng thời gian dài thuần tuý cho tầng cấp của y. Vì vậy nói chung, một người chết sớm sẽ có một khoảng cách ngắn hơn là hàng xóm của y được sống đến tuổi già. Lại nữa nói chung, một người chết trẻ sẽ trải qua phần lớn thời gian ở cõi trung giới bởi vì phần đông những tình cảm mãnh liệt cần phải được giải quyết ở cõi trung giới thường được tạo ra trong phần đầu của kiếp sống trần tục, trong khi những năng lượng tinh thần trở kết quả của nó nơi cõi thượng giới thường chỉ xảy ra trong đoạn cuối hoặc gần cuối thời gian kiếp sống ở cõi trần.

Cá tánh của một người trong đời sống thể gian là một yếu tố rất quan trọng. Một số người tuy sống lâu nhưng lại ít tạo ra một thứ gì giống như là lực lượng tinh thần, và điều này đương nhiên sẽ thu ngắn lại khoảng cách giữa các kiếp sống của họ và giảm nó xuống thấp hơn là thông thường cho tầng lớp của họ. Cũng có thể trong trường hợp như vậy, một tỷ lệ đáng kể của khoảng thời gian giải lao này sẽ được trải qua ở cõi trung giới. Vì vậy, các con số

trung bình được đưa ra *chỉ là* những ước lượng trung bình, và người ta phải hiểu rằng có một phạm vi biến đổi khá lớn ở hai bên con số trung bình đó, nên các tầng lớp khác nhau có thể chồng chéo lên nhau ở mức độ đáng kể.

Gần đây, chúng tôi mới hiểu được tầm quan trọng của sự ràng buộc tình cảm mãnh liệt trong vấn đề này. Từ sự nghiên cứu của chúng tôi về các kiếp trước, chúng tôi thấy rõ ràng là các linh hồn thường có sự kết nối chặt chẽ với nhau trong một gia đình hay một nhóm, và mối liên hệ này nói chung thường làm cân bằng các khoảng cách giữa các kiếp sống của những thành viên trong nhóm. Rõ ràng nó được coi là điều cần thiết để chuẩn bị cho họ làm việc trong tương lai với nhau qua mối quan hệ liên tiếp trong quá trình tiến hoá của họ, và nó được biểu lộ bằng cách là các khoảng cách mà lẽ ra phải là ngắn hơn hoặc dài hơn đã được giải quyết hầu toàn bộ cả nhóm được đem vào đầu thai với nhau, không chỉ một lần mà rất nhiều lần.

Điều này đương nhiên đòi hỏi một sự gia tăng hoặc suy giảm về tốc độ mà lực lượng tinh thần được tiêu xài, và rõ ràng điều này là một vấn đề được kiểm soát rất cẩn thận bởi những Vị có thẩm quyền điều khiển quá trình tiến hoá. Mặc dù chúng tôi chưa khám phá ra được chính xác quy luật nào cai quản nó, nhưng chắc chắn khi chúng ta khám phá ra nó, chúng ta sẽ thấy rằng nó làm việc một

cách tự động để đạt được một kết quả tối đa mà không đem lại một sự bất công gì cho bất cứ cá nhân nào có liên quan trong đó.

Dường như có một loại học sinh lúc nào cũng muốn tìm ra cho được một sự bất công nào đó trong sự hoạt động của guồng máy tiến hoá; nhưng những người đã bỏ ra nhiều năm nghiên cứu các định luật thiên nhiên ngày càng biết chắc rằng sự bất công là một điều không thể xảy ra khi họ tiếp tục nghiên cứu, và nếu có bất cứ một trường hợp nào mà chúng ta nghĩ rằng mình phát hiện ra nó, đó chỉ là vì kiến thức của chúng ta còn chưa hoàn hảo. Những người đã điều tra những bí ẩn của thiên nhiên rất sâu chính là những người đã xác định một cách chắc chắn rằng VỊ làm ra tất cả mọi thứ này đều làm chúng rất hoàn mỹ.

CHƯƠNG III

LUẬT NHÂN QUẢ

LUẬT CÂN BẰNG

Khi chúng ta nghiên cứu đời sống của một người, chúng ta phải tính đến 3 lực chính yếu, tất cả đều tương tác và hạn chế lẫn nhau: (1) áp lực đều

đạo của luật tiến hoá, (2) luật nhân quả mà chúng ta gọi là karma (nghiệp lực), và (3) ý chí tự do của con người. Như chúng ta đã thấy, tác động của lực tiến hoá không quan tâm đến hạnh phúc hay đau khổ của một cá nhân mà chỉ quan tâm đến sự tiến bộ của y, hoặc đúng hơn là cơ hội để y tiến bộ. Người ta có thể nói rằng nó hoàn toàn không để tâm đến việc liệu con người có hạnh phúc hay không, và đôi khi nó ép y vào trong một hoàn cảnh này hoặc hoàn cảnh kia, dựa trên sự tính toán tốt nhất để mang lại cho y cơ hội phát triển một đức hạnh cụ thể nào đó mà y hiện đang mài dũa. Nghiệp lực xuất hiện như là một biểu lộ của hành động từ ý chí tự do của con người trong quá khứ. Y đã tích lũy nhiều năng lực để gia tăng hoặc giới hạn cơ hội của lực tiến hoá trong hoạt động của nó. Thêm vào đó, việc y sử dụng ý chí tự do của mình như thế nào trong hiện tại là yếu tố thứ ba.

Lý thuyết của luật nhân quả giải thích rằng sự tiến bộ và một đời sống tốt đẹp là kết quả của hành động tốt, nhưng đừng bao giờ nhầm lẫn ý nghĩa chính xác của hành động tốt và đời sống tốt là như thế nào. Mục đích của toàn bộ kế hoạch, như nó có liên quan đến chúng ta, là sự tiến hoá của nhân loại; do đó, người hành động tốt nhất là người biết giúp đỡ cho sự tiến hoá của người khác cũng như cho bản thân mình. Một người làm được việc này trong khả năng và cơ hội tốt nhất mà y có thể làm trong

một kiếp chắc chắn sẽ có được nhiều quyền năng và cơ hội hơn trong kiếp sau. Những điều này có thể đi chung với tài phú và quyền lực, vì sở hữu những thứ này thường ban những cơ hội cần thiết, nhưng chúng không phải là phần cần thiết của luật nhân quả và đây là một điều thật quan trọng để chúng ta ghi nhớ, rằng kết quả của việc làm hữu ích luôn là cơ hội mang đến nhiều khả năng phục vụ lớn và rộng rãi hơn, nên chúng ta không nên coi những thứ đôi khi đi chung với cơ hội đó là quà thưởng cho việc làm trong kiếp trước.

Người ta thường tự động tránh dùng những từ như khen thưởng và trừng phạt bởi vì chúng dường như ám chỉ một sự tồn tại của một thực thể vô trách nhiệm đằng sau bối cảnh, ban bố thưởng phạt tùy ý. Chúng ta sẽ có một ý tưởng chân thật hơn về cách thức hoạt động của luật nhân quả nếu chúng ta nghĩ về nó như là một sự điều chỉnh cần thiết của trạng thái cân bằng đã bị xáo trộn bởi hành động của chúng ta - như một thứ minh họa cho luật tác động và phản ứng lúc nào cũng phải cân xứng với nhau. Nó cũng sẽ giúp đỡ rất nhiều cho suy nghĩ của chúng ta nếu chúng ta cố gắng có một cái nhìn rộng rãi hơn về nó, từ quan điểm của những người điều hành luật lệ của nó thay vì từ quan điểm của chúng ta.

Mặc dù luật pháp sớm hay muộn chắc chắn *phải* mang đến cho mỗi người kết quả của chính

hành động của họ, nó không cần phải vội vã tức thì. Trong những dự định của vĩnh cửu lúc nào cũng có đủ thì giờ, và mục tiêu chính yếu là sự tiến hoá của nhân loại. Vì vậy, người chứng tỏ mình là một dụng cụ sẵn sàng và hữu dụng cho việc thúc đẩy sự tiến hoá luôn nhận được “quà thưởng” là cơ hội để giúp thêm cho sự tiến hoá, và như vậy khi làm tốt cho người khác, họ đang làm những điều tốt nhất cho mình. Dĩ nhiên, nếu động cơ để họ hành động như vậy là vì sự tiến hoá của bản thân, chính sự ích kỷ của tư tưởng đó sẽ phá hỏng hành động và thu hẹp lại kết quả của nó; nhưng nếu họ thật sự quên mình và cống hiến năng lực của họ vào mục tiêu duy nhất là hỗ trợ cho công việc vĩ đại, ảnh hưởng lên tương lai của họ chắc chắn sẽ được như đã định.

Một sự phản đối dứt khoát phải được đề ra ít nhất một lần để chống lại giả thuyết cho rằng sự đau khổ là điều kiện cần thiết cho sự tiến bộ về mặt tinh thần. Tập thể dục là điều kiện để có một thể lực mạnh khoẻ, nhưng nó không nhất thiết phải là một sự tập dợt đau đớn; hãy đi bộ hàng ngày nếu bạn thích, một người không cần phải tự hành hạ mình trên máy chạy bộ để phát triển các cơ bắp ở chân. Để có sự tiến bộ tinh thần, con người phải phát triển đức hạnh, lòng vị tha, tính tử tế - có nghĩa là, y phải học sống hòa hợp theo quy luật vĩ đại của vũ trụ. Nếu y tự nguyện làm điều này, không có đau khổ gì có thể đến với y từ sự cảm thông với người khác.

Cho dù hiện giờ phần đông nhân loại đều từ chối làm điều này, và khi họ chống đối với luật cao cả thì đau khổ sẽ theo sau và kết quả cuối cùng của những trải nghiệm như vậy sẽ thuyết phục họ rằng con đường của tội lỗi và ích kỷ là con đường đại dột. Trong những trường hợp như vậy, đúng là đau khổ sẽ đem đến tiến bộ theo *nghĩa* đó. Tuy nhiên, chỉ vì chúng ta cố tình chống lại luật nhân quả và do đó tự chuốc lấy đau khổ cho chính mình, chúng ta thật sự không có quyền phỉ báng quy luật vĩ đại của vũ trụ bằng cách nói rằng nó đã sắp xếp sự việc tồi tệ đến nỗi không có một sự tiến bộ nào có thể đạt được mà không có sự khổ đau. Thực tế là nếu con người muốn, y có thể tiến bộ nhanh hơn nhiều mà không cần phải đau khổ.

Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng bất cứ ai đã nhận ra được mục đích huy hoàng nằm ở trước mặt chúng ta thì họ sẽ không thể nào hạnh phúc hoàn toàn cho đến khi họ đạt được mục đích đó, và những khuyết điểm trong bản thân họ sẽ luôn là nguồn gốc của sự bất mãn. Bây giờ, ngay cả sự bất mãn cũng là một hình thức khác của sự đau khổ và không ai có thể hy vọng được giải thoát cho đến khi nào các vết đó đã được tẩy sạch. “*Thượng Đế ơi, Ngài đã tạo chúng con ra cho Ngài, và trái tim của chúng con sẽ mãi bất an cho đến khi nào chúng được yên nghỉ trong Ngài.*”

Liệu chúng ta có cảm thấy an ủi hay không khi biết rằng mọi khổ đau mà con người phải chịu đựng đều là xứng đáng là một vấn đề về quan niệm, nhưng nó không thay đổi được một sự thật chắc chắn rằng trừ phi thật sự xứng đáng, đau khổ không thể nào đến với chúng ta. Thật đáng tiếc khi có quá nhiều người ôm một thái độ hết sức phi lý và trẻ con rằng bất cứ một ý kiến gì không đồng điệu với những định kiến môn phái đặc thù của họ đều không thể nào đúng. Những người thiếu hiểu biết thường nói rằng: “Những lý thuyết Thông Thiên Học về nhân quả đối với tôi dường như không thoải mái bằng ý tưởng của đạo Công Giáo về sự tha thứ mọi tội lỗi,” hoặc “thế giới thiên đàng của Thông Thiên Học không có vẻ thực và đẹp như của người Công Giáo, vì thế tôi sẽ không tin vào nó.”

Rõ ràng là những người này, những kẻ đáng tội nghiệp, nghĩ rằng những thứ gì họ thích và không thích là đủ để thay đổi các định luật trong vũ trụ, và những gì họ không chấp nhận thì không thể nào tồn tại được trên bất cứ cõi nào. Tuy nhiên, chúng tôi đang tham dự vào việc nghiên cứu các chân lý của sự hiện hữu, vốn không thể nào bị sửa đổi bởi vì ông này hay bà nọ muốn tin rằng chúng phải khác đi với thực tế. Nếu bất cứ ai cũng có thể là một nạn nhân vô tội thì sẽ không có điều gì chắc chắn về sự vận hành của luật nhân quả ở bất cứ nơi đâu trong vũ trụ, và điều này còn đáng sợ hơn đối với chúng ta

so với việc phải giải quyết hậu quả của bất kỳ số lượng tội lỗi nào mà ta đã vi phạm trong kiếp trước. Không ai có thể nhấn mạnh quá mức rằng luật nhân quả *không* phải là một sự trả thù cay cú của một vị thần linh tức giận nào đó, mà nó chỉ đơn giản là kết quả tự nhiên và tất yếu theo sau nguyên nhân của nó, tuân thủ theo hoạt động của định luật vũ trụ.

Mỗi cá nhân đều phải thanh toán tất cả các món nợ mà y đã tạo ra, và một sự công bằng tuyệt đối nhất định sẽ được thi hành với mỗi cá nhân, nhưng không phải chỉ vì mục đích này mà một nhóm linh hồn khổng lồ phải thường xuyên gặp gỡ nhau trong các kiếp đầu thai liên tiếp. Nếu một người thúc đẩy hoặc cản trở sự tiến hoá của một người khác một cách nghiêm trọng, nếu y làm bất cứ một điều gì để gây ra một kết quả rõ rệt hoặc lâu dài trên người kia, khả năng chắc chắn là hai người sẽ phải gặp nhau một lần nữa để món nợ đó có thể được điều chỉnh. Rõ ràng là điều này có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau.

Một người sát hại một người khác đôi khi đến lượt y cũng có thể bị giết trong một kiếp khác, nhưng y có thể huỷ bỏ nghiệp quả này một cách thoả đáng hơn nếu trong kiếp tới, y tình cờ có cơ hội để cứu nạn nhân cũ của mình bằng cái giá của chính mạng sống y. Dường như đôi khi y có thể trả món nợ đó mà không cần phải mất đi tính mạng của chính mình, vì theo nhiều đường dây của các kiếp

sống đã được điều tra, chúng tôi đã tìm thấy được ít nhất một trường hợp mà kẻ sát nhân hiển nhiên đã chuộc hết tội lỗi của mình bằng cách nhẫn nại cố gắng hết cuộc đời sau của y để phục vụ cho người mà y đã sát hại trong kiếp trước.

Có rất nhiều nghiệp không quan trọng dường như được gộp chung vào một cái có thể được mô tả là một kho nghiệp tổng quát. Một cậu học trò nghịch ngợm nhéo người bạn cùng lớp của mình chắc chắn sẽ không phải gặp lại người đó một ngàn năm sau dưới một bầu trời khác để bị nhéo lại bởi người đó, mặc dù ta không cần nghi ngờ rằng thậm chí trong cả chuyện nhỏ nhất đó, một sự công bằng hoàn mỹ sẽ được thực hiện đối với cả hai. Khi chúng ta trải qua một kiếp sống, chúng ta luôn rải những hành động tử tế nhỏ nhất đến những người mà chúng ta gặp; nhiều khi chúng ta cũng gây ra những tổn thương nhỏ nhất về thân, khẩu, ý đối với họ một cách bất cẩn và thường là vô ý thức. Mỗi điều này đều mang lại quả báo tốt hay xấu cho chúng ta, và mặc dù chúng ta không biết, chúng ta cũng là những nhân viên của luật nhân quả trong chính những hành động đó. Những điều tử tế nhỏ nhất mà chúng ta làm sẽ là một thất bại nếu người nhận chúng không xứng đáng với sự giúp đỡ nhiều như thế. Nạn nhân của một sự coi thường vô ý thức sẽ không để ý đến nó nếu như không có gì trong quá khứ của y xứng đáng với một quả báo nào như vậy.

Thật không phải dễ dàng để vạch ra ranh giới giữa hai loại nghiệp lực: (1) loại cần phải được điều chỉnh bởi một cá nhân, và (2) loại đi vào nghiệp tổng quát. Chắc chắn là bất cứ một điều gì có ảnh hưởng nghiêm trọng đến người khác phải thuộc về loại thứ nhất, và những rắc rối nhỏ nhất trong cuộc sống thuộc về loại thứ hai, nhưng chúng ta hiện thời không có cách nào biết được chính xác một hành động phải tạo ra ảnh hưởng nhiều cỡ nào để có thể được xếp vào loại thứ nhất.

Chúng ta phải nhớ rằng có một số nghiệp lớn và quan trọng nhất mà không bao giờ có thể được thanh toán theo tư cách cá nhân. Qua tất cả các kiếp sống của chúng ta, trong quá khứ và vị lai, không có lợi ích nào lớn hơn lợi ích mà các vị Chân Sư đã ban cho chúng ta, đó là cơ hội được tiếp xúc với giáo lý Thông Thiên Học; tuy nhiên, đối với cá nhân các Ngài, chúng ta hoàn toàn không thể nào hoàn trả được món nợ này, vì các Ngài đã vượt xa nhu cầu của bất cứ điều gì mà chúng ta có thể làm. Tuy nhiên, ngay cả món nợ tuyệt vời này cần phải được giải quyết cũng như tất cả những phần còn lại, và cách duy nhất mà chúng ta có thể trả ơn là truyền bá kiến thức này cho người khác. Vì vậy, chúng ta thấy rằng đây là một loại nghiệp có thể được cho rằng sẽ đi vào nghiệp tổng quát, mặc dù nó hoàn toàn không đúng theo nghĩa trước.

Có người hỏi: “Nếu nghiệp quả của một người là mắc bệnh ban đỏ (scarlet-fever), nó sẽ xảy ra bằng cách nào?”

Theo ý của người đặt ra câu hỏi, tôi không nghĩ rằng bệnh ban đỏ có bao giờ thật sự là nghiệp của một người. Trong một kiếp nào đó, y mang nghiệp phải chịu một số đau đớn về thể chất như là hậu quả của hành động trong các kiếp trước của y. Nếu vi khuẩn bệnh ban đỏ xảy ra ngay lúc y ở trong tình trạng dễ bị nhiễm, nó có thể được cho phép nhập vào y, và phần của món nợ đau đớn đó có thể được giải quyết theo cách này; nhưng nếu con vi khuẩn đó không có hiện diện ngay lúc đó, một loại khác thuộc về bệnh dịch tả hoặc lao phổi cũng có thể làm được như vậy, hoặc thay vì một bệnh dịch thì có thể là một tai nạn gãy tay hay gãy chân xảy ra do một vỏ cam nằm trên lề đường hoặc do một chiếc xe hơi đi qua.

Tôi biết có những cuốn sách ghi xuống rất rõ ràng về chính xác loại quả báo nào sẽ xảy ra sau một hành động cụ thể - chẳng hạn như, nếu có một người thô lỗ với cha mình trong một kiếp thì y sẽ bị què ở chân phải khi đầu thai trong kiếp tới, trong khi nếu đó là người mẹ mà y nặng lời thì chân trái của y sẽ bị ảnh hưởng, v.v... Nhưng trong tất cả các kiếp sống mà chúng tôi đã kiểm tra để nghiên cứu về hoạt động của luật nhân quả, chúng tôi đã không tìm thấy một sự cứng nhắc nào như vậy.

Ngược lại, chúng tôi lại có một ấn tượng đặc biệt về sự linh hoạt tuyệt vời của luật nhân quả cũng như khả năng nhắm đích chính xác của nó. Một người bằng bất cứ cách nào cũng không thể tránh khỏi một tác nhẹ như lông hồng của sự đau khổ đã được định sẵn cho y, mặc dù y thường có thể tránh nó theo một cách này chỉ để thấy nó giáng xuống y một cách rất ráo trong một hình thức khác, từ một phía mà y không thể nào ngờ được.

Cũng như người ta có thể trả món nợ mười đồng tiền Anh bằng một tờ giấy tiền, hai tờ giấy tiền thuộc đơn vị nhỏ hơn, hoặc vàng hay bạc, hoặc thậm chí bằng một túi tiền đầy đồng kẽm. Một số nghiệp quả cũng có thể đến bằng một cú đánh trời giáng khủng khiếp, một số cú sốc khác nhau liên tục ít nghiêm trọng hơn, hoặc thậm chí bằng một chuỗi dài các phiền phức tương đối nhỏ nhất khác nhau, nhưng trong bất cứ trường hợp nào đi nữa, toàn bộ món nợ phải được thanh toán.

Một tội giống nhau, bị vi phạm trong cùng một trường hợp bởi hai người rất giống nhau, phải tạo ra *cùng một cường độ* đau khổ như nhau, nhưng hình thức đau khổ thì gần như vô hạn tùy theo hoàn cảnh của từng trường hợp. Hãy lấy một trong những khuyết điểm phổ biến nhất làm thí dụ và suy nghĩ về các hậu quả có thể xảy ra từ sự ích kỷ. Đây chủ yếu là một thái độ hoặc một trạng thái tâm trí, nên chúng ta phải tìm kiếm kết quả tức thì của nó ở cõi trí. Nó

chắc chắn sẽ tăng cường cái biểu lộ thấp hèn (phàm ngã) bằng sự thiệt thòi của cái cao thượng hơn (chân ngã), và do đó một trong những hậu quả của nó chắc chắn sẽ là sự củng cố cái phàm ngã thấp kém đó để cho tính ích kỷ sẽ có xu hướng tái sinh trong một hình thức trầm trọng hơn và sẽ tiếp tục phát triển một cách mạnh mẽ hơn.

Cứ như vậy thì càng nhiều sự sống cao hơn sẽ bị mất đi trong mỗi kiếp do bị vướng vào cái thấp hơn (phàm ngã), và sự cố chấp vào cái lỗi này sẽ là một trở ngại bóp chết sự tiến bộ, bởi vì hình phạt nặng nề nhất của tạo hoá lúc nào cũng là việc tước đi cơ hội tiến hoá, cũng như quà thưởng cao nhất của Ngài là cung cấp một cơ hội để tiến hoá. Vậy thì ở đây chúng ta có một cái nhìn thoáng qua về cách mà tính ích kỷ có thể tự chuốc lấy kết quả tồi tệ nhất của nó, trong việc làm cho tâm trí của con người cứng ngắc đến độ y trở thành vô cảm đối với tất cả những ảnh hưởng tốt đẹp và không thể tiến hoá hơn nữa cho đến khi y chế phục được nó.

Quả báo cũng hiện ra ở cõi trần do tất cả những hành vi bất công và bất nhân mà con người thực hiện chỉ vì tính ích kỷ, nhưng hình phạt tồi tệ nhất mà chúng có thể mang đến cho y thật không đáng kể và sẽ tan biến bên cạnh ảnh hưởng của nó trên trạng thái tâm trí của y. Một kết quả khả dĩ của nó là y có thể bị lôi cuốn bởi sự đồng cảm vào trong xã hội của những kẻ ích kỷ, và qua sự chịu đựng tật xấu này ở

người khác mà y có thể hiểu được sự ghê tởm của tật xấu đó trong chính bản thân mình. Tuy nhiên, các cách thức tác động của luật nhân quả là vô tận, và chúng ta sẽ lầm nếu chúng ta nghĩ rằng nó bị giới hạn vào một đường lối hành động duy nhất mà chúng ta cho rằng nó phải được thi hành do sự thiếu hiểu biết của chúng ta.

Hầu hết sự đau khổ của con người là từ cái mà Ông Sinnett gọi là “nghiệp tức thì” - có nghĩa là, nó không phải là do kết quả của những hành động trong tiền kiếp và quả thực không đáng để xảy ra. Tuy nhiên, con người vẫn hành động một cách đại dốt bất chấp bao nhiêu tấm gương trước mặt và lời khuyên miễn phí được đưa đến cho y, và sự ngu xuẩn của y thật không thể khắc phục được, quá ngoan cố nên y thường tự chuốc lấy nhiều phiền não mà nguyên do thật quá rõ ràng và dễ tránh khỏi. Tôi không nghĩ rằng tôi quá trốn khi nói rằng hết 9/10 sự đau khổ của một người bình thường là hoàn toàn không cần thiết, bởi vì nó không phải là kết quả của một kiếp xa xưa, mà chỉ là hậu quả của một hành động sai lầm hoặc một thái độ ngu xuẩn trong kiếp sống hiện tại.

Một điểm khác cần được cân nhắc là những tính toán của con người thường bị thất bại về việc phân biệt giữa các kết quả tốt và xấu. Người bình thường coi cái chết như là một điều xấu nhất có thể xảy ra cho y và bạn của y, nhưng trong nhiều trường

hợp, luật nhân quả ban nó như là một phần thưởng. Quả thật, cái chết thường ít khi là một điều xấu hoặc là một hình phạt, mà chỉ đơn giản là một sự kiện - một nước cờ bắt buộc không thể tránh khỏi vào những thời điểm nhất định, nhưng lúc nào cũng sẵn sàng là một giải pháp tạm thời khá tốt khi bị kẹt vào một hoàn cảnh nan giải. Nó ít khi là một vấn đề quan trọng như người ta thường gán cho nó.

Nếu chúng ta có thể hình dung được hai linh hồn vừa mới thành hình đứng cạnh bên nhau, họ rất bán khai và không có một nghiệp quả gì cả, và một trong hai người họ hạ sát người kia, hoặc có thể hành động theo một cách nào đó đối với người kia, một kết quả sẽ được tạo ra mà trên nguyên tắc được coi là không công bằng. Tôi cho rằng một hoàn cảnh như vậy thật khó xảy ra, vì tôi nghĩ rằng một con thú vừa cá nhân hoá cũng có mang một nhân quả gì đó vào trong kiếp người đầu tiên của nó.

Nhiều con thú có khái niệm cái gì là đúng và sai, hoặc ít nhất có sự hiểu biết về một vài điều nên làm và những điều khác không nên làm, và chúng biết xấu hổ khi chúng đã làm một điều gì mà chúng nghĩ là sai. Trong nhiều trường hợp, chúng có quyền chọn lựa; chúng có thể tập (hoặc *không* tập) kiên nhẫn và chịu khó, và lúc nào quyền chọn lựa cũng đi đôi với trách nhiệm và do đó nghiệp lực. Một con thú hung dữ sẽ trở thành một người độc ác và hung dữ, một con thú hiền lành và nhẫn nại sẽ trở thành

một người hiền lành và tử tế, bất chấp y có thô lỗ đến cỡ nào. Sự khác biệt nghiêm trọng này rõ ràng là kết quả của nghiệp lực đã được tạo ra từ khi còn trong loài thú. Những nghiệp lực như thế phải thuộc về hồn-khóm nhưng chúng được phân chia đồng đều trong đó, nên khi một mảnh nhỏ tách rời ra để trở thành một cá nhân, nó sẽ mang theo với nó một phần của nghiệp lực đó.

Có thể nói điều này chỉ làm khó chúng ta phải lúi thêm chút nữa, bởi vì ở một điểm nào đó phải là một bước khởi đầu của nghiệp lực và trên nguyên tắc, chúng ta phải coi kết quả của bước đầu tiên đó là không công bằng.

Cũng không cần thiết phải như vậy. Chúng ta hãy giả sử bước đầu tiên đó là một cuộc chiến giữa hai con thú. Ý muốn sát hại hoặc đả thương đối phương đều hiện diện trong cả hai, nghiệp lực của ý muốn đó sẽ được giải toả tức thì bởi cái chết trong trường hợp của kẻ bại trận, trong khi kẻ chiến thắng sẽ mắc một món nợ mà có thể sẽ được thanh toán sau này bằng cái chết thảm khốc của chính nó. Tuy nhiên, khi xem xét trường hợp của loài người, chúng ta không cần phải suy diễn như vậy.

Phía sau lưng chúng ta là một kho tích lũy nghiệp khổng lồ của hai loại nghiệp tốt và xấu, và tôi khó có thể hình dung được bất cứ một “tai nạn” nào mà không thể là biểu hiện của một phần nghiệp quả trong vô số nghiệp lực đa dạng của nó. Vì vậy,

không cần thiết phải phân biệt việc đắm tàu hoặc phá sản, lúc nào cũng có một nghiệp gì đó cần phải được giải quyết theo một cách nào đó từ toàn bộ số nghiệp quả phía sau lưng một cá nhân bình thường. Trong những trường hợp hiểm hoi mà không còn có gì nữa để giải quyết, người đó không thể bị tổn thương và do đó thường được gọi là được cứu nguy bởi một phép lạ.

Không có gì đáng buồn cười hơn là ý nghĩ chúng ta có thể làm được bất cứ điều gì để ngăn trở tác động của luật nhân quả. Ví dụ, nếu một đứa trẻ bị sanh ra trong hoàn cảnh dẫn đến việc nó bị đối xử một cách tàn nhẫn, chắc chắn việc đối xử như vậy là phù hợp với nghiệp quả trước của nó; nhưng nếu có một sự can thiệp tử tế đưa nó thoát khỏi những tên ác quỷ trong hình dạng con người đang hành hạ nó thì đó cũng phù hợp với nghiệp lực của nó. Nếu không, nỗ lực tốt để cứu nó sẽ thất bại như chúng ta biết đôi khi đã xảy ra. Nhiệm vụ rõ ràng của chúng ta là làm tất cả các điều tốt và giúp đỡ mọi người theo khả năng có thể của chúng ta theo mọi chiều hướng, và chúng ta không cần phải e ngại là khi làm như vậy, chúng ta đang can thiệp vào công việc của các vị thần nhân quả vĩ đại, vì các ngài hoàn toàn chắc chắn có đủ sức để quản lý công việc của mình với mức độ chính xác tuyệt đối, bất chấp chúng ta có làm gì hay không.

Luật nhân quả dường như quá vô tình? Nếu tĩnh từ đó có thể được áp dụng đúng vào tác động của các quy luật của tạo hoá thì tôi cho rằng chúng ta phải thừa nhận rằng nó quả là như vậy, cũng như định luật về sức hấp dẫn của trái đất (gravitational law). Nếu một đứa bé trượt chân rơi xuống từ bờ vực của một vách đá, cho dù hoàn cảnh xung quanh sự kiện trượt chân đó có đáng buồn như thế nào đi nữa, nó cũng giống như một người lớn tuổi có ý thức hơn bị rơi xuống. Nếu một người đàn ông nắm lấy một thanh sắt nóng bỏng, y sẽ bị phỏng bất chấp động cơ của y là thế nào khi cầm lấy nó, dù y có biết là nó có nóng hay không. Tuy nhiên, chúng ta không bao giờ nghĩ rằng thanh sắt hoặc vách đá là tàn nhẫn, hoặc đổ lỗi cho định luật hấp dẫn hoặc định luật bức xạ nhiệt (heat radiation). Không phải cùng một ý tưởng như vậy cũng nên được áp dụng vào trường hợp của luật nhân quả hay sao?

PHƯƠNG PHÁP CỦA LUẬT NHÂN QUẢ

Thật khó diễn tả bằng lời hoạt động của luật nhân quả diễn ra như thế nào dưới cái nhìn thông nhãn ở các cõi cao hơn. Dường như hành động của

con người tạo ra những con kênh hoặc ổ chứa năng lượng và qua sự phản ứng của chúng mà luật tiến hoá có thể chạm đến y. Nó nhìn giống như tất cả các loại năng lượng khác nhau đang đùa giỡn chung quanh y, nhưng chúng chỉ có thể ảnh hưởng đến y bằng cách tác động qua những năng lượng mà chính bản thân y đã tạo ra làm cho chúng linh động. Y luôn bổ sung vào số lượng các con kênh hoặc ổ chứa năng lượng này và do đó luôn điều chỉnh các khả năng tiếp cận y. Chính là khi phải giao tiếp và đối phó với tất cả các thay đổi trong năng lượng như kính vạn hoa này, và bất chấp sự hoạt động và cản trở của chúng, luật nhân quả vẫn có thể biểu hiện được khả năng làm việc thích nghi và linh hoạt kỳ diệu đáng kinh ngạc của nó để hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách chính xác.

Có một khía cạnh khác của luật nhân quả cần phải được cân nhắc vì tôi nhận thấy rằng nó rất hữu ích trong việc tìm hiểu hoạt động của nó, nhưng vì nó thuộc về một cõi quá cao nên tôi không thể diễn tả được bằng ngôn ngữ. Hãy tưởng tượng chúng ta thấy mỗi người như hoàn toàn đơn độc trong vũ trụ, trung tâm của một loạt đông đảo các quả cầu đồng tâm. Mỗi một tư tưởng, lời nói, hoặc hành động của y đều đưa ra một luồng lực đổ xô đến bề mặt của các quả cầu. Lực này chạm vào bề mặt bên trong ở ngay góc thẳng đứng của một trong các quả cầu nên

nó sẽ bị dội ngược lại tới đúng điểm xuất phát của nó.

Từ quả cầu nào nó bị dội ngược lại lệ thuộc vào đặc điểm của lực đó, và điều này đương nhiên sẽ điều chỉnh thời gian của sự phản hồi. Có một số hành động tạo ra một lực tác động lên quả cầu nằm khá gần trong tầm tay và được phản hồi rất nhanh, trong khi các lực khác lao về một điểm xa vô tận và chỉ quay lại sau nhiều kiếp sống. Nhưng dù sao đi nữa, chúng nhất định phải quay trở lại và chúng không thể trở lại nơi nào khác ngoại trừ điểm mà chúng đã xuất phát. Mỗi người tự tạo ra những quả cầu của mình, và tác động của các lực này không hề bị ảnh hưởng bởi các lực được tạo ra bởi người hàng xóm của y, bởi vì chúng có thể đi xuyên qua nhau mà không hề cản trở lẫn nhau, như hai tia ánh sáng từ hai ngọn đèn; và bởi vì môi trường mà chúng di chuyển không có ma sát, nên số lượng của lực phản hồi sẽ y hệt như lực mà chính con người đã tạo ra.

Định mệnh (prarabdha karma) của một cá nhân, có nghĩa là nghiệp được chọn bởi các vị có thẩm quyền cho một cá nhân để thanh toán trong kiếp hiện tại, được chia ra làm hai phần: (1) Phần tự biểu lộ trong cơ thể của y sẽ được tạo ra do các vị Đại Thiên Vương thành một hình tư tưởng hoặc một “tinh linh” để tạo ra thể xác mà chúng ta đã đề cập đến trong chương trước đây; (2) một khối khác lớn hơn sẽ chỉ đạo vận mạng của y trong cuộc sống,

những phước hay họa sẽ đến với y, được tạo thành một hình tư tưởng khác không đi xuống mà chỉ lơ lửng ở trên bào thai ở cội trí. Từ cội đó, nó âm thầm quan sát con người và nắm bắt lấy hoặc tạo ra các cơ hội để nó tự phóng thích ra các phần nghiệp quả, gửi chúng xuống như một tia chớp như sét đánh hoặc như một ngón tay đôi khi chạm xuống thật sâu đến cội trần, đôi khi chỉ duỗi dài ra đến cội trung giới, và đôi khi như là cái mà chúng ta gọi là một loé sáng hay búng ngón tay theo chiều ngang ở cội trí.

“Tinh linh” này sẽ tự thải ra các nghiệp quả cho đến khi nào nó trống rỗng, lúc đó, cũng như các hình tư tưởng khác, nó sẽ tan biến vào hư vô, hoặc đúng hơn là nó sẽ tan rã và trở về với vật chất của cội đó (cội trí). Con người có thể điều chỉnh tác động của nó bằng cách không ngừng tạo ra những nghiệp mới bằng các nguyên nhân mới mà y luôn xây dựng lên. Một người bình thường ít có đủ ý chí để tạo ra những nguyên nhân mạnh mẽ mới, và do đó “tinh linh” sẽ tự thải ra hết những gì nó chứa đựng theo điều có thể được diễn tả là chương trình ban đầu của nó, tận dụng các chu kỳ thiên văn và hoàn cảnh chung quanh để thực hiện công việc của nó dễ dàng và hữu hiệu hơn; vì vậy, tử vi của con người có thể diễn ra một cách khá chính xác. Nhưng nếu một người đã đủ tiến hoá để có một ý chí mạnh mẽ, hành động của “tinh linh” có thể sẽ bị sửa đổi

khá nhiều, và cuộc sống hần không đi theo đường lối đã được ghi lại trong tử vi. Đôi khi, những sự sửa đổi được đưa vào nhiều đến nỗi “tinh linh” không thể nào tự phóng thích được hết kho chứa của nó trước khi người đó chết; trong trường hợp như vậy, những gì còn sót lại sẽ được thu nhận lại vào khối không lồ của *tích lũy nghiệp* (*sanchita karma*) chưa được giải quyết và từ đó, một “tinh linh” khác không ít thì nhiều giống như vậy sẽ được tạo ra sẵn sàng cho sự khởi đầu của một kiếp sống mới tiếp theo trên cõi trần.

Khối tích lũy nghiệp khổng lồ cũng có thể được nhìn thấy lơ lửng bên trên linh hồn. Thông thường nó không phải là một cảnh tượng dễ chịu bởi vì theo bản chất của mọi thứ, nó tích lũy nhiều nghiệp xấu hơn là tốt. Từ những ngày đầu tiên phát triển của con người trong quá khứ xa xôi, họ đã làm nhiều việc mà họ không nên làm và do đó tích lũy cho chính mình hậu quả của một số khổ đau trên cõi thấp nhất này. Ngày nay, ít ra những người văn minh đã tiến bộ đến trình độ có thiện ý và do đó ít trực tiếp tạo ra những nghiệp xấu. Tất cả chúng ta đều có lúc làm ra nhiều điều đại dột, ai mà chẳng phải phạm sai lầm, nhưng nói chung một người văn minh bình thường đang cố gắng làm nhiều điều tốt hơn xấu, và do đó họ có thể tạo ra nhiều nghiệp tốt hơn xấu. Tuy nhiên, không phải tất cả các nghiệp tốt

đều đi vào tích lũy nghiệp, và vì vậy chúng ta có ấn tượng là nghiệp xấu vẫn nhiều hơn nghiệp tốt.

Kết quả của phần lớn các tư tưởng hoặc hành động tốt đẹp của con người là để hoàn thiện bản thân khiến một dẫn thể này hoặc dẫn thể kia có thể rung động để đáp ứng với các lực cao hơn, hoặc để phát huy trong bản thân mình những đức tính như lòng can đảm, sự quyết tâm, tình thương, hay lòng sùng tín mà y chưa có được ở mức độ đầy đủ trước đây. Tất cả những kết quả này sẽ thể hiện trong bản thân y và các dẫn thể của y chứ không phải ở trong khối tích lũy nghiệp đang chờ đợi y. Tuy nhiên, nếu y thực hiện một hành động tốt chỉ vì nghĩ đến phần thưởng trong tâm trí, phước báo của hành động tốt đẹp đó sẽ đến với y và nó được giữ lại trong phần còn lại của tích lũy nghiệp cho đến khi nó được mang ra và hiện thực hóa thành hoạt động. Nghiệp thiện này cũng tự nhiên ràng buộc con người vào cõi trần một cách hữu hiệu như một ác nghiệp, và do đó một người thật sự muốn tiến bộ phải học cách hành động hoàn toàn không màng đến bản thân hoặc kết quả của hành động, bởi vì khi không có một ý nghĩ gì về bản ngã, kết quả của những việc bình thường sẽ không thể chạm đến y.

Không phải ai cũng có thể thoát khỏi lợi ích của một việc thiện hơn là hậu quả của một việc ác, nhưng nếu một người nghĩ về phần thưởng sẽ đến với y, y sẽ nhận được lợi ích theo hình thức của

phần thưởng đó, trong khi nếu y hoàn toàn quên mình và chỉ làm việc này với tất cả tấm lòng, vì đó là điều nên làm và do đó y không thể làm gì khác hơn được, toàn bộ kết quả của lực đó sẽ được dùng vào việc xây dựng nhân cách của y và không còn gì để ràng buộc y vào những cỗi thấp hơn. Sự thật là trong mỗi trường hợp, con người đều gặt hái được những gì y mong muốn. Như chính Đức Chúa đã từng nói: “Ta nói thật với các ngươi, họ sẽ nhận được phần thưởng của họ.” Một người khi nghĩ về kết quả tốt cho bản thân mình sẽ đạt được kết quả đó, một người không nghĩ gì về bản thân mình hoặc chỉ nghĩ đến việc biến mình thành con kênh cho các lực của Thượng Đế sẽ được biến thành một con kênh tốt hơn do kết quả của hành động mà suy nghĩ đó đã thúc đẩy.

Một vấn đề phức tạp khác được đưa ra là thực tế có rất nhiều người làm việc tốt nhân danh người khác hoặc vì lợi ích của một người nào đó, và như vậy họ sẽ biến người đó thành kẻ chia sẻ kết quả với họ. Nhiều người làm việc thiện nhân danh Đức Chúa, hoặc nếu y là một nhà Thông Thiên Học thì nhân danh Chân Sư, và luật công bằng đòi hỏi rằng trong trường hợp như vậy, chính tư tưởng về Đức Chúa hoặc Chân Sư đã sinh ra kết quả như thế, một cái gì đó của ảnh hưởng này phải đến với vị cao cả đó. Theo cách này, một kho chứa khổng lồ các từ điển tốt lành được cung cấp sẵn sàng cho các Vị

Cao Cả từ nhiều người liên tiếp gửi đến những tư tưởng yêu thương và sùng kính cho họ, những người mà nhân danh các Ngài nhiều việc tốt lành được thực hiện. Dĩ nhiên kết quả của một hành động như thế không thể nào ràng buộc được một vị Cao Cả. Nó chỉ cung cấp thêm cho Ngài một lực lượng tinh thần vào công việc mà Ngài đang nắm trong tay.

NHÂN QUẢ CỦA CÁI CHẾT

Trong phần đông trường hợp, không có nghĩa là các vị thần nhân quả phải chỉ định một giờ chết nhất định cho lúc chết. Toàn bộ sự sắp xếp còn uyển chuyển và linh hoạt hơn nhiều so với những gì mà môn sinh nghĩ. Đầu mỗi đề hiểu được điều này nằm trong việc đừng bao giờ quên rằng có ba loại nghiệp lớn mà người Ấn độ gọi là *sanchita* (tích lũy nghiệp), *prarabdha* (định mệnh), và *kriyamana* (nghiệp mới).

Loại thứ nhất là nguyên cả một khối nghiệp khổng lồ, tốt hay xấu, chưa được thanh toán và còn chờ đợi để được phóng thích, chúng ta hãy gọi nó là *tích lũy nghiệp*. Loại thứ hai là một phần cụ thể của nghiệp thứ nhất đã được chọn lọc để giải quyết

trong kiếp này; chúng ta hãy gọi nó là *định mệnh* của một người cho kiếp này. Loại thứ ba là *nghiệp mới* mà chúng ta không ngừng tạo ra qua các hành động hiện tại.

Chính là loại thứ hai mà một nhà thiên văn hoặc một thầy bói chỉ tay cố gắng đọc, và các tính toán của họ thường bị vô hiệu quả bởi sự can thiệp của hai loại kia. Chắc chắn là không có chuyện gì có thể xảy ra với một người mà không nằm trong tích lũy nghiệp của y, nhưng cũng chắc chắn rằng một điều gì đó có thể xảy ra mà không nằm trong dự tính của định mệnh của y trong kiếp này.

Hãy giả sử trường hợp một người đàn ông ở trên một chiếc thuyền sắp sửa bị chìm, hoặc ở đầu tàu một chiếc xe lửa sắp sửa bị đụng. Nó có thể, hoặc không có thể, đã được định sẵn rằng trong kiếp này, người đó sẽ bị chết vào thời điểm đó. Nếu là có, y chắc chắn sẽ bị chết, nếu là không, y có thể được cứu, nếu việc được cứu đó không đòi hỏi sự can thiệp quá lớn với các định luật thông thường của tạo hoá. Tôi nghĩ chúng ta có thể nói rằng y có thể sẽ được cứu nếu việc kéo dài tuổi thọ có thể thúc đẩy sự tiến hoá của y một cách đáng kể. Nó đã được dự định là một số bài học phải được học hỏi trong mỗi kiếp, một vài phẩm tính phải được phát triển. Nếu công việc của kiếp đó đã xong, hoặc mặt khác, nếu rõ ràng người đó không thể nào hoàn tất được nó trong kiếp này bất chấp y có sống bao lâu - y

không có gì để đạt được bằng cách sống thêm - và như vậy tốt nhất y nên được giải thoát.

Cũng vậy, nếu trong tích lũy nghiệp của y có một món nợ nào đó có thể được hủy bỏ một cách thỏa đáng bằng bất cứ sự đau khổ nào đó về thể xác hoặc tinh thần liên quan đến một cái chết như vậy, cơ hội hủy bỏ món nợ đó có thể được thực hiện trong trường hợp đó, mặc dù nó có thể không được dự tính trong kế hoạch ban đầu cho kiếp sống đó. Nhưng nếu trong toàn bộ tích lũy nghiệp không có gì phù hợp với một cái chết như vậy, thường là người đó *không* thể chết như thế và y nhất định sẽ được cứu, mặc dù nó có vẻ bằng một phương pháp kỳ diệu. Chúng ta có nghe qua những trường hợp như vậy, khi một thanh xà lớn rơi xuống để cứu một người khỏi bị đè bẹp bởi trọng lượng khổng lồ của một đồng đồ nát, hoặc khi một chiếc tàu hơi nước trên biển đã chìm xuống với mọi người trên đó, bằng cách nào đó một người đã trôi dạt vào bờ trên một chuồng gà mái.

Chúng ta không được quên ảnh hưởng của loại nghiệp thứ ba mà chúng ta đang tự tạo ra mỗi ngày lên định mệnh của chính mình. Một người có thể làm việc quá giỏi đến nỗi y không thể bị loại ra vào lúc này, y có thể hoặc không có thể hành động như vậy để miễn được giải thoát khỏi cõi trần vào thời điểm đặc biệt đó. Xu hướng của chúng ta là coi trọng thời điểm và cách chết của chúng ta quá mức.

Nếu trong một thoáng, chúng ta thử tưởng tượng vấn đề này từ quan niệm của các vị Cao Cả phụ trách quá trình tiến hoá của chúng ta, chúng ta sẽ nhận được một sự đánh giá đúng đắn hơn về các giá trị tương đối. Đối với họ, sự tiến bộ của các linh hồn được giao phó cho họ là một vấn đề quan trọng. Họ biết những bài học nào cần phải được trải qua, những phẩm chất nào cần phải được phát triển.

Họ phải xem nó cũng như một vị hiệu trưởng phải xem khối lượng bài vở một cậu học trò phải làm xong trước khi có đủ điều kiện nhập vào đại học. Vị hiệu trưởng phân chia công việc đó tùy theo thời gian của ông: bao nhiêu bài vở phải được thực hiện trong mỗi năm, và đến lượt số bài vở của một năm đó phải được phân chia như thế nào theo từng học kỳ và thậm chí từng ngày. Nhưng ông ta sẽ cho mình toàn quyền tự do thay đổi những chu kỳ nhỏ hơn; ông ta có thể quyết định bỏ ra hai ngày thay vì một ngày cho một số đề tài đặc biệt khó khăn, hoặc ông có thể chọn chấm dứt một bài học sớm hơn dự định nếu mục đích đã được hoàn tất một cách rõ ràng.

Đời sống của chúng ta chính là những ngày đi học ở trường, và bài học có thể được kéo dài ra hoặc rút ngắn lại, tùy ý thầy giáo theo như thế nào là tốt nhất. Chết chỉ là sự tan trường sau một ngày học tập. Chúng ta không cần phải lo lắng quá nhiều về nó; chúng ta phải vui vẻ chấp nhận bất cứ khi nào

luật nhân quả đưa nó đến với chúng ta. Chúng ta phải nhận thức một điều quan trọng là bài học chỉ định phải được học xong. Bài học đó sẽ được phân chia thành bao nhiêu phần, thời gian của các giờ học dài hoặc ngắn khác nhau bao lâu, và chính xác khi nào chúng sẽ bắt đầu hoặc ngừng - tất cả các chi tiết này tốt nhất chúng ta hãy phó thác cho những người quản lý Định Luật Vĩ Đại.

Từ quan điểm này, không cái chết nào có thể được mô tả là quá sớm, bởi vì chúng ta có thể chắc chắn rằng những gì đến với chúng ta từ bên ngoài luôn là những gì tốt nhất cho chúng ta. Nhiệm vụ của chúng ta là làm việc với khả năng tối đa của mình trong mỗi kiếp sống và cố gắng duy trì như vậy càng lâu càng tốt. Nếu chúng ta rút ngắn nó lại bằng cách sống cầu thả hoặc không đúng đắn, chúng ta phải chịu trách nhiệm và kết quả sẽ là không tốt; nhưng nếu nó bị rút ngắn bởi một điều gì đó nằm ngoài khả năng kiểm soát của chúng ta, chúng ta có thể chắc chắn rằng sự cắt giảm đó là vì lợi ích của chúng ta.

Tuy nhiên, những gì được viết trong một vài cuốn sách của chúng ta về cái chết “*quá sớm*” là đúng. Ở tuổi quá già, ham muốn tan biến dần dần và như thế, một số công việc của cuộc sống trung giới đã được hoàn tất trước khi con người rời bỏ cõi trần. Một kết quả tương tự như vậy cũng xảy ra đối với một con bệnh kéo dài lâu năm, và như thế thì trong

cả hai trường hợp này, đời sống trung giới có thể tương đối là ngắn và không bị đau khổ trầm trọng. Điều này có thể được coi là quá trình bình thường của tạo hoá, và chỉ khi nào bị so sánh với nó thì một cái chết sớm hơn có thể được coi là “quá sớm.” Nếu một người chết khi còn trẻ, dự vọng vẫn còn mạnh và do đó một đời sống trung giới mạnh mẽ và vất vả hơn có thể được tiên đoán - một trạng thái nói chung không thú vị cho lắm. Nhưng nếu các Quyền Năng đăng sau quyết định rằng một cái chết sớm hơn là tốt nhất, chúng ta có thể cảm thấy chắc chắn rằng Họ biết cân nhắc những điều khác quan trọng hơn là việc kéo dài sự sống ở cõi trung giới.

Vì vậy, có lẽ là trong hầu hết trường hợp, thời gian chính xác và cách chết của mỗi người đều *không* được quyết định trước hoặc khi y sinh ra. Các nhà chiêm tinh nói với chúng tôi rằng trong nhiều trường hợp, họ không thể nào tiên đoán được cái chết của đối tượng tử vi mà họ đang nghiên cứu. Họ nói rằng ở một thời điểm nhất định nào đó có những ảnh hưởng rất xấu, và con người *có thể* chết vào lúc đó, nhưng nếu y không chết, cuộc sống của y sẽ tiếp tục cho đến một dịp khác khi các ảnh hưởng xấu lại đe dọa y, và cứ như thế. Cũng theo cách đó, một thầy bói chỉ tay sẽ nói với chúng ta rằng ở tại thời điểm này và nọ, có những đứt đoạn hoặc dấu vết nghiêm trọng trên đường chỉ sinh mạng có thể chỉ về cái chết hoặc chỉ là một cơn bạo bệnh. Có lẽ

những điều mờ ảo này đại diện cho những điểm còn bỏ ngỏ cho các quyết định sau này, phần lớn sẽ phụ thuộc vào các sửa đổi do hành động của con người đưa ra trong suốt cuộc sống của y và cách y sử dụng các cơ hội của mình. Dù sao đi nữa, chúng ta có thể chắc chắn rằng bất cứ một quyết định nào được đưa ra cũng đều là sáng suốt, và dù là trong khi sống hoặc chết, tất cả mọi thứ đều cùng hoạt động vì lợi ích của chúng ta.

NHÂN QUẢ NHƯ MỘT VỊ THẦY

Không ai có thể nhận được những gì mà chính y không gây ra, và mọi thứ đều đến với chúng ta như là kết quả của các nghiệp mà chúng ta đã tự tạo ra. Nếu chúng ta đã gây ra nhân thì chúng ta cũng tạo ra quả, bởi vì nhân và quả là hai mặt của đồng tiền - ta không thể nào có cái này mà không có cái kia; thật vậy, kết quả đến với chúng ta như là một phần của hành động ban đầu của chúng ta, có thể nói trong trường hợp này là hoạt động của nó vẫn còn đang diễn ra tiếp tục. Mọi thứ đều đến với chúng ta do hành động của chúng ta, tốt hay xấu cũng như nhau. Tuy nhiên, nó dứt khoát được sử dụng cho lợi ích của chúng ta. Mục đích của việc trả

quả là để giúp con người phát triển, vì khi trả quả y có thể biểu hiện được tính nhẫn nại, lòng can đảm và sự kiên trì khi phải đối mặt với những hoàn cảnh khó khăn.

Mọi người luôn than phiền về hoàn cảnh của họ. Một người đàn ông có thể nói rằng: “Tôi không thể làm được bất cứ điều gì trong hoàn cảnh của tôi, vì tôi có quá nhiều lo âu, trách nhiệm và một gia đình quá lớn. Ước sao tôi được tự do như người đó!”

Người ta không nhận ra rằng chính những trở ngại đó là một phần trong quá trình đào tạo của y, và chúng được đặt ra trên đường để dạy cho y cách đối phó với chúng. Y đương nhiên sẽ thích có vài cơ hội để thể hiện những khả năng mà y đã phát triển, nhưng điều cần thiết là y nên phát triển các khả năng mà y chưa sở hữu, và điều này có nghĩa là y phải làm việc chăm chỉ và cực khổ, vì đây cũng là cách tiến bộ rất nhanh. Quả thật không có thứ gì như là hình phạt và phần thưởng, nhưng hành động chúng ta có gây ra kết quả, có thể dễ chịu hoặc khó chịu. Nếu chúng ta làm đảo lộn trạng thái cân bằng của tạo hóa theo bất cứ hình thức nào, nó tự nhiên sẽ tự điều chỉnh lại với sự trả giá đó trên mình của chúng ta.

Một linh hồn đôi khi chọn trả hoặc không trả một vài nghiệp báo nào đó trong kiếp sống hiện tại, mặc dù bộ não xác thịt thường không hay biết gì về

điều này, nên chính những hoàn cảnh bất lợi mà con người đang than phiền có thể chính là những cái mà y đã cố ý chọn để thúc đẩy sự tiến hoá của bản thân mình. Khi y trở thành một vị đệ tử và do đó đã vượt khá xa khỏi giai đoạn tiến hoá bình thường hiện giờ, y thường làm chủ và thay đổi được phần lớn nghiệp quả của mình - không phải là y có thể thoát khỏi phần nghiệp quả của mình hoặc bất cứ phần nhỏ nào của nó, nhưng vì y đã thu thập được nhiều kiến thức mới và do đó có thể huy động được nhiều lực mới theo nhiều hướng, tự nhiên y có thể điều chỉnh được hoạt động của những nghiệp cũ. Y có thể dùng một quy luật này để chống lại quy luật kia và do đó vô hiệu hoá kết quả của các lực có thể cản trở sự tiến bộ của y.

Người ta thường nói rằng người đệ tử tham gia vào việc đẩy mạnh sự tiến hoá của mình sẽ chuốc lấy nhiều khổ đau cho bản thân y. Có lẽ đây không phải là cách hay nhất để diễn tả nó. Thật ra những gì y làm chỉ là tích cực nắm lấy quá trình tiến hoá của mình và cố gắng tẩy sạch những vết xấu càng nhanh càng tốt và phát triển những điều tốt đẹp nhất trong y, để cho y có thể trở thành một con kênh sống hoàn mỹ hơn cho tình thương của Thượng Đế. Đúng là một hành động như vậy chắc chắn sẽ thu hút được sự chú ý của các vị Thần Nhân Quả, và dù sự chấp thuận của Họ sẽ ban cho y một cơ hội lớn hơn, nó

có thể và thường bao gồm một số đau khổ khá lớn theo nhiều cách khác nhau.

Tuy nhiên, nếu chúng ta suy nghĩ thật kỹ, chúng ta sẽ thấy đây chính xác là điều có thể được trông chờ. Mọi người chúng ta không ít thì nhiều cũng có những nghiệp xấu dự trữ ở phía sau, và cho đến khi nó được giải trừ, nó sẽ luôn là một trở ngại cho chúng ta trong việc làm cao cả hơn. Một trong những bước đầu tiên theo chiều hướng tiến bộ thật sự là việc thanh toán bất cứ phần nào còn lại của nghiệp quả xấu này, và do đó phản ứng đầu tiên của các vị Cao Cả đối với nỗ lực hướng thượng của chúng ta là thường cho chúng ta một cơ hội để trả thêm một số ít món nợ này (bởi vì chúng ta đã tự rèn luyện cho mình đủ mạnh để làm được như vậy) hầu nó có thể được xoá sạch trên con đường phụng sự tương lai của chúng ta. Cách thức mà món nợ này sẽ được trả là việc của Họ chứ không phải việc của chúng ta. Chúng ta có thể tin rằng Họ sẽ dàn xếp nó một cách ôn hòa mà không gây thêm đau khổ cho những người khác - trừ phi đương nhiên là những người đó cũng còn có những món nợ sót lại có thể được thanh toán bằng cách này. Dù sao đi nữa, các vị thần nhân quả cũng không thể nào làm việc khác hơn là với một sự công bằng tuyệt đối cho mỗi đương sự, dù trực tiếp hay gián tiếp.

CÁC LOẠI NGHIỆP QUẢ

Nhân quả của việc phụng sự lúc nào cũng là cơ hội để phục vụ thêm. Đây là một trong những quy tắc chắc chắn nhất từ sự điều tra của chúng tôi về hoạt động của luật nhân quả qua nhiều kiếp sống quá khứ đã được nghiên cứu. Khi một người có một đời sống đặc biệt tốt đẹp, nó không có nghĩa là kiếp sau y sẽ giàu có hoặc có quyền lực hay thậm chí thoải mái, nhưng chắc chắn rằng y sẽ có nhiều cơ hội để làm việc. Rõ ràng là Thượng Đế muốn công việc của Ngài được hoàn tất, và nếu chúng ta muốn có những cơ hội để tiến bộ, chúng ta phải chứng tỏ rằng chúng ta sẵn sàng chịu làm việc.

Kiến thức mang lại trách nhiệm cùng với cơ hội. Buông xuôi theo những gì bạn biết là sai, hoặc lùi lại một bước để lấy sức nhảy lên cao hơn, chính là bỏ lỡ cơ hội của bạn. Nhiều kiếp có thể trải qua trước khi bạn có lại được một cơ hội như vậy một lần nữa. Nếu bạn bỏ qua một kiến thức hoặc một tầm nhìn chỉ ra được khuyết điểm của bạn, chắc chắn kiếp sau bạn sẽ được sinh ra mà không có được kiến thức hoặc tầm nhìn đó. Kiến thức phải luôn được áp dụng, nên đúng là sai lầm khi nghĩ rằng bạn có thể trì hoãn hành động của mình và giữ được kiến thức đó.

Chúng ta có thể tạo ra cho bản thân mình những hoàn cảnh bất lợi nhất trong tương lai nếu chúng ta chọn cư xử một cách đại dột, nhưng vì chúng ta hiện đã là người văn minh nên trên thực tế, chúng ta không thể nào tự quăng mình vào vị trí của những người man rợ hoặc tầng lớp thấp nhất của loài người vào kiếp sau. Chúng ta có thể lãng phí thời gian và không đạt được một sự tiến bộ nào, nhưng trừ phi chúng ta theo đuổi hắc ma thuật và sử dụng những quyền năng khủng khiếp đó theo lầm hướng, chúng ta không thể ném mình lùi lại quá xa như thế. Do hành vi sai trái hoặc do bỏ lỡ cơ hội, chúng ta có thể bị sanh ra trong một vị trí bất lợi thuộc tầng lớp của chúng ta hoặc một lớp thấp hơn, nhưng nó sẽ làm xáo trộn kế hoạch của mọi thứ nếu chúng ta bị ném trở lại tình trạng dã man. Những hành động ngoại lệ đôi khi có tạo ra những kết quả đặc biệt, nhưng theo quy tắc chung thì những thăng trầm cực đoan không phải là thực tế; rõ ràng một người văn minh không thể nào thanh toán được thứ nghiệp quả mà y đã gây ra trong vị trí đó của y nếu y bị ném ngược lại hoàn cảnh chật hẹp của một người nông phu lao động chân tay. Đối với kế hoạch của Thượng Đế, việc tăng trưởng số lượng người văn minh ngày càng nhiều là điều cần thiết và do đó, khi một người đã được sinh ra ở một địa vị tôn quý, nói chung y sẽ có nhiều khả năng được tiếp tục sinh ra trong một địa vị như thế trong tương lai.

Tuy nhiên, có một số loại hành động mang lại những nghiệp quả khủng khiếp bất thường như là kết quả của chúng. Ví dụ, quả báo của sự tàn nhẫn đối với con người hoặc loài thú dưới bất kỳ hình thức nào luôn mang một tính chất đặc biệt ghê sợ; nó thường mang theo những căn bệnh mãn tính về thể chất kèm theo với những cơn đau cấp tính, và thông thường nó cũng tạo ra sự điên rồ, điều cuối cùng này đặc biệt hơn khi sự đối xử tàn nhẫn đó thuộc về một dạng tinh vi và cố tình. Chẳng hạn, chúng tôi đã khám phá ra nhiều thành viên của đám đông ngu dốt tra tấn Hypatia (tiền thân của Bà Besant) ở Alexandria đã được tái sinh ở Armenia, và chính họ phải chịu đủ loại đối xử tàn bạo dưới tay người Thổ Nhĩ Kỳ. Hiện nay, những người bị chết thiêu một cách khủng khiếp, rõ ràng là do tai nạn, thường là những người đã từng hoả thiêu những người khác ở thời Trung Cổ Âu Châu, hoặc là những người đã từng vui thích nhìn thấy cảnh tượng chết chóc thảm khốc của những vị Thánh tử Đạo.

Đối với bất kỳ thương tích nào gây ra cho một người tiến hoá cao, thủ phạm đều bị báo ứng một cách khủng khiếp. Chúng ta thực sự phải cẩn thận về thái độ của mình đối với bất cứ vị Cao Cả nào có thể xuất hiện, bởi vì Ngài, ở trình độ quá cao đối với chúng ta, có thể dễ bị hiểu lầm - Ngài khác với những gì chúng ta mong đợi và do đó không được

tôn trọng. Một lý do tại sao các vị Cao Cả không thường xuyên qua lại giữa loài người là vì quả báo đáng sợ dành cho sự đánh giá sai lầm và bạc đãi Họ mà những kẻ ngu dốt trong nhân loại chắc chắn sẽ phạm phải. Chính tôi đã thấy trường hợp của một linh hồn cao cả đầu thai vào một chỗ mà không ai hiểu được y, khi còn trẻ lại bị rơi vào tay của một tên giáo viên thô bạo và bất tài đã hành hạ y một cách quá đáng. Tôi cũng được cho phép nhìn thấy quả báo theo sau sự tàn nhẫn đó, và tôi chỉ biết rùng mình khi nghĩ đến nó. Quả thật chúng ta có thể nói về tên tội đồ khốn khổ đó qua những lời đã được gán cho Đức Chúa, rằng trước khi y “mạo phạm đến một trong những đứa bé như vậy, thà rằng y tự cột một tảng đá quanh cổ của mình rồi chết chìm dưới đáy biển còn hơn.”

Một chủ đề có liên hệ mật thiết với đề tài này là nhân quả của sự vô ơn, vốn luôn luôn đặc biệt nặng nề - nhất là khi sự vô ơn này xảy ra đối với một vị thầy huyền môn (huyền bí học). Mọi người đều không ngừng đổ xô về phía trước, ao ước được tiếp xúc với các vị Chân Sư để thu hút được sự chú ý của các Ngài; đôi khi họ nghĩ rằng các vị đệ tử của Chân Sư đang cố gắng kìm hãm họ, hoặc bằng mọi giá không chịu giúp đỡ họ trong nỗ lực tiếp cận đó. Đệ tử của Chân Sư chỉ sống để giúp đỡ người khác, và không có gì làm cho y hân hoan hơn là kéo thêm được một người đến dưới chân một Vị mà bản thân

y đã học hỏi được rất nhiều. Tuy nhiên, khi y nhận ra rằng người đệ tử dự bị đó là là loại người chưa hiểu được các vị Cao Cả, rằng thái độ của họ đối với các Ngài vẫn còn ngoan cố, bất kính và tự phụ, y sẽ không chịu lãnh bất cứ trách nhiệm nào trong vấn đề này, bởi vì y biết rằng một thảm họa nghiêm trọng chắc chắn sẽ xảy ra. Một người với tính khí như vậy chắc chắn sẽ tạo ra nghiệp xấu ở bất cứ nơi đâu, và thật là đại đột để đặt họ vào vị trí mà họ có thể nhân nó lên thành một trăm lần.

Ví dụ, tôi có đề ý đến trường hợp mà những người hết lòng tôn sùng bà Hội Trưởng của chúng ta đổi ý và bắt đầu chê bai và vu khống bà. Đây là một điều rất xấu vì nó tạo ra một quả báo còn tệ hơn nhiều so với việc bêu xấu một người mà họ chưa bao giờ mắc nợ. Tôi không có ý nói rằng mọi người không có quyền thay đổi suy nghĩ của mình. Nếu một người nhận thấy rằng y không thể nào thật lòng đi theo Bà Hội Trưởng của chúng ta, y hoàn toàn có quyền rút lui khỏi hàng đệ tử của bà. Chúng ta chỉ có thể tiếc cho sự mù quáng của y, nhưng chúng ta không trách cứ y bởi vì mỗi người phải làm theo những gì mà họ cho là đúng. Đối với một sự tách ly như vậy, không có quả báo gì xấu ngoại trừ việc mất đi một cơ hội - hậu quả thông thường của việc thi rớt và làm bài sai nghiêm trọng. Nhưng nếu sau khi bỏ đi, người đó bắt đầu phỉ báng bà một cách độc địa và tung ra nhiều tin đồn thất thiệt về bà như

nhiều người đã từng làm, họ đang phạm phải một tội rất nặng và quả báo của họ là vô cùng nghiêm trọng. Thù hận và nói dối lúc nào cũng là điều xấu, nhưng khi một người dùng chúng để nhắm vào một người mà y đã từng nhận được ly nước của *sự sống (trí tuệ)* từ tay họ, chúng trở thành một tội ác mà hậu quả của chúng thật là đáng sợ.

Sự thật là nếu một người còn quá nhiều nghiệp xấu ở phía sau, y sẽ không thể nào tiến bộ được về mặt huyền bí trừ khi nó được thanh toán. Chẳng hạn, những người còn mắc nợ quá nhiều sẽ khó trở thành nhân tuyển thích hợp cho cộng đồng của giống dân chính thứ sáu. Không ai có thể trở thành một vị Chân Tiên nếu còn nghiệp xấu đằng sau bởi vì y phải được giải thoát khỏi luân hồi. Một người, khi có thể hoạt động tự do trong thể bồ đề hoặc minh triết của mình và do đó bỏ luôn nhân thể, không cần phải dùng nó (nhân thể) thêm một lần nào nữa, nhưng dĩ nhiên điều này không thể được thực hiện cho đến khi tất cả các nghiệp lực ở các cõi thấp hơn của y đã cạn kiệt. Chân Sư lúc nào cũng đưa ra tất cả các lực của Ngài theo đường cong rộng mở, nhưng bất cứ một tư tưởng vị kỷ thấp hèn nào cũng sẽ làm cho lực tư tưởng đó đi theo một đường cong khép kín, cho nên dù tốt hay xấu, nó phải quay lại cội nguồn của nó và do đó con người phải quay trở lại để nhận lấy nó.

Một người không thể thoát khỏi được những kết quả ràng buộc của các cõi thấp hơn cho đến khi y trở thành hoàn toàn vị tha ở các cõi đó. Một người, khi giúp đỡ người khác và cảm thấy hợp nhất với họ, sẽ chỉ nhận lấy kết quả của hành động của y ở trên cõi mình triết và không phải ở cõi thấp hơn. Đừng quên rằng chúng ta cũng tạo ra nghiệp quả ở cõi trung giới, vì con người có thể tạo ra nghiệp quả ở bất cứ nơi nào mà tâm thức của y được phát triển, hoặc ở bất kỳ nơi nào mà y có thể hoạt động hay chọn lựa. Tôi đã từng thấy những trường hợp mà hành động ở cõi trung giới đã sinh ra quả báo trong kiếp tiếp theo ở cõi trần. Một điểm đáng nhớ khác là lúc nào cũng có một cộng nghiệp thuộc về một nhóm hoặc một quốc gia, và ở một mức nào đó, mỗi cá nhân trong nhóm hoặc quốc gia đó phải gánh chịu trách nhiệm cho cả nhóm nói chung. Ví dụ, một vị tu sĩ phải gánh một phần trách nhiệm nhất định cho những gì mà dòng tu sĩ làm, mặc dù cá nhân y có thể không đồng ý với hành động đó.

NHÂN QUẢ CỦA LOÀI THÚ

Các học sinh thường hỏi về hoạt động của luật nhân quả trên loài thú, vì họ cho rằng loài thú gần như không thể làm ra được một loại nhân quả gì

đáng kể. Vậy thật khó để giải thích được sự khác biệt quá lớn được quan sát giữa các hoàn cảnh khác nhau của chúng: một con thì được chăm sóc tỉ mỉ và cư xử tử tế, trong khi một con khác phải chịu ngược đãi mọi bề; một con thì luôn được bảo vệ và cho ăn uống đầy đủ, trong khi một con khác lại bị bỏ đói và phải chiến đấu chỉ để được sinh tồn.

Có hai điểm cần phải được lưu ý trong mối quan hệ này giữa người và thú: (1) một con thú thường *tạo* ra nhiều nghiệp quả; (2) một con thú được đối xử tử tế không phải lúc nào cũng có vẻ có nhiều lợi thế hơn, vì được tiếp xúc với loài người không phải lúc nào cũng tốt cho nó hoặc giúp nó tiến hoá theo đúng chiều hướng. Một con chó săn được người thợ săn dạy dỗ sẽ trở nên dã man và tàn bạo hơn nhiều so với bất cứ hình thức nào khác của thiên nhiên có thể dạy cho nó, bởi vì một con thú rừng chỉ giết để thỏa mãn cơn đói của nó, nhưng chỉ có con người mới giới thiệu vào cuộc sống của nó tính độc ác của việc sát sinh chỉ vì khát vọng tàn phá. Cho dù trí khôn của nó có phát triển nhiều bao nhiêu đi nữa, nhưng vẫn tốt hơn cho con thú bất hạnh đó nếu nó chưa bao giờ tiếp cận với loài người, bởi vì thông qua nó mà bây giờ hồn-khóm của nó đã tạo ra một nghiệp quả - nghiệp quả của loại độc ác nhất mà những con chó khác, vốn là biểu lộ của hồn-khóm đó, sẽ phải chia sẻ và nhận lãnh

sau này để cá tính đã man đó mới có thể từ từ được tẩy sạch.

Điều tương tự có thể được nói về con chó cũng được nuôi chịu quá mức bởi một cô chủ đại dốt nên nó dần dần mất đi tất cả các đức tính của con chó và trở thành một hiện thân của sự ích kỷ và lười biếng. Trong hai trường hợp này, con người đã phạm tội làm sai trách nhiệm của y đối với loài thú và cố tình phát triển những bản tính thấp hèn thay vì cao cả trong những sinh vật được giao phó cho y chăm sóc, do đó tự bản thân y tạo ra nghiệp xấu và cũng hướng dẫn cả hồn-khóm theo như thế. Trách nhiệm của con người đối với con chó rõ ràng là để giúp nó phát triển lòng sùng tín, tình thương, trí khôn và sự hữu ích, và để kiềm chế một cách nhân từ nhưng dứt khoát mọi biểu lộ của bản chất đã man và độc ác của nó mà qua bao thế kỷ một nhân loại tàn ác đã không ngừng bồi dưỡng.

Đôi khi, có nhiều người hỏi giống như là họ nghĩ rằng con chó hoặc con mèo được đầu thai vì nó đáng được thưởng. Chúng ta không phải đang làm việc với một cá nhân riêng biệt, vì vậy đối với con thú đó, không có một nghiệp cá nhân nào trong dĩ vãng được tạo ra theo nghĩa thông thường của từ ngữ đó - nó không có gì xứng đáng để nhận được quà thưởng. Khi một một khối Chân Thần (hồn-khóm) tiến hóa bằng cách đầu thai liên tiếp trong một dòng thú vật, rồi kết thúc (hãy giả sử) trong một

con chó đã đạt đến một trình độ cao, các con thú riêng biệt đại diện cho sự biểu lộ của hồn khóm được đưa xuống dưới đây để tiếp xúc với loài người hầu sự tiến hoá của nó có thể nhận được sự kích thích mà chỉ có thể được cung cấp qua sự tiếp cận đó.

Khối Chân Thần làm sinh động nhóm chó đó đã tích lũy rất nhiều nghiệp quả liên quan đến việc điều khiển các biểu lộ đa dạng của nó cho đến khi nó đạt đến trình độ có thể tiếp xúc được với loài người, và mỗi một con chó thuộc hồn-khóm đó đều có chia phần trong kết quả đó. Vì vậy, khi một người hỏi rằng một con chó đã làm gì để hưởng được một đời sống thoải mái hoặc ngược lại, họ đã bị gạt bởi ảo ảnh của vẻ bên ngoài và quên rằng không có gì có thể được gọi là một cá nhân con chó, ngoại trừ ở phần sau của kiếp đầu thai cuối cùng của nó, khi một linh hồn mới mẻ đã dứt khoát tách rời khỏi khối Chân Thần đó.

Một số người bạn của chúng tôi không hiểu rằng có một thứ được coi như là một nghiệp mới bắt đầu. Khi A đã thương B, họ luôn quay lại với lý thuyết là ở một thời điểm nào đó trước đây, B phải làm cho A bị thương và ám chỉ là B hiện đang gặt quả mà y đã gieo. Có lẽ điều này đúng trong nhiều trường hợp, nhưng một chuỗi nguyên nhân phải khởi đầu từ đâu đó, và có nhiều khả năng là việc này có thể là một hành động mới đột nhiên bắt công

của A mà y chắc chắn sẽ phải trả nợ trong tương lai, trong khi sự đau khổ của B, mặc dù là oan ức liên quan với A, lại có thể là sự trả nợ của một hay nhiều hành vi khác mà B đã phạm phải trong quá khứ liên quan đến một người nào khác.

Trong trường hợp của một con thú bị bạc đãi bởi con người, điều này (nghiệp mới) là chắc chắn – vì nó không thể nào là hậu quả của một nghiệp trước về phần của con thú, bởi vì nếu nó là một cá nhân có khả năng mang nghiệp thì nó sẽ không được tái sinh vào hình dạng con thú.

Tuy nhiên, hồn-khóm mà nó là một phần tử phải lãnh lấy nghiệp quả, nếu không thì chuyện đó không thể xảy ra. Loài thú thường cố tình gây đau đớn cho nhau. Qua các suy luận khác nhau, người ta có thể chắc chắn một cách hợp lý rằng, trong việc có thể được gọi là quá trình hoạt động cần thiết tự nhiên, một con mồi bị giết bởi con thú rừng để làm đồ ăn cho nó không bị đau đớn nhiều; nhưng trong những cuộc ẩu đả cố tình và không cần thiết thường xảy ra giữa các con thú, chẳng hạn như giữa con bò đực, nai đực, con chó hoặc con mèo – sự cố tình gây đau đớn khủng khiếp trên con thú khác có nghĩa là nghiệp xấu của một hồn-khóm, một nghiệp quả nhất định phải được thanh toán qua một số biểu hiện khác nhau của nó trong tương lai.

Tuy nhiên, tội lỗi của sự đối xử tàn bạo của một “*kẻ cầm thú*” đối với một con vật, hoặc việc khiến

nó đánh nhau hoặc gây ra đau đớn cho những sinh vật khác, không bao giờ được giảm đi trong một khoảnh khắc nào, dù chỉ là một chút. Nhất định nó sẽ tạo ra nghiệp, và một nghiệp rất nặng, tích lũy cho bản thân y như là một người đã lạm dụng quyền giúp đỡ được đặt trong tay y, và trong nhiều và rất nhiều kiếp sẽ đến, y sẽ phải chịu đau khổ như là hậu quả xứng đáng cho sự tàn ác ghê tởm của y.

Nếu một người chịu khó bỏ ra công sức cần thiết để đạt được đầy đủ kiến thức đã được ghi chép sẵn trong các tác phẩm Thông Thiên Học về các chủ đề của luật nhân quả và luật luân hồi của loài thú, họ sẽ hiểu được dễ dàng và rõ rệt các nguyên tắc chính mà dựa trên đó quy luật của chúng tác động. Tôi biết rõ những kiến thức tổng quát như vậy thật là quá ít, và tôi công nhận có nhiều trường hợp đang liên tiếp xảy ra mà các chi tiết của phương pháp hoạt động của luật nhân quả thật sự vượt khỏi tầm hiểu biết của chúng ta. Tuy nhiên, cũng đủ để cho bạn thấy rằng những gì chúng ta được dạy về sự tất yếu và công bằng tuyệt đối của luật nhân quả là một trong những chân lý căn bản của tạo hoá. Nắm chắc được điều này, bạn có thể chờ đợi một sự thấu hiểu cặn kẽ hơn khi bạn đạt được các quyền năng tâm linh cao hơn, chỉ có như thế mới cho bạn khả năng nhìn thấy được toàn bộ hoạt động của một hệ thống nói chung.

Đảm bảo rằng khi chúng ta tiến bộ, ánh sáng thiêng liêng sẽ soi sáng cho chúng ta thấy được nhiều góc cạnh vẫn còn nằm trong bóng tối, và chúng ta sẽ từ từ nhưng chắc chắn tiến đến sự hiểu biết hoàn hảo về chân lý thiêng liêng thậm chí hiện giờ đang bao phủ chúng ta, bảo vệ và hướng dẫn chúng ta. Tất cả những ai đã từng có vinh dự được nghiên cứu các chủ đề này dưới sự hướng dẫn và giúp đỡ của các Bậc Thầy Trí Tuệ đều bị thuyết phục không còn nghi ngờ gì về điều này, đến nỗi mặc dù trong hiện tại họ không nhìn thấy được hoàn bộ nhưng họ vẫn sẵn sàng tin tưởng vào Quyền Năng vĩ đại dù chỉ có được những cái nhìn thoáng qua được ban cho dưới mắt con người.

CHƯƠNG IV

HỘI THÔNG THIÊN HỌC VÀ NGƯỜI SÁNG LẬP RA HỘI

HỘI THÔNG THIÊN HỌC LÀ GÌ ?

Dường như một số hội viên chưa hoàn toàn hiểu được địa vị của Hội Thông Thiên Học mà họ thuộc về. Nó không phải là một Hội chỉ được thành lập để khuyến khích sự nghiên cứu về một môn học đặc biệt nào đó, như là Hiệp Hội Hoàng Gia Châu Á Học hoặc Hiệp Hội Hoàng Gia Địa Lý Học; còn nhỏ hơn nữa là một Giáo Hội, chỉ tồn tại để quảng bá một hình thức giáo pháp cụ thể nào đó. Nó có một vị trí riêng trong đời sống hiện đại vì nguồn gốc của nó không giống như những hội khác đang hiện hữu. Để hiểu được nguồn gốc này, chúng ta phải liếc nhìn qua một chút về khía cạnh bí ẩn của lịch sử thế giới.

Tất cả các môn sinh huyền bí học đều biết rằng quá trình tiến hoá của thế giới không phải bị bỏ mặc để tự diễn biến một cách ngẫu nhiên, mà việc chỉ đạo và quản lý nó nằm trong tay Quần Tiên Hội, đôi khi được gọi là Hội Bạch Huynh Đệ. Những Người mà chúng ta gọi là Chân Sư thuộc về nhóm Huynh Đệ đó, bởi vì Họ là những người chịu thu nhận đồ đệ dưới các điều kiện nhất định, những người đã tự chứng minh rằng họ xứng đáng với vinh dự đó. Nhưng không phải tất cả các vị Chân Tiên là Chân Sư, không phải ai cũng thu nhận đồ đệ; nhiều người

trong số Họ mặc dù ngang hàng về chức vị huyền bí đã bỏ hết thời giờ của Họ làm việc theo nhiều đường lối khác nhau, mặc dù lúc chúng nào cũng là để giúp đỡ cho sự tiến hoá.

Để có thể giám sát và quản lý lĩnh vực hoạt động của Họ, Họ đã chia thế giới ra thành các địa hạt, cũng giống như Giáo Hội đã phân chia lãnh thổ của họ ra thành các giáo xứ (tuy các giáo xứ này là lục địa), và một vị Chân Tiên chủ trì một trong số các địa hạt này, cũng như một vị tu sĩ cai quản giáo xứ của họ. Tuy nhiên, Giáo Hội đôi khi cũng đưa ra một nỗ lực không có liên hệ đặc biệt gì với bất kỳ giáo xứ nào mà nhắm vào lợi ích chung của tập thể. Nó đưa ra một cái gọi là “sứ mạng trung ương,” với mục đích khích lệ niềm tin và sự hưởng ứng của toàn quốc, lợi ích thu hoạch được không phải là vấn đề lợi lộc cá nhân cho những người hành sự, mà là làm tăng sự thu hút của các giáo xứ bình thường.

Theo một cách nào đó, Hội Thông Thiên Học tương xứng với một sứ mệnh như vậy, còn những môn phái của các tôn giáo bình thường trên thế giới tương ứng với các giáo xứ; vì Hội xuất hiện giữa các tôn giáo không phải để tìm cách lấy đi những tín đồ đang theo bất kỳ một trong số các tôn giáo này, mà là để giúp họ hiểu được tôn giáo của mình và sống theo nó một cách tốt hơn so với trước kia, và trong nhiều trường hợp, mang lại cho họ một niềm tin về tôn giáo của mình ở mức độ cao hơn và thông

minh hơn, một thứ mà họ từng có nhưng đã đánh mất. Đúng vậy, và nó bao gồm luôn cả nhiều người khác, trên danh nghĩa tuy không theo một tôn giáo nào, những người, tuy thực tâm là loại người sùng đạo vẫn chưa có thể chấp nhận được những lời giảng dạy thô sơ của giáo lý truyền thống, đã tìm thấy trong giáo lý Thông Thiên Học một sự trình bày về chân lý mà họ có thể thật lòng hưởng ứng bởi vì bản chất hợp lý sẵn có của nó và sự cởi mở bao dung của nó. Chúng tôi có những hội viên đạo Ấn độ, đạo Phật, đạo Jains, đạo Parsis¹⁶, đạo Do Thái, đạo Hồi và đạo Thiên Chúa, và không ai trong số họ đã từng nghe hoặc đọc được một lời chỉ trích nào về tôn giáo của họ từ bất cứ người nào trong ban quản trị Hội; quả thật, trong nhiều trường hợp, công tác của Hội đã làm hồi sinh niềm tin về tôn giáo ở những nơi mà nó đã được thành lập.

Tại sao điều này là như vậy có thể dễ hiểu khi chúng ta nhớ rằng tất cả các tôn giáo trên thế giới đều bắt nguồn từ Hội Huynh Đệ vĩ đại này. Trong chính phủ thực sự nhưng được che dấu của thế giới này có Bộ Giáo dục Tôn giáo, và vị Bộ Trưởng này đã trực tiếp thành lập tất cả các tôn giáo khác nhau hoặc gián tiếp qua một số đệ tử. Trong mỗi trường hợp, Họ điều chỉnh các giảng pháp cho phù hợp với trình độ của người nghe ở vào thời điểm đó của lịch

16 Một nhánh của Hòa Giáo tại Ấn độ

sử thế giới. Chúng chỉ đơn giản là những sự trình bày khác nhau của cùng một giáo lý, có thể được nhận ra ngay lập tức khi chúng được so sánh với nhau. Hình thức bên ngoài của chúng có khác nhau khá nhiều, nhưng bản chất khái quát nói chung lúc nào cũng giống nhau. Tất cả các tôn giáo đều khen ngợi các đức hạnh giống nhau, đều lên án các điều ác giống nhau, nên đời sống hàng ngày của một người Phật tử hoặc một người đạo Hindu thuần thực trên thực tế đều giống như đời sống của một người đạo Chúa hoặc một người đạo Hồi ngoan đạo. Họ thực hành các giáo pháp giống nhau, mặc dù họ gọi chúng bằng những tên khác nhau; một người thì dành nhiều thì giờ cầu nguyện, người khác thì ngồi thiền, nhưng thật ra các bài thực tập của họ đều giống nhau và họ đều đồng ý rằng một người tốt phải là một người công bình, tử tế, rộng lượng và thật thà.

Cách đây vài trăm năm, nó được nói rằng những người cầm đầu Quân Tiên Hội đã quyết định rằng cứ vào cuối phần tư của mỗi thế kỷ, một nỗ lực đặc biệt cần phải được thực hiện để giúp đỡ thế giới theo một cách nào đó. Một số nỗ lực này có thể được nhận ra - chẳng hạn như phong trào do Christian Rosenkreutz¹⁷ khởi xướng vào thế kỷ thứ 14, đồng thời với những cải cách vĩ đại trong Phật

17 Rosenkreuz là người sáng lập ra Hội Hồng Thập Tự Bí Giáo.

Giáo Bắc Tông do đại sư Tông Khách Ba giới thiệu; thời kỳ Phục Hưng (Renaissance) đáng lưu ý của văn học cổ điển và việc du nhập nghề ấn loát vào Âu Châu ở thế kỷ thứ 15; công trình của Đại Đế Akbar¹⁸ ở Ấn độ vào thế kỷ thứ 16, đồng thời với việc xuất bản nhiều tác phẩm ở Anh và những nơi khác của Ngài Bacon,¹⁹ và sự phát triển huy hoàng của thời đại Nữ Hoàng Elizabeth; việc sáng lập ra Hiệp Hội Hoàng Gia cùng các nghiên cứu khoa học của Ông Robert Boyle và những người khác sau thời kỳ Phục Hưng vào thế kỷ thứ 17; những hoạt động vào thế kỷ thứ 18 (bí mật của lịch sử này chỉ được một số ít biết đến ở các cõi cao hơn) đã thoát khỏi tầm kiểm soát và suy đồi thành cuộc Cách Mạng Pháp đầm máu; và việc thành lập Hội Thông Thiên Học vào thế kỷ thứ 19.

Hội Thông Thiên Học là một trong những phong trào lớn trên thế giới với sứ mệnh sẽ tạo ra những ảnh hưởng mạnh hơn những gì chúng ta đã thấy so với hiện nay. Lịch sử hoạt động của nó cho đến nay chỉ là màn mở đầu của những gì sẽ đến, và tầm quan trọng của nó sẽ vượt xa hơn những gì nó dường như là hiện nay. Nó đặc biệt khác hơn so với tất cả các phong trào khác trước nó: (1) nó là điềm báo trước sự sắp giáng trần của Đức Chúa, và (2) nó

18 Akbar là vị vua đã mở rộng bờ cõi nước Ấn độ qua chính sách tự do tôn giáo.

19 Ngài Bacon là tiền thân của Đức Đế Quân St. Germain của Cung 7.

là một bước khẳng định đầu tiên nhắm về sự hình thành của một giống dân mới. Nhiều môn sinh của chúng ta biết rằng Chân Sư Morya, vị Chân Tiên cao cả mà hai vị sáng lập ra Hội Thông Thiên Học hết lòng tận tụy trung thành, đã được chọn làm Đức Bàn Cổ của giống dân đó, và người bạn không hề xa rời Ngài là Chân Sư K.H. sẽ phụ trách Bộ Giáo Dục Tôn Giáo.

Rõ ràng là trong công việc hai Vị Cao Cả này sẽ phải làm, Họ cần có một đội quân thân tín tận tụy, những người *trên hết* phải biết trung thành, tuân lời và chịu khó. Họ có thể sở hữu những đức tính khác, nhưng ít nhất họ *phải* có những đức tính này. Phạm vi hoạt động sẽ được mở rộng cho những người có trí thông minh sắc bén nhất, trí sáng tạo linh hoạt nhất và mọi khả năng khác theo nhiều phương diện, nhưng tất cả các thứ này sẽ trở nên vô ích nếu họ không có khả năng vâng lời tức thì và có một lòng tin tuyệt đối vào Chân Sư. Tính tự phụ là một rào cản tuyệt đối để tiến bộ theo đường lối này. Một người không bao giờ có thể tuân theo mệnh lệnh nếu y luôn nghĩ rằng mình biết nhiều hơn những người cầm quyền, một người không thể nào hoàn toàn nhận chìm phạm ngã của họ vào trong công việc đã được giao phó và hợp tác hài hòa với các bạn đồng nghiệp - một người như vậy thật không có chỗ đứng trong đoàn quân của Đức Bàn Cổ. Những người gia nhập vào nó đương nhiên sẽ

phải đầu thai liên tục nhanh chóng nhiều lần trong giống dân mới, mỗi lần như vậy cố gắng đưa các dẫn thể của họ gần hơn và gần hơn nữa với kiểu mẫu đã được dựng lên cho họ bởi Đức Bàn Cổ - một công việc rất vất vả và khó khăn, nhưng là một việc tuyệt đối cần thiết cho sự hình thành một loại người mới được yêu cầu cho một giống dân mới. Cơ hội tình nguyện cho công việc này hiện đang được mở ra cho chúng ta.

Những người muốn tham gia vào nó phải bắt đầu phân biệt mục tiêu của họ với mục tiêu của những người bình thường trên thế giới. Nếu chúng ta muốn được chọn để làm công việc *đó*, chúng ta phải thể hiện mình sẵn sàng và quyết tâm làm công việc *này* mà hiện giờ đang được đưa ra cho chúng ta. Người Đứng Đầu vĩ đại của Bộ Giáo dục Tôn giáo, Đức Di Lặc, đã tuyên bố như Krishna đã nói với người Ấn Độ và như Chúa Kitô với người Công giáo, là Ngài đã sớm quyết định đến thăm thế giới một lần nữa để chữa trị và giúp đỡ cho các quốc gia hồi sinh sức mạnh tinh thần trên trái đất này đã gần như bị mất đi. Một công việc tuyệt vời mà Hội Thông Thiên Học phải làm là cố gắng chuẩn bị cho nhân loại về sự tái lâm của Ngài, để nhiều người hơn có thể nhận được phúc lợi của cơ hội không gì sánh bằng mà sự hiện diện của Ngài sẽ ban bố. Tôn giáo mà Ngài đã thành lập khi Ngài giảng thế ở Judaea hai ngàn năm trước nay đã lan rộng khắp thế

giới; nhưng sau khi Ngài rời khỏi thân xác đó, các môn đồ của Ngài đã tụ họp với nhau để bàn luận về tình hình, và chúng tôi được cho biết rằng danh sách tên tuổi của họ chỉ có vỏn vẹn một trăm hai mươi người. Chỉ có một người giảng đạo duy nhất là Sứ giả của Ngài khi đó; hiện giờ, nó là một Hiệp Hội trên toàn thế giới với hai mươi nghìn hội viên. Hy vọng lần này chúng ta sẽ làm tốt hơn một chút nữa để giữ Ngài với chúng ta lâu hơn ba năm trước khi sự tàn ác của thế giới xưa đuổi Ngài, để thu hút một số lượng lớn tín đồ theo Ngài trước khi Ngài rời bỏ chúng ta? Điều này vẫn còn chưa biết được, nhưng nó lệ thuộc phần lớn vào năng lượng, nỗ lực và lòng vị tha của các hội viên Hội Thông Thiên Học hiện nay.

Ngoài mục đích chính của nó là truyền bá chân lý huyền bí học trên toàn thế giới, Hội Thông Thiên Học cũng có một mục đích thứ hai - là nó có thể hoạt động như một mạng lưới để thu hút những người trên toàn thế giới có hứng thú với huyền bí học sẵn sàng làm việc cho nó. Từ số người đó, một tỷ lệ nhất định sẽ muốn tìm hiểu tiếp tục để học hết tất cả những gì Hội có thể dạy cho họ và tiến bộ thực sự. Có lẽ không phải tất cả những người này đều thành công, nhưng một vài người chắc chắn sẽ được, như một số đã làm được trong quá khứ; do đó, từ những người đã có một vị trí chắc chắn, các vị Chân Tiên có thể chọn ra những người mà Họ cho là

xứng đáng, với vinh dự được làm việc dưới quyền của các Ngài trong tương lai. Những chọn lọc như vậy dĩ nhiên không thể nào được bảo đảm cho bất cứ ai, thậm chí đối với những người đã vào được vòng sâu bên trong nhất của Hội, bởi vì quyền chọn lựa hoàn toàn nằm trong tay các vị Chân Sư. Chúng tôi chỉ có thể nói rằng những sự chọn lựa như thế đã từng được thực hiện trong quá khứ, và chúng tôi biết rằng vẫn cần phải có nhiều thiện nguyện viên hơn nữa.

Có nhiều người đã gia nhập Hội mà không biết gì về những cơ hội bên trong mà nó có thể cung cấp, hoặc sự liên hệ mật thiết với các Bậc Thầy Trí Tuệ mà nó có thể mang đến cho các hội viên. Nhiều người gia nhập nó một cách gàn như câu thả, ít suy nghĩ hoặc nhận thức được về tầm quan trọng của bước mà họ đã thực hiện; và cũng có những người rời bỏ nó một cách hời hợt giống như vậy, chỉ vì họ chưa hoàn toàn thấu hiểu.

Tuy nhiên, ngay những người đó thậm chí cũng đạt được một điều gì đó, mặc dù rất ít so với những gì họ có thể đạt được nếu họ khôn ngoan hơn. Nữ bá tước Wachtmeister kể lại có một lần khi vài người khách tình cờ đến thăm gặp Bà Blavatsky và ngỏ ý tham gia Hội, Bà lập tức đưa ra các mẫu đơn cần thiết và nhận họ ngay vào Hội. Sau khi họ ra về, nữ bá tước hình như có nói vài lời hơi nửa trách móc với Bà Blavatsky là thật không thể hy vọng được

nhiều ở nơi họ, vì ngay cả cô (nữ bá tước) cũng có thể nhận ra rằng họ chỉ gia nhập Hội từ động cơ hiếu kỳ hoặc bản tánh lịch sự.

Bà Blavatsky đã nói, “Đúng vậy, nhưng ngay cả hành động chính thức này cũng tạo cho họ một nhân duyên với Hội, và dù nó có nhỏ đi nữa, ít nhất nó sẽ mang lại một ý nghĩa gì đó cho họ trong tương lai.”

Một vài người đã hành động thật đại dột khi họ rời bỏ Hội chỉ vì họ không tán thành chính sách của vị Hội Trưởng, không tự phản ánh rằng: (1) những chính sách đó là việc của vị Hội Trưởng chứ không phải việc của họ; (2) có lẽ có một lý do rất chính đáng nào đó mà họ hoàn toàn không hiểu vì vị Hội Trưởng biết rất nhiều về mọi thứ hơn họ; và (3) tất cả các vị Hội Trưởng và chính sách của họ dù sao đi nữa vẫn là tạm thời, và chúng không ảnh hưởng đến sự thật căn bản là Hội Thông Thiên Học thuộc về các vị Chân Sư và đại diện cho Họ, và việc từ bỏ nó là từ bỏ tiêu chuẩn của các Ngài. Vì các Ngài đứng đằng sau nó và có ý dùng nó như là một dụng cụ, chúng ta có thể chắc chắn rằng các Ngài sẽ không cho phép một lỗi nào quá lớn xảy ra. Một quân nhân tốt chắc chắn sẽ không rời bỏ hàng ngũ của mình chỉ vì y không đồng ý với kế hoạch của vị Đại Tướng rời bỏ đi để chiến đấu một mình. Ngay cả một cách chiến đấu như vậy cũng đem lại một kết

quả gì đặc biệt hoặc hữu ích cho mục đích chiến đấu của y.

Một vài người bỏ đi chỉ vì sợ rằng nếu họ còn ở lại trong Hội, họ có thể bị người khác hiểu lầm với một vài ý kiến mà họ không tán thành. Điều này không chỉ là ích kỷ mà còn tự phụ - có quan trọng gì việc người khác nghĩ hoặc nói về bất cứ ai trong chúng ta, miễn sao công việc của Chân Sư được thực hiện và kế hoạch của Ngài được hoàn thành? Chúng ta phải học quên đi bản thân mình và chỉ nghĩ về công việc đó. Đúng là công việc đó sẽ được thực hiện trong bất cứ hoàn cảnh nào và chỗ trống của những người không chịu làm sẽ nhanh chóng được thay thế. Do đó, người ta có thể đặt câu hỏi rằng liệu sự đào ngũ như vậy có quan trọng hay không? Chúng không quan trọng đối với công việc nhưng lại rất quan trọng đối với kẻ đào ngũ, người đã bỏ lỡ cơ hội, và có thể cơ hội đó sẽ không quay trở lại trong nhiều kiếp tới. Một hành động như vậy cho thấy một sự thiếu cân nhắc, một sự thiếu hiểu biết tuyệt đối về Hội Thông Thiên Học thật sự là gì và hoạt động phía bên trong của nó.

Công việc mà các Chân Sư của chúng ta đang thực hiện, công trình tiến hoá của nhân loại, là một công việc hấp dẫn nhất trên thế giới. Đôi khi, một vài người trong chúng tôi, những người đã phát triển quyền năng ở các cõi cao hơn, được cho phép có một cái nhìn thoáng qua về kế hoạch vĩ đại đó -

chúng kiến một góc nhỏ của bức màn bí mật đó được vén lên. Tôi thật không biết có điều nào thú vị hoặc hấp dẫn hơn. Sự huy hoàng và đồ sộ của kế hoạch đó làm người ta choáng ngợp, nhưng ấn tượng hơn nữa là vẻ trang nghiêm điềm tĩnh đó, sự hoàn toàn chắc chắn của nó về mọi thứ. Không chỉ cá nhân mà luôn cả quốc gia là những con cờ trên ván cờ này, nhưng không một quốc gia hoặc cá nhân nào bị bắt buộc phải đảm nhận bất cứ một vai trò nhất định nào. Cơ hội được diễn một vai nào đó được trao cho nó (quốc gia) hoặc cho y; nếu nó hoặc y không chịu nhận lấy, lúc nào cũng sẽ có một vai phụ sẵn sàng bước vào để lấp chỗ trống đó.

Hiện giờ đang có một cơ hội tuyệt vời được trao cho giống dân Anglo-Saxon, cho toàn bộ giống dân phụ Teutonic, nếu họ chỉ cần bỏ xuống những ganh đua, tị hiềm với nhau và nắm lấy nó. Tôi hy vọng với tất cả tấm lòng của tôi là họ sẽ làm được như vậy, tôi tin rằng nó sẽ là như vậy; nhưng tôi biết một điều này, rằng nếu lỡ không may mà họ thất bại, đã có một quốc gia khác được chọn sẵn để đảm nhận lấy cây vương trượng mà trong trường hợp đó sẽ rơi khỏi tay họ. Sự thất bại như vậy sẽ gây ra một chút chậm trễ trong khi quốc gia mới được thúc đẩy thật nhanh về phía trước để đạt đến trình độ cần thiết, nhưng sau một vài thế kỷ, kết quả y như dự tính sẽ đạt được. Đó là điều hoàn toàn chắc chắn - là mục tiêu chỉ định sẽ đạt được, còn thông qua cơ

quan nào mà nó sẽ được thực hiện chỉ quan trọng đối với người đại diện nó, nhưng không có nghĩa lý gì đối với sự tiến bộ toàn diện của thế giới.

Chúng ta hãy lao mình *vào* công việc đó, chứ không phải *ra* khỏi nó, lúc nào cũng cố gắng làm nhiều hơn và nhiều hơn nữa, cũng như tốt hơn và tốt hơn nữa, vì hiện giờ nếu chúng ta làm tốt trong các công công việc tương đối nhỏ - như trong công việc hoạt động của chi bộ, trong công việc truyền bá, phục vụ mọi người chung quanh chúng ta - chúng ta có thể được cho phép làm một điều gì đó lớn lao hơn để giúp dọn đường cho sự tái lâm của Ngài; nếu chúng ta có được vinh dự vẻ vang là thành tâm, cung kính làm cho mình trở nên hữu dụng vào lúc đó, chúng ta có thể được nhanh chóng trao cho các trách nhiệm thậm chí lớn hơn liên quan đến giống dân chính mới, và câu nói ngày xưa sẽ ứng vào người của chúng ta: “Làm tốt lắm, hỡi kẻ đầy tớ giỏi giang và trung thành, ngươi đã làm một số nhỏ công việc rất tận tâm. Ta sẽ cho ngươi quản lý nhiều việc hơn nữa. Hãy đi vào trong sự vui mừng của Đức Chúa của ngươi.”

THÔNG THIÊN HỌC VÀ CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO THẾ GIỚI

Một nhà Thông Thiên Học thông minh đôi khi không thể nào không tự hỏi tại sao giáo lý Thông Thiên Học, mặc dù chắc chắn là đại diện cho một lý thuyết tiên tiến nhất về sự hiện hữu và một tuyên bố vẹn toàn nhất của trí tuệ siêu phàm nhất hiện thời, lại dường như không có một chút sức thu hút nào đối với nhiều nhà lãnh tụ tư tưởng và phát minh lỗi lạc nhất trên thế giới, cho dù đó là về mặt khoa học, nghệ thuật, văn chương, triết lý hoặc tôn giáo. Những người có trí tuệ sắc bén nhất, những người có tinh thần cao thượng nhất, hiển nhiên họ phải là những người đầu tiên hoan nghênh vẻ lộng lẫy, huy hoàng của giáo lý Thông Thiên Học, với một hệ thống rành mạch và hợp lý của nó, với ánh sáng mà nó soi lên các vấn đề sinh tử, cùng với một lý tưởng đẹp đẽ mà nó đặt trước mặt chúng ta. Nhưng thực tế vẫn là họ không hoan nghênh nó, ngược lại có nhiều người trong số họ còn làm lơ hoặc thậm chí khinh thường nó. Thái độ của họ thật là một hiện tượng lạ lùng, vậy làm sao chúng ta có thể giải thích được điều này?

Một lần nữa, đối với bản thân chúng ta, nếu để qua một bên một người thật sự quá phi thường như bà Hội Trưởng của chúng ta, chúng ta biết rõ là những nhà Thông Thiên Học như chúng ta về mặt trí tuệ thật thua xa những nhà lãnh đạo ưu tú về kiến thức khoa học và triết lý, còn về mặt tinh thần và

lòng sùng tín, chúng ta cũng vẫn còn thua xa một số Đại thánh trong các tôn giáo mà chúng ta đã từng nghe qua. Tuy nhiên, chúng ta lại có cái vinh dự vô giá là thấy mình được vào Hội Thông Thiên Học, có thể hiểu, tin tưởng, và đồng hoá các lời dạy của nó, trong khi những người khác thì hiển nhiên không thể. Chúng ta rõ ràng không giỏi hơn họ, theo vài đường lối phát triển cụ thể thì chúng ta rõ ràng là kém cỏi hơn, vậy tại sao phần thưởng lớn và vinh quang này lại đến với chúng ta mà không phải đến với họ?

Vì đó *là* một phần thưởng cao quý và to lớn - chúng ta không nên làm lẫn về điều này. Những tinh từ mạnh mẽ nhất trong ngôn ngữ, các cách mô tả thi vị nhất mà chúng ta có thể hình dung được, vẫn không thể đủ truyền đạt được “Thông Thiên Học là gì” đối với những người có thể hiểu được nó, đối với những gì nó đã làm được cho những người biết thực hành nó. Vì nó có thể làm được tất cả điều này cho chúng ta là những người bình thường, tại sao những người giỏi hơn và xuất chúng hơn lại tỏ ra lãnh đạm và không có một chút động lòng đối với nó?

Họ đúng *là* giỏi hơn và cao cả hơn, đây là một điểm không nên bị làm lẫn. Trí tuệ của một nhà khoa học xuất chúng là một điều tuyệt vời và đáng mong cầu, nó là đỉnh cao của sự phát triển qua nhiều thời đại. Sức mạnh tinh thần, sự thoát tục siêu

phàm và lòng sùng tín sâu sắc của một vị thánh nhân là đẹp đẽ và tôn quý hơn mọi ngôn từ, và một thánh vị như vậy chỉ đến như là một vương miện của nhiều kiếp nỗ lực tu hành theo đường lối đặc biệt đó. Đây thực sự là những năng khiếu mà không ai có thể khinh thường hoặc phủ nhận: “thật sự chúng còn quý hơn vàng - đúng vậy, còn quý hơn vàng ròng, và cũng ngọt ngào hơn mật ong và tổ ong.”

Tuy nhiên, những người sở hữu chúng lại không có viên ngọc trai vô giá của giáo lý Thông Thiên Học, và chúng ta có nó, chúng ta, những người đứng ở đồng bằng và nhìn lên họ đang đứng ở trên các đỉnh núi. Rõ ràng những người xuất chúng này có nhiều thứ mà chúng ta không có, ít nhất nhiều thứ mà trong chúng ta vẫn còn là thô thiển, vậy chúng ta có điều gì mà họ không có để chúng ta xứng đáng với một vinh dự lớn lao như vậy?

Đây là điều mà chúng ta có được - *kiến thức về một hướng đi để phát huy sức mạnh của mình*. Chúng ta có nó bởi vì qua giáo lý Thông Thiên Học, chúng ta có thể hiểu được một điều gì đó về sơ đồ tiến hóa của vạn vật, một chút gì đó về sự cấu tạo của thế giới, và một điều gì đó về mục tiêu và phương pháp của quá trình tiến hoá - và đây không phải chỉ theo một nghĩa bao quát và đại khái mà còn có đủ chi tiết để nó có thể được áp dụng vào trong đời sống cá nhân.

Nhưng tại sao tất cả điều này đối với chúng ta, những người nhỏ bé, lại là rõ ràng hơn nhiều so với những người giỏi hơn? Qua chính giáo pháp của Thông Thiên Học, chúng ta biết rằng “cân cân hoàn hảo của tạo hóa chính xác đến dường nào,” rằng không ai có thể nhận lãnh được thậm chí bất cứ lợi ích nhỏ nhất nào mà y không xứng đáng; vậy chúng ta đã làm gì để xứng đáng với phần thưởng to tát này - chúng ta, những người cũng giống như hàng ngàn người khác, với đầy những khuyết điểm của con người bình thường, không tốt hơn nhưng cũng không tệ hơn so với phần đông huynh đệ của chúng ta?

Bất luận là chúng ta đã làm điều gì, hiển nhiên nó phải xảy ra ở một kiếp nào khác hơn là kiếp này. Nhiều người trong chúng ta có thể làm chứng rằng khi chúng ta mới gặp giáo lý Thông Thiên Học lần đầu, một cái gì đó trong chúng ta lập tức nhảy dựng lên và vui mừng đáp lại sự thu hút của nó, trong sự háo hức thừa nhận về mối liên hệ đồng tình với tư tưởng của nó. Tuy vậy, chúng ta cũng đều biết rằng có rất nhiều người giỏi hơn chúng ta mà nó lại không gọi lên được bất cứ một phản ứng nào - những người không hiểu được mức độ nhiệt tình của chúng ta đối với nó.

Chúng tôi thường giải thích điều này (và rất đúng) bằng cách nói rằng chúng tôi đã từng gặp qua những chân lý tuyệt vời này trước đây, rằng chúng

tôi đã biết được và học hỏi các điều này ở một kiếp trước, còn những người bạn không biết quý nó thì chưa. Nhưng điều đó không giải quyết được vấn đề này, nó chỉ bị đẩy lùi lại một đoạn xa hơn. Tại sao trong kiếp trước chúng ta lại nghiên cứu những điều này, trong khi những người bạn tài giỏi hơn của chúng ta thì lại không?

Câu trả lời là thế giới này vẫn còn trong giai đoạn đầu của quá trình tiến hoá và con người vẫn chưa đủ thời gian để bộc lộ hết mọi khả năng của y. Y phải phát triển chúng theo một trình tự nào đó, phải bắt đầu ở một chỗ nào đó, và mọi người đều khác nhau ở chỗ họ chọn những điểm khởi đầu khác nhau. Chúng ta có những đức tính và khả năng (như chúng là hiện thời) với sự hứng thú của chúng ta về các chủ đề này là vì trong một quá khứ xa xưa, chúng ta đã từng đưa ra các nỗ lực hết mình về chiều hướng này. Không ai sở hữu bất cứ đức tính gì mà y đã không cố gắng bộc lộ nó trong bản thân mình. Vì vậy, nếu những người bạn giỏi hơn của chúng ta có “thiên tài” về những môn gì đặc biệt, đó là vì họ đã gặt lấy năng khiếu đó bằng cách làm việc chăm chỉ trong các kiếp trước. Cũng như vậy, bằng cách học hỏi trong một kiếp khác, chúng ta đã đạt được “năng khiếu” của chúng ta - khả năng hiểu được và trân quý một điều gì đó trong chân lý Thông Thiên Học – cũng như họ đã đạt được khả

năng xuất chúng của họ về trí tuệ hay lòng sùng tín qua cách tu tập các đức tính này từ xưa.

Mỗi người chúng ta đã theo đuổi các đường lối tiến hoá khác nhau, bỏ ra nhiều thời gian để phát triển các đức tính khác nhau. Giờ đây, mỗi người chúng ta đều có được những gì chúng ta đã bỏ công sức ra để học hỏi, nhưng dĩ nhiên mỗi người chỉ thấy mình thiếu những đức tính mà họ *chưa* đặc biệt tu tập. Tất cả mọi người chúng ta đều không hoàn mỹ, nhưng không phải tất cả mọi người đều không hoàn hảo theo cùng một kiểu. Rõ ràng chúng ta phải hướng về sự phát triển toàn diện trong tương lai để mỗi người có được những đức tính mà người khác hiện đang có nhưng họ thì chưa.

Một điểm rất thú vị khác, được bà Hội Trưởng của chúng ta đã nói rõ ở đâu đó, là các nhà lãnh đạo tư tưởng vĩ đại hiện thời không thể thủ diễn vai trò cụ thể của họ trong quá trình tiến hoá của thế giới một cách trọn vẹn nếu như họ biết được tất cả những gì mà chúng ta biết. Đây là giống dân phụ thứ năm của giống dân chính thứ năm, và sự bộc lộ tất cả quyền năng hạ trí là công việc hiện thời đang được đặt ra cho nhân loại. Các nhà lãnh đạo này tăng cường nó, vinh hiển vì nó, gần như tôn thờ luôn nó, đang làm công việc mà họ đã được chỉ định thực hiện cho phần đông nhân loại. Chính vì họ hoàn toàn tin tưởng vào lý trí, vì họ nghĩ rằng không có gì ngoài nó, mà họ có thể phát huy nó triệt để và

đưa nó lên đỉnh cao chót vót. Chính vì họ chỉ biết đến chừng đó và không hơn nữa mà họ là những con cờ tốt nhất được sử dụng trong phần đặc biệt này của ván cờ vũ trụ. Bởi vì, như Omar Khayyam đã nói:

“Chúng ta như những con cờ,
Cho Ngài đánh cuộc vài giờ mua vui.
Hết đêm rồi lại đến ngày,
Khi thì chiếu tướng, lúc thì đoạt quân.
Ván cờ có lúc cũng tàn,
Từng quân cờ nhỏ vào nằm trong kho.”

Tất cả các vĩ nhân này đều là những nhà lãnh đạo đã được chỉ định ở một giai đoạn nào đó, và họ đang làm công việc của họ một cách tuyệt vời; chúng ta không thể nào yêu cầu họ phải ngừng lại ngay bây giờ để lắng nghe chúng ta và thông điệp của chúng ta. Sẽ đến một lúc nào đó trong tương lai mà họ sẽ lắng nghe, và lúc đó sự phát triển của cái trí tuyệt vời mà hiện giờ họ đang phát triển sẽ đưa họ đi rất xa và rất nhanh trên con đường huyền môn.

Con người cần phải có ba điều này trước khi có thể hy vọng đạt được sự chân thiện mỹ: trí tuệ, sức mạnh tinh thần, và khả năng phân biện - đức tính cuối cùng trong trường hợp này có thể được định nghĩa là cách biết sử dụng hai thứ kia một cách khôn khéo. Nếu bất cứ một cá tính nào bị thiếu sót,

hoạt động của hai cái kia sẽ không thể nào không phạm phải sai lầm ở một mức độ nào đó. Chúng ta luôn thấy điều như thế xảy ra. Một nhà khoa học có thể phát triển trí tuệ đến một mức rất cao, nhưng nếu về mặt tinh thần bản chất của y lại hoàn toàn chưa phát triển, y có thể dùng trí tuệ đó cho mục đích cá nhân thay vì cho lợi ích chung, hoặc y có thể trở nên vô đạo đức trong việc theo đuổi kiến thức, cũng như một người mỗ xê thú vật sống. Một người tu hành có thể đạt đến trình độ sùng tín và tinh thần rất mạnh, nhưng vì thiếu trí tuệ nên y thường khiến mình trở nên lỗ bịch vì mê tín dị đoan, hoặc y có thể trở nên thiển cận và thậm chí là một kẻ khủng bố. Hơn nữa, một người tu sĩ và một nhà khoa học có thể phí phạm năng lượng của họ theo đường lối sai lầm chỉ vì muốn đạt được một sự hiểu biết rõ ràng về kế hoạch vĩ đại của Thượng Đế - thứ chính yếu mà Thông Thiên Học cung cấp.

Con người hiện nay là sản phẩm của những gì mà y đã từng làm hoặc suy nghĩ trong quá khứ. Nếu y dành hết năng lượng để phát triển trí tuệ - tốt lắm, y sẽ có trí tuệ mà y đã bỏ sức ra thu hoạch. Tuy nhiên, vì y cần có thêm khả năng tinh thần và trí phân biện nên bây giờ y cần phải dành hết thời gian để đạt được những khả năng đó. Nếu từ trước đến nay, chủ yếu y chỉ dành thời gian cho lòng sùng tín, y sẽ đạt được sức mạnh to tát theo đường lối đó, nhưng bây giờ y phải tiến hành phát huy những đức

tính khác của trí tuệ và khả năng phân biệt mà y vẫn chưa quan tâm đến. Nếu trong các kiếp trước y đã nghiên cứu về kế hoạch vĩ đại của vạn vật, lần này y sẽ quay lại với nhiều khả năng hiểu biết và trực giác để chấp nhận được sự thật, và quả thật đó là một điều tốt cho y; nhưng y vẫn cần phải phát huy từ bên trong mình những đức tính khác mà người khác đã tận tụy trau dồi.

Tiếp thay ở những giai đoạn đầu của sự tiến hoá, bản chất con người lại phát triển theo đường lối khiến họ có khuynh hướng khoe khoang về những gì bản thân họ sở hữu và cố gắng đề cao các phẩm chất của mình bằng cách hạ thấp giá trị của người khác thay vì bắt chước những gì tốt nhất ở người khác. Vì vậy, người tu hành và nhà khoa học hiếm khi biết quý trọng lẫn nhau và không ít khi có sự khinh miệt và hiểu lầm nhau. Chúng ta phải cẩn thận không cho phép mình rơi vào cạm bẫy tương tự. Hãy nhớ rằng chúng ta đã tự đặt ra cho mình mục tiêu trước mặt là quả vị Chân Tiên, và một vị Chân Tiên là một người hoàn mỹ với tất cả các đức tính cao quý khác nhau cùng hiện hữu trong bản thân ngài ở mức độ cao nhất.

Trước khi chúng ta đạt đến quả vị Chân Tiên, chúng ta phải phát triển nhiều khả năng tinh thần giống như một vị Đại Thánh trong số các thánh nhân và còn hơn thế nữa - nhiều khả năng trí tuệ giống như một nhà khoa học xuất chúng nhất và còn

hơn thế nữa. Vì vậy, thái độ của chúng ta đối với những người đã có những phẩm chất đáng quý này không nên là lời phê bình gay gắt, mà là sự tôn trọng và ngưỡng mộ cởi mở nhất về những gì đẹp nhất trong họ, trong khi phẩm chất của chúng ta - kiến thức mà chúng ta có được về diễn tiến của quá trình tiến hoá - sẽ ngăn cản chúng ta bắt chước những khuyết điểm bên cạnh những ưu điểm xuất sắc của họ, những người tuy đã tiến bộ rất xa trên các lộ trình khác nhưng thậm chí vẫn còn chưa đạt được đến ngưỡng cửa của con đường chúng ta.

Tất cả những đức tính này đều là cần thiết, và chúng ta còn có rất nhiều gian nan phía trước để phát huy những đức hạnh mà chúng ta hiện giờ đang thiếu sót. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng chúng ta có thể tự chúc mừng cho mình về sự lựa chọn mà chúng ta đã thực hiện trong những kiếp trước, khi chúng ta đã tận tụy nghiên cứu toàn bộ sơ đồ vĩ đại hầu để hiểu được kế hoạch của Ngài và hợp tác với Ngài trong khả năng khiêm tốn của chúng ta.

Vì vậy, điều này đã làm cho chúng ta (hoặc lẽ ra *phải* làm cho chúng ta) mãn nguyện với phần số của mình, khiến chúng ta có khả năng làm việc tốt nhất trong mọi hoàn cảnh và nhìn thấy điều tốt nhất trong vạn vật. Rất nhiều người hăm hở muốn nhìn thấy điều tệ nhất trong mọi người, để chụp lấy các lỗi lầm trong mọi việc, để tìm một điều gì đó để chê bai và bàn cãi. Là những nhà Thông Thiên Học,

chúng ta phải cố gắng trau giồi một tinh thần hoàn toàn ngược lại; chúng ta nên nhìn thấy một vị Thượng Đế ẩn tàng bên trong mọi người và vạn vật và năng nổ tìm thấy điều tốt chứ không phải điều xấu trong họ. Nếu những người khác coi thường chúng ta, nếu nhà khoa học chế giễu chúng ta là mê tín và không chịu nghe lời giải thích của chúng ta, nếu người sùng đạo nhìn chúng ta với vẻ kinh dị vì chúng ta không đi theo niềm tin truyền thống và họ khăng khăng bám vào sự trình bày kém cao quý hơn về vị Thượng Đế của họ so với những gì chúng ta có thể cho họ, hãy tự cảnh giác rằng chính chúng ta, về phía mình, không phạm phải lỗi lầm tương tự. Dĩ nhiên họ có khuyết điểm của họ, và một trong số đó là thành kiến khiến họ không thể nào chấp nhận được sự thật; hãy cố gắng nhã nhặn bỏ qua những khuyết điểm như thế và chỉ để ý đến những phẩm chất tuyệt vời thật sự xuất sắc của họ - những phẩm chất mà chúng ta phải cố gắng hết mình để bắt chước.

Vì chúng ta hiểu rằng Thượng Đế muốn dùng trí tuệ và lòng sùng tín của chúng ta để làm việc cho Ngài, chúng ta có một động cơ mạnh nhất có thể tưởng tượng được để phát triển các khả năng này càng nhanh càng tốt, và chúng ta sẽ giảm được rất nhiều rắc rối, rất nhiều sự hành xác và năng lượng bị phí phạm do kiến thức chúng ta đã có được về đường lối mà Ngài muốn các khả năng này được sử

dụng. Mọi thứ chúng ta có là từ Ngài, và do đó tất cả những gì chúng ta có, hãy nhân danh và theo ý của Ngài để gìn giữ chúng, để chúng mãi về sau chỉ được dùng vào công việc của Ngài.

HỒI TƯỞNG

Lần đầu tiên tôi biết về Thông Thiên Học là qua một bản sao cũ của cuốn sách *Thế Giới Huyền Bí* của Ông Sinnett, nhưng sự tiếp xúc đầu tiên của tôi với một trong các vị Chân Sư đã diễn ra một cách hơi khác thường. Trước đó vài năm, tôi đã từng tham gia vào việc nghiên cứu tâm linh học (spiritualism), và trong quá trình của việc điều tra đó, tôi đã tiếp xúc với hầu hết các người trung gian (đồng bóng) nổi tiếng thời đó và đã nhìn thấy mọi hiện tượng thông thường mà người ta đọc thấy trong sách về chủ đề này. Một người trung gian mà tôi thường qua lại rất nhiều là Ông Eglinton, và mặc dù tôi đã nghe nhiều mẫu chuyện không tốt về ông, tôi phải công nhận rằng trong tất cả các giao dịch của bản thân tôi với ông, tôi nhận thấy ông ấy là một người thẳng thắn, biết điều và lịch sự.

Một trong những kỹ năng đặc biệt của ông là viết lại trên tấm bảng, và tôi thấy rằng nó là một

hiện tượng rất hữu ích để cho ai có lòng ngờ vực xem coi. Phương pháp của nó là như sau:

Trên đường đến một buổi cầu hôn, tôi đã dẫn theo một người có tính hoài nghi vào một tiệm bán sách và thuyết phục y mua hai tấm bảng học trò còn mới, rồi cho họ gói chúng lại với một mẫu bút chì nằm ở giữa. Tôi khuyên y hãy tự kiểm soát lại gói bọc đó để chắc chắn rằng nó đã được cột lại chặt chẽ, rồi niêm phong chỗ cột đó với dấu mộc của y, nếu y có mang theo. Sau đó, tôi dặn y hãy đem theo gói hàng đó và dù có chuyện gì xảy ra đi nữa, y cũng không được phép rời khỏi nó nửa bước trước khi hoặc trong buổi cầu hôn. Nếu trong buổi cầu hôn người ta cần phải ngồi xuống nắm tay nhau, tôi khuyên y hãy ngồi lên gói hàng của y. Buổi cầu hôn đã bắt đầu như thế, và thông thường sau đó một lúc thì có những tiếng gõ hoặc một dấu hiệu nào đó cho thấy một lực lượng đã được tập chung.

Chúng tôi thường ngồi ở một chiếc bàn gỗ vuông nhỏ không có bất kỳ tấm vải nào trên đó, và cách làm việc của Eglinton là lấy một tấm bảng thông thường, đặt lên đó một mẫu bút chì và sau đó luôn nó xuống dưới bàn, giữ tấm bảng này ngay ở dưới bề mặt của chiếc bàn. Vì đây là ở giữa ban ngày và chúng tôi chỉ ngồi một mình trong phòng với người trung gian nên không có cơ hội nào để thay thế nó với các tấm bảng khác đã được chuẩn bị

sẵn trước đó hoặc bất cứ thứ gì tương tự. Tấm bảng được giữ theo đúng cách đó và chữ viết sẽ hiện ra trên bề mặt được ép sát vào bàn - viết ra câu trả lời cho bất kỳ câu hỏi nào mà chúng tôi chọn đặt ra.

Khi buổi cầu hồn đã diễn ra trong vòng một lúc thì tôi hỏi bóng gió rằng liệu các linh hồn tử tế có thể viết lên tấm bảng của chúng tôi không. Gần như lúc nào câu trả lời cũng là được, mặc dù có một vài lần tôi được cho biết là sức lực của họ không đủ mạnh. Sau đó tôi quay sang kẻ hoài nghi và yêu cầu y hãy đưa ra gói có tấm bảng được niêm phong lại nhưng chưa bao giờ được phép rời khỏi y. Thông thường, y sẽ đưa nó ra bằng hai tay ở trên bàn, và Ông Eglinton sẽ nhẹ nhàng đặt một tay lên gói đồ đó.

Dưới điều kiện đó, tôi hỏi người bạn hoài nghi hãy nghĩ ra một câu hỏi, rồi trong khi y vẫn còn cầm gói đồ đó, chúng tôi nghe được tiếng viết rất nhanh xảy ra bên trong. Khi ba tiếng gõ được phát ra thông thường để thông báo rằng thông điệp đã được hoàn tất, tôi nói với người bạn hoài nghi đó rằng:

“Bây giờ hãy kiểm tra tấm bảng của anh và sợi dây cột, và hãy khẳng định rằng không có ai đã thôi miên anh hoặc đục vào gói đồ của anh, sau đó hãy mở nó ra và đọc câu trả lời của anh.”

Nói chung, chúng tôi thường thấy hai mặt của các tấm bảng được ép vào nhau có đầy những câu viết trên đó có liên quan ít nhiều đến câu hỏi thăm

trong trí đã được đặt ra. Thông thường, người hoài nghi rất kinh ngạc và thậm chí chết lặng người trong một lúc; nhưng nói chung trong vòng một tuần y thường viết lại để nói rằng dĩ nhiên là chúng tôi đã gạt y bằng một cách nào đó, và chúng tôi thật sự đã không thấy những gì mà chúng tôi nghĩ là chúng tôi thấy.

Ông Eglinton có một vài thực thể được gọi là những nhân vật cố định (control subjects) khác nhau: một người là một cô gái da đỏ tự xưng là Daisy và nói chuyện duyên thuyên cho dù cô ta có được cho cơ hội nói hay không; một người khác là người Á-rập tên là Abdullah, cao hơn một mét tám (6 feet), không bao giờ nói gì cả nhưng lại tạo ra những hiện tượng lạ lùng và thường biểu diễn những trò xiếc thể hiện một sức mạnh phi thường - tôi đã từng thấy anh ta nhấc lên hai người đàn ông nặng nề cùng một lúc, mỗi người một tay; và một người nữa thường xuyên xuất hiện thứ ba là Ernest, anh ta hiếm khi hiện hình, nhưng thường nói chuyện bằng giọng trực tiếp và chữ viết rất có cá tính và trí thức. Một ngày kia trong buổi trò chuyện, một điều gì đó liên quan đến các Bậc Thầy Trí Tuệ được nhắc đến; Ernest nói về Họ với một thái độ hết sức cung kính và nói rằng anh ta đã có hân hạnh được gặp Họ trong một vài dịp. Tôi lập tức hỏi rằng liệu anh ta có chịu sẵn sàng phụ trách gửi một lời nhắn hoặc một lá thư đến cho Họ hay không, và anh ta nói rằng anh

ta rất sẵn sàng và sẽ chuyển nó khi có cơ hội, nhưng không thể nói được chính xác là vào lúc nào.

Liên quan đến vấn đề này, tôi có thể nhắc đến tại đây rằng tôi đã có một ví dụ rất hay sau đó về cách liên lạc không đáng tin tưởng như thế. Khá lâu sau, có một nhà ngoại cảm nào đó viết đến bài báo *Ánh Sáng* để giải thích rằng không thể nào có những người như các vị Chân Sư, bởi vì Ernest đã quả quyết nói với y rằng không có. Tôi đã viết đến bài báo đó để nói rằng chính tôi cũng được cho biết từ nguồn gốc không có giá trị đó rằng *có* Chân Sư, và Ernest biết rất nhiều về Họ. Trong mỗi một trường hợp, rõ ràng là Ernest đã biết phản ánh lại suy nghĩ của chính người hỏi, như các thực thể như vậy thường hay làm.

Để quay lại câu chuyện của mình, tôi lập tức nhận lời hứa hẹn với điều kiện như vậy của Ernest, nói rằng tôi sẽ viết một lá thư đến một trong các vị Chân Sư và sẽ nhờ cậy anh ta nếu người bạn và thầy của tôi là Ông Sinnett chịu đồng ý. Khi vừa nhắc đến cái tên này thì các “vong linh” trở nên bức bối; Daisy đặc biệt trở nên rất giận dữ và tuyên bố rằng cô không muốn có liên hệ gì với Ông Sinnett dưới bất cứ hoàn cảnh nào. Cô ta nói với vẻ tức tối: “Trời ơi, ông ta còn gọi chúng tôi là ma quái!” Tuy nhiên, tôi thân nhiên giữ vững lập trường của mình vì tất cả những gì tôi biết về Thông Thiên Học đều đến với tôi từ Ông Sinnett, và do đó tôi cảm thấy rằng

tôi không nên đi sau lưng ông ta bằng bất cứ cách nào, hoặc cố tìm một cách liên lạc nào đó mà không cố vấn với ông trước.

Cuối cùng, mặc dù với một thái độ rất tệ, các “vong linh” đồng ý với điều kiện này, và buổi cầu hồn nhanh chóng kết thúc. Khi Ông Eglinton tỉnh lại từ trạng thái xuất thần, tôi hỏi ông ta làm cách nào tôi có thể gửi một lá thư đến Ernest, và ông lập tức nói rằng nếu tôi muốn gửi thư đến cho anh ấy, ông ta sẽ đặt nó vào trong một cái hộp đặc biệt được treo trên tường, và Ernest sẽ lấy nó từ chỗ đó khi anh ta muốn. Sau đó, tôi đi đến Ông Sinnett và hỏi ý kiến của ông về tất cả sự việc này. Ông ấy lập tức tỏ ra rất hứng thú và khuyên tôi hãy nhanh chóng nhận lời và xem điều gì sẽ xảy ra.

Vậy là sau đó tôi đã về nhà và viết ra ba lá thư. Lá thư đầu tiên là đến Chân Sư K.H., trình bày với Ngài với tất cả tấm lòng cung kính của tôi rằng, kể từ lần đầu tiên khi tôi được nghe về Thông Thiên Học, ao ước duy nhất của tôi là muốn làm việc dưới quyền của Ngài như một người đệ tử. Tôi kể cho Ngài nghe về hoàn cảnh của tôi lúc đó và hỏi rằng liệu tôi có cần phải vượt qua thời gian bảy năm tập sự ở Ấn độ mà tôi đã từng nghe nói đến hay không. Tôi đặt lá thư này vào trong một phong bì nhỏ và niêm phong nó cẩn thận với dấu mộc của tôi. Sau đó, tôi đính kèm nó trong một lá thư viết cho Ernest mà trong đó tôi nhắc lại lời hứa của anh ta và nhờ

anh ấy chuyển lá thư này dùm tôi và mang lại hồi âm nếu có. Lá thư thứ hai tôi cũng niêm phong lại một cách tương tự rồi đính kèm nó với một bức thư ngắn đến Ông Eglinton, nhờ ông ta bỏ nó vào cái hộp của ông ấy và báo cho tôi biết nếu có bất cứ ai động đến nó. Tôi có hỏi một người bạn đang ở chung với tôi kiểm tra lại hai lá thư đã được niêm phong bằng kính hiển vi, để nếu chúng tôi có nhìn lại chúng, chúng tôi có thể biết được liệu có ai đã giở trò gì với chúng hay không. Qua bưu điện, tôi nhận được tin nhắn từ Ông Eglinton, nói rằng ông ấy đã bỏ thư gửi cho Ernest vào hộp thư của anh ta và nó đã biến mất, hơn nữa nếu có bất cứ hồi âm gì ông ta sẽ lập tức gửi nó đến cho tôi.

Một vài ngày sau tôi nhận được một lá thư với nét chữ mà tôi không quen biết, khi mở nó ra tôi phát hiện lá thư mà chính tôi viết cho Ernest dường như chưa được mở ra, cái tên “Ernest” trên phong bì đã bị gạch đi và tên của tôi được viết dưới đó bằng bút chì. Bạn tôi và tôi lập tức kiểm tra dấu niêm phong với kính hiển vi và không thể phát hiện được bất cứ một dấu hiệu nào của ai đó đã giở trò trên lá thư đó, và chúng tôi đều đồng ý rằng nó chưa bị mở ra; tuy nhiên, sau khi mở nó ra, tôi phát hiện rằng lá thư mà tôi viết cho Chân Sư đã biến mất. Tất cả những gì tôi tìm thấy bên trong chỉ là lá thư do chính tôi viết cho Ernest, với một vài chữ được viết theo lối chữ rất quen thuộc của anh ấy trên tờ giấy

trắng, nói rằng lá thư của tôi đã được giao đến cho vị Chân Sư Cao Cả, và nếu trong tương lai tôi được nhận xét là xứng đáng để nhận được một câu trả lời, Ernest sẽ vui vẻ mang nó lại cho tôi.

Tôi đợi khoảng vài tháng nhưng không có hồi âm, và bất cứ khi nào tôi đến những buổi cầu hồn của Ông Eglinton và tình cờ gặp Ernest, tôi đều hỏi anh ta rằng khi nào tôi mới nhận được một câu trả lời. Anh ta lúc nào cũng nói rằng lá thư của tôi đã được giao đến nơi, nhưng chưa có ai nhắc đến việc hồi âm và anh ta không thể làm gì được hơn. Sáu tháng sau, tôi nhận được một câu trả lời, nhưng không phải qua Ernest, trong đó Chân Sư nói rằng mặc dù Ngài không nhận được lá thư của tôi (Ngài cũng nhận xét rằng, Ngài vốn không thể nào nhận được một lá thư như vậy từ bản chất của một người sứ giả như thế), Ngài biết tôi đã viết những gì và bây giờ Ngài đang bắt đầu trả lời nó.

Ngài nói với tôi rằng thời gian thực tập bảy năm có thể được trải qua ở bất cứ nơi đâu, nhưng Ngài đề nghị tôi nên đến đây một vài tháng để xem liệu tôi có thể làm việc với nhân viên của Trụ Sở Trung Ương hay không. Tôi muốn trả lời rằng hoàn cảnh của tôi không thể nào cho phép tôi đến Adyar ba tháng rồi quay lại tiếp tục với công việc mà tôi đang tham gia. Tuy nhiên, tôi sẵn sàng bỏ xuống công việc đó và cống hiến hết đời mình làm việc cho Ngài. Vì Ernest rõ ràng đã làm cho tôi thất

vọng, nên tôi không còn biết cách nào khác để chuyển thông tin này đến cho Chân Sư ngoại trừ đưa nó đến cho Bà Blavatsky, và vì bà sẽ rời Anh quốc ngày hôm sau để về Ấn độ nên tôi vội vàng lên London để gặp Bà.

Khó khăn lắm tôi mới thuyết phục Bà đọc bức thư vì bà dứt khoát nói rằng những cách liên lạc như vậy chỉ dành riêng cho người nhận. Tuy nhiên, tôi buộc phải nài nỉ và cuối cùng, Bà đã đọc nó và hỏi rằng tôi muốn trả lời như thế nào. Tôi trả lời như đã nhắc ở bên trên và hỏi Bà làm sao tin tức này có thể được chuyển đến Chân Sư. Bà trả lời rằng Ngài đã biết rồi, dĩ nhiên đề cập đến sự liên hệ mật thiết giữa Bà với Ngài, nên bất cứ những thứ gì nằm trong tâm thức của Bà cũng nằm trong tâm thức của Ngài, khi Ngài muốn như thế.

Sau đó, Bà nói tôi hãy đợi cạnh bên Bà và không được rời xa Bà vì bất cứ lý do gì. Tôi kiên nhẫn ngồi đợi suốt một buổi trưa và buổi chiều, thậm chí còn đi cùng với Bà khá khuya đến nhà Bà Oakley, nơi mà rất nhiều người bạn đã tụ họp ở đó để chào tạm biệt Bà Blavatsky. Bà ngồi trên một chiếc ghế bố bên cạnh lò sưởi, đàm luận thật lưu loát với những người hiện diện trong khi vừa vo tròn một trong các điều thuốc lá muôn thuở của Bà, khi đột nhiên tay phải của Bà bị giật ra về phía lò sưởi một cách kỳ dị và lòng bàn tay lật ngửa lên trên. Bà nhìn xuống nó một cách ngạc nhiên, cũng

như tôi vậy, vì tôi đang đứng rất gần Bà và chống khuỷu tay trên bệ lò sưởi; một số người chúng tôi nhìn thấy rõ ràng một dạng sương trắng được kết tụ trong lòng bàn tay bà rồi đậm đặc lại thành một tờ giấy được gấp lại mà Bà lập tức đưa ngay cho tôi, nói rằng: “Đây là câu trả lời của anh.” Dĩ nhiên, mọi người trong phòng đều xúm lại, nhưng Bà bảo tôi ra ngoài để đọc nó, dặn rằng tôi không được cho ai nhìn thấy nội dung của nó. Nó nói rằng trực giác của tôi về việc bỏ xuống mọi thứ và đi đến nơi này là đúng; rằng đó chính là điều mà Ngài muốn tôi làm nhưng không thể nói ra trừ phi chính tôi đề nghị. Vài ngày sau đó, tôi được bảo hãy lấy tàu hơi nước và đến Ai-Cập với Bà Blavatsky, tất nhiên tôi đã thi hành.

Chúng tôi đã ở trong Khách Sạn d’Orient tại Cairo. Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy một trong các thành viên của Hội Bạch Huynh Đệ. Khi tôi đang ngồi trên sàn nhà dưới chân Bà Blavatsky để soạn lại một số giấy tờ cho Bà, tôi giật mình nhìn thấy đứng giữa chúng tôi một người đàn ông mà không hề đi vào bằng cửa. Đó chính là người hiện giờ là Chân Sư D.K., mặc dù lúc đó Ngài chưa được điểm đạo để trở thành một vị Chân Tiên.

Thời gian chúng tôi ở Ai-Cập với Bà Blavatsky là một kinh nghiệm đáng ghi nhớ theo nhiều phương diện vì Bà đã nói cho chúng tôi biết rất nhiều về sự kiện phía bên trong của những gì chúng tôi thấy ở

đó. Bà đã từng ở Ai-Cập trước đó và quen thân với một số quan chức tại đó, với Thủ Tướng Nubar Pasha và Lãnh Sự Nga Ông Hitrovo, và đặc biệt với giám đốc viện bảo tàng Ông Maspero. Tôi đặc biệt nhớ rõ chi tiết chuyến đi thăm viện bảo tàng của chúng tôi với quý ông Maspero và Bà Blavatsky đã nói cho ông ấy biết rất nhiều về những điểm thú vị nhất của các món đồ lạ lùng mà ông ta đang bảo quản.

Bà Blavatsky hiểu tiếng Ả Rập, và bà thường làm chúng tôi thích thú bằng cách thông dịch cho chúng tôi những lời nhận xét riêng tư của các thương gia Ả Rập nghiêm túc và trịnh trọng khi họ ngồi nói chuyện với nhau trong chợ. Sau một lúc để cho họ gọi chúng tôi là những con chó Cơ đốc Giáo và nói một cách bất kính về những người phụ nữ thân thuộc của chúng tôi qua nhiều thế hệ, Bà đã hỏi họ một cách thân nhiên bằng ngôn ngữ của họ rằng liệu họ có nghĩ rằng đây là cách mà một tín đồ ngoan đạo của Nhà Tiên Tri (Mohammed) nên nói về những người mà họ hy vọng sẽ kiếm được nhiều lợi lộc trong việc kinh doanh hay không. Những người đàn ông luôn luôn bị bối rối vì họ không ngờ rằng có một người Âu Châu lại có thể hiểu được ngôn ngữ của họ.

Tuy nhiên, tiếng Ả-rập dường như là tiếng phương Đông duy nhất mà Bà biết, vì Bà không biết tiếng Phạn; do đó những danh từ Thông Thiên Học

của chúng ta gặp nhiều rắc rối bởi vì nó phát sinh từ sự kiện là vào thời đó, Bà hay diễn tả những gì Bà thấy hoặc biết và rồi hỏi lại bất cứ người Ấn độ nào ở gần đó tiếng Phạn của nó là gì. Thông thường, quý ông dịch danh từ cho Bà không hiểu rõ ý của Bà, và thậm chí cho dù y có hiểu đi nữa, chúng ta phải nhớ rằng Bà hỏi rất nhiều môn đồ theo các trường phái triết lý khác nhau, nên mỗi người sẽ trả lời tùy theo sắc thái của ý nghĩa được áp dụng cho thuật ngữ đó trong sự học hỏi của họ.

Nhiều hiện tượng kỳ lạ liên tục xảy ra chung quanh Bà vào thời kỳ này. Trước nhất, chính bản thân Bà là một hiện tượng kỳ lạ nhất trong tất cả các hiện tượng, vì Bà thường biến đổi liên tục. Đôi khi chính các Vị Chân Sư sử dụng cơ thể của Bà và viết hoặc nói chuyện trực tiếp thông qua Bà. Lúc khác, khi linh hồn của Bà đang bận rộn ở nơi khác, một đệ tử này hoặc đệ tử nọ trong hai vị đệ tử thuộc cương vị thấp hơn Bà sẽ mượn lấy cơ thể, và thậm chí có đôi lúc một người đàn bà khác sẽ điều khiển nó. Chính bản thân tôi thường chứng kiến tất cả những sự thay đổi này diễn ra, và tôi từng thấy một người đàn ông vừa mới nhập vào cơ thể của Bà phải nhìn chung quanh để tìm hiểu tình trạng của hoàn cảnh mà y đã bước vào - chẳng hạn như phải cố gắng tiếp tục chủ đề của cuộc đối thoại. Nhưng bất chấp mọi điều này, Bà không thể được coi giống như là một người trung gian (đồng bóng) bình thường theo

nghĩa của nó, vì người chủ nhân thật sự của cơ thể luôn đứng ở phía sau với một tâm thức hoàn toàn tỉnh táo và hiểu rõ chuyện gì đang xảy ra.

Tuy nhiên, những hiện tượng thật phi thường đôi khi cũng có xảy ra. Trong lúc chúng tôi vượt qua sa mạc bằng xe lửa từ Ismailia đến Cairo, một lá thư rơi xuống trong toa xe lửa, nhắc đến chủ đề của cuộc đối thoại đang diễn ra và ban cho một lời khen động viên đến tên của mỗi người đang hiện diện. Một người trong nhóm này và tôi đang tình cờ nhìn lên lúc đó khi lá thư này xuất hiện, và chúng tôi đồng thời thấy nó hiện ra trong không gian ngay ở một khoảng trống tròn trên nóc toa xe lửa, nơi mà lồng đèn được treo vào buổi tối. Nó cũng đến như lá thư kia, như một quả cầu sương mù màu trắng rồi đậm đặc lại thành một tờ giấy và bay nhẹ nhàng xuống.

Tôi nhớ có một dịp khác Bà đã mua một lọ dầu mùi hoa hồng bằng hai đồng tiền Anh ở một chợ bán hương ở Cairo để dùng cho phòng thờ phụng tại đây. Nửa tiếng sau, khi chúng tôi ngồi xuống ăn trưa ở một chiếc bàn nhỏ tại khách sạn đã được đặt sẵn cho nhóm người chúng tôi ở một hốc tường, hai đồng tiền Anh rơi xuống trên bàn của chúng tôi, và Bà Blavatsky giải thích rằng Bà đã được cho biết không nên tiêu tiền trên người Họ bằng cách này, vì chúng tôi sẽ cần dùng hết số bạc mà chúng tôi đã cầm theo trước khi đến Adyar - một lời tiên tri quả nhiên đã được chứng minh là đúng.

Hết lần này đến lần khác, tôi đã thấy nhiều hiện tượng lạ lùng có liên hệ mật thiết với Bà Blavatsky. Tôi từng thấy Bà làm hiện ra những bức tranh và bài viết, cũng như từng thấy Bà tìm ra một đồ vật bị mất bằng khả năng huyền bí. Tôi đã thấy rất nhiều lần các lá thư cứ rơi xuống từ không gian trước mặt Bà, và tôi phải nói ngay ở đây rằng tôi đã từng thấy một lá thư như vậy rơi xuống nơi căn nhà này tại Adyar khi Bà đang ở cách đây 6,000 dặm bên Anh quốc, và những lần khác khi chính tôi có được vinh dự làm việc cho Chân Sư để chuyển lại những lá thư như vậy sau khi Bà đã lia bỏ cõi trần.

Trong những ngày đầu tiên của Hội, những thông điệp và chỉ đạo từ các Chân Sư xảy ra rất thường xuyên, và chúng tôi đã sống ở một mức độ hăng hái tuyệt vời mà những người gia nhập Hội sau khi Bà Blavatsky qua đời khó có thể tưởng tượng được. Những người như chúng tôi từng có vinh dự vô giá được tiếp xúc trực tiếp với các vị Chân Sư đương nhiên có thể giữ được lòng nhiệt thành đó, nhưng trong những hoàn cảnh kém thuận lợi hơn, chúng tôi đã không thể duy trì nó trong hàng ngũ hội viên. Có lẽ bây giờ chúng ta có thể sẽ sớm chứng kiến được sự tái phát của nó - hy vọng rằng mọi người chúng ta đều có thể được xứng đáng tham gia vào thời điểm huy hoàng đang đến!

TRUNG THÀNH CHO ĐẾN CHẾT

Cách đây rất lâu ở thời cổ Atlantis, có một vị Vua uy quyền trị vì Thành Phố Cổng Vàng hùng vĩ. Một ngày kia, Ngài cử một vị tướng quân dẫn quân đi dẹp một bộ lạc nhiễu loạn ở biên cương của Ngài. Vị tướng quân đó đã chiến thắng và được nhà Vua phong thưởng làm Thủ Lãnh ngự tiền thị vệ của hoàng cung và được giao phó trách nhiệm bảo vệ người con trai duy nhất là người sẽ thừa kế ngai vàng của Ngài. Không lâu sau đó, vị thủ lãnh mới nhậm chức đã có một cơ hội biểu hiện lòng trung thành của y đối với sứ mệnh của mình, vì khi ông đang ở một mình với vị Hoàng tử trẻ trong ngự hoa viên thì một nhóm người âm mưu đã tấn công họ và định ám sát hoàng tử.

Vị thủ lãnh đã dũng cảm chiến đấu bất chấp sự chênh lệch quá lớn, và mặc dù ông bị trọng thương nhưng vẫn thành công bảo vệ được Thái Tử khỏi bị thương nghiêm trọng cho đến khi viện binh đến; sau đó, ông và vị Hoàng Tử bất tỉnh đã được cùng khiêng vào trước mặt nhà Vua. Đức Vua nghe xong câu chuyện và đã quay sang vị thủ lãnh sắp lìa đời và phán rằng:

“Ta có thể làm gì được cho khanh, người đã hy sinh tính mạng cho ta?”

Vị thủ lãnh đáp:

“Hãy cho thần mãi mãi phục vụ Ngài và con trai của Ngài trong các kiếp tương lai vì bây giờ đã có sự liên kết bằng máu giữa chúng ta.”

Và với hơi tàn cuối cùng, ông ta nhúng tay vào máu đang chảy ra rất nhanh từ vết thương của mình và chấm nó lên chân của nhà vua và trán của vị Hoàng Tử còn đang bất tỉnh. Nhà Vua đưa tay ra để ban phước và trả lời rằng:

“Bằng máu đã đổ vì Ta và con của Ta, Ta hứa rằng cả khanh và nó sẽ mãi mãi phục vụ cho Ta cho đến cuối cùng.”

Và đó là mối dây liên hệ đầu tiên được đúc kết giữa ba vị lãnh tụ của nhân loại mà chúng ta đều biết đến, vị Vua vĩ đại đó hiện giờ là Chân Sư Morya, Thái Tử con trai của Ngài là Helena Petrovna Blavatsky, và người Thủ Lãnh cầm quân là Henry Steele Olcott. Kể từ đó qua bao nhiêu thời đại, qua bao nhiêu biến cố kỳ lạ, mối liên hệ đó đã được gìn giữ không hề bị gián đoạn và sự phục vụ vẫn được thực hiện, như chúng ta biết rõ nó sẽ là như vậy trong những thời đại sắp đến.

Kể từ đó với tư cách là Garshasp, Vua của Ba Tư, ông đã bảo vệ và giúp đỡ thành lập hình thức của Bái Hỏa Giáo hiện nay, và sau đó với tư cách là vị vua nổi tiếng thế giới Asoka (Vua A-Dục), ông đã ban ra những sắc lệnh tuyệt vời đến ngày nay vẫn còn được ghi khắc trên bia đá và cột trụ ở Ấn độ để cho thấy lòng nhiệt thành và sùng đạo của ông. Vào

cuối cuộc đời dài và vất vả đó, ông ta đã nhìn lại nó một cách buồn bã khi nhận thấy rằng thậm chí các thành quả tuyệt vời của ông vẫn còn rất xa mục tiêu của ông. Để cổ vũ ông, Chân Sư của ông đã cho ông thấy hai linh ảnh, một thuộc về quá khứ và một thuộc về tương lai. Linh ảnh về quá khứ là cảnh tượng ở Atlantis khi mối liên kết giữa họ được hình thành; linh ảnh về tương lai cho thấy Chân Sư của ông sẽ là Đức Bàn Cổ của giống dân chính thứ sáu, và Bà Hội Trưởng sáng lập ra Hội chúng ta sẽ là vị phụ tá phục vụ dưới quyền của Ngài trong công việc cao cả của chức vụ cao quý đó. Vì vậy, vua A-dục đã ra đi trong sự mãn nguyện vì biết chắc rằng trong tất cả mối liên hệ trần thế, mối quan hệ mật thiết nhất giữa Chân Sư và đệ tử sẽ không bao giờ bị cắt đứt.

Vì ông đã từng đảm trách một vai trò quan trọng trong việc truyền bá hai tôn giáo trong số các tôn giáo vĩ đại trên thế giới là Bái Hoả Giáo và Phật Giáo, thật là thích đáng cho ông có liên hệ chặt chẽ với công việc của phong trào tuyệt vời này của Hội Thông Thiên Học để thống nhất lại tất cả các tôn giáo. Tuy bản thân ông chưa bao giờ là một vị lãnh tụ tôn giáo, ông luôn là một người tổ chức rất đảm đang để thành toàn công việc của Đức Thầy. Trong những kiếp gần đây cũng như trong tất cả các kiếp khác, chỉ nam làm người của ông lúc nào cũng là lòng trung thành tuyệt đối với Đức Thầy và với

công việc mà ông phải làm. Lần đầu tiên tôi gặp ông hơn một phần tư thế kỷ trước đây, đó là nét nổi bật nhất trong tính cách của ông; trong suốt những năm mà tôi biết ông, điểm này điều động mọi hành động của ông trên tất cả các động cơ khác; nó tạo ra nguồn cảm hứng cho lá thư cuối cùng mà ông viết cho tôi chỉ vài tuần trước khi ông qua đời, và nó vẫn là đặc điểm nổi bật nhất của ông ở cõi trung giới, nơi mà ông đã sống kể từ đó.

Nếu chúng ta quay sang các chi tiết ngoài đời về kiếp sống vừa qua của ông, chúng ta cũng tìm thấy một chủ âm như vậy về lòng tận tụy với nhiệm vụ. Vị Phụ Tá Bộ Trưởng Bộ Quốc Khố Hoa Kỳ đã từng viết cho ông về sự cống hiến của ông cho tổ quốc như sau:

“Tôi muốn nói rằng tôi chưa bao giờ gặp bất cứ người nào nhận lãnh trọng trách biểu hiện nhiều năng lực, nhanh nhẹn và uy tín như ông trong suốt thời gian qua. Hơn bao giờ hết, tôi tình nguyện làm nhân chứng cho tính cách ngay thẳng và chính trực của ông mà tôi chắc chắn rằng nó tiêu biểu cho cả sự nghiệp của ông và chưa từng bị ai công kích theo sự hiểu biết của tôi. Khi chúng tôi nghĩ về quyền lực và sự tham nhũng, tảo bạo của những kẻ gian ác ở các tầng cấp cao trong xã hội mà ông đã từng truy tố và trừng trị, việc ông có thể vượt qua tất cả với danh dự toàn vẹn là một thành tích đáng kể mà ông có thể

tự hào, và không ai khác ngồi ở vị trí và làm việc tương tự như của ông có thể đạt được ở nước này.”

Cũng như thế, ông đã thể hiện sức mạnh và năng lực đó trong công việc của Hội Thông Thiên Học. Rất ít hội viên của chúng ta biết được mức làm việc và sự thành công của ông vì phần lớn những gì mà ông đã làm chỉ có thể được đánh giá đúng đắn bởi những người đã từng đi thăm những miền đất ở phương Đông mà ông yêu mến. Việc xây dựng lại và mở rộng trụ sở Trung Ương của Hội tại Adyar là do nỗ lực không ngừng của ông. Chính ông là người đã thành lập một thư viện đồ sộ tại đây và trong buổi lễ khai trương của nó, rất nhiều tu sĩ từ tất cả các tôn giáo hàng đầu trên thế giới đã tụ họp tại đây để cùng nhau ban phước cho sự ra đời của nó - lần đầu tiên trong lịch sử mà các nhà đại diện tôn giáo như vậy đã gặp nhau trong tình huynh đệ đại đồng, mỗi người tự do thừa nhận vị trí bình đẳng của người khác với chính họ.

Phong trào giáo dục Phật pháp mạnh mẽ trên đảo Tích Lan (Ceylon, Sri Lanka) cũng là do nỗ lực của ông, và cho đến hiện nay, thành tích của ông là đã xây dựng 287 trường Phật Học, nơi mà hơn 35,000 trẻ em đang được dạy dỗ. Ông chính là người đã kết hợp Phật giáo Bắc Tông và Nam Tông trên một diễn đàn chung của một niềm tin sau khi hai môn phái này đã bị chia rẽ với nhau hơn 1,000

năm; ông cũng là người đã đứng lên giáo dục những tầng lớp xã hội đã bị hắt hủi và ruồng bỏ.

Ông đã gặp nhiều khó khăn lớn trong việc tổ chức và chỉ đạo một phong trào phức tạp như Hội Thông Thiên Học, tuy nhiên, ông luôn được quần chúng yêu thích ở mọi nơi và được chào đón nồng nhiệt ở mọi quốc gia. Lòng trung thành tuyệt đối của ông đối với sự phát triển của Hội và sự thành thật trong sáng của ông về mục đích của mình không thể nào không gây ấn tượng với tất cả những người đã gặp gỡ ông. Tôi rất xúc động khi nói về ông vì tôi đã có nhiều cơ hội đặc biệt để biết rõ về ông. Tôi sẽ không bao giờ quên được sự nhân từ như một người cha của ông đối với tôi khi tôi còn là một thanh niên tương đối khá trẻ còn mới lạ với cuộc sống ở Ấn độ khi tôi đến trú ngụ tại trụ sở Trung Ương ở Adyar lần đầu tiên.

Kể từ đó, tôi đã gặp ông ở nhiều nước; tôi đã trải qua nhiều tuần sống riêng với ông (ngoại trừ người phiên dịch và một người hầu) trong một chiếc xe bò kéo trong khu rừng của xứ Tích Lan (Ceylon); tôi đã từng đồng hành với ông trong quá trình giới thiệu Thông Thiên Học đến Miến Điện vào năm 1885. Dưới những hoàn cảnh thân thiết như vậy, một người sẽ nhanh chóng hiểu rất rõ về một người khác hơn so với nhiều năm quen biết xã giao bình thường, và tôi có thể không ngần ngại làm chứng cho sự tận tụy hết mình của ông - thực tế là trong

suốt thời gian này, mối lo âu duy nhất của ông là làm sao đẩy mạnh được hoạt động của Thông Thiên Học, suy tư duy nhất của ông là làm thế nào để cho Đức Thầy vui lòng bằng cách làm tận sức mình với những gì đã được giao phó cho ông.

Sự ra đi của ông đối với chúng tôi cũng chỉ vừa mới gần đây để chi tiết của nó vẫn chưa bị lãng quên. Tất cả mọi người chúng tôi đều biết ông đã can đảm chịu đựng những khó nhọc đến độ nào và trong suốt thời gian bệnh hoạn, suy nghĩ duy nhất của ông vẫn là cho lợi ích của Hội yêu quý mà ông đã cống hiến hết đời mình. Chúng tôi còn nhớ đến lúc ông phải từ bỏ thể xác, ba người trong số các Bậc Thầy vĩ đại đã đứng bên cạnh ông, cũng như người bạn già và đồng nghiệp của ông, H.P. Blavatsky; chúng tôi đều đã nghe qua bài phúng điệu tuyệt vời của người kế nhiệm ông tại buổi lễ hỏa táng. Lễ thiêu đó là một buổi lễ hoành tráng thật xứng đáng. Giàn thiêu được làm bằng gỗ đàn hương và xác của ông được phủ bằng lá cò Mỹ và lá cò Phật giáo, lá cò Phật Giáo là do chính ông sáng tác với cờ hiệu được sắp theo đúng thứ tự các màu sắc đặc biệt của hào quang Đức Phật.

Ông đã bất tỉnh một lúc sau khi chết, nhưng đã nhanh chóng tỉnh táo lại hoàn toàn và hoạt động tích cực. Vì tôi luôn gắn bó rất thân thiết với ông nên Chân Sư của ông đã bảo tôi đóng vai trò làm người hướng dẫn cho ông khi cần thiết và giải thích cho

ông bất cứ điều gì mà ông muốn. Ông lúc nào cũng có hứng thú với các quyền năng và cơ hội ở cõi trung giới, và ngay khi ông có thể nhìn thấy được rõ ràng ở cõi trung giới, ông đã bắt đầu háo hức muốn học hỏi không ngừng để biết hết mọi thứ được thực hiện như thế nào, nguyên lý căn bản của chúng ra sao, và học cách tự mình làm được chúng. Ông có một ý chí mạnh mẽ khác thường theo một số chiều hướng nhất định, và điều này làm cho nhiều thí nghiệm của ông trở nên dễ dàng mặc dù chúng vẫn là mới lạ đối với ông. Ông rất có khiếu đối với công việc đòi hỏi việc sử dụng sức mạnh theo một cách nào đó - để đấu tranh, để chữa bệnh hoặc phòng thủ. Ông có nhiều kế hoạch lớn cho tương lai và vẫn ôm bầu nhiệt huyết như thuở nào về Hội mà ông yêu thích.

Sự chú ý của ông đã bị lôi cuốn bởi suy nghĩ mạnh mẽ của tôi về ông khi bài này được viết ra; ông hiện đang đứng bên cạnh tôi và khẳng khẳng bảo rằng tôi phải chuyển đến các hội viên lời khuyên chân thành nhất của ông, đó là hãy hết lòng trung thành và ủng hộ người kế nhiệm cao quý của Hội. Hãy gạt bỏ lập tức và vĩnh viễn mọi tranh chấp đáng tiếc về tư cách, mọi tranh cãi vô ích về những vấn đề vốn không phải là chuyện của họ và dĩ nhiên sẽ được dự liệu là khó hiểu đối với họ, và nên hướng sự chú ý của họ đến một vấn đề quan trọng duy nhất - đó là *công việc* mà Hội phải thực hiện

trên thế giới này. Thông điệp của ông cho họ là: “Hãy quên đi chính mình, những giới hạn và thành kiến của bạn, và hãy truyền bá chân lý của Thông Thiên Học.”

Chúng tôi chỉ có thể nói rất ít về tương lai của ông. Đến khi các dòng chữ này xuất hiện trước mặt độc giả, rất có thể ông đã đầu thai rồi. Ông tha thiết mong muốn điều này để có thể làm việc cùng Bà Blavatsky trong kiếp hiện tại của Bà. Tôi không thể nói được liệu ước mơ này của ông có thể được cho phép thực hiện đến đâu. Chắc chắn ông sẽ được tuyển dụng ở bất cứ nơi nào mà các vị Chân Sư nghĩ rằng ông sẽ là hữu dụng nhất. Ông có tài tổ chức rất giỏi và chúng ta đã thấy ông thực hiện nó trong Bái Hỏa giáo, trong công cuộc truyền giáo vĩ đại của Phật giáo, và trong công việc thành lập Hội Thông Thiên Học. Chắc chắn ông có thể được chỉ định làm một công việc tương tự liên quan đến một tôn giáo lớn tiếp theo, và một lần nữa, đến việc thành lập Giống Dân Chính Thứ Sáu. Dù thế nào đi nữa, con người vĩ đại mà chúng ta đã biết đến trong kiếp sống cuối cùng của ông là Henry Steele Olcott sẽ sẵn sàng nhận lãnh vai trò của mình trong mọi hoạt động tương tự như vậy để lãnh đạo chúng ta như ông đã từng dẫn dắt chúng ta như trước đây, tận tụy phục vụ Chân Sư của ông hơn bao giờ hết, trung thành như mọi khi trong lúc sống cũng như chết.

KHÓA HỌC THÔNG THIÊN HỌC

Những ai muốn nghiên cứu Thông Thiên Học một cách tường tận tốt nhất nên làm quen từ từ với toàn bộ văn chương của nó. Đây không phải là một chuyện dễ làm, và thứ tự mà các tác phẩm nên được đọc là quan trọng cho những ai muốn rút tía được những điều hay nhất có thể từ chúng. Tuy nhiên, đồng thời chúng ta phải nhớ rằng không có một quy định về thứ tự nào có thể phù hợp cho mọi người; có những người chỉ có thể tiếp thu kiến thức theo đường lối sùng tín, trong khi những người khác phải có một sự trình bày về chân lý một cách khoa học, vắng mặt các cảm xúc. Vì vậy, điều tốt nhất tôi có thể làm là vạch ra một kế hoạch đọc sách mà tôi thấy là có hiệu quả nhất nói chung, tuy vẫn chừa chỗ cho những thay đổi đáng kể hầu thích nghi với từng phong cách riêng của mỗi người.

Đối với tôi, dường như một điều vô cùng quan trọng là phải có một sơ lược rõ ràng về toàn bộ giáo lý trong tâm trí trước khi cố gắng điền vào các phần chi tiết. Không ai có thể biết được phần nào của giáo lý Thông Thiên Học có đủ sức thuyết phục người khác cho đến khi y hiểu được toàn bộ giáo lý đó và thấy làm thế nào mỗi phần riêng biệt được

chứng minh và hỗ trợ bởi phần còn lại, và phần đó quả là một phần thiết yếu của giáo lý nói chung. Vì vậy, lời khuyên của tôi là người mới bắt đầu tìm hiểu nên đọc các tài liệu cơ bản trước tiên, đừng quá bận tâm về chi tiết, mà thay vào đó nên tìm cách tiếp thu và đồng hóa các ý tưởng đại cương chứa đựng trong đó để hiểu được ngụ ý của chúng và nhận thức được rằng chúng là các sự thật trong thiên nhiên, do đó đặt mình vào một cái có thể được gọi là thái độ của nhà Thông Thiên Học và học cách nhìn mọi thứ từ quan điểm của Thông Thiên Học.

Để đạt được mục đích này, người học trò có thể đọc *Đại Cương Thông Thiên Học (An Outline of Theosophy)*, *Điều Bí Ẩn của Đời Sống (The Riddle of Life)*, *Gợi Ý cho các Học Sinh Trẻ về Huyền Bí Học (Hints to Young Students of Occultism)*, và các bài giảng khác nhau của Bà Besant và tôi đã được phát hành dưới dạng các cuốn sách mỏng để truyền bá. Khi y cảm thấy mình đã nắm khá vững các cuốn sách này, tôi xin giới thiệu tiếp theo *Những Bài Giảng Thông Thiên Học Phổ Biến (Popular Lectures on Theosophy)* của Bà Besant và sau đó là cuốn sách *Minh Triết Cổ Truyền (Ancient Wisdom)*, trong đó sẽ cho y một ý tưởng rõ ràng về toàn bộ giáo lý Thông Thiên Học. Một cuốn sách khác có thể rất hữu ích cho y ở giai đoạn này là *Vài Cái Nhìn Thoáng Qua về Huyền Bí Học (Some Glimpses of Occultism)*. Sau đó, y có thể tiếp tục tìm hiểu

thêm chi tiết về bất cứ hướng nào hấp dẫn nhất đối với y.

Nếu y chủ yếu quan tâm về mặt đạo đức, những cuốn sách hay nhất là: *Dưới Chân Thầy (At the Feet of the Master)*, *Ánh Sáng trên Đường Đạo (Light on the Path)*, *Tiếng Nói Vô Thình (The Voice of Silence)*, *Con Đường của Người Đệ Tử (The Path of Discipleship)*, *Trước Đền Thánh Điện (In the Outer Court)*, *Các Quy Luật của Đời Sống Cao Thượng (The Laws of the Higher Life)*, *Tam Đạo và Pháp (The Three Paths and Dharma)*, và *Chí Tôn Ca (Bhagavad-Gita)*.

Ai muốn nghiên cứu về đời sống sau khi chết sẽ tìm thấy những gì y muốn trong: *Bên Kia Cửa Tử (The Other Side of Death)*, *Cõi Trung Giới (The Astral Plane)*, *Cái Chết và Sau Đó (Death and After)*, *Cõi Trời Chân Phúc (The Devachanic Plane)*.

Nếu y muốn tiến đến từ mặt khoa học, các cuốn sách sau đây sẽ thích hợp với y: *Phật Giáo Bí Truyền (Esoteric Buddhism)*, *Những Bí Ẩn của Thiên Nhiên (Nature's Mysteries)*, *Những Chứng Thực Khoa Học về Thông Thiên Học (Scientific Corroborations of Theosophy)*, *Hóa Học Bí Truyền (Occult Chemistry)*, và *Vật Lý Học của Giáo Lý Bí Truyền (The Physics of the Secret Doctrine)*.

Nếu y thích học so sánh giữa các tôn giáo, y nên đọc: *Sách Học Phổ Quát về Tôn Giáo và Đạo*

Đức (Universal Textbook of Religion and Morals), Bốn Tôn Giáo Lớn (Four Great Religions), Các Định Luật Vĩ Đại (The Great Laws), Chí Tôn Ca, Gợi Ý về cách Nghiên Cứu Chí Tôn Ca (Hints on the Study of the Bhagavad-Gita), Áo Nghĩa Thư (The Upanishads), Trí Tuệ của Áo Nghĩa Thư (Wisdom of Upanishads), Sách Học Cao Đẳng về Ấn độ giáo và Đạo Đức (An Advanced Textbook of Hindu Religion and Ethics), Ánh Sáng Phương Đông (The Light of Asia), Phật Giáo Vấn Đáp (A Buddhist Catechism), Các Bài Giảng Phật Pháp Phổ Biến (Buddhist Popular Lectures), và Các Vấn Đề Tôn Giáo ở Ấn Độ (The Religious Problems in India).

Nếu y chủ yếu thích suy nghĩ về cách Cơ Đốc Giáo trình bày các chân lý này, những cuốn sách hay nhất là: *Cơ Đốc Giáo Bí Truyền (Esoteric Christianity), Tín Điều Cơ Đốc Giáo (The Christian Creed), Các Mảnh Vụn của một Đức Tin Bị Bỏ Quên (Fragments of a Faith Forgotten), Con Đường Thiện Mỹ (The Perfect Way).*

Nếu ai muốn điều tra nguồn gốc và lịch sử ban đầu của Cơ Đốc Giáo, ngoài các cuốn sách về chủ đề này đã được đề cập ở trên, các tác phẩm của Ông Mead sẽ đặc biệt hấp dẫn y: *Chúa Jesus đã sống 100 năm trước Công Nguyên? Kinh Phúc Âm và kinh Phúc Âm và kinh Phúc Âm, Orpheus và*

Plotinus (Did Jesus Live B.C. 100? The Gospel and the Gospel and the Gospel, Orpheus and Plotinus).

Học sinh nào muốn áp dụng giáo lý Thông Thiên Học vào tư tưởng thế giới hiện đại và những vấn đề chính trị và xã hội có thể tham khảo một cách hữu ích: *Một Thế Giới Đổi Thay (The Changing World)*, *Vài Vấn Đề trong Đời Sống (Some Problems of Life)*, *Thông Thiên Học và Đời Sống Thế Nhân (Theosophy and Human Life)*, *Các Bài Luận về Huyền Môn Học (Occult Essays)* và *Thông Thiên Học và một Môn Tâm Lý Học Mới (Theosophy and the New Psychology)*.

Trong trường hợp của hầu hết học giả, nếu mỗi quan tâm chính của y là để có được một kiến thức rộng rãi và một sự hiểu biết sâu sắc hơn về đời sống từ sự nghiên cứu về huyền bí học, ngoài nhiều cuốn sách đã được đề cập ở trên, y nên đọc: *Khảo Cứu về Tâm Thức (A Study in Consciousness)*, *Giới Thiệu về Thiền (An Introduction to Yoga)*, *Thông Nhãn (Clairvoyance)*, *Giấc Mơ (Dreams)*, *Những Người Cứu Trợ Vô Hình (The Invisible Helpers)*, *Con Người Hữu Hình và Vô Hình (Man Visible and Invisible)*, *Hình Tư Tưởng (Thought-Forms)*, *Quá Trình Tiến Hoá của Sự Sống và Hình Thể (The Evolution of Life and Form)*, *Quyền Năng Tư Tưởng - Sự Kiểm Soát và Trau Dồi (Thought-Power: Its Control and Culture)*, *Bên Kia Cửa Tử (The Other*

Side of Death) và hai tập *Đời Sống Nội Tâm* (*The Inner Life*).

Y nên nắm được các chủ đề được đề cập trong các cuốn cẩm nang về *Luân Hồi* (*Reincarnation*), *Nhân Quả* (*Karma*), và *Con Người và Các Dẫn Thể* (*Man and his Bodies*). Quả thật, các chủ đề này nên được đọc ở giai đoạn đầu của quá trình đọc sách của y.

Một người học sinh thành khẩn có ý định sống theo giáo lý Thông Thiên Học, cũng như chỉ nghiên cứu nó về mặt trí tuệ, cũng nên có một kiến thức về mục đích bên trong của Hội Thông Thiên Học. Y sẽ đạt được điều này từ *Những Bài Giảng tại Luân Đôn năm 1907* (*London Lectures of 1907*) và *Một Thế Giới Đổi Thay* của Bà Besant, *Đời Sống Nội Tâm* (2 tập), cũng như từ nghiên cứu *Những Trang Nhật Ký Cũ* (*Old Diary Leaves*) của Đại Tá Olcott, và *Thế Giới Huyền Bí* (*Occult World*) của Ông Sinnett và *Những Sự Cố trong Đời Sống của Bà Blavatsky* (*Incidents in the Life of Madame Blavatsky*).

Bốn cuốn sách hiện đang được chuẩn bị nên được bổ sung vào trong danh sách trên ngay sau khi chúng xuất hiện: *Sách Giáo Khoa Thông Thiên Học* (*A Textbook of Theosophy*), cố gắng trình bày các giáo lý Thông Thiên Học dưới hình thức đơn giản nhất có thể và không dùng các từ chuyên môn; *Khía Cạnh Ẩn Khuất của Mọi Vật* (*The Hidden Side of*

Things), cho thấy làm thế nào kiến thức về huyền môn học thay đổi quan niệm của chúng ta về mọi vấn đề thực tế nhỏ nhất trong đời sống hàng ngày; *Con Người: Từ Đâu Đến, Như Thế Nào và Đi về đâu?* (*Man: Whence, How, and Whither?*) tường trình rất chi tiết về quá trình tiến hoá của con người trong quá khứ và tiết lộ một điều gì đó về tương lai đứng trước mặt của y; *Các Nguyên Tắc Đầu Tiên của Thông Thiên Học* (*First Principles of Theosophy*), giải thích toàn bộ chủ đề từ quan điểm khoa học và trình bày nó từ một cái nhìn hoàn toàn mới lạ.

Khoá học mà tôi đã chỉ ra ở trên có nghĩa là một người bình thường phải mất một vài năm đọc sách chăm chỉ, nhưng một người đã đạt được nó và cố gắng áp dụng những gì họ đã học vào thực tế chắc chắn sẽ có khả năng giúp đỡ rất nhiều cho đồng loại của mình.